

QUYÊN “BA”
(Tika-Nipāta)

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
[Năm Mươi Kinh Đầu].....	1
NHÓM 1. NGƯỜI NGU	1
1 (1) Hiểm Họa.....	1
2 (2) Những Đặc Điểm.....	2
3 (3) Sự Suy Nghĩ.....	2
4 (4) Tội	3
5 (5) Một Cách Không Kỹ Càng.....	3
6 (6) Bất Thiện	4
7 (7) Tội Lỗi.....	4
8 (8) Gây Khổ Sở.....	5
9 (9) Bị Tổn Hại	5
10 (10) Những Vết Nhơ	6
NHÓM 2. NGƯỜI ĐÓNG XE.....	7
11 (1) Nổi Tiếng	7
12 (2) Được Ghi Nhớ	7
13 (3) Một Tỳ Kheo	8
14 (4) Sự Quay Chuyển Bánh Xe.....	10
15 (5) Vua Pacetana.....	12
16 (6) Không Thể Lầm Lỗi.....	14
17 (7) Làm Khổ Mình	16
18 (8) Thiên Thần	16

19 (9) <i>Chủ Tiệm (1)</i>	17
20 (10) <i>Chủ Tiệm (2)</i>	17
NHÓM 3. NGƯỜI	20
21 (1) <i>Saviṭṭha</i>	20
22 (2) <i>Những Loại Người Bệnh</i>	21
23 (3) <i>Những Sự Tạo Tác</i>	23
24 (4) <i>Hữu Ích</i>	24
25 (5) <i>Như Kim Cương</i>	25
26 (6) <i>Giao Lưu</i>	26
27 (7) <i>Với Sự Ghê Tởm</i>	27
28 (8) <i>Lời Nói Như Phân</i>	29
29 (9) <i>Đui Mù</i>	30
30 (10) <i>Bị Lộn Đầu</i>	31
NHÓM 4. THIÊN SỨ	35
31 (1) <i>Vị Trời</i>	35
32 (2) <i>Với Ānanda</i>	35
33 (3) <i>Với Xá-Lợi-Phất</i>	37
34 (4) <i>Những Nguyên Nhân</i>	38
35 (5) <i>Với Hattaka</i>	41
36 (6) <i>Ba Thiên Sứ</i>	43
37 (7) <i>Tứ Đại Thiên Vương (1)</i>	47
38 (8) <i>Tứ Đại Thiên Vương (2)</i>	49
39 (9) <i>Được Nuôi Dưỡng Tinh Tế</i>	50
40 (10) <i>Những Thảm Quyền</i>	53

NHÓM 5. NHÓM NHỎ	56
41 (1) <i>Có Mặt</i>	56
42 (2) <i>Ba Trường Hợp</i>	56
43 (3) <i>Ba Lợi Thế</i>	56
44 (4) <i>Sự Trôi Chảy</i>	57
45 (5) <i>Người Có Trí</i>	57
46 (6) <i>Đức Hạnh</i>	58
47 (7) <i>Có Điều Kiện</i>	58
48 (8) <i>Núi Non</i>	58
49 (9) <i>Sự Nhiệt Thành</i>	59
50 (10) <i>Siêu Trộm</i>	60
[Năm Mươi Kinh Thứ Hai]	63
NHÓM 1. NHỮNG BÀ-LA-MÔN	63
51 (1) <i>Hai Bà-La-Môn (1)</i>	63
52 (2) <i>Hai Bà-la-môn (2)</i>	64
53 (3) <i>Một Bà-La-Môn Nọ</i>	65
54 (4) <i>Một Du Sĩ</i>	66
55 (5) <i>Niết-Bàn</i>	67
56 (6) <i>Dân Số Giảm</i>	68
57 (7) <i>Du Sĩ Vaccha</i>	70
58 (8) <i>Bà-La-Môn Tikaṇṇa</i>	72
59 (9) <i>Bà-La-Môn Jāṇussoṇī</i>	77
60 (10) <i>Bà-La-Môn Saṅgāra</i>	79
NHÓM 2. NHÓM LỚN	85

61 (1) <i>Chủ Thuyết Của Các Giáo Phái</i>	85
62 (2) <i>Những Hiểm Họa</i>	90
63 (3) <i>Làng Venāgapura</i>	92
64 (4) <i>Du Sĩ Sarabha</i>	97
65 (5) <i>Kesaputtiya [Những Người Ở Kesaputta]</i>	101
66 (6) <i>Sāḷha</i>	107
67 (7) <i>Những Cơ Sở Để Nói Chuyện</i>	112
68 (8) <i>Những Giáo Phái Khác</i>	115
69 (9) <i>Những Góc Rẽ</i>	117
70 (10) <i>Bồ-Tát</i>	121
NHÓM 3. ĀNANDA	133
71 (1) <i>Channa</i>	133
72 (2) <i>Ājīvaka</i>	135
73 (3) <i>Người Họ Thích-Ca</i>	137
74 (4) <i>Ni-Kiền-Tử</i>	138
75 (5) <i>Nên Được Khuyến Khích</i>	140
76 (6) <i>Sự Hiện Hữu</i>	142
77 (7) <i>Ý Chí và Nguyên Vọng</i>	143
78 (8) <i>Sự Thiết Lập</i>	144
79 (9) <i>Những Mùi Hương</i>	145
80 (10) <i>Đệ Tử Abhibhū</i>	146
NHÓM 4. CÁC TU SĨ (SA-MÔN)	149
81 (1) <i>Những Tu Sĩ</i>	149
82 (2) <i>Con Lừa</i>	149

83 (3) <i>Ruộng Đất</i>	150
84 (4) <i>Người Vajji</i>	150
85 (5) <i>Một Học Nhân</i>	151
86 (6) <i>Tiến Trình Tu Học (1)</i>	152
87 (7) <i>Tiến Trình Tu Học (2)</i>	154
88 (8) <i>Tiến Trình Tu Học (3)</i>	155
89 (9) <i>(Ba) Phần Tu Học (1)</i>	157
90 (10) <i>(Ba) Phần Tu Học (2)</i>	158
91 (11) <i>Ở Paṅkadhā</i>	159
NHÓM 5. HỘT MUỐI	163
92 (1) <i>Cấp Thiết</i>	163
93 (2) <i>Sự Tách Ly</i>	164
94 (3) <i>Mùa Thu</i>	165
95 (4) <i>Hội Chúng</i>	166
96 (5) <i>Thuần Chúng (1)</i>	167
97 (6) <i>Thuần Chúng (2)</i>	168
98 (7) <i>Thuần Chúng (3)</i>	169
99 (8) <i>Vãi Làm Từ Vỏ Cây</i>	169
100 (9) <i>Hột Muối</i>	171
101 (10) <i>Người Đũi Vàng</i>	175
102 (11) <i>Thợ Nấu Vàng</i>	179
[Năm Mươi Kinh Thứ Ba]	183
NHÓM 1. SỰ GIÁC NGỘ	183
103 (1) <i>Trước Khi</i>	183

104 (2) <i>Sự Thỏa Thích (1)</i>	184
105 (3) <i>Sự Thỏa Thích (2)</i>	184
106 (4) <i>Những Tu Sĩ</i>	185
107 (5) <i>La Khóc</i>	186
108 (6) <i>Không Thỏa Mãn Hết</i>	186
109 (7) <i>Mái Nhà Nóc Nhọn (1)</i>	186
110 (8) <i>Mái Nhà Nóc Nhọn (2)</i>	187
111 (9) <i>Những Nguyên Nhân (1)</i>	188
112 (10) <i>Những Nguyên Nhân (2)</i>	189
NHÓM 2. RÓT VÀO CẢNH GIỚI ĐÀY ĐỌA	192
113 (1) <i>Rót Vào Cảnh Giới Thống Khổ</i>	192
114 (2) <i>Hiếm Thay</i>	192
115 (3) <i>Không Thể Đo Lường</i>	192
116 (4) <i>Bất Thoái Chuyển</i>	193
117 (5) <i>Thất Bại và Thành Tựu</i>	195
118 (6) <i>Súc Sắc</i>	197
119 (7) <i>Hành Động ...</i>	198
120 (8) <i>Sự Trong Sạch (1)</i>	199
121 (9) <i>Sự Trong Sạch (2)</i>	200
122 (10) <i>Sự Hiện Trí</i>	200
NHÓM 3. BHARAṆḌU	202
123 (1) <i>Kusinārā</i>	202
124 (2) <i>Tranh Cãi</i>	203
125 (3) <i>Đền Gotamaka</i>	204

126 (4) <i>Bharaṇḍu</i>	205
127 (5) <i>Hatthaka</i>	206
128 (6) <i>Sự Làm Ô Nhiễm</i>	208
129 (7) <i>A-Nậu-Lâu-Đà (1)</i>	209
130 (8) <i>A-Nậu-Lâu-Đà (2)</i>	210
131 (9) <i>Bị Che Đậy</i>	211
132 (10) <i>Đường Kẽ Khắc Lên Đá</i>	212
NHÓM 4. MỘT CHIẾN BINH	214
133 (1) <i>Một Chiến Binh</i>	214
134 (2) <i>Hội Chúng</i>	215
135 (3) <i>Bạn</i>	215
136 (4) <i>Khởi Sinh</i>	215
137 (5) <i>Mền Làm Bằng Tóc</i>	216
138 (6) <i>Sự Thành Tựu</i>	217
139 (7) <i>Sự Tăng Trưởng</i>	217
140 (8) <i>Những Con Ngựa (1)</i>	217
141 (9) <i>Những Con Ngựa (2)</i>	219
142 (10) <i>Những Con Ngựa (3)</i>	221
143 (11) <i>Chỗ Kiếm Ăn Của Chim Công (1)</i>	221
144 (12) <i>Chỗ Kiếm Ăn Của Chim Công (2)</i>	222
145 (13) <i>Chỗ Kiếm Ăn Của Chim Công (3)</i>	222
NHÓM 5. PHÚC LÀNH	223
146 (1) <i>Bất Thiện</i>	223
147 (2) <i>Đáng Chê Trách</i>	223

148 (3) <i>Bất Chánh</i>	223
149 (4) <i>Không Trong Sạch</i>	223
150 (5) <i>Bị Tôn Hại (1)</i>	223
151 (6) <i>Bị Hư Tôn (2)</i>	224
152 (7) <i>Bị Hư Tôn (3)</i>	224
153 (8) <i>Bị Hư Tôn (4)</i>	224
154 (9) <i>Kính Lễ</i>	224
155 (10) <i>Buổi Sáng Tốt Lành</i>	225
NHÓM 6. NHỮNG CÁCH THỨC TU TẬP	226
156 (1) [<i>Sự Thiết Lập Chánh Niệm</i>]	226
157 (2) – 162 (7) [<i>Bốn Chuyên-Cần Tu Đúng Dẫn ...</i>].....	227
NHÓM 7. NHÓM “NHỮNG ĐƯỜNG NGHIỆP” LẬP LẠI & TÓM LƯỢC	230
163 (1) – 182 (20)	230
NHÓM 8. NHÓM “THAM” LẬP LẠI & TÓM LƯỢC	233
183 (1)	233
184 (2) – 352 (170)	233
BẢNG VIẾT TẮT	235
CHÚ THÍCH	239

Kính Lễ Đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!

[Năm Mười Kinh Đầu]

NHÓM 1

NGƯỜI NGU

1 (1) Hiểm Họa

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, mọi hiểm-họa phát sinh, tất cả đều phát sinh do người ngu, không do người trí. Mọi tai-họa phát sinh, tất cả đều phát sinh do người ngu, không do người trí. Mọi vận-rủi (bất hạnh, nạn) phát sinh, tất cả đều phát sinh do người ngu, không do người trí. Giống như một ngọn lửa phát cháy trong một cái nhà làm bằng lau sậy và cỏ khô nó sẽ đốt rụi nhà, cho dù nhà đó có mái cao, có được trát vữa bên trong và bên ngoài. Cũng giống như vậy, mọi hiểm-họa phát sinh ... tất cả đều phát sinh do người ngu, không do người trí. Như vậy, (1) người ngu đưa đến hiểm-họa, người trí không đưa đến hiểm-nguy; (2) người ngu đưa đến tai-họa, người trí không đưa đến tai-họa; (3) người ngu đưa đến vận-rủi, người trí không đưa đến vận-rủi. Không có hiểm-họa từ người trí; không có tai-họa từ người trí; không có vận-rủi từ người trí.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ tránh có ba phẩm chất mà nếu có chúng một người được biết là người ngu, và chúng ta đảm nhận và tu tập ba phẩm chất mà nếu có

chúng một người được biết là người trí.’ Chính theo cách này các thầy nên tu tập bản thân.”

2 (2) Những Đặc Điểm

“Này các Tỳ kheo, người ngu được đặc trưng (có đặc tính) bởi những nghiệp của mình; người trí được đặc trưng bởi những nghiệp của mình. Trí-tuệ chiếu sáng trong sự thể hiện của điều đó.³³⁹

“Này các Tỳ kheo, người có ba phẩm chất nên được coi là người ngu. Ba đó là gì? Hành-động [hành vi thân] sai trái, lời-nói [hành vi miệng] sai trái, và tâm-ý [hành vi tâm] sai trái. Người có ba phẩm chất này nên được gọi là người ngu. Người có ba phẩm chất nên được coi là người trí. Ba đó là gì? Hành-động tốt thiện, lời-nói tốt thiện, và tâm-ý tốt thiện. Người có ba phẩm chất này nên được coi là người trí.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ tránh có ba phẩm chất mà nếu có chúng một người được coi là người ngu, và đảm nhận và kiên giữ ba phẩm chất mà nếu có chúng một người được coi là người trí. Chính theo cách này các thầy nên tu tập bản thân.’”

3 (3) Sự Suy Nghĩ

“Này các Tỳ kheo, người ngu có ba đặc tính này của người ngu, ba dấu hiệu của người ngu, ba sự thể hiện của người ngu.³⁴⁰ Ba đó là gì? Ở đây, người ngu nghĩ (một cách) xấu ác, nói xấu ác, và làm xấu ác. Nếu người ngu không nghĩ xấu ác, nói xấu ác, và làm xấu ác, thì làm sao bậc trí hiển biết về anh ta như: ‘Người này là người ngu, là người xấu’? Nhưng do người ngu nghĩ xấu ác, nói xấu ác, và làm xấu ác, nên bậc trí hiển mới biết về anh ta như: ‘Người này là người ngu, là người xấu’. Đây là ba đặc tính của người ngu, ba dấu hiệu của người ngu, ba sự thể hiện của người ngu.

“Này các Tỳ kheo, người trí có ba đặc tính này của người trí, ba dấu hiệu của người trí, ba sự thể hiện của người trí. Ba đó là gì? Ở đây, người trí nghĩ (một cách) tốt thiện, nói tốt thiện, và làm tốt thiện. Nếu người trí không nghĩ tốt thiện, nói tốt thiện, và làm tốt thiện, thì làm sao bậc trí hiền biết về anh ta như: “Người này là người trí, là người thiện”? Nhưng do người trí nghĩ tốt thiện, nói tốt thiện, và làm tốt thiện, nên bậc trí hiền mới biết về anh ta như: “Người này là người trí, là người thiện như vậy. Đây là ba đặc tính của người trí, ba dấu hiệu của người trí, những sự thể hiện của người trí.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân ... *[như đoạn cuối kinh 3:02 kể trên]* ...”³⁴¹

4 (4) Tội

“Này các Tỳ kheo, người có ba phẩm chất nên được coi là người ngu. Ba đó là gì? (1) Người đó không nhìn thấy sự phạm tội của mình là một tội. (2) Khi nhìn thấy sự phạm tội của mình là một tội, người đó không tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp. (3) Khi người khác thú tội với người đó, người đó không chấp nhận đúng theo Giáo Pháp. Người có phẩm chất này nên được coi là người ngu.

“Người có ba phẩm chất nên được coi là người trí. Ba đó là gì? (1) Người đó nhìn thấy sự phạm tội của mình là một tội. (2) Khi nhìn thấy sự phạm tội của mình là một tội, người đó tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp. (3) Khi người khác thú tội với người đó, người đó chấp nhận đúng theo Giáo Pháp. Người có ba phẩm chất này nên được coi là người trí.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân ...”

5 (5) Một Cách Không Kỹ Càng

“Này các Tỳ kheo, người có ba phẩm chất nên được coi là người ngu. Ba đó là gì? (1) Người đặt câu hỏi một cách không kỹ càng (không hợp lý,

phi như lý). (2) Người đó trả lời câu hỏi một cách không kỹ càng. (3) Khi người khác trả lời câu hỏi một cách kỹ càng (hợp lý, như lý), người đó lại dùng những câu chữ đầy đủ và lý sự mạch lạc để phản bác với điều đó. Người có ba phẩm chất này nên được coi là người ngu.

“Người có ba phẩm chất nên được coi là người trí. Ba đó là gì? (1) Người đặt câu hỏi một cách kỹ càng (hợp lý, như lý). (2) Người đó trả lời câu hỏi một cách kỹ càng. (3) Khi người khác trả lời câu hỏi một cách kỹ càng (hợp lý, như lý), người đó đồng tình chứ không dùng những câu chữ đầy đủ và lý sự mạch lạc để phản bác. Người có ba phẩm chất này nên được coi là người trí.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân ...”

6 (6) Bất Thiện

“Này các Tỳ kheo, người có ba phẩm chất nên được coi là người ngu. Ba đó là gì? Hành-động [hành vi thân] bất thiện, lời-nói [hành vi miệng] bất thiện, và tâm-ý [hành vi tâm] bất thiện. Người có ba phẩm chất này nên được coi là người ngu.

“Người có ba phẩm chất nên được coi là người trí. Ba đó là gì? Hành-động thiện lành, lời-nói thiện lành, và tâm-ý thiện lành. Người có ba phẩm chất này nên được coi là người trí.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân ...”

7 (7) Tội Lỗi

“Này các Tỳ kheo, người có ba phẩm chất nên được coi là người ngu. Ba đó là gì? Hành-động tội lỗi [đáng chê trách], lời-nói tội lỗi, tâm-ý tội lỗi. Người có ba phẩm chất này nên được coi là người ngu.

“Người có ba phẩm chất nên được coi là người trí. Ba đó là gì? Hành-động không tội lỗi [không bị chê trách], lời-nói không tội lỗi, và tâm-ý

không tội lỗi. Người có ba phẩm chất này nên được coi là người trí.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân ...”

8 (8) Gây Khổ Sở

“Này các Tỳ kheo, người có ba phẩm chất nên được coi là người ngu. Ba đó là gì? Hành-động gây khổ sở, lời-nói gây khổ sở, tâm-ý gây khổ sở. Người có ba phẩm chất này nên được coi là người ngu.

“Người có ba phẩm chất nên được coi là người trí. Ba đó là gì? Hành-động không làm khổ sở, lời-nói không làm khổ sở, và tâm-ý không làm khổ sở. Người có ba phẩm chất này nên được coi là người trí.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân ...”

9 (9) Bị Tổn Hại

“Này các Tỳ kheo, người ngu, dở, xấu có ba phẩm chất duy trì bản thân mình trong tình trạng bị tổn hại và tổn thương; người đó là đáng chê và đáng trách bởi những bậc trí hiền; và người đó tạo nhiều tổn-phước. Ba đó là gì? Hành-động sai trái, lời-nói sai trái, và tâm-ý sai trái. Có ba phẩm chất này, người ngu, dở, xấu duy trì bản thân mình trong tình trạng bị tổn hại và tổn thương; người đó là người đáng chê và đáng trách bởi những bậc trí hiền; và người đó tạo nhiều tổn-phước.

“Này các Tỳ kheo, người trí, giỏi, tốt có ba phẩm chất duy trì bản thân mình trong tình trạng không bị tổn hại và tổn thương; người đó là đáng khen và không bị chê trách bởi những bậc trí hiền; và người đó tạo nhiều phước-đức. Ba đó là gì? Hành-động thiện lành, lời-nói thiện lành, và tâm-ý thiện hành. Có được ba phẩm chất này, người trí, giỏi, tốt duy trì bản thân mình trong tình trạng không bị tổn hại và tổn thương; người đó là đáng khen và không bị chê trách bởi những bậc trí hiền; và người đó tạo nhiều phước-đức.”

10 (10) Những Vết Nhơ

“Này các Tỳ kheo, có ba phẩm chất và chưa loại bỏ ba vết nhơ, một người bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Ba đó là gì? (1) Người bất-lương (vô lương tâm) và chưa loại bỏ vết nhơ bất-lương. (2) Người ghen-ty và chưa dẹp bỏ vết nhơ ghen-ty đó. (3) Người ti-tiện và chưa loại bỏ vết nhơ ti-tiện đó. Có ba phẩm chất này và chưa loại bỏ ba vết nhơ này, một người bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có ba phẩm chất và đã loại bỏ ba vết nhơ, một người được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó. Ba đó là gì? (1) Người có giới-hạnh và đã loại bỏ ba vết nhơ bất-lương. (2) Người không ghen-ty và đã loại bỏ vết nhơ ghen-ty. (3) Người không ti-tiện và đã loại bỏ vết nhơ ti-tiện. Có ba phẩm chất này và đã loại bỏ ba vết nhơ này, một người được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó.”

NHÓM 2

NGƯỜI ĐÓNG XE

11 (1) *Nổi Tiếng*

“Này các Tỳ kheo, có ba phẩm chất, thì một Tỳ kheo nổi tiếng đang làm cho sự nguy hại của nhiều người, sự bất hạnh của nhiều người, vì sự lụn bại, sự nguy hại và sự khổ đau của nhiều người, của những thiên thần và loài người. Ba đó là gì? Người đó xúi giục họ làm những hành-động [hành vi thân] bất thuận, lời-nói [hành vi miệng] bất thuận, và tâm-ý [hành vi tâm] bất thuận.³⁴² Có ba phẩm chất này, thì một Tỳ kheo nổi tiếng đang làm cho sự nguy hại của nhiều người, sự bất hạnh của nhiều người, vì sự lụn bại, sự nguy hại và sự khổ đau của nhiều người, của những thiên thần và loài người.

“Này các Tỳ kheo, có ba phẩm chất thì một Tỳ kheo nổi tiếng đang làm vì phúc lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì sự tốt lành, phúc lợi và hạnh phúc của nhiều người, của những thiên thần và loài người. Ba đó là gì? Người đó khuyến khích họ làm những hành-động thuận hòa, lời-nói thuận hòa, và tâm ý thuận hòa. Có ba phẩm chất này, thì một Tỳ kheo nổi tiếng đang làm vì phúc lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì sự tốt lành, phúc lợi và hạnh phúc của nhiều người, của những thiên thần và loài người.”

12 (2) *Được Ghi Nhớ*

“Này các Tỳ kheo, có ba [nơi] mà một vị vua giai cấp chiến-sĩ (khattiya) được phong vương ghi nhớ suốt đời. Ba đó là gì? (1) Thứ nhất là nơi sinh của ông. (2) Thứ hai là nơi ông được phong vương là một vị vua giai cấp chiến-sĩ. (3) Và thứ ba là nơi, sau khi thắng trận, ông làm lễ ăn mừng ngay trên chiến trận và xác lập mình là vị vua chiến thắng. Đây là ba [nơi] mà một vị vua giai cấp chiến-sĩ được phong vương thường ghi nhớ suốt đời.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo có ba [nơi] một Tỳ kheo ghi nhớ suốt đời. Ba đó là gì? (1) Thứ nhất là nơi người đó cạo râu tóc, khoát y cà sa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. (2) Thứ hai là nơi người đó đã hiểu được [ngộ] (bốn diệu đế) đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’, và ‘Đây là nguồn-gốc khổ’, và ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’, và ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. (3) Và thứ ba là nơi, với sự đã tiêu diệt ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong nó, người đó đã an trú trong đó.³⁴³ Đây là ba [nơi] một Tỳ kheo ghi nhớ suốt đời.”

13 (3) Một Tỳ Kheo

(I) “Này các Tỳ kheo, ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? Người không có hy vọng, người đầy hy vọng, và người đã vượt qua hy vọng.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người không có hy vọng? Ở đây, có người được tái sinh trong một gia đình thấp tẻ—là một gia đình giai cấp hạ-tiện (caṇḍāla, chiên-đà-la, nô lệ), hoặc gia đình làm nghề tre nứa, hay nghề săn bắn, hay nghề đóng xe bò, hay nghề lượm rác—một gia đình nghèo đói thiếu ăn thiếu uống, sống sót khó khăn, ở đó hiếm hoi kiếm được thức ăn và quần áo; và người đó là xấu xí, khó nhìn, và dị tướng, bệnh tật như đui mù, cùi tay, què quặt, hay bại liệt; người đó không kiếm được thức ăn, thức uống, quần áo, xe cộ, vòng hoa, nước hoa và phấn sáp, giường chiếu, chỗ ở, đèn đóm.³⁴⁴ Người đó nghe nói: ‘Những người giai cấp chiến-sĩ (khattiya) đã phong vương cho một người giai cấp chiến-sĩ.’ Người đó chẳng thể nào nghĩ tới chuyện: ‘Rồi có ngày những người giai cấp chiến-sĩ cũng phong vương cho ta.’ Đây được gọi là người không có hy vọng.

(2) “Và cái gì là người đầy hy vọng? Ở đây, người thái tử [con cả] của một vị vua gia cấp chiến-sĩ đã được phong vương, là người sẽ đến lúc

được phong vương nhưng chưa được phong vương cho đến khi đã đạt tới sự vững chãi.³⁴⁵ Người đó nghe nói: ‘Những người giai cấp chiến-sĩ đã phong vương cho một người giai cấp chiến-sĩ.’ Người đó nghĩ rằng: ‘Rồi có ngày những người giai cấp chiến-sĩ cũng phong vương cho ta?’ Đây được gọi là người đầy hy vọng.

(3) “Và cái gì là người đã vượt qua hy vọng? Ở đây, một vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được phong vương nghe nói: ‘Một người giai cấp chiến-sĩ đã được phong vương bởi những người giai cấp chiến-sĩ.’ Ông ta không còn nghĩ: ‘Rồi có ngày những người giai cấp chiến sĩ cũng sẽ phong vương cho ta?’ Vì sao không? Bởi vì cái hy vọng được phong vương trước kia của ông đã biến mất sau khi ông đã được phong vương (đã đang làm vua thì đâu còn kỳ vọng sẽ được phong vua). Đây được gọi là người đã vượt qua hy vọng.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người được thấy có trong thế gian.

(II) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ba loại người này được thấy có trong số những Tỳ kheo. Ba đó là gì? Người không có hy vọng, người có đầy hy vọng, và người đã vượt qua hy vọng.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người không có hy vọng? Ở đây, có người là vô đạo đức, tính nết xấu xa, có hành-vi không trong sạch và đáng ngờ, có hành động lén lút, không phải bậc sa-môn (tu sĩ) mà tự xưng là sa-môn, không sống độc thân mà tự xưng là độc thân, bên trong thói nát, suy đồi, trụy lạc. Người đó nghe nói: ‘Có Tỳ kheo nọ, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập nó, vị ấy an trú trong đó.’ Người đó chẳng thể nào nghĩ tới chuyện: ‘Rồi có ngày ta cũng sẽ như vậy, với sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, ta sẽ chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi ta chứng nhập trong nó, ta sẽ an trú trong đó.’ Đây được gọi là người không có hy vọng. (người tu vô vọng)

(2) “Và cái gì là người đầy hy vọng? Ở đây, một Tỳ kheo là đức hạnh (có giới-hạnh), tinh nết tốt thiện. Người đó nghe nói: ‘Có Tỳ kheo nọ, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong nó, vị ấy an trú trong đó.’ Người đó nghĩ rằng: ‘Rồi có ngày ta cũng sẽ như vậy, với sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, ta sẽ chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi ta chứng nhập trong nó, ta sẽ an trú trong đó.’ Đây được gọi là người đầy hy vọng. (người tu triển vọng)

(3) “Và cái gì là người đã vượt qua hy vọng? Ở đây, một Tỳ kheo là A-la-hán, đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm. Người đó nghe nói: ‘Có Tỳ kheo nọ, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong nó, vị ấy an trú trong đó.’ Người đó không còn nghĩ tới chuyện: ‘Rồi có ngày ta cũng sẽ như vậy, với sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, ta sẽ chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi ta chứng nhập trong nó, ta sẽ an trú trong đó.’ Vì sao không còn? Bởi vì hy vọng trước kia về sự giải-thoát đã biến mất sau khi người đó đã được giải-thoát. Đây được gọi là người đã vượt qua hy vọng. (người đã tu thành)

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người được thấy có trong số những Tỳ kheo.”

14 (4) Sự Quay Chuyển Bánh Xe

(I) “Này các Tỳ kheo, ngay cả một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương), là một vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp, cũng không quay chuyển bánh xe nếu không có vị vua ở trên ông ta.”

Sau khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn:

“Nhưng, thưa Thế Tôn, ai là vị vua ở trên vị vua quay chuyển bánh xe, vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp đó?”

“Đó chính là Giáo Pháp, này Tỳ kheo”, đức Thế Tôn nói.³⁴⁶

“Ồ đây, này Tỳ kheo, một vị vua quay chuyển bánh xe, vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh, tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là chuẩn mực, là ngọn cờ, là thẩm quyền, cung cấp sự bảo-vệ, sự che-chở, sự phòng-hộ chân chánh cho những người trong hoàng cung của ông. Lại nữa, một vị vua quay chuyển bánh xe, vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh, tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là chuẩn mực, là ngọn cờ, là thẩm quyền, cung cấp sự bảo-vệ, sự che-chở, sự phòng-hộ chân chánh cho những chư thần giai cấp chiến-sĩ, quân đội, những bà-la-môn và những gia chủ, những người ở thành thị và thôn quê, những tu sĩ và bà-la-môn, những súc vật và chim muông. Sau khi đã cung cấp sự bảo-vệ, sự che-chở, sự phòng-hộ chân chánh cho tất cả chúng sinh như vậy, vị vua quay chuyển bánh xe đó, vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp, chỉ quay chuyển bánh xe nhờ vào duy nhất Giáo Pháp,³⁴⁷ đó là bánh xe không thể nào bị quay ngược bởi chúng sinh thù nghịch nào trong hình dạng con người.³⁴⁸

(II) (1) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, là vị vua chân chánh của Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh, tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là chuẩn mực, là ngọn cờ, là thẩm quyền, cung cấp sự bảo-vệ, sự che-chở, sự phòng-hộ chân chánh đối với những hành-động [hành vi thân], tuyên thuyết rằng: ‘Hành-động như vậy nên được tu dưỡng; hành-động như kia không nên tu dưỡng.’

(2) “Lại nữa, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, là vị vua chân chánh của Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh, tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là chuẩn mực, là ngọn cờ, là thẩm quyền, cung cấp sự bảo-vệ, sự che-chở, sự phòng-hộ chân chánh đối với những lời-nói [hành vi miệng], tuyên thuyết rằng: ‘Lời-nói như vậy nên tu

dưỡng; lời-nói như kia không nên được tu dưỡng.’

(3) “Lại nữa, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, là vị vua chân chánh của Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh, tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là chuẩn mực, là ngọn cờ, là thẩm quyền, cung cấp sự bảo-vệ, sự che-chỡ, sự phòng-hộ chân chánh đối với những tâm-ý [hành vi tâm], tuyên thuyết rằng: ‘Tâm-ý như vậy nên được tu dưỡng; tâm-ý như kia không nên được tu dưỡng.’

“Sau khi đã cung cấp sự bảo-vệ, sự che-chỡ, sự phòng-hộ chân chánh đối với những hành-động, lời-nói, và tâm-ý như vậy, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác thiết lập sự quay chuyển bánh xe Giáo Pháp nhờ vào duy nhất Giáo Pháp, đó là bánh xe không thể nào có thể bị quay ngược bởi bất kỳ sa-môn, bà-la-môn, thiên thần, Ma Vương, hay Trời Brahmā, hay bất cứ ai trong thế gian.”

15 (5) *Vua Pacetana*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở Isipatana; (Isipatana có nghĩa là nơi những thiên thần hạ thế). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, một kiếp thuở xưa có một vị vua tên là Pacetana.³⁴⁹ Vua Pacetana nói với một người đóng xe ngựa: ‘Này thợ đóng xe ngựa, sáu tháng nữa sẽ có một trận chiến. Chú có thể làm cho ta một cặp bánh xe mới được không?’ — ‘Dạ được, thưa đức vua’, người đóng xe trả lời. Rồi đến khi còn sáu ngày đến hạn sáu tháng, người đóng xe mới làm xong một bánh xe. Vua Pacetana mới hỏi người đóng xe: ‘Còn sáu ngày nữa là tới ngày chiến trận. Chú có thể làm xong hai bánh xe được không?’ Người đóng xe trả lời: ‘Thưa đức vua, trong một thời gian sáu tháng thiếu sáu ngày tiện dân mới làm xong một bánh xe.’ — ‘Nhưng này chú đóng xe, ta đang hỏi vậy trong sáu ngày nữa chú có làm xong được cả hai bánh xe hay không?’ — ‘Dạ tiện dân làm được, thưa đức vua’, người đóng xe

trả lời. Rồi, trong sáu ngày tiếp theo người đóng xe đã làm xong hai bánh xe. Ông ta mang cặp bánh xe mới đến chỗ Vua Pacetana và nói: ‘Thưa đức vua, đây là cặp bánh xe tiện dân mới làm xong cho đức vua.’ — ‘Này thợ đóng xe ngựa, cái gì là sự khác nhau giữa bánh xe làm xong trong sáu tháng thiếu sáu ngày và bánh xe được làm xong trong sáu ngày? Ta nhìn không thấy sự khác nhau nào giữa chúng.’ — ‘Thưa đức vua, có sự khác nhau đó ạ. Xin đức vua hãy nhìn kỹ sự khác nhau đó.’

“Rồi người đóng xe lăn cái bánh xe được làm trong sáu ngày. Nó lăn đến hết động lực (trón, lực đẩy ban đầu) của nó,³⁵⁰ rồi chao đảo (mất thăng bằng) và ngã nằm xuống đất. Nhưng cái bánh xe được làm trong sáu tháng thiếu sáu ngày thì lăn hết động lực của nó rồi đứng yên, cứ như nó đang được gắn chắc vào một trục bánh xe vậy.³⁵¹

“Tại sao vậy, này chú đóng xe, tại sao có sự khác nhau như vậy?”

“Thưa đức vua, cái bánh xe được làm trong sáu ngày có vành bị vẹo, bị tật lỗi, và bị khuyết điểm; các cãm bánh xe bị vẹo, bị tật lỗi, và bị khuyết điểm; đùm bánh xe bị vẹo, bị tật lỗi, và bị khuyết điểm. Vì lý do đó, nó chạy hết động lực là chao đảo và ngã nằm xuống đất. Nhưng cái bánh xe được làm trong sáu tháng thiếu sáu ngày có vành xe không bị vẹo, không bị tật lỗi, và không bị khuyết điểm; các cãm bánh xe không bị vẹo, không bị tật lỗi, và không bị khuyết điểm; đùm bánh xe không bị vẹo, không bị tật lỗi, và không bị khuyết điểm. Vì lý do đó, nó chạy hết động lực rồi đứng yên, cứ như nó đang được gắn chắc vào một trục bánh xe vậy.’

“Này các Tỳ kheo, có thể các thầy nghĩ thợ đóng xe ngựa lúc đó là một ai khác. Nhưng đừng nghĩ vậy, người đóng xe lúc đó chính là ta. Trong kiếp đó, ta rất thiện khéo về sự cong vẹo, tật lỗi, và những khuyết điểm của gỗ mộc. Nhưng thời kiếp này ta là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, ta (1) rất thiện khéo về sự cong vẹo, tật lỗi, và những khuyết điểm của thân (hành-động); (2) rất thiện khéo về sự cong vẹo, tật lỗi, và những khuyết điểm của miệng (lời-nói); và (3) rất thiện khéo về sự cong vẹo, tật lỗi, và những khuyết điểm của tâm (tâm ý).

“Những Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào *chưa* loại bỏ sự cong vẹo [bất chánh], những tật lỗi, và những khuyết điểm của thân, của miệng, và của tâm (hành-động, lời-nói, và tâm-ý) là coi như đã bị rút khỏi Giáo Pháp và giới-luật này, giống như cái bánh xe được làm trong sáu ngày [bị ngã rút xuống đất].

“Những Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào *đã* loại bỏ sự cong vẹo, những tật lỗi, và những khuyết điểm của thân, của miệng, và của tâm là coi như đã đứng vững trong Giáo Pháp và giới-luật này, giống như cái bánh xe được làm trong sáu tháng thiếu sáu ngày [đứng vững chắc].

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ loại bỏ sự cong vẹo, những tật lỗi, và những khuyết điểm của thân (hành-động); chúng ta sẽ loại bỏ sự cong vẹo, những tật lỗi, và những khuyết điểm của miệng (lời-nói); chúng ta sẽ loại bỏ sự cong vẹo, những tật lỗi, và những khuyết điểm của tâm (tâm-ý).’ Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

16 (6) Không Thê Lâm Lỗi

“Này các Tỳ kheo, có được ba phẩm chất này là một Tỳ kheo đang tu tập theo cách không thê lâm lỗi (= không sai lầm, không sai lạc, đúng đường, không lộn đường) và đã đặt nền móng cho sự tiêu diệt những ô-nhiễm.³⁵² Ba đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo phòng-hộ các căn [các cửa của sáu căn cảm-nhận], tiết-độ trong ăn uống, và hết mình vì sự tỉnh-thức.³⁵³

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo *phòng hộ các căn*? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo *không* nắm giữ những tướng nét và đặc điểm của nó. Bởi vì, nếu người đó để lơ căn-mắt không được kiểm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm-muốn (tham) và buồn-phiền (ưu) sẽ xâm chiếm người đó, người đó tu tập cách kiểm chế nó, người đó phòng hộ căn-mắt, người đó đảm trách việc kiểm chế căn-mắt. Khi nghe thấy một âm-thanh ... Khi ngửi thấy một mùi-hương ... Khi nếm thấy một mùi-vị ... Khi cảm thấy một đối-tượng

chạm xúc ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm, một Tỳ kheo *không* nắm giữ những tướng nét và đặc điểm của nó. Bởi vì, nếu người đó để lơ căn-tâm không được kiềm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm-muốn (tham) và buồn-phiền (ưu) sẽ xâm chiếm người đó, người đó tu tập cách kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn-tâm, người đó đảm trách việc kiềm chế căn-tâm. Chính theo cách này là một Tỳ kheo phòng-hộ các căn.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo *giữ tiết-độ trong ăn uống*? Ở đây, sau khi suy xét một cách khôn khéo, một Tỳ kheo sử dụng thức-ăn: (i) không phải để khoái thích giải trí; (ii) không phải để say sưa, (iii) không phải để có sắc đẹp hay để làm thân thể hấp dẫn—mà (iv) (cho mục đích) chỉ để giúp duy trì và liên tục thân này, (v) để kết thúc sự khó chịu (khi đói), và (vi) để trợ giúp đời sống tâm linh (nuôi thân để tu); tâm niệm rằng: ‘Bằng cách như vậy tôi kết thúc cái cảm-giác (đói, khát, yếu, đuối) đã có trước đó, và không tạo ra cảm-giác mới. Và tôi sẽ được khỏe mạnh, và không bị chê trách [không tội lỗi vì ăn uống thiếu chánh niệm], và sống được an ổn.’ Chính theo cách này là một Tỳ kheo giữ tiết-độ trong ăn uống.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo *hết mình (tận tụy) vì sự tỉnh-thức*? Ở đây, suốt ngày, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng-ngại (nằm chướng-ngại). Trong canh một ban đêm, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng-ngại. Trong canh giữa, người đó nằm nghiêng bên phải như tư thế sư tử nằm, với chân trái nằm trên chân phải, có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), lưu ý trong tâm về lúc (thời điểm) mình sẽ dậy. Rồi đến canh ba, sau khi đã dậy, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng-ngại. Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là một Tỳ kheo hết mình vì sự tỉnh-thức.

“Một Tỳ kheo có được ba phẩm chất này là đang tu tập con đường

không bị sai lầm và đã đặt được nền móng cho sự tiêu diệt những ô-nhiễm.”

17 (7) Làm Khổ Mình ...

“Này các Tỳ kheo, ba phẩm chất này dẫn tới sự khổ sở cho mình, sự khổ sở cho người khác, và sự khổ sở cho mình và người? Ba đó là gì? Hành-động sai trái, lời-nói sai trái, và tâm-ý sai trái. Ba phẩm chất này dẫn tới sự khổ sở cho mình, sự khổ sở cho người khác, và sự khổ sở cho mình và người.

“Này các Tỳ kheo, ba phẩm chất này không dẫn tới sự khổ sở cho mình, sự khổ sở cho người khác, và sự khổ sở cho mình và người? Ba đó là gì? Hành-động tốt thiện, lời-nói tốt thiện, và tâm-ý tốt thiện. Ba phẩm chất này không dẫn tới sự khổ sở cho mình, sự khổ sở cho người khác, và sự khổ sở cho mình và người.”

18 (8) Thiên Thần

“Này các Tỳ kheo, nếu những tu sĩ giáo phái khác có hỏi các thầy: ‘Này các bạn, có phải các bạn sống đời sống tâm linh (đi tu) theo/dưới samôn Cồ-đàm là vì mục đích được tái sinh trong cõi những thiên thần (tiên giới)?’—thì các thầy có cảm thấy chán chê, nhục nhã, hay ghê sợ với điều đó (đạo tu tiên) hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Nhu vậy, này các Tỳ kheo, khi các thầy thấy chán chê, nhục nhã, và ghê sợ với tuổi thọ ở cõi trời, vẻ đẹp cõi trời, sự hạnh phúc cõi trời, sự huy hoàng cõi trời, và uy quyền cõi trời—thì các thầy càng nên cảm thấy chán chê, nhục nhã, và ghê sợ với những hành-động sai trái, lời-nói sai trái, và tâm-ý sai trái (ở cõi này).”

19 (9) Chủ Tiệm (1)

(1) “Này các Tỳ kheo, có ba yếu tố thì một người chủ tiệm không thể kiếm được của cải chưa có được hay gia tăng của cải đã có được. Ba đó là gì? Ở đây, một người chủ tiệm không áp dụng bản thân một cách chuyên-chú vào công-việc trong buổi sáng, trong buổi trưa, hay trong buổi chiều. Có ba yếu tố này thì người chủ tiệm không thể kiếm được của cải chưa kiếm được hay gia tăng của cải đã kiếm được.

“Cũng giống như vậy, có ba yếu tố thì một Tỳ kheo không thể đạt được một trạng thái thiện lành chưa đạt được hay gia tăng trạng thái thiện lành đã đạt được. Ba đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo không áp dụng bản thân một cách chuyên-chú vào đối-tượng thiền định trong buổi sáng, trong buổi trưa, hay trong buổi chiều. Có ba yếu tố này thì Tỳ kheo đó không thể đạt được một trạng thái thiện lành chưa đạt được hay gia tăng trạng thái thiện lành đã đạt được.

(2) “Này các Tỳ kheo, có được ba yếu tố thì một người chủ tiệm có thể kiếm được của cải chưa có được và gia tăng của cải đã có được. Ba đó là gì? Ở đây, một người chủ tiệm áp dụng bản thân một cách chuyên-chú vào công-việc trong buổi sáng, trong buổi trưa, hay trong buổi chiều. Có được ba yếu tố này thì người chủ tiệm có thể kiếm được của cải chưa kiếm được và gia tăng của cải đã kiếm được.

“Cũng giống như vậy, có được ba yếu tố thì một Tỳ kheo có thể đạt được một trạng thái thiện lành chưa đạt được và gia tăng trạng thái thiện lành đã đạt được. Ba đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo áp dụng bản thân một cách chuyên-chú vào đối-tượng thiền định trong buổi sáng, trong buổi trưa, hay trong buổi chiều. Có được ba yếu tố này thì Tỳ kheo đó có thể đạt được một trạng thái thiện lành chưa đạt được và gia tăng trạng thái thiện lành đã đạt được.”

20 (10) Chủ Tiệm (2)

(I) “Này các Tỳ kheo, có ba yếu tố thì một chủ tiệm sẽ mau chóng

kiếm được của cải lớn và dồi dào. Ba đó là gì? Ở đây, một chủ tiệm có mắt tinh tường, có trách nhiệm, và có những người giúp đỡ làm ăn (ân nhân).

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một chủ tiệm là có mắt tinh tường? Ở đây, một người chủ tiệm biết rõ từng mặt hàng: ‘Mặt hàng này được mua giá đó và được bán giá đó, nó cần bao nhiêu tiền để mua và bán lại được bao nhiêu lời.’ Chính theo cách này một chủ tiệm là có mắt tinh tường.

(2) “Và theo cách nào một người chủ tiệm là có trách nhiệm? Ở đây, một người chủ tiệm đảm đang giỏi việc mua và bán các mặt hàng. Chính theo cách này một chủ tiệm là có trách nhiệm.

(3) “Và theo cách nào một chủ tiệm có những người giúp đỡ làm ăn? Ở đây, những gia chủ giàu, rất giàu có, nhiều của cải và con trai của họ biết người chủ tiệm đó như vậy: ‘Người chủ tiệm tốt này có mắt tinh tường và có trách nhiệm; người này có thể nuôi nấng vợ con và dần dần trả lại tiền cho chúng ta.’ Chính theo cách này là một chủ tiệm có những người giúp đỡ làm ăn.

“Có được ba yếu tố này thì người chủ tiệm đó mau chóng kiếm được của cải lớn và dồi dào.

(II) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có được ba yếu tố thì một Tỳ kheo sẽ mau chóng đạt tới những trạng thái thiện rộng lớn và dồi dào. Ba đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo có mắt tinh tường, có trách nhiệm, và có những người giúp đỡ tu học (ân sư, sư huynh, giáo thọ).

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là có mắt tinh tường? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’ ... ‘Đây là nguồn-gốc khổ’ ... ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’. Chính theo cách này một Tỳ kheo là có mắt tinh tường.

(2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là có trách nhiệm? Ở đây, một Tỳ kheo phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất

thiện và đạt tới những phẩm chất thiện lành; người đó mạnh mẽ, vững chắc trong sự nỗ-lực tu, không lơ lãng khỏi bốn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện. Chính theo cách này một Tỳ kheo là có trách nhiệm.

(3) “Và theo cách nào một Tỳ kheo có những người giúp đỡ tu học? Ở đây, một Tỳ kheo thường đến gặp những Tỳ kheo học hiểu nhiều, là những người thừa kế di sản, những người thiện giỏi về Giáo Pháp, những người thiện giỏi về giới-luật, những người thiện giỏi về những chủ-đề đại cương (toát yếu, *mātikā*)³⁵⁴ để tìm hiểu học hỏi: ‘Thưa Thầy, điều này là sao? Ý nghĩa của điều này là gì?’ Rồi những vị ấy sẽ khai mở cho người đó những điều chưa được khai mở, làm rõ những điều còn mập mờ, và xua tan sự nghi ngờ của người đó về nhiều vấn đề còn làm nghi ngờ. Chính theo cách này là một Tỳ kheo đó có những người giúp đỡ tu học.

“Có được ba yếu tố này thì Tỳ kheo đó sẽ mau chóng đạt tới những trạng thái thiện rộng lớn và dồi dào.”

NHÓM 3

NGƯỜI

21 (1) *Saviṭṭha*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh xá Cấp Cô Độc. Lúc đó có Ngài Saviṭṭha và Ngài Đại Câu-hi-la (Mahākotṭhita) đến gặp Ngài Xá-lợi-phất và chào hỏi qua lại với nhau. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên. Rồi thầy Xá-lợi-phất nói với thầy Saviṭṭha:

(1) “Này đạo hữu Saviṭṭha, ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? Người thân-chứng, người kiến-đắc (đạt đến cách-nhìn, chứng đắc chánh-kiến), và người được giải-thoát nhờ niềm-tin.³⁵⁵ Đây là ba loại người thấy có trong thế gian. Trong ba loại người này, theo thầy ai là xuất sắc và siêu phàm nhất?”

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, trong ba loại người này, theo tôi người được giải-thoát nhờ niềm-tin là xuất sắc và siêu phàm nhất.³⁵⁶ Vì lý do gì? Vì căn niềm-tin (tín) của người này là chủ lực (ưu, nổi trội, trọng hơn).”

(2) Tiếp theo thầy Xá-lợi-phất nói với thầy Đại Câu-hi-la: “Này đạo hữu Câu-hi-la, đây là ba loại người thấy có trong thế gian. Trong ba loại người này, theo thầy ai là xuất sắc và siêu phàm nhất?”

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, trong ba loại người này, theo tôi người thân-chứng là xuất sắc và siêu phàm nhất. Vì lý do gì? Vì căn thiên-định của người này là chủ lực.”

(3) Tiếp theo thầy Đại Câu-hi-la nói với thầy Xá-lợi-phất: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, đây là ba loại người thấy có trong thế gian. Trong ba loại người này, theo thầy ai là xuất sắc và siêu phàm nhất?”

“Này đạo hữu Câu-hi-la, trong ba loại người này, theo tôi người kiến-đắc là xuất sắc và siêu phàm nhất. Vì lý do gì? Vì căn trí-tuệ của người này là chủ lực.”

Rồi thầy Xá-lợi-phất mới nói với hai thầy kia: “Này các đạo hữu, mỗi người chúng ta đều giải thích theo ý của mình. Vậy chúng ta hãy đến gặp đức Thế Tôn và kể lại vấn đề này. Khi đức Thế Tôn giải thích vấn đề này, chúng ta sẽ ghi nhớ trong tâm.”

“Được, đạo hữu”, hai thầy kia đáp lại. Rồi ba thầy đó đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Thầy Xá-lợi-phất đã kể lại cho đức Thế Tôn toàn bộ cuộc đàm đạo của ba thầy.

[Đức Thế Tôn nói:] “Này Xá-lợi-phất, không dễ gì tuyên bố dứt khoát về vấn đề này rằng: ‘Trong ba loại người này, đây là xuất sắc và siêu phàm nhất.’

(1) “Vì có thể rằng ‘người được giải-thoát nhờ niềm-tin’ đang tu tập để chứng A-la-hán, trong khi ‘người thân-chứng’ và ‘người kiến-đắc’ chỉ mới là bậc Nhất-lai hay Bất-lai. Này Xá-lợi-phất, không dễ gì tuyên bố dứt khoát về vấn đề này rằng: ‘Trong ba loại người này, đây là xuất sắc và siêu phàm nhất.’

(2) “Có thể ‘người thân-chứng’ đang tu tập để chứng A-la-hán, trong khi ‘người được giải-thoát nhờ niềm-tin’ và ‘người kiến-đắc’ chỉ mới là bậc Nhất-lai hay Bất-lai. Này Xá-lợi-phất, không dễ gì tuyên bố dứt khoát về vấn đề này rằng: ‘Trong ba loại người này, đây là xuất sắc và siêu phàm nhất.’

(3) “Có thể ‘người kiến-đắc’ đang tu tập để chứng A-la-hán,³⁵⁷ trong khi ‘người thân-chứng’ và ‘người được giải-thoát nhờ niềm-tin’ chỉ mới là bậc Nhất-lai hay Bất-lai. Này Xá-lợi-phất, không dễ gì tuyên bố dứt khoát về vấn đề này rằng: ‘Trong ba loại người này, đây là xuất sắc và siêu phàm nhất.’”

22 (2) Những Loại Người Bệnh

“Này các Tỳ kheo, ba loại người bệnh được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? Ở đây là, (1) người bệnh sẽ không khỏi bệnh cho dù người đó có

được sự ăn uống đúng, có thuốc men đúng, và có người chăm sóc giỏi, hay không. (2) Người bệnh sẽ khỏi bệnh cho dù người đó có được sự ăn uống đúng, có thuốc men đúng, và có người chăm sóc giỏi, hay không. (3) Người bệnh sẽ khỏi bệnh chỉ khi người đó có sự ăn uống đúng, nếu không thì không khỏi; chỉ khi có thuốc men đúng, nếu không thì không khỏi; và chỉ khi có người chăm sóc giỏi, nếu không thì không khỏi.

“Vì để chăm sóc riêng cho loại người bệnh (thứ ba) chỉ khỏi bệnh chỉ khi có sự ăn uống đúng, có thuốc men đúng, và có người chăm sóc giỏi—nên những thức ăn thức uống, và thuốc men, và người chăm sóc giỏi đã được chỉ định. Nhưng, do đã sẵn có sự chỉ định đó để chăm sóc cho loại người bệnh (thứ ba) này, cho nên những người bệnh loại khác cũng được chăm sóc luôn thể như vậy. Ba loại người bệnh này được thấy có trong thế gian.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có ba loại người này giống ba loại người bệnh đó được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? Ở đây là, (1) người sẽ không bước vào ‘đạo lộ đã [được] định [xong] [gồm có] sự chân-chánh trong những phẩm chất thiện lành’,³⁵⁸ cho dù người đó có gặp Như Lai hay không, có nghe được Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai hay không. (2) Người sẽ bước vào ‘đạo lộ đã định [gồm có] sự chân-chánh trong những phẩm chất thiện lành’, cho dù người đó có gặp Như Lai hay không, có nghe được Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai hay không. (3) Người sẽ bước vào ‘đạo lộ đã định [gồm có] sự chân-chánh trong những phẩm chất thiện lành’ chỉ khi người đó gặp được Như Lai, nếu không thì không được; và chỉ khi người đó nghe được Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai, nếu không thì không được.

“Vì để chăm sóc riêng cho loại người thứ (3) sẽ bước vào ‘đạo lộ đã định [gồm có] sự chân-chánh trong những phẩm chất thiện lành’ chỉ khi người đó gặp được Như Lai, và chỉ khi người đó nghe được Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai—cho nên những sự giảng dạy Giáo Pháp đã được chỉ định. Nhưng, do đã có sẵn những sự giảng dạy

Giáo Pháp được chỉ định đó cho loại người này, cho nên những loại người khác cũng được giảng dạy Giáo Pháp đó luôn thể như vậy. Ba loại người này giống như ba loại người bệnh được thấy có trong thế gian.”

23 (3) Những Sự Tạo Tác

“Này các Tỳ kheo, ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người tạo tác những hành-vi của thân [thân nghiệp] gây đau khổ, những hành-vi của lời-nói [khẩu nghiệp] gây đau khổ, và những hành-vi của tâm [tâm nghiệp] gây đau khổ.³⁵⁹ Hệ quả là, người đó bị tái sinh trong một cảnh giới gây đau khổ. Khi người đó bị tái sinh trong một cảnh giới gây đau khổ, những tiếp-xúc gây đau khổ chạm xúc người đó. Khi bị chạm xúc với những tiếp-xúc gây đau khổ, người đó cảm nhận những cảm-giác đau khổ, chỉ toàn khổ, thí dụ như trường hợp những chúng sinh dưới địa ngục.

(2) “Có người tạo tác những hành-vi của thân không gây đau khổ, những hành-vi của lời-nói không gây đau khổ, và những hành-vi của tâm không gây đau khổ. Hệ quả là, người đó được tái sinh trong một cảnh giới không gây đau khổ. Khi người đó được tái sinh trong một cảnh giới không gây đau khổ, những tiếp-xúc không gây đau khổ chạm xúc người đó. Khi được chạm xúc với những tiếp-xúc không gây đau khổ, người đó cảm nhận những cảm-giác không đau khổ, chỉ toàn sướng, thí dụ như trường hợp những thiên thần ở cõi trời hào quang chói lợi (cõi Biến tịnh thiên).³⁶⁰

(3) “Có người tạo tác cả những hành-vi của thân gây đau khổ và không gây đau khổ, những hành-vi của lời-nói gây đau khổ và không gây đau khổ, và những hành-vi của tâm gây đau khổ và không gây đau khổ. Hệ quả là, người đó được tái sinh trong một cảnh giới vừa có đau khổ và không có đau khổ. Khi người đó được tái sinh trong một cảnh giới vừa có đau khổ và không có đau khổ, những tiếp-xúc gây đau khổ và những tiếp-xúc không gây đau khổ chạm xúc người đó. Khi chạm xúc với những tiếp-

xúc gây đau khổ và những tiếp-xúc không gây đau khổ, người đó cảm nhận cả những cảm-giác đau khổ và những cảm-giác không đau khổ, vừa có khổ và có sướng, thí dụ như trường hợp những chúng sinh là con người, một số loại thiên thần, và một số chúng sinh trong những cảnh giới thấp hơn.³⁶¹

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người thấy có trong thế gian.”

24 (4) Hữu Ích

“Này các Tỳ kheo, ba loại người này là hữu ích đối với người khác. Ba đó là gì?

(1) “Loại người mà nhờ có họ nên người khác đã quy y nương tựa theo Phật, Pháp, và Tăng. Loại người này thực sự là hữu ích đối với người khác.

(2) “Lại nữa, loại người mà nhờ có họ nên người khác hiểu được (bốn Diệu Đế) đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’, ‘Đây là nguồn-gốc khổ’, ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’, và ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Loại người này thực sự là hữu ích đối với người khác.³⁶²

(3) “Lại nữa, loại người mà nhờ có họ nên người khác, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong nó, người đó an trú trong đó. Loại người này thực sự là hữu ích đối với người khác.

“Đây là ba loại người hữu ích đối với người khác.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng, không có loại người nào là hữu ích đối với người khác nhiều hơn ba loại người này. Ta cũng nói rằng, không dễ gì trả hết ơn nghĩa cho ba loại người này cho dù có kính lễ họ, đứng dậy nhường chỗ ngồi cho họ, xá lạy họ, cư xử phải phép với họ, và cúng dường họ với bằng y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc men với chu cấp khi họ bệnh.”

25 (5) *Như Kim Cương*

“Này các Tỳ kheo, ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? Người có tâm giống như vết thương hở, người có tâm như tia chớp, và người có tâm như kim cương.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người có tâm như vết thương hở? Ở đây, có người dễ nóng giận và dễ bị chọc tức. Ngay cả khi bị phê bình góp ý chút xíu người đó cũng mất bình tĩnh và trở nên tức tối, hung dữ, và cương ngạnh; người đó thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay đắng. Giống như một vết thương đang bung mủ, chỉ cần một cái que hay miếng nhọn chạm vào chút xíu thì máu mủ càng bung ra nhiều hơn; cũng giống như vậy, có người dễ nóng giận và dễ bị chọc tức ... thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay đắng. Loại người này được cho là có tâm như một vết thương hở.

(2) “Và cái gì là người có tâm như tia chớp? Ở đây, có người hiểu được (bốn Diệu Đế) đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’, ‘Đây là nguồn-gốc khổ’, ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’, và ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Giống như, giữa trời đen đêm tối, một người có mắt sáng có thể nhìn thấy (nhanh) các thứ nhờ ánh sáng của một tia chớp; cũng giống như vậy, có người hiểu được (bốn Diệu Đế) đúng như nó thực là ... Đây là loại người có tâm như tia chớp.

(3) “Và cái gì là người có tâm như kim cương? Ở đây, có người, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong nó, người đó an trú trong đó. Giống như kim cương có thể cắt đứt tất cả mọi thứ, dù là ngọc thạch hay đá cứng; cũng giống như vậy, có người, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong nó, người đó an trú trong đó. Đây là loại người có tâm như kim

cương.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người thấy có trong thế gian.”

26 (6) *Giao Lưu*

“Này các Tỳ kheo, ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? (1) Người không nên được giao lưu, được noi theo hay được phục vụ; (2) người nên được giao lưu, được noi theo và được phục vụ; và (3) người nên được giao lưu, được noi theo và được phục vụ với sự tôn vinh và kính trọng.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là loại người không nên được giao lưu, được noi theo hay được phục vụ? Ở đây, có người thấp hèn [so với mình] về giới-hạnh, thiên-định, và trí-tuệ (giới định tuệ). Người như vậy thì không nên được giao lưu, được noi theo hay được phục vụ; nếu không phải vì sự cảm-thông và sự bi-mẫn dành cho họ.

(2) “Và cái gì là loại người nên được giao lưu, được noi theo và được phục vụ? Ở đây, có người ngang bằng [so với mình] về giới-hạnh, thiên-định, và trí-tuệ. Người như vậy thì nên được giao lưu, được noi theo và được phục vụ. Vì lý do gì? [Vì biết nghĩ như vậy:] ‘Vì chúng ta là như nhau về mặt giới-hạnh ... thiên-định ... trí-tuệ, chúng ta sẽ đàm đạo về giới-hạnh ... thiên-định ... trí-tuệ, và sự đàm đạo đó sẽ dễ hợp với nhau, và chúng ta sẽ thấy an lành.’ Do đó, người như vậy nên được giao lưu, được noi theo và được phục vụ.

(3) “Và cái gì là loại người nên được giao lưu, được noi theo và được phục vụ với sự tôn vinh và kính trọng? Ở đây, có người cao siêu [so với mình] về giới-hạnh, thiên-định, và trí-tuệ. Người như vậy thì nên được giao lưu, được noi theo và được phục vụ. Vì lý do gì? [Vì biết nghĩ như vậy:] ‘Theo cách như vậy ta sẽ hoàn thiện được mớ (uẩn, đồng) giới-hạnh ... mớ thiên-định ... mớ trí-tuệ mà ta chưa hoàn thiện, hoặc (tốt hơn nữa, nếu giao lưu ...) sẽ bằng trí-tuệ trợ giúp về nhiều mặt cho mớ giới-hạnh ... mớ thiên-định ... mớ trí-tuệ mà ta đã hoàn thiện.’³⁶³ Do vậy, người như

vậy nên được giao lưu, được noi theo và được phục vụ với sự tôn vinh và kính trọng.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người thấy có trong thế gian.”

Giao lưu với người thấp nhược sẽ bị sa sút;
 Giao lưu với người ngang bằng không bị sa sút;
 Gặp gỡ người cao thượng hơn sẽ tu tập nhanh chóng;
 Do vậy mình nên noi theo người cao thượng hơn mình.

27 (7) Với Sự Ghê Tởm ...

“Này các Tỳ kheo, ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? (1) Người nên được nhìn với sự ghê-tởm, không nên được giao lưu, được noi theo hay được phục vụ; (2) người nên được nhìn với sự xả-bỏ, không nên được giao lưu, được noi theo hay phục vụ; và (3) người nên được giao lưu, được noi theo và được phục vụ.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là loại người nên được nhìn với sự ghê-tởm, không nên được giao lưu, được noi theo hay được phục vụ? Ở đây, có người là vô đạo đức, tính nết xấu, có hành vi không trong sạch và đáng ngờ, có hành động lén lút, không phải bậc sa-môn (tu sĩ) mà tự xưng là sa-môn, không sống độc thân mà tự xưng là độc thân, bên trong thói nát, suy đồi, trụy lạc. Người như vậy nên được nhìn với sự ghê-tởm, không nên được giao lưu, được noi theo hay được phục vụ. Vì lý do gì? Vì cho dù mình không làm theo loại người như vậy, nhưng (nếu giao lưu với họ) tin xấu về mình vẫn bị đồn đại đó đây, như kiểu: ‘Ông đó có đám bạn bè xấu, đồng môn xấu, đồng đạo xấu.’

“Giống như một con rắn mới bò qua đồng phân dơ đáng ghê tởm, cho dù nó không ăn phân, nhưng người nó cũng bị dính dơ thúi; cũng giống như vậy, cho dù mình không làm theo loại người như vậy, nhưng tin xấu về mình vẫn bị đồn đại đó đây, kiểu như: ‘Ông đó có đám bạn bè xấu, đồng môn xấu, đồng đạo xấu.’ Do đó, loại người như vậy nên được nhìn với sự ghê-tởm, không nên được giao lưu, được noi theo hay được phục

vụ.

(2) “Và cái gì là loại người nên được nhìn với sự xả-bỏ, không nên được giao lưu, được noi theo hay được phục vụ? Ở đây, có người dễ nóng giận và dễ bị chọc tức. Ngay cả khi bị phê bình góp ý chút xíu người đó cũng mất bình tĩnh và trở nên tức tối, hung dữ, và cương ngạnh; người đó thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay đắng.

“Giống như một vết thương đang bung mủ, chỉ cần một cái que hay miếng nhọn chạm vào chút xíu thì máu mủ càng bung ra nhiều hơn; cũng giống như vậy, có người dễ nóng giận và dễ bị chọc tức ... thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay đắng.

“Giống như khúc gỗ cây tinduka đang cháy, chỉ cần một cái que hay miếng nhọn chạm vào chút xíu thì nó càng bung cháy kêu rảng rặc; cũng giống như vậy, có người dễ nóng giận và dễ bị chọc tức ... thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay đắng.

“Giống như một hầm phân dơ thúi, chỉ cần một cái que hay một miếng nhọn chọc vào chút xíu thì nó càng bung bốc mùi hôi thúi; cũng giống như vậy, có người dễ nóng giận và dễ bị chọc tức ... thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay đắng.

“Người như vậy nên được nhìn với sự xả-bỏ, không nên được giao lưu, được noi theo hay được phục vụ. Vì lý do gì? [Vì biết nghĩ:] ‘Người như vậy có thể sỉ nhục ta, chửi bới ta, và làm hại ta.’ Do đó, loại người như vậy nên được nhìn với sự xả-bỏ, không nên được giao lưu, được noi theo hay được phục vụ.

(3) “Và cái gì là loại người nên được giao lưu, được noi theo và được phục vụ? Ở đây, có người là có giới-hạnh và tính nết tốt thiện. Người như vậy thì nên được giao lưu, được noi theo và được phục vụ. Vì lý do gì? Cho dù mình không làm noi theo người đó, thì tin tốt về mình vẫn được lưu truyền đây đó, kiểu như: ‘Ông đó có bạn bè tốt, đồng môn tốt, đồng đạo tốt’. Do đó, loại người như vậy nên được giao lưu, được noi theo và được phục vụ.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người thấy có trong thế gian.”

[*Tiếp tục thi kệ giống cuối kinh 3:26 kể trên.*]

28 (8) Lời Nói Như Phân ...

“Này các Tỳ kheo, ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? Người có lời-nói như phân, người có lời-nói như hoa, và người có lời-nói như mật.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người có lời-nói như phân? Ở đây, có người khi được triệu tập tới một hội đồng, tới một hội nghị, tới chỗ có mặt những người thân thuộc của mình, tới hội đoàn của mình, hoặc tới tòa án, và được hỏi như một nhân chứng như vậy: ‘Này anh, hãy nói những gì anh biết’: rồi điều biết anh ta nói không biết, điều không biết anh ta nói biết; điều nhìn thấy anh ta nói không nhìn thấy, điều không nhìn thấy anh ta lại nói nhìn thấy. Như vậy anh ta đã cố tình nói dối vì bản thân mình, hay vì người khác, hay chỉ vì những lợi ích phạm tục nhỏ nhặt.³⁶⁴ Đây được gọi là người có lời nói như phân.

(2) “Và cái gì là người có lời-nói như hoa? Ở đây, có người khi được triệu tập tới một hội đồng, tới một hội nghị, tới chỗ có mặt những người thân thuộc của mình, tới hội đoàn của mình, hoặc tới tòa án, và được hỏi như một nhân chứng như vậy: ‘Này anh, hãy nói những gì anh biết’: rồi điều biết anh ta nói biết, điều không biết anh ta nói không biết; điều nhìn thấy anh ta nói nhìn thấy, điều không nhìn thấy anh ta nói không nhìn thấy. Như vậy anh ta không cố tình nói dối vì bản thân mình, hay vì người khác, hay vì những lợi ích phạm tục nhỏ nhặt. Đây được gọi là người có lời-nói như hoa.

(3) “Và cái gì là người có lời-nói như mật? Ở đây, có người, sau khi đã dẹp bỏ lời-nói gắt gỏng nạt nộ, người đó kiêng cử lời-nói gắt gỏng nạt nộ. Người đó chỉ nói những lời nhẹ nhàng, dễ nghe, dễ mến, như đi vào lòng, lịch sự, được nhiều người thích, được nhiều người đồng tình. Đây là người có lời nói như mật.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người được thấy có trong thế gian.”

29 (9) Đui Mù ...

“Này các Tỳ kheo, ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? Người đui mù, người một mắt, và người hai mắt.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người đui mù? Ở đây, có người thiếu loại con mắt để có thể kiếm được của cải (sự giàu có) chưa có được hay để gia tăng của cải đã có được, và người đó cũng thiếu luôn loại con mắt để có thể biết được những phẩm chất bất thiện và phẩm chất thiện, những phẩm chất tội lỗi (đáng chê trách) và phẩm chất vô tội lỗi, những phẩm chất thấp kém (nhược) và cao siêu (ưu), những phẩm chất tối và sáng, với những phẩm chất đối ngược (tối và sáng) của chúng. Đây được gọi là người đui mù.

(2) “Và cái gì là người một mắt? Ở đây, có người có được loại con mắt để có thể kiếm được của cải chưa có được và để gia tăng của cải đã có được, nhưng người đó còn thiếu loại con mắt để có thể biết được những phẩm chất bất thiện và phẩm chất thiện, những phẩm chất tội lỗi và phẩm chất vô tội lỗi, những phẩm chất thấp kém và cao siêu, những phẩm chất tối và sáng, với những phẩm chất đối ngược (tối và sáng) của chúng. Đây được gọi là người một mắt.

(3) “Và cái gì là người hai mắt? Ở đây, có người có được loại con mắt để có thể kiếm được của cải chưa có được và để gia tăng của cải đã có được, và người đó có luôn loại con mắt để có thể biết được những phẩm chất bất thiện và phẩm chất thiện, những phẩm chất tội lỗi và phẩm chất vô tội lỗi, những phẩm chất thấp kém và cao siêu, những phẩm chất tối và sáng, với những phẩm chất đối ngược (tối và sáng) của chúng. Đây được gọi là người hai mắt.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người thấy có trong thế gian.”

Loại người đui mù không kiếm được của cải,

Cũng không làm nghiệp công đức;
 Nghèo thiếu cả hai loại con mắt,
 Giống như thầy con xúc xắc xui rủi vào cả hai phần đó.

Loại người một mắt giống như kẻ đạo đức giả,
 Chỉ lo kiếm của cải: chân chánh có, bất chính có.
 Bằng cách gian lận, bằng lời gian dối,
 Mê đắm dục lạc, chỉ giỏi phần làm giàu.
 Sau này xuống địa ngục, người một mắt bị đày đọa.

Loại người hai mắt được cho là tốt nhất.
 Của cải của người đó³⁶⁵ kiếm được bằng tự thân nỗ lực,
 Với mọi thứ có được một cách chân chính.

Người đó bố thí với những ý-hành tốt nhất.
 Loại người này có tâm không phân-chia.
 Sẽ đi [tái sinh] tới một cảnh giới siêu xuất,
 Sau khi đã đến đó, người đó không còn sự buồn-sầu.

Nên tránh xa loại người đui và người một mắt,
 Nhưng nên giao lưu gặp gỡ loại người có hai mắt,
 Đó là loại người tốt nhất.

30 (10) Bị Lộn Đầu ...

“Này các Tỳ kheo, ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? Người có trí-tuệ lộn đầu, người có trí-tuệ trên bắp vế, và người có trí-tuệ rộng lớn.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người có trí tuệ bị lộn đầu? Ở đây, có người thường đến chùa chiền [tịnh xá, tu viện] để lắng nghe Giáo Pháp từ những Tỳ kheo. Những Tỳ kheo chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; họ cho thấy (chỉ ra) đời sống tâm linh (đời sống xuất gia, đời tu, phạm hạnh) được toàn thiện và tinh khiết. Trong khi đang ngồi nghe,

người đó không chú-tâm (không tác ý) vào cuộc pháp thoại ở lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối. Sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, người đó vẫn không chú-tâm vào cuộc pháp thoại ở lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối.

“Giống như, khi một cái bình đựng nước bị úp lộn đầu, nước có chảy vào trong bình thì cũng tuôn chảy hết ra và không giữ lại giọt nào. Cũng giống như vậy, có người thường đến chùa chiền để lắng nghe Giáo Pháp từ những Tỷ kheo. Đến sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, người đó vẫn không chú-tâm vào cuộc pháp thoại ở lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối. Đây được gọi là người có trí tuệ bị lộn đầu.

(2) “Và cái gì là người có trí tuệ trên bắp vế? Ở đây, có người thường đến chùa chiền để lắng nghe Giáo Pháp từ những Tỷ kheo. Những Tỷ kheo chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; họ cho thấy đời sống tâm linh được toàn thiện và tinh khiết. Trong khi đang ngồi nghe, người đó có chú-tâm vào cuộc pháp thoại ở lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối. Nhưng sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, người đó không còn chú-tâm vào cuộc pháp thoại ở lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối.

“Giống như, khi một người có nhiều thứ để trên bắp vế—như hột mè, gạo, bánh, và táo tàu—nếu người đó không để ý chú-tâm khi đứng dậy, người đó sẽ làm rớt hết những thứ đó. Cũng giống như vậy, có người thường đến chùa chiền để lắng nghe Giáo Pháp từ những Tỷ kheo ... Nhưng sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, người đó không còn chú-tâm vào cuộc pháp thoại ở lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối. Đây được gọi là người có trí tuệ trên bắp vế.

(3) “Và cái gì là người có trí tuệ rộng lớn? Ở đây, có người thường đến chùa chiền để lắng nghe Giáo Pháp từ những Tỷ kheo. Những Tỷ kheo chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; họ cho thấy đời sống tâm linh được toàn thiện và tinh khiết. Trong khi đang ngồi nghe, người đó chú-tâm vào cuộc pháp thoại ở lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối. Và sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, người đó vẫn chú-tâm vào cuộc pháp thoại ở lúc

đầu, lúc giữa, và lúc cuối.

“Giống như, khi một cái bình đựng nước được đặt thẳng đứng, nước có chảy vào trong đó thì vẫn còn nguyên trong đó, và không bị chảy mất. Cũng giống như vậy, có người thường đến chùa chiêm để lắng nghe Giáo Pháp từ những Tỳ kheo ... Và sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, người đó vẫn chú-tâm vào cuộc pháp thoại ở lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối. Đây được gọi là người có trí tuệ rộng lớn.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người thấy có trong thế gian.”

Người có trí-tuệ lộn đầu,
Ngu ngốc và không nhận biết,
Hay đến gặp các Tỳ kheo
[để nghe họ chỉ dạy Giáo Pháp].

Nhưng người này không nắm bắt được gì,
Từ cuộc pháp thoại:
Từ lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối;
Bởi người đó thiếu hẳn trí-khôn.

Người có trí-tuệ trên bấp vế,
Được cho là loại người tốt hơn.
Cũng thường xuyên đến gặp các Tỳ kheo
[để nghe họ chỉ dạy Giáo Pháp].

Trong khi ngồi nghe, người đó nắm bắt từng câu chữ,
Từ cuộc pháp thoại:
Từ lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối;
Nhưng sau khi đứng dậy, người đó không còn hiểu gì,
Quên hết những điều đã nghe học.

Người có trí-tuệ rộng lớn
Được cho là tốt nhất.
Cũng thường xuyên đến gặp các Tỳ kheo
[để nghe họ chỉ dạy Giáo Pháp].

Trong khi ngồi nghe, người đó nắm bắt từng câu chữ,
Từ cuộc pháp thoại:
Từ lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối.
Sau khi đứng dậy, vẫn còn như vậy.

Loại người này có những sự chú-tâm tốt nhất,
Tâm người đó không bị phân-chia;
Lưu giữ được hết [những điều đã nghe học].
Và thực hành đúng theo Giáo Pháp,
Người đó có thể làm nên sự diệt-khổ.

NHÓM 4

THIÊN SỨ

31 (1) *Vị Trời*

“Này các Tỳ kheo, (1) những gia đình sống với vị Trời (Brāhma) là khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. (2) Những gia đình sống với các vị thầy đầu tiên (tiên sư) là khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. (3) Những gia đình sống với các bậc đáng được cúng dường là khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính.

“Này các Tỳ kheo, ‘vị Trời’ ở đây là chữ chỉ cha mẹ. ‘Các vị thầy đầu tiên’ ở đây là chữ chỉ cha mẹ. ‘Các bậc đáng cúng dường’ ở đây là chữ chỉ cha mẹ. Và vì sao như vậy? Vì cha mẹ hết lòng nâng đỡ giúp đỡ con cái; cha mẹ nuôi lớn, nuôi dưỡng, và chỉ cho con cái nhìn thấy thế giới.”

Cha mẹ được gọi là “vị Trời”,
Cũng được gọi là “các vị thầy đầu tiên”.
Họ đáng được dâng tặng các thứ bởi con cái,
Vì họ có lòng bi-mẫn dành cho con cháu.
Do vậy một người khôn ngoan nên biết kính trọng cha mẹ
Và đối xử cha mẹ với sự tôn kính.

Một người nên phục vụ cha mẹ thức ăn, thức uống,
Quần áo và giường chiếu,
Xoa bóp và tắm rửa,
Và rửa chân cho cha mẹ.

Bởi vì sự phụng sự đó
Đối với cha và mẹ mình
Bậc trí hiền khen ngợi loại người con đó trong thế gian này,
Sau khi chết người con đó hưởng phúc trong cõi trời. **

32 (2) *Với Ānanda*

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có thể hay không: một Tỳ kheo có thể đạt tới trạng thái định-tâm mà trong đó: (1) người đó không còn sự tạo nên cái ‘ta’ (ngã kiến), tạo nên cái ‘của-ta’ (ngã sở kiến), và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự tự-ta (tùy miên ngã mạn) đối với cái thân có-thức này; (2) người đó không có sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với tất cả những đối-tượng (hình tướng) bên ngoài; và (3) người đó có thể chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát đó của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, nhờ đó không còn sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với người đã chứng nhập và an trú trong (trạng thái giải thoát) đó?”³⁶⁶

“Người đó có thể, này Ānanda.”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào người đó có thể đạt tới trạng thái định-tâm như vậy?”

“Ồ đây, này Ānanda, một Tỳ kheo biết suy nghĩ như vậy: ‘(Trạng thái) này là bình an, này là siêu phàm, đó là, sự làm lắng-lặn mọi sự tạo-tác, sự từ-bỏ mọi sự thu- nạp (sanh y), sự tiêu-diệt dục-vọng, sự chấm-dứt, Niết-bàn.’ Theo cách như vậy, này Ānanda, một Tỳ kheo có thể đạt tới trạng thái định-tâm như vậy, trong đó người đó không còn sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với cái thân có-thức này; trong đó người đó không còn sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với tất cả mọi đối-tượng bên ngoài; và người đó chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát đó của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, nhờ đó không còn sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với người chứng nhập và an trú trong (trạng thái giải thoát đó).

Và chính đề cập tới điều này nên ta đã nói trong phần “*Những Câu Hỏi Của Puṇṇaka*”, thuộc chương “*Pārāyana*” (*Qua Bờ Kia, Đáo Bĩ*

Ngạn) như sau.³⁶⁷

“Sau khi đã thấu hiểu những thứ thượng và thứ hạ của thế giới,
Người đó không động vọng bởi bất cứ gì trong thế giới.
Bình an, hiền dịu, hết phiền rối, hết mong cầu,
Ta nói rằng, người đó đã vượt khỏi sinh-già.”

33 (3) Với Xá-lợi-Phất³⁶⁸

Lúc đó có Ngài Xá-lợi-phất đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy:

“Này Xá-lợi-phất, ta có thể chỉ dạy Giáo Pháp một cách ngắn gọn; ta có thể chỉ dạy Giáo Pháp một cách chi tiết; ta có thể chỉ dạy Giáo Pháp vừa ngắn gọn vừa chi tiết. Số người hiểu được là hiếm.”

“Giờ là đúng lúc, thưa đức Thế Tôn. Giờ là đúng lúc, thưa bậc Phúc Lành. Thế Tôn hãy chỉ dạy Giáo Pháp một cách ngắn gọn; Thế Tôn hãy chỉ dạy Giáo Pháp một cách chi tiết, Thế Tôn hãy chỉ dạy Giáo Pháp một cách vừa ngắn gọn vừa chi tiết.”

“Nếu vậy, này Xá-lợi-phất, các thầy nên tu tập bản thân như vậy:

(1) ‘Sẽ không có sự tạo nên cái ‘ta’ (ngã kiến), sự tạo nên cái ‘của-ta’ (ngã sở kiến), và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ (tùy miên ngã mạn) đối với cái thân có-thức này; (2) sẽ không có sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với tất cả những đối-tượng bên ngoài; và (3) chúng ta sẽ chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát đó của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, nhờ đó không còn sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với người chứng nhập và an trú trong (trạng thái giải thoát đó). Này Xá-lợi-phất, chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.

“Này Xá-lợi-phất, khi một Tỳ kheo không còn sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với

cái thân có-thức này; khi người đó không còn sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với tất cả những đối-tượng bên ngoài; và khi người đó chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát đó của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, nhờ đó không còn sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với người chứng nhập và an trú trong (trạng thái giải thoát đó), thì người đó được gọi là một Tỳ kheo đã cắt đứt dục-vọng (ái), đã lột bỏ công-cùm (kiết sử), đã hoàn toàn phá bỏ sự tự-ta (ngã mạn), đã làm nên sự diệt-khở.

Và khi đề cập về trạng thái này, ta đã nói trong phân “*Những Câu Hỏi Của Udaya*”, thuộc chương “*Pārāyana*” (Qua Bờ Kia) như sau:³⁶⁹

“Sự dẹp bỏ hết cả hai:

Những nhận-thức và buồn-phiền thuộc về giác quan (tham và ưu)

Sự xua tan sự đờ-dẫn (hôn trầm),

Sự xua đuổi sự hối-tiếc (hối quá),³⁷⁰

“Sự buông-xả và sự chánh-niệm được thanh lọc,

Được dẫn trước bởi sự quán chiếu về Giáo Pháp:

Ta nói, đây là sự giải thoát bằng trí-biết cuối cùng:

Là sự phá vỡ sự vô-minh.”³⁷¹

34 (4) *Những Nguyên Nhân*

(I) “Này các Tỳ kheo, có ba nguyên nhân này làm khởi sinh nghiệp [kamma]. Ba đó là gì? Tham là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; sân là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; si là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp.

(1) “Này các Tỳ kheo, mọi nghiệp do *tham* tác tạo, do tham sinh ra, do tham gây ra, do tham làm khởi sinh, sẽ chín muồi ở bất cứ nơi nào cá-thể đó được tái sinh. Ở đâu nghiệp chín muồi thì ở đó một người (chúng sinh) nếm trái quả của nó (nghiệp quả), trong kiếp này, hay trong kiếp tái-sinh [kế tiếp], hay trong thời (kiếp) kế tiếp nữa.³⁷²

(2) “Này các Tỳ kheo, mọi nghiệp do *sân* tác tạo, do *sân* sinh ra, do *sân* gây ra, do *sân* làm khởi sinh, sẽ chín muồi ở bất cứ nơi nào cá-thể đó được tái sinh. Ở đâu nghiệp chín muồi thì ở đó một người (chúng sinh) nếm trái quả của nó, trong kiếp này, hay trong kiếp tái-sinh, hay trong thời kế tiếp nữa.

(3) “Này các Tỳ kheo, mọi nghiệp do *si* tác tạo, do *si* sinh ra, do *si* gây ra, do *si* làm khởi sinh, sẽ chín muồi ở bất cứ nơi nào cá-thể đó được tái sinh. Ở đâu nghiệp chín muồi thì ở đó một người (chúng sinh) nếm trái quả của nó, trong kiếp này, hay trong kiếp tái-sinh, hay trong thời kế tiếp nữa.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có những hạt giống còn nguyên vẹn, không bị hư, không bị hư hại bởi gió và nắng nóng, còn tốt tươi, được bảo quản kỹ càng, rồi được gieo xuống miếng đất đã được vun xới kỹ càng trên miếng ruộng tốt, và nhận được nước mưa đúng mức: theo cách như vậy những hạt giống đó sẽ mọc lên, lớn lên, và trưởng thành. Cũng giống như vậy, mọi nghiệp do tham ... *sân* ... *si* tác tạo, do tham ... *sân* ... *si* sinh ra, do tham ... *sân* ... *si* gây ra, do tham ... *sân* ... *si* làm khởi sinh, sẽ chín muồi ở bất cứ nơi nào cá-thể đó được tái sinh. Ở đâu nghiệp chín muồi thì ở đó một người (chúng sinh) nếm trái quả của nó, trong kiếp này, hay trong kiếp tái-sinh, hay trong thời kế tiếp nữa.

“Đây là ba nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp.

(II) “Này các Tỳ kheo, có ba nguyên nhân (khác) cũng làm khởi sinh nghiệp. Ba đó là gì? Vô-tham là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; vô-sân là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; vô-si là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp.

(1) “Này các Tỳ kheo, mọi nghiệp do *vô-tham* tác tạo, do *vô-tham* sinh ra, do *vô-tham* gây ra, do *vô-tham* làm khởi sinh, được loại bỏ khi tham đã biến mất; nó (nghiệp) bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc tro của cây cọ chết, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai.³⁷³

(2) “Này các Tỳ kheo, mọi nghiệp do *vô-sân* tác tạo, do *vô-sân* sinh

ra, do vô-sân gây ra, do vô-sân làm khởi sinh, được loại bỏ khi sân đã biến mất; nó (nghiệp) bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai.

(3) “Này các Tỳ kheo, mọi nghiệp do *vô-si* tác tạo, do vô-si sinh ra, do vô-si gây ra, do vô-si làm khởi sinh, được loại bỏ khi si đã biến mất; nó (nghiệp) bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có những hạt giống còn nguyên vẹn, không bị hư, không bị hư hại bởi gió và nắng nóng, còn tốt tươi, được bảo quản kỹ càng. Rồi một người đem chúng đi đốt, đốt cháy thành tro, và quăng tro lên gió mạnh hoặc quăng rải chúng xuống sông chảy xiết. Theo cách như vậy thì những hạt giống đó sẽ bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Cũng giống như vậy, mọi nghiệp do vô-tham ... vô-sân ... vô-si tác tạo, do vô-tham ... vô-sân ... vô-si sinh ra, do vô-tham ... vô-sân ... vô-si gây ra, do vô-tham ... vô-sân ... vô-si làm khởi sinh, được loại bỏ khi tham ... sân ... si biến mất; nó (nghiệp) bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai.”

“Này các Tỳ kheo, đây là ba nguyên nhân [khác] làm khởi sinh nghiệp.”

Mọi nghiệp một người vô-minh [đã làm]

Được sinh ra từ tham, sân, si

Cho dù nó được tác tạo bởi người đó nhiều hay ít:

Nó sẽ được ném trái ngay tại đây, (ngay tác nhân)

Không có hiện trường nào khác [cho nó].³⁷⁴

Do vậy người có trí thì nên biết dẹp bỏ,

[Mọi nghiệp] được sinh ra từ tham, sân, si.

Một Tỳ kheo, sau khi làm khởi sinh trí-biết

(Về nghiệp nhân và nghiệp quả từ tham, sân, si)

Thì loại bỏ tất cả những nơi-đến (tái sinh) xấu dữ.³⁷⁵

35 (5) Với Hattaka

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Āḷavī, bên một đường mòn do bò đi đang phủ đầy thảm lá khô trong rừng cây *siṃsapā* (cây gỗ hồng, cây hương đàn). Lúc đó có (hoàng tử) Hatthaka ở xứ Āḷavī,³⁷⁶ đang đi bộ dạo mát, nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi ở đó. Ông đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, Thế Tôn ngủ có ngon không?”

“Có, này hoàng tử, ta ngủ ngon. Ta là một trong những người ngủ ngon trong thế gian.”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, những đêm đông như vậy rất lạnh. Một tiết dài tám ngày tuyết rơi.³⁷⁷ Chỗ này đất bị đập nát bởi trâu bò qua lại, lớp lá khô không còn dày, lá trên cây thì thưa thớt, mấy áo cà-sa đầu che nổi cơn lạnh, và gió hiu hút thổi lạnh căm. Vậy mà đức Thế Tôn vẫn nói “Có, hoàng tử, ta ngủ ngon. Ta là một trong những người ngủ ngon trong thế gian.””

“Vậy thì, này hoàng tử, ta sẽ hỏi ngài về vấn đề này. Ngài cứ trả lời nếu thấy được. Này hoàng tử, ngài nghĩ sao? Ví dụ có một người gia chủ [hay con trai ông ta] đang có ngôi nhà mái nhọn, được trát vữa bên trong và bên ngoài, các cửa chốt cài chặt và các cửa sổ đóng chặt. Bên trong nhà có bộ trường kỷ trắng, phủ bằng tấm vải len, phủ bằng tấm vải thêu hoa, phủ bằng tấm da hươu, có mái vòm ở trên đầu, gối đỏ ở hai đầu. Đèn dầu thấp sáng và có bốn người vợ hầu hạ ông ta một cách vô cùng sung sướng. Ngài nghĩ sao, liệu ông ta có ngủ ngon hay không, ngài nghĩ sao về điều này?”

“Ông ta sẽ ngủ ngon, thưa Thế Tôn. Ông là sẽ là một trong những người ngủ ngon trong thế gian.”

(1) “Ngài nghĩ sao, này hoàng tử? Có thể bên trong ông gia chủ đó có những con sốt thuộc thân và thuộc tâm phát sinh từ *tham-dục*, chúng sẽ

giày vò ông ta nên ông ta sẽ ngủ không ngon, có phải không?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

“Có thể bên trong ông gia chủ có những con sốt thuộc thân và thuộc tâm phát sinh từ tham-dục, chúng sẽ giày vò ông ta nên ông ta sẽ ngủ không ngon; nhưng Như Lai thì đã dẹp bỏ tham-dục đó, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy ta ngủ ngon.

(2) “Ngài nghĩ sao, này hoàng tử? Có thể bên trong ông gia chủ đó có những con sốt thuộc thân và thuộc tâm phát sinh từ *sân-giận*, chúng sẽ giày vò ông ta nên ông ta sẽ ngủ không ngon, có phải không?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

“Có thể bên trong ông gia chủ có những con sốt thuộc thân và thuộc tâm phát sinh từ *sân-giận*, chúng sẽ giày vò ông ta nên ông ta sẽ ngủ không ngon; nhưng Như Lai thì đã dẹp bỏ sự *sân-giận* đó, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy ta ngủ ngon.

(3) “Ngài nghĩ sao, này hoàng tử? Có thể bên trong ông gia chủ đó có những con sốt thuộc thân và thuộc tâm phát sinh từ *si-mê*, chúng sẽ giày vò ông ta nên ông ta sẽ ngủ không ngon, có phải không?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

“Có thể bên trong ông gia chủ có những con sốt thuộc thân và thuộc tâm phát sinh từ *si-mê*, chúng sẽ giày vò ông ta nên ông ta sẽ ngủ không ngon; nhưng Như Lai thì đã dẹp bỏ sự *si-mê* đó, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy ta ngủ ngon.

Bậc ấy luôn ngủ ngon,

Bà-la-môn (đích thực) đã chứng Niết-bàn;

Đã nguội mát, không còn những sự thu-nạp (sanh y),

Không còn bị ô nhiễm bởi những dục-lạc.

Sau khi đã cắt đứt mọi sự dính-mắc,
 Sau khi đã loại bỏ sự lo-âu trong tim,
 Người bình-an ngủ ngon giấc,
 Sau khi đã chứng đắc sự bình-an của tâm.³⁷⁸

36 (6) *Ba Thiên Sứ*³⁷⁹

“Này các Tỳ kheo, có ba thiên sứ đưa tin này.³⁸⁰ Ba đó là gì?

“Một người có những hành-vi sai trái bằng thân, lời-nói, và tâm. Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Ở đó những cai ngục nắm hai tay người đó và lôi tới trước Diêm Vương (Yama, Dạ-ma vương)³⁸¹ [và tâu rằng]: ‘Thưa đức vương, kẻ này không cư xử đúng đắn đối với cha mẹ, không cư xử đúng đắn đối với những tu-sĩ (sa-môn) và những bà-la-môn, không kính nể những bậc trưởng lão (cha ông, chú bác) trong gia đình. Đức vương hãy giáng hình phạt thích đáng cho kẻ này!’

[1] “Rồi, này các Tỳ kheo, Diêm Vương hỏi, hỏi tội, và tra hỏi về vị thiên sứ đưa tin thứ-nhất: ‘Này kẻ kia, ngươi có từng thấy vị thiên sứ thứ-nhất xuất hiện giữa loài người hay không?’—Và người đó trả lời: ‘Dạ không, thưa Diêm Vương, con chưa từng thấy vị ấy.’

“Rồi Diêm Vương nói với người đó: ‘Nhưng, này kẻ kia, bộ ngươi chưa từng thấy trong đời một đàn ông hay một phụ nữ nào tám mươi, chín mươi, hoặc một trăm tuổi, già nua, thân cong như vòm mái nhà, lưng còm, chống gậy, đi đứng run rẩy, đau đốn, tuổi trẻ và sức lực đã hết, với răng rụng, với tóc bạc thưa thớt hay hói đầu, da nhăn nheo, với tay chân đầy vết khô lác, hay sao?’—Và người đó trả lời: ‘Dạ có, thưa Diêm Vương, con đã nhìn thấy điều đó.’

“Rồi Diêm Vương nói với người đó: ‘Này kẻ kia, không lẽ ngươi, một người thông minh và trưởng thành, không biết nghĩ: “Tôi cũng phải bị già đi, tôi không thoát khỏi điều đó. Vậy giờ nên làm những điều tốt bằng

thân, lời-nói, và tâm”, hay sao?”—‘Dạ không, thưa Diêm Vương, con đã không thể. Con đã lo tâm về điều đó.’

“Rồi Diêm Vương lại nói: ‘Này kẻ kia, chính vì sự lo tâm đó mà người đã không làm những điều tốt bằng thân, lời-nói, và tâm. Vậy thì, người sẽ bị trừng trị thích đáng với sự lo tâm của người. Nghiệp xấu ác đó của người không phải được làm bởi mẹ hay cha, hay anh, chị, em, hay bạn bè, đồng sự, hay người thân, họ hàng hoặc người thân, những tu sĩ, những bà-la-môn, hay những thiên thần. Chính người là người đã làm nghiệp xấu ác đó, và người phải nếm trái quả của nó.’

[2] “Này các Tỳ kheo, sau khi Diêm Vương đã hỏi, hỏi tội, và tra hỏi người đó như vậy liên quan tới vị thiên sứ thứ-nhất, Diêm Vương tiếp tục hỏi, hỏi tội, và tra hỏi người đó về vị thiên sứ thứ-hai: ‘Này kẻ kia, người có từng thấy vị thiên sứ thứ-hai xuất hiện giữa loài người hay không?’—‘Dạ không, thưa Diêm Vương, con chưa từng thấy vị ấy.’

“‘Nhưng, này kẻ kia, bộ người chưa từng thấy trong đời một đàn ông hay một phụ nữ nào bị bệnh và đau đớn, bệnh yếu gần chết, nằm trên phân và nước tiểu của mình, phải nhờ người này người nọ ẵm lên và đặt xuống giường, hay sao?’—‘Dạ có, thưa Diêm Vương, con đã nhìn thấy điều đó.’

“‘Này kẻ kia, không lẽ người, một người thông minh và trưởng thành, không biết nghĩ: “Tôi cũng phải bị *bệnh*, tôi không thoát khỏi điều đó. Vậy giờ nên làm những điều tốt bằng thân, lời-nói, và tâm”, hay sao?’—‘Dạ không, thưa Diêm Vương, con đã không thể. Con đã lo tâm về điều đó.’

“Rồi Diêm Vương lại nói: ‘Này kẻ kia, chính vì sự lo tâm đó mà người đã không làm những điều tốt bằng thân, lời-nói, và tâm. Vậy thì, người sẽ bị trừng trị thích đáng với sự lo tâm của người. Nghiệp xấu ác đó của người không phải được làm bởi mẹ hay cha, hay anh, chị, em, hay bạn bè, đồng sự, hay người thân, họ hàng hoặc người thân, những tu sĩ, những bà-la-môn, hay những thiên thần. Chính người là người đã làm nghiệp xấu ác đó, và người phải nếm trái quả của nó.’

[3] “Này các Tỳ kheo, sau khi Diêm Vương đã hỏi, hỏi tội, và tra hỏi người đó như vậy liên quan tới vị thiên sứ thứ-hai, Diêm Vương tiếp tục hỏi, hỏi tội, và tra hỏi người đó về vị thiên sứ đưa tin thứ-ba: ‘Này kẻ kia, ngươi có từng thấy vị thiên sứ thứ-ba xuất hiện giữa loài người hay không?’—‘Dạ không, thưa Diêm Vương, con chưa từng thấy vị ấy.’

“‘Nhưng, này kẻ kia, bộ ngươi chưa từng thấy trong đời một người phụ nữ hay đàn ông nào chết, mới chết một, chết hai ngày, hay chết ba ngày, thi thể trương lên, tái nhợt, và đang sinh thối, hay sao?’—‘Có, thưa Diêm Vương, con đã nhìn thấy điều đó.’

“‘Rồi, này kẻ kia, không lẽ ngươi, một người thông minh và trưởng thành, không biết nghĩ: “Tôi cũng phải bị *chết*, tôi không thoát khỏi điều đó. Vậy giờ nên làm những điều tốt bằng thân, lời-nói, và tâm”, hay sao?’—‘Dạ không, thưa Diêm Vương, con đã không thể. Con đã lơ tâm về điều đó.’

“‘Rồi Diêm Vương lại nói: ‘Này kẻ kia, chính vì sự lơ tâm đó mà ngươi đã không làm những điều tốt bằng thân, lời-nói, và tâm. Vậy thì, ngươi sẽ bị trừng trị thích đáng với sự lơ tâm của ngươi. Nghiệp xấu ác đó của ngươi không phải được làm bởi mẹ hay cha, hay anh, chị, em, hay bạn bè, đồng sự, hay người thân, họ hàng hoặc người thân, những tu sĩ, những bà-la-môn, hay những thiên thần. Chính người là người đã làm nghiệp xấu ác đó, và ngươi phải nếm trái quả của nó.’

“Này các Tỳ kheo, sau khi Diêm Vương đã hỏi, hỏi tội, và tra hỏi người đó như vậy liên quan tới vị thiên sứ thứ-ba, Diêm Vương đã im lặng. (i) Rồi những cai ngục đã tra tấn người đó bằng nhục hình ‘đóng đinh năm chỗ’ (đính vách). Họ xiên cây sắt cháy đỏ qua bàn tay này và xiên cây sắt cháy đỏ qua bàn tay kia; họ xiên cây sắt cháy đỏ qua bàn chân này và xiên cây sắt cháy đỏ qua bàn chân kia; họ xiên cây sắt cháy đỏ qua giữa ngực người đó. Lúc đó người đó cảm nhận những cảm-giác đau đớn, đau buốt, thấu tận,³⁸² nhưng người đó vẫn không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa cạn hết.

(ii) “Tiếp theo những cai ngục quăng người đó xuống và chặt đẽo người đó bằng rìu chặt (lớn). Lúc đó người đó cảm nhận những cảm-giác đau đớn, đau buốt, thấu tận, nhưng người đó vẫn không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa cạn hết. (iii) Tiếp theo những cai treo ngược người đó với đầu chúc xuống và chặt đẽo người đó bằng rìu đẽo (nhỏ) ... (iv) Tiếp theo những cai ngục cột người đó vào xe ngựa và kéo lê người đó qua lại nền nhà đang cháy, cháy đỏ, cháy rực ... (v) Tiếp theo những cai ngục bắt người đó leo lên và leo xuống đồng than đang cháy, cháy đỏ, cháy rực ... (vi) Tiếp theo những cai ngục dựng ngược người đó và những người đó xuống chúc đầu người đó xuống một vạc nấu chảy đồng đang cháy, cháy đỏ, cháy rực. Người đó bị nấu trong chảo lửa cuộn xoáy đó. Và khi người đó đang bị nấu trong chảo lửa cuộn xoáy đó, người đó nổi lên, chìm xuống, trôi ngang trôi dọc (như bánh đang bị chiên trong chảo dầu). Khi đó người đó cảm nhận những cảm giác đau đớn, đau buốt, thấu tận. Nhưng người đó không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa cạn hết.

(vii) “Tiếp theo, những cai ngục quăng người đó vào Đại Địa Ngục. Giờ nói về Đại Địa Ngục đó, này các Tỷ kheo:

Nó có bốn góc và được xây bốn cửa
Mỗi cửa mỗi bên,
Được làm tường bằng sắt và bọc kín xung quanh
Và được đóng kín bằng mái sắt.
Sàn của nó được làm toàn bằng sắt
Và được đun nấu cháy đỏ với lửa ngọn.
Phạm vi là cả trăm do-tuần
Bao phủ tất cả bên trong nó.

“Này các Tỷ kheo, ngày xưa Diêm Vương đã từng nghĩ: ‘Những ai trong đời làm những việc xấu ác thì sẽ bị trừng phạt bằng những nhục hình khác nhau như vậy. Ôi, ước gì ta đạt được trạng thái làm người! Rồi có một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác khởi sinh trong thế gian! Rồi ta đến kính lễ đức Thế Tôn đó. Rồi đức Thế Tôn đó chỉ dạy cho ta

Giáo Pháp, và ta sẽ đi đến hiểu được Giáo Pháp của bậc ấy!”

“Này các Tỳ kheo, không phải ta đang nói điều ta nghe được từ những tu sĩ khác hay bà-la-môn khác, mà ta đang nói về điều ta đã thực sự tự mình biết, thấy, và hiểu được.”

Cho dù được cảnh báo bởi những thiên sứ,
 Những người đó vẫn lơ-tâm phóng dật
 Sầu khổ sẽ kéo dài,
 Sau khi rớt vào cảnh giới đọa đày.

Nhưng những người tốt ở đây
 Sau khi được cảnh báo bởi những thiên sứ,
 Họ không lơ-tâm làm ngơ đối với Giáo Pháp thánh thiện;
 Sau khi đã nhìn thấy hiểm-họa của sự chấp-thủ (thủ)
 Là nguồn gốc của sinh-tử,
 Được giải-thoát nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt),
 Trong sự diệt tận sinh-tử:
 Những bậc hạnh-phúc đó đã chứng đắc sự an-toàn;³⁸³
 Họ đã đạt tới Niết-bàn ngay trong kiếp này.
 Sau khi đã vượt qua sự thù-hận và hiểm-họa,
 Họ đã vượt khỏi tất cả mọi sự khổ.”

37 (7) *Tứ Đại Thiên Vương (1)*

“Này các Tỳ kheo, (1) vào ngày thứ tám của mỗi nửa-tháng, các vị thượng thư (bộ trưởng) và những thành viên (quan) triều chính của tứ đại thiên vương du hành khắp thế gian này³⁸⁴ [với ý nghĩ]: “Chúng ta hy vọng có nhiều người cư xử đúng đắn (hiếu thảo) với cha mẹ, cư xử đúng đắn với những tu sĩ và bà-la-môn, kính nể những bậc trưởng lão (cha ông, chú bác) trong gia đình, giữ giới những ngày bố-tát [uposatha], tăng thêm những ngày giữ giới, và làm những việc công đức.”³⁸⁵ (2) Vào ngày thứ mười bốn của kỳ nửa-tháng, những người con trai của tứ đại thiên vương du hành khắp thế gian [với ý nghĩ]: “Chúng ta hy vọng có nhiều người cư

xử đúng đắn (hiếu thảo) với cha mẹ ... và làm những việc công đức có nhiều.’ (3) Vào ngày thứ mười lăm của kỳ nửa-tháng, đích thân tứ đại thiên vương du hành khắp thế gian [với ý nghĩ]: “Chúng ta hy vọng có nhiều người cư xử đúng đắn (hiếu thảo) với cha mẹ ... và làm những việc công đức có nhiều.’

“Này các Tỳ kheo, nếu chỉ có ít người cư xử đúng đắn (hiếu thảo) với cha mẹ ... và làm những việc công đức, thì tứ đại thiên vương sẽ báo cho những thiên thần ở cõi trời Đao-lợi (Tāvātimsa; 33), khi họ đến gặp và ngồi xuống một bên trong sảnh đường Sudhamma (Thiện Pháp) ở cõi trời Đao-lợi, như vậy: ‘Kính thưa các vị thiên thần, hiện có ít người cư xử đúng đắn (hiếu thảo) với cha mẹ ... và làm những việc công đức.’ Rồi, vì do chuyện này, các thiên thần cõi trời Đao-lợi trở nên buồn bã, họ nói rằng: ‘Ôi, vậy là số chúng thiên thần sẽ suy giảm [tóp lại] và số chúng quỷ thần [asura, a-tu-la] sẽ tăng lên [phình ra]!’

“Nhưng nếu có nhiều người cư xử đúng đắn (hiếu thảo) với cha mẹ ... và làm những việc công đức, thì tứ đại thiên vương sẽ báo cho những thiên thần ở cõi trời Đao-lợi, khi họ đến gặp và ngồi xuống một bên trong sảnh đường Sudhamma (Thiện Pháp) ở cõi Đao-lợi, như vậy: ‘Thưa các vị thiên thần, hiện có nhiều người cư xử đúng đắn (hiếu thảo) với cha mẹ ... và làm những việc công đức.’ Rồi, vì chuyện này, các thiên thần trở nên vui mừng, họ nói rằng: ‘Ôi, vậy là số chúng thiên thần sẽ gia tăng [phình ra] và số chúng quỷ thần sẽ suy giảm [tóp lại]!’”

“Này các Tỳ kheo, trong một lần thuở xưa, Đê-thích [Sakka], vua của những thiên thần, khi đang chỉ dẫn cho các thiên thần của cõi trời Đao-lợi, đã xướng lên bài kệ này.³⁸⁶

‘Người nào muốn giống ta,
Thì nên giữ giới bố-tát
Đầy đủ tám chi giới như vậy,
Vào ngày thứ 14, ngày thứ 15,
Và ngày thứ 8 của kỳ nửa-tháng,
Và trong suốt những kỳ nửa-tháng đặc biệt.’³⁸⁷

“Nhưng, này các Tỳ kheo, bài kệ này được xưng tụng một cách không hay [tệ; không phù hợp] bởi vì Đế-thích, vua của những thiên thần, không được xưng tụng một cách hay khéo. Nó đã được tuyên tụng một cách không hay, không được tuyên tụng một cách hay khéo. Vì lý do gì? Vì Đế-thích, vua của những thiên thần, chưa phải đã hết tham, sân, si, ta nói vậy. Nhưng trong trường hợp một Tỳ kheo là A-la-hán—người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những điều cần phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục tiêu cuối cùng, đã phá sạch những gông-cùm (trói buộc sự) hiện-hữu, là người đã hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng—thì vị Tỳ kheo đó mới phù hợp để nói rằng:

‘Người nào muốn giống ta ...

Và trong suốt những kỳ nửa-tháng đặc biệt.’

“Vì lý do gì? Vì vị Tỳ kheo đó hết sạch tham, sân, si.”

38 (8) *Tứ Đại Thiên Vương (2)*

“Này các Tỳ kheo, trong một lần thuở xưa, khi Đế-thích [Sakka], vua của các thiên thần, khi đang chỉ dẫn cho các thiên thần của cõi trời Đao-lợi, đã xưng lên bài kệ này:³⁸⁸

‘Người nào muốn giống ta,

Thì nên giữ giới bố-tát

Đầy đủ tám chi giới như vậy,

Vào ngày thứ 14, ngày thứ 15,

Và ngày thứ 8 của kỳ nửa-tháng,

Và trong suốt những kỳ nửa-tháng đặc biệt.’

“Nhưng, này các Tỳ kheo, bài kệ này được xưng tụng một cách không hay [tệ; không phù hợp] bởi vì Đế-thích, vua của những thiên thần, không được xưng tụng một cách hay khéo. Nó đã được tuyên tụng một cách không hay, không được tuyên tụng một cách hay khéo. Vì lý do gì? Vì Đế-thích, vua của những thiên thần, chưa phải đã thoát khỏi sinh-già,

chưa thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; vị ấy chưa thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy. Nhưng trong trường hợp một Tỷ kheo là A-la-hán—người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những điều cần phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục tiêu cuối cùng, đã phá hủy sạch sẽ những gông-cùm (trói buộc sự) hiện-hữu, là người đã hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng—thì vị Tỷ kheo đó mới phù hợp để nói rằng:

‘Người nào muốn giống ta ...

Và trong suốt những kỳ nửa-tháng đặc biệt.’

“Vì lý do gì? Vì vị Tỷ kheo (A-la-hán) đó là đã thoát khỏi sự sinh-già, đã thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, ta nói như vậy.”

39 (9) Được Nuôi Dưỡng Tinh Tế

(I) “Này các Tỷ kheo, ta được nuôi dưỡng một cách tinh tế, được nuôi dưỡng một cách tinh tế nhất, được nuôi dưỡng một cách cực kỳ tinh tế. Trong nơi ở của cha ta, những hồ sen được làm chỉ để cho ta thưởng ngoạn: một hồ có hoa sen xanh dương nở, một hồ hoa sen đỏ, và hồ thứ ba là hoa sen trắng.³⁸⁹ Ta chỉ dùng loại gỗ hương đàn từ xứ Kāsi và khăn đóng, áo choàng, áo trên, quần dưới đều được làm từ lụa Kāsi.³⁹⁰ Ban ngày và ban đêm đều có mái che màu trắng để che nóng, che lạnh, ngăn bụi đất, cỏ rác và hơi sương phủ xuống đầu ta.

“Ta có ba cung điện: cung điện cho mùa đông, cung điện cho mùa hè, và cung điện cho mùa mưa.³⁹¹ Ta ở bốn tháng mùa mưa trong cung điện mùa mưa, có những nhạc công đờn ca, không ai là đàn ông,³⁹² và ta không bước ra khỏi cửa. Trong khi ở những nhà người khác, những người nô tỳ, người hầu, người làm chỉ được cho ăn cơm nát với cháo chua; ở nơi của cha ta thì họ được cho ăn thịt, cơm gạo nương, cơm trắng.

(1) “Sống giữa sự nguy nga tráng lệ và đời sống tinh tế như vậy, ý nghĩ này đã xảy đến với ta: ‘Một người phạm không được chỉ dạy, mặc dù

mình cũng phải bị già, đâu thoát khỏi tuổi già, lại luôn thấy chán chê, nhọc nhã, và ghê tởm khi nhìn thấy người khác già, mà quên nhìn tình cảnh mình (rồi cũng sẽ bị vậy).³⁹³ Giờ ta cũng phải bị già và đâu thoát khỏi tuổi già. Với tình cảnh như vậy, nếu ta cứ thấy chán chê, nhọc nhã, và ghê tởm khi nhìn thấy người khác già, thì điều đó là không đúng đắn với ta.’ Sau khi ta đã suy xét (quán chiếu) như vậy, ta đã hoàn toàn dẹp bỏ sự say sưa (sự ảo tưởng, phù phiếm) của mình về tuổi trẻ (là bền lâu).

(2) “[Lại nữa, ý này đã xảy đến với ta:] ‘Một người phạm không được chỉ dạy, mặc dù mình cũng phải bị bệnh, đâu thoát khỏi bệnh đau, lại luôn thấy chán chê, nhọc nhã, và ghê tởm khi nhìn thấy người khác bệnh đau, mà quên nhìn tình cảnh mình (rồi cũng sẽ bị vậy). Giờ ta cũng bị bệnh và đâu thoát khỏi bệnh đau. Trong tình cảnh như vậy, nếu ta cứ thấy chán chê, nhọc nhã, và ghê tởm khi nhìn thấy người khác bệnh đau, thì điều đó không đúng đắn với ta.’ Sau khi ta đã suy xét như vậy, ta đã hoàn toàn dẹp bỏ sự say sưa của mình về sức khỏe (là bền lâu).

(3) “[Lại nữa, ý này đã xảy đến với ta:] ‘Một người phạm không được chỉ dạy, mặc dù mình cũng phải bị chết, đâu thoát khỏi sự chết, lại luôn thấy chán chê, nhọc nhã, và ghê tởm khi nhìn thấy người khác chết, mà quên nhìn tình cảnh mình (rồi cũng sẽ bị vậy). Giờ ta cũng bị chết và đâu thoát khỏi sự chết. Trong tình cảnh như vậy, nếu ta cứ thấy chán chê, nhọc nhã, và ghê tởm khi nhìn thấy người khác chết, thì điều đó không đúng đắn với ta.’ Sau khi ta đã suy xét như vậy, ta đã hoàn toàn dẹp bỏ sự say sưa của mình về cuộc sống (là bền lâu).

(II) “Này các Tỳ kheo, có ba loại sự say sưa này.³⁹⁴ Ba đó là gì? (i) Sự say sưa (ảo tưởng, phù phiếm, ý lại) với tuổi trẻ, (ii) sự say sưa với sức khỏe, và (iii) sự say sưa với cuộc sống. (1) Người phạm không được chỉ dạy cứ say sưa với tuổi trẻ, cứ dính vào những hành-vi sai trái của thân, lời-nói và tâm. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. (2) Người phạm không được chỉ dạy say sưa với sức-khỏe, cứ dính vào những hành-vi sai trái của thân, lời-nói và tâm. Khi thân tan

rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. (3) Người phạm không được chỉ dạy sửa với cuộc sống, cứ dính vào những hành-vi sai trái của thân, lời-nói và tâm. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.

“Bởi do còn say sưa với tuổi trẻ, một Tỳ kheo bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục; hoặc bởi do say sưa với sức khỏe, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục; hoặc bởi do so say sưa với cuộc sống, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục.

“Những người phạm phải bị bệnh,
Bị già, bị chết, mà họ lại thấy ghê-tởm
[Với những người khác] cũng đang hiện hữu
Đúng như bản chất tự nhiên của họ là vậy.³⁹⁵

“Nếu ta cảm thấy ghê-tởm
Với những chúng sinh có cùng bản chất như vậy,
Thì điều đó đâu đúng dẫn đối với ta,
Bởi vì ta cũng có cùng bản chất như vậy mà.

“Trong khi ta đang an trú như vậy,
Sau khi đã biết được trạng thái không còn sự thu- nạp (sinh y),
Ta đã vượt qua tất cả sự say sưa—
Sự say sưa với tuổi trẻ,
Với sức khỏe, và với cuộc sống—
Sau khi ta đã nhìn thấy sự an-toàn trong sự từ-bỏ.³⁹⁶

“Sự nhiệt thành đã khởi sinh trong ta,
Khi ta đã rõ ràng nhìn thấy Niết-bàn.
Giờ thì ta không còn có thể
Say sưa thỏa thích trong những dục-lạc.
Nhờ vào đời sống tâm linh này,
Ta sẽ bao giờ quay lại (tái sinh) nữa.”³⁹⁷

40 (10) Những Thảm Quyền

“Này các Tỳ kheo, có ba thảm quyền này. Ba đó là gì? Bản thân như thảm quyền của một người tu, thế giới như thảm quyền của một người tu, và Giáo Pháp như thảm quyền của một người tu.³⁹⁸

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ‘bản thân như thảm quyền của một người tu’? Ở đây, sau khi đi vô rừng, đến một góc cây hay một chòi trống, một Tỳ kheo quán chiếu [suy xét] như vậy: [(i) ‘Ta xuất gia không phải để có được y áo, thức ăn khát thực, chỗ ở, hay để trở thành này thành nọ,³⁹⁹ nhưng [với ý nghĩ]: Ta đã chìm đắm trong sự sinh, già, chết; trong sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Ta đã chìm đắm trong sự khổ, bị đày đọa bởi sự khổ. Có lẽ có thể thấy được sự chắm-dứt toàn bộ đồng khổ này.’ (ii) Là một người đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, sẽ không đúng đắn nếu ta lại tìm kiếm những đục-lạc giống như hay còn tệ hơn những đục-lạc mà ta đã từ bỏ để xuất gia.’] Rồi Tỳ kheo đó quán chiếu như vậy: [‘Sự nỗ-lực tu (tinh tấn) sẽ được phát khởi trong ta, không yếu xiu; sự chánh-niệm sẽ được thiết lập, không lu mờ; thân ta sẽ được tĩnh lặng, không quấy động; tâm ta sẽ đạt định và nhất điểm.’] Sau khi đã coi ‘bản thân như một thảm quyền của mình’, Tỳ kheo đó dẹp bỏ điều bất thiện và tu dưỡng điều thiện lành; người đó dẹp bỏ điều tội lỗi và tu dưỡng điều không tội lỗi; người đó duy trì bản thân trong sự trong-sạch (thanh tịnh). Đây được gọi là ‘bản thân như thảm quyền của một người tu’.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ‘thế giới như thảm quyền của một người tu’? Ở đây, sau khi đi vô rừng, đến một góc cây, hay một chòi trống, một Tỳ kheo quán chiếu như vậy: [(i) ‘Ta xuất gia không phải để có được y áo, thức ăn khát thực ... nhưng [với ý nghĩ]: Ta đã chìm đắm trong sự sinh, già, chết ... Có lẽ có thể thấy được sự chắm-dứt toàn bộ đồng khổ này.’ (ii) Là một người đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, ta có thể còn nghĩ những ý nghĩ tham-đục, ý nghĩ ác-ý, ý nghĩ gây-hại. Nhưng cõi của thế giới thì bao la. Trong cái cõi bao la của thế

giới, có những sa-môn và bà-la-môn có năng-lực tâm linh (thần thông) và mắt thiên thánh (thiên nhãn thông), là những người có thể bằng tâm mình biết được tâm của người khác (tha tâm thông). Họ nhìn thấy những thứ ở cách xa nhưng họ không bị nhìn thấy cho dù họ ở gần bên; bằng tâm mình họ biết được tâm của người khác. Họ có thể biết ta như vậy: ‘Nhìn người họ tộc này: mặc dù đã xuất gia vì niềm-tin, nhưng ông ta bị hoen ố bởi trạng thái xấu ác bất thiện.’ Cũng có những thiên thần có những năng-lực tâm linh (thần thông) và mắt thiên thánh (thiên nhãn thông), họ cũng có thể bằng tâm mình biết tâm của người khác (tha tâm thông). Họ nhìn thấy những thứ ở cách xa nhưng họ không bị nhìn thấy cho dù họ ở gần bên; bằng tâm mình họ biết được tâm của người khác. Họ cũng có thể biết ta như vậy: ‘Nhìn người họ tộc này: mặc dù đã xuất gia vì niềm-tin, nhưng ông ta bị hoen ố bởi trạng thái xấu ác bất thiện.’] Rồi Tỳ kheo đó quán chiếu như vậy: [‘Sự nỗ-lực tu (tinh tấn) sẽ được phát khởi trong ta, không yếu xiù; sự chánh-niệm sẽ được thiết lập, không lu mờ; thân ta sẽ được tĩnh lặng, không quấy động; tâm ta sẽ đạt định và nhất điểm.’] Sau khi đã coi ‘thế-giới như một thẩm quyền của mình’, Tỳ kheo đó dẹp bỏ điều bất thiện và tu dưỡng điều thiện lành; người đó dẹp bỏ điều tội lỗi và tu dưỡng điều không tội lỗi; người đó duy trì bản thân trong sự trong-sạch (thanh tịnh). Đây được gọi là ‘bản thân như thẩm quyền của một người tu’.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ‘Giáo Pháp như thẩm quyền của một người tu’? Ở đây, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, một Tỳ kheo quán chiếu như vậy: [(i) ‘Ta xuất gia không phải để có được y áo, thức ăn khát thực ... nhưng [với ý nghĩ]: ‘Ta đã chìm đắm trong sự sinh, già, chết ... Có lẽ có thể thấy được sự chấm-dứt toàn bộ đồng khổ này.’ (ii) Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi những người có trí. Có những Tỳ kheo đồng đạo của ta là người biết và thấy. Là một người đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới-luật này, sẽ không đúng đắn nếu ta lười-biếng và lơ-tâm phóng dật.’] Rồi Tỳ kheo đó quán chiếu như vậy: [‘Sự nỗ-lực tu (tinh tấn) sẽ được phát

khởi trong ta, không yếu xiù; sự chánh-niệm sẽ được thiết lập, không lu mờ; thân ta sẽ được tĩnh lặng, không quấy động; tâm ta sẽ đạt định và nhất điểm.>] Sau khi đã coi ‘Giáo Pháp như một thẩm quyền của mình’, Tỳ kheo đó dẹp bỏ điều bất thiện và tu dưỡng điều thiện lành; người đó dẹp bỏ điều tội lỗi và tu dưỡng điều không tội lỗi; người đó duy trì bản thân trong sự trong-sạch (thanh tịnh). Đây được gọi là ‘Giáo Pháp như thẩm quyền của một người tu’.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba thẩm quyền của người tu.”

Đối với người làm một điều xấu ác,
Không có nơi nào được gọi là “được che giấu”.
Này người, ‘bản thân’ bên trong ông sẽ biết
Điều đó là thật hay giả.⁴⁰⁰

Thật vậy, thưa ông, ông là chúng nhân,
Đã coi thường cái ‘bản thân’ thiện của mình;
Ông che giấu cái ‘bản thân’ xấu ác
Có bên trong chính mình.⁴⁰¹

Những thiên thần và những Như Lai nhìn thấy những kẻ ngu
Hành động bất chính trong thế gian.
Bởi vậy một người nên hành vi một cách có chánh-niệm;
Lấy ‘bản-thân như thẩm quyền của mình’
Cảnh giác và thiền tập, lấy ‘thế-giới như thẩm quyền của mình’;
Và hành vi đúng theo Giáo Pháp.
Coi ‘Giáo Pháp như thẩm quyền của mình’,
Thực thụ tự thân nỗ lực, thì một sa-môn sẽ không bị sa sút.

Sau khi đã đánh bại Ma Vương,
Và đã chinh phục ‘kẻ làm sự kết-liễu’,
Bậc tinh-cần đã tuyệt dứt sự-sinh.
Bậc sa-môn, hiền trí, bậc hiểu biết thế giới,
Không còn nhận mình là bất cứ gì nữa.⁴⁰²

NHÓM 5

NHÓM NHỎ

41 (1) Có Mặt

“Này các Tỳ kheo, khi ba thứ có mặt, thì một người họ tộc được phú cho niềm-tin sẽ tạo nhiều công-đức. Ba đó là gì? (1) Khi niềm-tin có mặt, một người họ tộc được phú niềm-tin sẽ tạo nhiều công-đức. (2) Khi một vật-phẩm được cúng dường có mặt, thì một người họ tộc được phú cho niềm-tin sẽ tạo nhiều công-đức. (3) Khi những người đáng được cúng dường có mặt, thì một người họ tộc được phú cho niềm-tin sẽ tạo nhiều công-đức.”

42 (2) Ba Trường Hợp

“Này các Tỳ kheo, trong ba trường hợp một người có thể được hiểu là có niềm-tin và sự tự-tin. Ba đó là gì? Khi một người mong muốn gặp những người có giới-hạnh; khi một người mong muốn nghe Giáo Pháp; và khi một người sống ở nhà với một cái tâm không dính nhiễm tính keo-kiệt, rộng lòng bố thí, giang tay giúp-đỡ, vui thích sự từ-bỏ, tận tụy với việc từ-thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ. Trong ba trường hợp này, một người có thể được hiểu là có niềm-tin và sự tự-tin.”

Người thích gặp những bậc đức hạnh,
Người thích nghe Giáo Pháp tốt lành,
Người đã loại bỏ sự nhiễm tính keo-kiệt,
Thì được gọi là người được phú cho niềm-tin.

43 (3) Ba Lợi Thế

“Này các Tỳ kheo, khi một người nhìn thấy ba lợi thế (thuận lợi, có lợi) là đủ lý do để chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác. Ba đó là gì? (1) Người dạy Giáo Pháp trải nghiệm ý-nghĩa và Giáo Pháp.⁴⁰³ (2) Người

nghe Giáo Pháp trải nghiệm ý-nghĩa và Giáo Pháp. (3) Cả người dạy và người nghe Giáo Pháp đều trải nghiệm ý-nghĩa và Giáo Pháp. Sau khi nhìn thấy ba lợi thế này là đủ lý do để chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác.”

44 (4) Sự Trôi Chảy

“Này các Tỳ kheo, trong ba trường hợp cuộc pháp thoại sẽ trôi chảy. Ba đó là gì? (1) Khi người dạy Giáo Pháp trải nghiệm ý-nghĩa và Giáo Pháp. (2) Khi người nghe Giáo Pháp trải nghiệm ý-nghĩa và Giáo Pháp. (3) Khi cả người dạy Giáo Pháp và người nghe Giáo Pháp đều trải nghiệm ý-nghĩa và Giáo Pháp. Trong ba trường hợp này thì cuộc pháp thoại sẽ trôi chảy.”

45 (5) Người Có Trí ...

“Này các Tỳ kheo, có ba điều này được đề nghị (khuyên làm) bởi những người trí, được đề nghị bởi những người thiện. Ba đó là gì? (1) Sự cho-đi (bố thí) được đề nghị bởi những người trí, được đề nghị bởi những người thiện. (2) Sự xuất-gia được đề nghị bởi những người trí, được đề nghị bởi những người thiện. (3) Sự chăm-lo cha mẹ được đề nghị bởi những người trí, được đề nghị bởi những người thiện. Đây là ba điều được đề nghị bởi những người trí, được đề nghị bởi những người thiện.”

Những người tốt đề bạt sự bố-thí,
 Sự vô-hại, sự tự-chủ, và sự thuần-phục bản thân,
 Sự phụng-sự cho cha mẹ,
 Và cho những người-tu bình an theo đời sống tâm linh.⁴⁰⁴

Đây là những hạnh của người thiện
 Người có trí nên làm theo.
 Bậc thánh nhân đã có được cách-nhìn này
 Sẽ đi đến một cõi giới phúc lành.

46 (6) Đức Hạnh

“Này các Tỳ kheo, khi những người xuất gia đức hạnh [có giới-hạnh] sống nương nhờ một ngôi làng hay quận thị thì những người dân ở đó tạo được nhiều công đức bằng ba cách. Ba đó là gì? Bằng thân, lời-nói, và tâm. Khi những người xuất gia đức hạnh sống nương nhờ một ngôi làng hay quận thị thì những người dân ở đó tạo được nhiều công đức bằng ba cách như vậy.”

47 (7) Có Điều Kiện

“Này các Tỳ kheo, ba đặc tính này định nghĩa trạng thái có điều-kiện (hữu vi).⁴⁰⁵ Ba đó là gì? (i) Sự khởi-sinh (sinh) được nhìn thấy, sự biến-mất (diệt) được nhìn thấy, và sự biến-đổi (vô thường) khi nó đang tồn tại được nhìn thấy. Đây là ba đặc tính định nghĩa trạng thái có điều-kiện.

“Này các Tỳ kheo, ba đặc tính này định nghĩa trạng thái không còn điều-kiện (vô vi).⁴⁰⁶ Ba đó là gì? (i) Không có sự khởi-sinh (sinh) được nhìn thấy, (ii) không có sự biến-mất (diệt) được nhìn thấy, và (iii) không có sự biến-đổi (vô thường) khi nó đang tồn tại được nhìn thấy. Đây là ba đặc tính định nghĩa trạng thái không còn điều-kiện.”

48 (8) Núi Non ...

“Này các Tỳ kheo, dựa trên dãy núi Himalaya (Hy mã Lạp sơn), vua của những ngọn núi, những cây sala to lớn lớn lên theo ba cách. Ba đó là gì? (1) Chúng lớn lên về cành, lá và tán lá; (2) chúng lớn lên về phần vỏ cây và chồi; và (3) chúng lớn lên về phần gỗ mềm và gỗ lõi. Dựa trên núi Himalaya, vua của những ngọn núi, những cây sala to lớn lớn lên theo ba cách như vậy.

“Cũng giống như vậy, khi người đứng đầu một gia đình được phú cho niềm-tin, những người trong gia đình dựa vào người đó để trưởng thành (chín chắn) theo ba cách. Ba đó là gì? (1) Họ trưởng thành về niềm-tin; (2)

họ trưởng thành về giới-hạnh; và (3) họ trưởng thành về trí-tuệ. Khi người đứng đầu một gia đình được phú cho niềm-tin, những người trong gia đình dựa vào người đó để trưởng thành theo ba cách như vậy.”

Giống như khi những cây lớn lên,
 Nhờ dựa vào núi đá,
 Trong bao la rừng hoang,
 Có thể trở thành những đại vương thụ của rừng.
 Cũng giống như vậy, khi một người đứng đầu gia đình,
 Có được niềm-tin và giới-hạnh,
 Thì vợ, con, thân quyến đều nhờ dựa theo ông để trưởng thành;
 Rồi bạn bè, họ hàng cũng dựa vào ông như vậy.

Những người nhìn thấy giới-hạnh của ông,
 Tâm rộng lòng bố-thí,
 Và những việc thiện của ông,
 Họ sẽ làm theo gương ông ấy.

Ở đây (đời này) sau khi họ đã sống theo đúng Giáo Pháp,
 Theo con-đường (đạo) dẫn tới nơi-đến tốt lành,
 Những người đó muốn những dục-lạc họ sẽ vui thích
 Và thụ hưởng thể giới thiên thần.

49 (9) Sự Nhiệt Thành

“Này các Tỳ kheo, trong ba trường hợp này sự nhiệt-thành nên được thực hiện. Ba đó là gì? (1) Sự nhiệt-thành nên được thực hiện để không làm khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh. (2) Sự nhiệt-thành nên được thực hiện để làm khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh. (3) Sự nhiệt-thành nên được thực hiện để chịu đựng được những cảm-giác thân đã khởi sinh (là) đau đớn, nhức nhối, điếng, thốn, hành hạ, khó chịu nổi, làm suy kiệt sức sống. Trong ba trường hợp này sự nhiệt-thành nên được thực hiện.

“Khi một Tỳ kheo thực hiện sự nhiệt-thành (1) để không làm khởi

sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh, (2) để làm khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh, và (3) để chịu đựng được những cảm-giác thân đã khởi sinh (là) đau đớn, nhức nhối, điếng, thốn, hành hạ, khó chịu nổi, làm suy kiệt sức sống, thì người đó được gọi là người nhiệt-thành, cảnh-giác, và có chánh-niệm để làm nên sự hoàn toàn chấm-dứt khổ.”

50 (10) Siêu Trộm

(I) “Này các Tỳ kheo, có ba yếu tố, một tay siêu trộm sẽ đột nhập nhà cửa ăn trộm, cướp bóc của cải, làm côn đồ, và cướp đường. Ba đó là gì? Ở đây, một siêu trộm (1) dựa vào sự hiểm trở, (2) dựa vào sự rậm rạp, và (3) dựa vào những người quyền lực.

(1) “Và theo cách nào một siêu trộm dựa vào sự hiểm trở? Ở đây, một siêu trộm dựa vào sông ngòi khó vượt qua và núi non hiểm trở khó đi. Theo cách này là siêu trộm dựa vào sự hiểm trở.

(2) “Và theo cách nào một siêu trộm dựa vào sự rậm rạp (che khuất)? Ở đây, một siêu trộm dựa vào sự rậm rạp của ruộng mía, sự rậm rạp của cây lớn, của bụi rậm lùm cây,⁴⁰⁷ hay rừng lớn. Theo cách này là siêu trộm dựa vào sự rậm rạp che khuất.

(3) “Và theo cách nào một siêu trộm dựa vào những người quyền lực? Ở đây, một siêu trộm dựa vào vua chúa hay những quan chức. Hẳn nghĩ: ‘Nếu có ai bắt được tội ta, vua chúa hay những quan chức đó sẽ bênh vực (bào chữa) cho ta và bỏ qua.’ Và nếu có ai bắt được tội hấn, vua chúa và những quan chức đó sẽ bênh vực cho hấn và bỏ qua. Theo cách này là siêu trộm dựa vào những người quyền lực.

“Có ba yếu tố này, một tay siêu trộm sẽ đột nhập nhà cửa ăn trộm, cướp bóc của cải, làm côn đồ, và cướp đường.

(II) “Tương tự vậy, này các Tỳ kheo, có ba phẩm chất, một Tỳ kheo xấu ác (ác tăng) duy trì bản thân mình trong tình trạng bị tổn hại và tổn thương, người đó là đáng chê và đáng trách bởi những bậc trí hiền; và

người đó tạo nhiều tổn-phước. Ba đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo xấu ác (i) dựa vào sự hiểm trở, (ii) dựa vào sự rậm rạp, và (iii) dựa vào những người quyền lực.

(1) “Và theo cách nào một Tỳ kheo dựa vào sự hiểm trở? Ở đây, một Tỳ kheo xấu ác dính vào những hành-động sai trái, lời-nói sai trái, và tâm-ý sai trái (ba tà nghiệp). Theo cách này là một Tỳ kheo xấu ác dựa vào sự hiểm trở.

(2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo dựa vào sự rậm rạp (sự che mờ)? Ở đây, một Tỳ kheo xấu ác nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), dung dưỡng cách-nhìn cực đoan. Theo cách này là một Tỳ kheo xấu ác dựa vào sự rậm rạp.

(3) “Và theo cách nào một Tỳ kheo xấu ác dựa vào những người quyền lực? Ở đây, một Tỳ kheo xấu ác dựa vào vua chúa hay những quan chức. Người đó nghĩ: ‘Nếu có ai bắt tội ta, vua chúa hay những quan chức sẽ bênh vực cho ta và bỏ qua.’ Và nếu có ai bắt tội Tỳ kheo đó, vua chúa và những quan chức đó sẽ bào chữa cho người đó và bỏ qua. Theo cách này là một Tỳ kheo xấu ác dựa vào những người quyền lực.

“Có ba phẩm chất này, một Tỳ kheo xấu ác duy trì bản thân mình trong tình trạng bị tổn hại và tổn thương, người đó là đáng chê và đáng trách bởi những bậc trí hiền; và người đó tạo nhiều tổn-phước.”

[Năm Mười Kinh Thứ Hai]

NHÓM 1

NHỮNG BÀ-LA-MÔN

51 (1) Hai Bà-La-Môn (1)

Lúc đó có hai bà-la-môn đã già, nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, ở tuổi xế chiều, đang đến giai đoạn cuối đời, đã 120 tuổi; hai ông đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Thầy Cò-đàm, chúng tôi là những bà-la-môn đã già ... đã 120 tuổi. Nhưng chúng tôi chưa làm điều gì tốt và thiện, cũng chưa tạo được một chỗ nương tựa cho chính mình. Mong Thầy Cò-đàm khởi xướng và chỉ dạy cho chúng tôi theo một cách để nó dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho chúng tôi!”

“Phải rồi, này các bà-la-môn, các bác đã già ... đã 120 tuổi, nhưng các bác chưa làm điều gì tốt và thiện, cũng chưa tạo được một chỗ nương tựa cho chính mình. Thực vậy, thế gian này bị dẫn dắt (cuốn đi) bởi sự già, bệnh, chết. Nhưng mặc dù thế gian bị dẫn dắt bởi già, bệnh, chết, khi một người đã ra đi thì sự tự-chủ về thân, lời-nói, và tâm (khi còn sống) sẽ cung cấp một nơi che chở, nơi nương náu, một hòn đảo, nơi nương tựa, và nơi phù hộ.”

Cuộc sống bị cuốn đi, cuộc đời là ngắn ngủi,
Không tồn tại những nơi trú ẩn cho những người đi đến tuổi già.
Sau khi nhìn thấy rõ hiểm-họa trong cái chết,
Người ta nên làm những việc công-đức mang lại hạnh-phúc.⁴⁰⁸

Khi một người từ già [cuộc đời này],
Sự tự-chủ về thân, lời-nói, và tâm
Và những việc làm công-đức khi còn sống,

Mới là thứ dẫn dắt người đó đến hạnh-phúc.

52 (2) Hai Bà-la-môn (2)

Lúc đó có hai bà-la-môn đã già ... hai ông đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Thầy Cồ-đàm, chúng tôi là những bà-la-môn đã già ... đã 120 tuổi. Nhưng chúng tôi chưa làm điều gì tốt và thiện, cũng chưa tạo được một chỗ nương tựa cho chính mình. Mong Thầy Cồ-đàm khởi xướng và chỉ dạy cho chúng tôi theo một cách để nó dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho chúng tôi!”

“Phải rồi, này các bà-la-môn, các bác đã già ... đã 120 tuổi. Nhưng các bác chưa làm điều gì tốt và thiện, cũng chưa tạo được một chỗ nương tựa cho chính mình. Thực vậy, thế gian này đang bốc cháy bằng sự già, bệnh, chết. Nhưng mặc dù thế gian đang bốc cháy bằng sự già, bệnh, chết, khi một người đã ra đi thì sự tự-chủ về thân, lời-nói, và tâm (khi còn sống) sẽ cung cấp một nơi che chở, nơi nương náu, một hòn đảo, nơi nương tựa, và nơi phủ hộ.”

Khi nhà ai bị cháy,
(Nếu có) thùng nước (che thân) để thoát ra,
Mới là thứ hữu ích cho người,
Chứ không phải những thứ (của cải) đang cháy rụi ở trong nhà.

Cũng vậy khi thế gian đang bốc cháy
Bằng sự già-chết,
Nên biết thoát ra bằng sự bố-thí:
Những thứ được cho-đi mới là sự khéo thoát ra.⁴⁰⁹

Khi một người từ già [cuộc đời này]
Sự tự-chủ về thân, lời-nói, và tâm,
Và những việc làm công-đức khi còn sống,

Mới là thứ dẫn người đó đến hạnh-phúc.

53 (3) *Một Bà-La-Môn Nọ*

Lúc đó một bà-la-môn nọ đến gặp đức Thế Tôn ... và nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Thầy Cồ-đàm, thường nghe nói: ‘Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được. Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được.’⁴¹⁰ Theo cách nào là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến thấy, có thể áp dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí?”

(1) “Này bà-la-môn, một người bị kích thích bởi tham-dục, bị chinh phục bởi tham, với cái tâm bị ám muội bởi tham, thì cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc làm khổ cả mình và người, và người đó ném trái sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng khi tham được dẹp bỏ, người đó không cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc khổ cả mình và người, và người đó không ném trái sự khổ tâm và ưu phiền. Chính theo cách này Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được ... được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.

(2) “Người đầy sân-giận, bị chinh phục bởi sân, với cái tâm bị ám muội bởi sân, thì cố ý làm khổ mình, làm khổ người, và làm khổ cả mình và người, và người đó ném trái sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng khi sân được dẹp bỏ, thì người đó không cố ý làm khổ mình, làm khổ người, và làm khổ mình và người, và người đó không ném trái sự khổ tâm và ưu phiền. Chính theo cách này Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được ... được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí. **

(3) “Người bị si-mê, bị chinh phục bởi si, với cái tâm bị ám muội bởi si, cố ý làm khổ mình, làm khổ người, và làm khổ cả mình và người, và người đó ném trái sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng khi si được dẹp bỏ, thì người đó không cố ý làm khổ mình, làm khổ người, và làm khổ mình và

người, và người đó không ném trái sự khổ tâm và ưu phiền. Chính theo cách này Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.”

“Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như Thầy đã dựng đứng lại những thứ bị chúi đầu, khai mở những gì bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

54 (4) Một Du Sĩ

Lúc đó có một du sĩ bà-la-môn đến gặp đức Thế Tôn ... và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, thường nghe nói: ‘Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được. Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được.’ Theo cách nào là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí?”

(1) “Này bà-la-môn, (i) một người bị kích thích bởi tham-dục, bị chinh phục bởi tham, với cái tâm bị ám muội bởi tham, thì cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc làm khổ cả mình và người, và người đó ném trái sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng nếu tham được loại bỏ, thì người đó không cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc khổ cả mình và người, và người đó không ném trái sự khổ tâm và ưu phiền. (ii) Người bị kích thích bởi tham, bị chinh phục bởi tham, với cái tâm bị ám muội bởi tham, thì dính vào những hành-vi sai trái bởi thân, lời-nói, và tâm. Nhưng khi tham được dẹp bỏ, thì người đó không còn dính vào những hành-vi sai trái bởi thân, lời-nói, và tâm. (iii) Người bị kích thích bởi tham, bị chinh phục bởi

tham, với cái tâm bị ám muội bởi tham, thì không hiểu được điều tốt cho mình, điều tốt cho người, hoặc điều tốt cho cả mình và người, đúng như nó thực là. Nhưng khi tham được dẹp bỏ, thì người đó hiểu được điều tốt cho mình, điều tốt cho người, hoặc điều tốt cho cả mình và người, đúng như nó thực là. Nay bà-la-môn, chính theo cách này Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được ... được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.

(2) “(i) Một người đầy sân-giận, bị chinh phục bởi sân ...

(3) “(i) Một người bị si-mê, bị chinh phục bởi si, với cái tâm bị ám muội bởi si, thì cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc làm khổ cả mình và người, và người đó ném trái sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng nếu si được dẹp bỏ, thì người đó không cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc khổ cả mình và người, và người đó không ném trái sự khổ tâm và ưu phiền. (ii) Người bị si-mê, bị chinh phục bởi si, với cái tâm bị ám muội bởi si mê, thì dính vào những hành-vi sai trái bởi thân, lời-nói, và tâm. Nhưng khi si được dẹp bỏ, thì người đó không dính vào những hành-vi sai trái bởi thân, lời-nói, và tâm. (iii) Người bị si-mê, bị chinh phục bởi si mê, với cái tâm bị ám muội bởi si mê, thì không hiểu được điều tốt cho mình, điều tốt cho người, hoặc điều tốt cho cả mình và người, đúng như nó thực là. Nhưng khi si được loại bỏ, thì người đó hiểu được điều tốt cho mình, điều tốt cho người, hoặc điều tốt cho cả mình và người, đúng như nó thực là. Nay bà-la-môn, chính theo cách này Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được ... được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.”

“Thật hay, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách ... Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

55 (5) *Niết-Bàn*

Lúc đó có bà-la-môn tên Jāṇussoṇī đến gặp đức Thế Tôn ... và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, thường nghe nói: ‘Niết-bàn là có thể nhìn thấy được.

Niết-bàn là có thể trực tiếp nhìn thấy được’. Theo cách nào là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí?”

(1) “Này bà-la-môn, một người bị kích thích bởi tham-dục, bị chinh phục bởi tham, với cái tâm bị ám muội bởi tham, thì cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc làm khổ cả mình và người, và người đó nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng khi tham được loại bỏ, thì người đó không cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc khổ cả mình và người, và người đó không nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Chính theo cách này Niết-bàn là có thể trực tiếp nhìn thấy được.

(2) “Người đầy sân-giận, bị chinh phục bởi sân ...

(3) “Người bị si-mê, bị chinh phục bởi si mê, với cái tâm bị ám muội bởi si mê, thì cố ý làm khổ mình, làm khổ người, và làm khổ cả mình và người, và người đó nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng khi si được dẹp bỏ, thì người đó không cố ý làm khổ mình, làm khổ người, và làm khổ mình và người, và người đó không nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Chính theo cách này Niết-bàn là có thể trực tiếp nhìn thấy được.

“Này bà-la-môn, khi một người trải nghiệm sự diệt-sạch tham, sự diệt-sạch sân, sự diệt-sạch si [không còn tàn dư], thì cũng chính theo cách này Niết-bàn là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.”

“Thật hay, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách ... Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

56 (6) Dân Số Giảm

Lúc đó có một bà-la-môn giàu có đến gặp ... và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, tôi nghe những bà-la-môn trưởng lão, họ là những

người già cả, đã gánh nặng năm tháng, là bậc thầy của những vị thầy, đã nói rằng: ‘Trong thời quá khứ thế gian này đông nghẹt dân chúng, gần như không có khoảng trống giữa họ. Những làng mạc, những thành thị, và những kinh thành san sát nhau đến nỗi những con gà có thể bay qua bay lại giữa chúng (các nơi đó).’⁴¹¹ Thầy Cồ-đàm, tại sao trong thời hiện tại dân số giảm đi, sự giảm sút được nhìn thấy,⁴¹² và những làng mạc, phố thị, thành thị, quận thị đã biến mất?”⁴¹³

(1) “Này bà-la-môn, thời bây giờ người ta bị kích thích bởi tham-dục trái pháp, bị chinh phục bởi tham-lam bất chính, bị hành khổ bởi Giáo Pháp sai lạc (tà pháp).⁴¹⁴ Hệ quả là, họ cầm vũ khí và chém giết lẫn nhau. Nên nhiều người chết. Đây là một lý do tại sao trong thời hiện tại dân số giảm đi, sự giảm sút nhìn thấy rõ, và những làng mạc, phố thị, thành thị, quận thị đã biến mất.

(2) “Lại nữa, thời bây giờ người ta bị kích thích bởi tham-dục trái pháp, bị chinh phục bởi tham-lam bất chính, bị hành khổ bởi Giáo Pháp sai lạc. Khi điều này xảy ra, trời không mưa đủ. Hệ quả là, nạn đói xảy ra, lúa gạo khan hiếm; mùa màng bị tàn phá (bởi sâu bọ) và biến thành rom rạ. Nên nhiều người chết. Đây là một lý do tại sao trong thời hiện tại dân số giảm đi, sự giảm sút nhìn thấy rõ, và những làng mạc, phố thị, thành thị, quận thị đã biến mất.

(3) “Lại nữa, thời bây giờ người ta bị kích thích bởi tham-dục trái pháp, bị chinh phục bởi tham-lam bất chính, bị hành khổ bởi Giáo Pháp sai lạc. Khi điều này xảy ra, những quý dạ-xoa (yakkha) chúa đã thả những quý [dạ-xoa] đã man ra đường.⁴¹⁵ Nên nhiều người chết. Đây là một lý do tại sao trong thời hiện tại dân số giảm đi, sự giảm sút nhìn thấy rõ, và những làng mạc, phố thị, thành thị, quận thị đã biến mất.”

“Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách ... Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

57 (7) *Du Sī Vaccha*

Lúc đó có du sĩ tên là Vacchagotta đến gặp ... và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cò-đàm, tôi nghe nói: ‘Sa-môn Cò-đàm nói như vậy: “Những thứ cúng dường chỉ nên được bố thí cho ta, không cho những người khác; những thứ cúng dường chỉ nên được bố thí cho những đệ tử của ta, không cho những người khác. Chỉ những thứ được cúng dường cho ta mới mang lại phước quả, những thứ được cúng dường cho những người khác thì không; chỉ những thứ được cúng dường cho những đệ tử của ta mới mang lại phước quả, những thứ được cúng dường cho những người khác thì không.”’ Có phải những người nói như vậy là nói đúng lời Thầy Cò-đàm đã nói và họ không diễn dịch sai bằng điều gì trái với thực tế (thầy đã nói)? Có phải như vậy là họ giải thích đúng theo Giáo Pháp và không tạo ra cơ-sở hữu lý nào để bị người ta phê bình hay bác bỏ?⁴¹⁶ Vì chúng tôi không muốn trình bày sai lời của Thầy Cò-đàm.”

“Này Vaccha, ai nói: ‘Sa-môn Cò-đàm nói rằng: “Đồ cúng dường nên được cúng cho ta ... cho những đệ tử của ta thì mới có phước quả, cúng cho đệ tử của người khác thì không có”’ là họ không nói đúng những lời ta đã nói và họ đã diễn dịch sai bằng điều trái với thực tế (ta đã nói). Ai ngăn cản người khác bố thí cúng dường là người đó tạo ra sự cản trở và trở ngại đối với ba người. Ba đó là gì? Người đó tạo ra sự cản trở (1) đối với người bố thí đang tích tạo công đức, (2) đối với những người đang nhận đồ bố thí, và (3) đã tự duy trì bản thân mình trong tình trạng bị tổn hại và tổn thương. Người ngăn cản người khác bố thí cúng dường là người đó tạo ra sự cản trở và trở ngại đối với ba người đó.

“Nhưng, này Vaccha, ta nói rằng người ta còn tạo được công đức ngay cả khi đổ nước rửa chén vô đống rác hay hầm phân với ý nghĩ ‘Mong cho những chúng sinh (vi sinh vật) trong đó dùng thứ này để sống!’ Vậy thì sự bố thí cúng dường cho người thì [tích tạo công đức]

nhiều tới mức nào! Tuy nhiên, ta nói rằng, thứ gì được bỏ thí cúng dường cho người có giới-hạnh (đức hạnh) thì có nhiều phước quả hơn [thứ được cúng dường] cho những người không giới-hạnh (thất đức). Và [người đáng được cúng dường nhất là người đã dẹp bỏ được năm yếu-tố và có được năm yếu-tố.

“Năm yếu tố nào người đó đã dẹp bỏ? Đó là (năm chướng-ngại) tham-dục, sự ác-ý, sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ. Đây là năm yếu tố người đó đã dẹp bỏ.

“Và năm yếu tố nào người đó có được? Đó là giới-hạnh, thiền-định, trí-tuệ, sự giải-thoát, và trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát của một người đã vượt trên sự tu-học (đã tu thành, vô học nhân). Đây là năm yếu tố người đó có được.

“Chính theo cách này, ta nói rằng thứ gì được bỏ thí cúng dường cho ‘người đã dẹp bỏ năm yếu-tố và có được năm yếu-tố’ thì có rất nhiều phước quả.”

Trong một đàn bò,
 Dù con đen, con trắng, con đỏ, hay con vàng hung,
 Màu đồng nhất hay có đốm, hay màu bò câu—
 Có con bò đực đực thuần hóa được sinh ra:
 Nó có thể chịu tải nặng,
 Có sức mạnh, sức nhanh.
 Thì họ gông gánh nặng lên cổ nó,
 Họ không quan tâm nó màu gì.

Trong nhân loại cũng vậy,
 Dù là sinh cảnh (giai cấp) là gì:
 Trong số những người giai cấp chiến-sĩ,
 Bà-la-môn, nông-thương,
 Hay giai cấp hạ-tiện, bần-lao, hay bần-cùng đồ phân—
 Có người được thuần hóa được sinh ra:
 Người vững chắc về Giáo Pháp, giới-hạnh về hành-vi,

Chân thật trong lời nói, biết xấu-hỗ lương tâm (tàm);
Người đó đã loại bỏ được sự sinh-già,
Đã đạt đỉnh cao trong đời sống tâm linh,
Đã quẳng bỏ gánh nặng, đã hết bị trói buộc,
Đã làm xong những gì cần phải làm,
Đã không còn ô-nhiễm;
Là người đã vượt trên mọi thứ [của thế gian],
Và đã chứng ngộ Niết-bàn, nhờ sự không còn chấp-thủ:
Thì sự cúng dường thực sự là lớn lao
Khi được gieo trồng trong ruộng phước vô nhiễm đó.

Những người ngu không hiểu,
Ngu ngốc, thiếu học,
Không đề tâm kính lễ tới những bậc thánh,⁴¹⁷
Mà chỉ lo cúng dường những người ngoài đạo.
Nhưng những ai đề tâm kính lễ những bậc thánh,
Và những người trí được tôn trọng là thánh hiền,⁴¹⁸
Và những người có niềm-tin vào bậc Phúc Lành (Phật),
Thì được cảm rỗi và được thiết lập hay khéo
Sẽ đi lên cõi những thiên thần,
Hoặc được sinh ra ở đây trong những gia đình tốt.
Còn những bậc trí tu tiến những bước thành đạt,
Và chứng ngộ Niết-bàn.

58 (8) Bà-La-Môn Tikaṇṇa

Lúc đó có bà-la-môn tên là Tikaṇṇa đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Rồi, sau khi ngồi xuống một bên, bà-la-môn Tikaṇṇa, trước mặt đức Thế Tôn, đã nói lời đề cao những bà-la-môn là những người đã thuần thực ba trí-biết (tam minh) (của Vệ-đà), như vậy: “Những bà-la-môn như vậy là bậc thầy về ba trí-biết; như vậy là những bà-la-môn là những bậc thầy về ba trí-biết.”

[Đức Thế Tôn đã nói:] “Nhưng, này bà-la-môn, theo cách nào những bà-la-môn mô tả về một bà-la-môn là bậc thầy về ba trí-biết?”

“Ở đây, Thầy Cồ-đàm, một bà-la-môn được khéo sinh từ cả bên dòng mẹ và dòng cha, thuộc huyết thống thanh khiết, không thể chê được và không bị vết nhơ về mặt sự sinh-ra, suốt bảy đời cha ông phụ hệ. Vị đó là một người tụng đọc và lưu truyền những kinh kệ, là bậc thầy thông thuộc ba bộ kinh Vệ-đà [Veda] với những phần từ vựng thuật ngữ, nghi lễ cúng tế, âm vị học, và nguyên từ học của chúng, và thứ năm là các phần sử học; giỏi về ngữ văn và ngữ pháp, hoàn toàn tinh thông về triết học tự nhiên và về tướng số của bậc đại nhân (vĩ nhân). Chính theo cách này những bà-la-môn mô tả một bà-la-môn là bậc thầy về ba trí-biết.”

“Này bà-la-môn, một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật của Thánh Nhân thì hoàn toàn khác với một bà-la-môn được gọi là bậc thầy về ba trí-biết mà những bà-la-môn đã mô tả như vậy.”

“Nhưng, Thầy Cồ-đàm, theo cách nào là một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật của Thánh Nhân? Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-đàm chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp theo một cách để làm rõ cách mà một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật Thánh Nhân đó.”

“Được, này bà-la-môn, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ, ta sẽ nói.”

“Dạ được”, bà-la-môn Tikanna đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Ở đây, này bà-la-môn: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’

(ii) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tâm hết tứ), và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’

(iii) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tinh giác), người đó trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc) bằng thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: ‘Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).’

(iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sượng-khổ (không còn sượng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sượng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’

(1) “Khi tâm người đó đã được như vậy, đạt định, được thanh lọc, được thanh tẩy, không còn vết nhơ, không còn những ô-nhiễm (hết lậu), dễ uốn nắn, dễ dụng, vững vàng, và đạt tới sự bất lay động, người đó hướng nó tới trí-biết [minh] nhớ lại những cõi kiếp quá khứ (*túc mạng minh*). Người đó nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình: [đó là một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh ; nhiều đại kiếp thế giới tan-hoại, nhiều đại kiếp thế giới tiến-hóa, nhiều đại kiếp thế giới tan-hoại và tiến-hóa; như vậy (trong một kiếp nào đó): ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; sau khi qua đời từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia ... rồi ở chỗ kia ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; sau khi qua đời từ chỗ kia, ta đã được tái sinh vào ở đây.’] Như vậy đó, người đó đã nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của mình với những phương diện và đặc điểm của chúng.

“Đây là trí-biết đầu tiên được chứng ngộ bởi người đó. Vô-minh bị xua tan, trí-biết đích thực (minh) đã khởi sinh; bóng tối đã bị xua tan, ánh

sáng đã khởi sinh, điều này xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (trong tu tập).

(2) “Khi tâm người đó đã được như vậy, đạt định, được thanh lọc, được thanh tẩy, không còn vết nhơ, không còn những ô-nhiễm (hết lậu), dễ uốn nắn, dễ dụng, vững vàng, và đạt tới sự bất lay động, người đó hướng nó tới trí-biết [minh] về sự chết-đi và tái-sinh của chúng sinh. Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người (*thiên nhãn minh*), người đó đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá theo nghiệp của mình như vậy: [‘Những chúng sinh này dính vào hành-vi sai trái bằng thân, lời-nói, và tâm; là người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn sai lạc, thì khi thân người đó tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia có hành-vi đúng đắn bằng thân, lời-nói và tâm; là những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. ’] Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó nhìn thấy những chúng sinh chết-đi và tái-sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá đúng theo nghiệp của mình như vậy.

“Đây là trí-biết thứ hai được chứng ngộ bởi người đó. Vô-minh bị xua tan, trí-biết đích thực (minh) đã khởi sinh; bóng tối đã bị xua tan, ánh sáng đã khởi sinh, điều này xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (trong tu tập).

(3) “Khi tâm người đó đã được như vậy, đạt định, được thanh lọc, được thanh tẩy, không còn vết nhơ, không còn những ô-nhiễm (hết lậu), dễ uốn nắn, dễ dụng, vững vàng, và đạt tới sự bất lay động, người đó

hướng nó tới trí-biết [minh] về sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm (*lậu tận minh*). Người đó hiểu đúng như nó thực là: [‘Đây là sự khổ’. Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ’. Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là những ô-nhiễm’. Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc những ô-nhiễm’. Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là sự chấm-dứt những ô-nhiễm’. Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt những ô-nhiễm’.]

“Khi người đó đã biết và đã thấy như vậy, tâm người đó được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm của/do tham-dục (dục lậu), khỏi những ô-nhiễm của/do sự hiện-hữu (hữu lậu), và khỏi những ô-nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu). Khi tâm đã được giải-thoát thì có sự-biết: ‘Nó được giải-thoát’. Người đó hiểu: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’

“Đây là trí-biết thứ ba được chứng ngộ bởi người đó. Vô-minh bị xua tan, trí-biết đích thực (minh) đã khởi sinh; bóng tối đã bị xua tan, ánh sáng đã khởi sinh, điều này xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (trong tu tập).

“Người có giới-hạnh không có sự lung lay,
Là người cảnh giác và thiền định,
Tâm người đó đã được điều phục,
Đạt nhất điểm, đạt chánh định;

“Bậc trí hiền, người xua tan bóng tối,
Người có tam-minh, người chiến thắng thân chết;
Người được gọi là ‘người đã dẹp-bỏ tất cả’,
Là ân nhân của những thiên thần và loài người;

“Người có được ba trí-biết đó,
Là người sống không còn ngu-mò;

Họ tôn thờ bậc ấy, chính là Đức Phật Cồ-đàm,
Người đó mang thân này lần cuối.

“Người biết rõ những cõi kiếp quá khứ của mình,
Là người nhìn thấy tiên giới và đọa giới là gì,
Và đã chứng đắc sự tiêu diệt sự-sinh (sinh đã tận),
Là bậc thánh hiền đã toàn thiện về trí-biết trực tiếp.”⁴¹⁹

“Nhờ có ba loại trí-biết này
Thì một người là ‘một bà-la-môn có tam-minh’.
Ta gọi đó là ‘một bậc thầy về tam minh’,
Chứ không phải loại (bà-la-môn) chỉ biết đọc những thần chú.

“Này bà-la-môn, chính theo cách này một người là bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật của Thánh Nhân.”

“Thầy Cồ-đàm, như vậy một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật của Thánh Nhân đó là hoàn toàn khác với một bậc thầy về ba trí-biết theo định nghĩa của những bà-la-môn. Và một bậc thầy về ba trí-biết theo định nghĩa của những bà-la-môn là không đáng bằng 1/16 của một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật của Thánh Nhân.

“Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách ... Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

59 (9) Bà-La-Môn Jāṇussoṇī

Lúc đó có bà-la-môn tên là Jāṇussoṇī đến gặp ... và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, ai có đồ cúng tế, đồ cúng giỗ, đồ dâng cúng, hay đồ bố thí thì hãy nên cúng dường cho những bà-la-môn là những bậc thầy về ba trí-biết.”⁴²⁰

[Đức Thế Tôn nói:] “Nhưng, này bà-la-môn, theo cách nào những bà-

la-môn mô tả về một bà-la-môn là bậc thầy về ba trí-biết?”

“Ồ đây, Thầy Cò-đàm, một bà-la-môn được khéo sinh từ cả bên dòng mẹ và dòng cha ... [*y hết đoạn này trong kinh 3:58 kể trên*] ... và về tướng số của bậc đại nhân (vĩ nhân). Chính theo cách này những bà-la-môn mô tả một bà-la-môn là bậc thầy về ba trí-biết.”

“Này bà-la-môn, một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật của Thánh Nhân thì hoàn toàn khác với một bà-la-môn được gọi là bậc thầy về ba trí-biết mà những bà-la-môn đã mô tả như vậy.”

“Nhưng, Thầy Cò-đàm, theo cách nào là một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật của Thánh Nhân? Sẽ tốt lành nếu Thầy Cò-đàm chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp theo một cách để làm rõ cách mà một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật Thánh Nhân đó.”

“Được, này bà-la-môn, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ, ta sẽ nói.”

“Được”, bà-la-môn Jāṇussoṇī đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Ồ đây, này bà-la-môn: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) ... [*y hết những đoạn này trong kinh 3:58 kể trên, cho tới chỗ:*]

“Đây là trí-biết thứ ba được chứng ngộ bởi người đó. Vô-minh bị xua tan, trí-biết đích thực (minh) đã khởi sinh; bóng tối đã bị xua tan, ánh sáng đã khởi sinh, điều này xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (trong tu tập).

“Người toàn thiện về giới-hạnh và sự trai-giới,
Là người kiên định và bình tĩnh,
Người có tâm được điều phục,
Đạt nhất điểm, đạt chánh định;

“Người biết rõ những cõi kiếp quá khứ của mình,
Là người nhìn thấy tiên giới và đạo giới là gì,
Và đã chứng đắc sự tiêu diệt sự-sinh (sinh đã tận),
Bậc thánh hiền đã toàn thiện về trí-biết trực tiếp.

“Nhờ có ba loại trí-biết này,

Thì một người là ‘một bà-la-môn có tam-minh’.

Ta gọi đó là ‘một bậc thầy về tam minh’,

Chứ không phải loại (bà-la-môn) chỉ biết đọc những thần chú.

“Này bà-la-môn, chính theo cách này một người là bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật của Thánh Nhân.”

“Thầy Cồ-đàm, như vậy một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật của Thánh Nhân đó là hoàn toàn khác với một bậc thầy về ba trí-biết theo định nghĩa của những bà-la-môn. Và một bậc thầy về ba trí-biết theo định nghĩa của những bà-la-môn là không đáng bằng 1/16 của một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật của Thánh Nhân.

“Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách ... Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

60 (10) Bà-La-Môn Saṅgāra

Lúc đó có bà-la-môn tên Saṅgāra đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn ... Rồi, sau khi ngồi xuống một bên, bà-la-môn Saṅgāra đã nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, chúng tôi là những bà-la-môn cúng tế và khuyến khích những người khác thực hiện cúng tế. Giờ thì cả hai người, người cúng tế và người khuyến khích người khác thực hiện cúng tế, đều làm việc công đức cho nhiều người, nhờ vào việc cúng tế. Nhưng một người rời bỏ gia đình và xuất gia để thuần phục chỉ bản thân mình, làm bình lặng chỉ bản thân mình, và để dẫn tới Niết-bàn chỉ cho bản thân mình. Trong trường hợp đó, người đó làm việc công đức chỉ cho bản thân mình, nhờ vào việc xuất gia.”

“Vậy thì, này bà-la-môn, ta sẽ hỏi ông về vấn đề này. Ông cứ trả lời nếu thấy được. Ông nghĩ sao, này bà-la-môn? Ở đây, một Như Lai khởi sinh trong thế giới, [‘là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã

giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu đầy đủ trí-biết đích thực và phẩm-hạnh (minh hạnh túc), là bậc phúc-lành (thiện thệ), bậc hiểu-biết những thế giới (thế gian giải), người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa (điều ngự trượng phu), thầy của những thiên thần và loài người (thiên nhân sư), bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.']. Bậc ấy nói như vậy: ‘Này, đây là con đường, đây là đường đi. Sau khi đã thực hành đúng theo nó, bằng trí-biết trực tiếp, ta đã tự mình chứng ngộ tới đỉnh cao tối thượng của đời sống tâm linh⁴²¹ và giờ công khai nó cho những người khác biết. Này bà-la-môn, ông cũng nên thực hành như vậy. Sau khi đã thực hành đúng theo nó, bằng trí-biết trực tiếp, ông sẽ tự mình chứng ngộ tới đỉnh cao vô thượng của đời sống tâm linh và an trú trong đó.’ Như vậy là vị thầy chỉ dạy Giáo Pháp này và người khác thực hành theo đó. Có nhiều trăm, nhiều ngàn, nhiều trăm ngàn người thực hành như vậy. Ông nghĩ sao? Như trong trường hợp này, cái việc xuất gia là một việc làm công đức cho một người hay cho nhiều người?”

“Thầy Cồ-đàm, như trong trường hợp này, đây là một việc làm công đức cho nhiều người, việc công đức đó dựa vào sự xuất gia.”

Sau khi điều này được nói ra, Ngài Ānanda (có mặt ngay đó) đã nói với bà-la-môn Saṅgārava:

“Này bà-la-môn, trong hai việc làm đó, theo ông việc nào là đơn giản hơn và ít tổn hại hơn (như phải giết động vật, nghi lễ cúng tế tổn công tổn của) mà lại có nhiều ích lợi và phước quả hơn?”

Lúc đó bà-la-môn Saṅgārava nói với thầy Ānanda: “Tôi coi Thầy Cồ-đàm và Thầy Ānanda là đáng tôn kính và đáng khen ngợi.”⁴²²

Lần thứ hai thầy Ānanda nói với ông bà-la-môn: “Này bà-la-môn, tôi không hỏi ông ai đáng được tôn kính và khen ngợi. Tôi đang hỏi ông, trong hai việc làm đó, theo ông việc nào là đơn giản hơn và ít tổn hại hơn mà có nhiều ích lợi và phước quả hơn?”

Nhưng lần thứ hai ông bà-la-môn vẫn trả lời: “Tôi coi Thầy Cồ-đàm và Thầy Ānanda là đáng tôn kính và đáng khen ngợi.”

Lần thứ ba thầy Ānanda lại hỏi ông bà-la-môn: “Này bà-la-môn, tôi không hỏi ông ai đáng được tôn kính và khen ngợi. Tôi đang hỏi ông, trong hai việc làm đó, theo ông việc nào là đơn giản hơn và ít tổn hại hơn mà có nhiều ích lợi và phước quả hơn?”

Nhưng lần thứ ba ông bà-la-môn vẫn cứ trả lời bằng câu như vậy. Lúc đó đức Thế Tôn nghĩ trong đầu rằng: “Tới lần thứ ba thầy Ānanda đã hỏi như vậy mà ông bà-la-môn vẫn cứ ngập ngừng và không trả lời. Vậy để ta giải tỏa cho ông ta.” Rồi đức Thế Tôn đã nói với bà-la-môn Saṅgāra:va:

“Này bà-la-môn, trong buổi tọa đàm hôm này, những quan thần của nhà vua đã nói về điều gì khi họ tụ tập và ngồi với nhau trong triều?”

“Thầy Cồ-đàm, buổi tọa đàm hôm này đã nói về chuyện này: ‘Trước đây số Tỷ kheo thì ít nhưng có nhiều người biểu diễn những sự kỳ diệu siêu nhân của thần thông. Thờ bây giờ số Tỷ kheo thì nhiều nhưng có ít người biểu diễn những sự kỳ diệu siêu nhân của thần thông.’ Đây là chuyện đã khởi lên trong buổi tọa đàm của các quan thần trong triều hôm nay.”

“Này bà-la-môn, có ba loại sự kỳ diệu. Ba đó là gì? Sự kỳ diệu của thần-thông, sự kỳ diệu của sự đọc-tâm, và sự kỳ diệu của sự chỉ-giáo.⁴²³

(1) “Và, này bà-la-môn, cái gì là sự kỳ diệu của thần-thông? Ở đây, một Tỷ kheo [vận dụng nhiều loại thần-thông khác nhau (*thần thông biến hóa*) như: ‘Biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân; người đó hiện hình và biến hình; người đó đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi thiền treo chân; bằng tay mình sờ chạm mặt trăng và mặt trời, những thứ thật hùng vĩ và uy lực như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā’.] Đây được gọi là sự kỳ diệu của thần-thông.

(2) “Và, này bà-la-môn, cái gì là sự kỳ diệu của sự đọc-tâm (người khác)? (i) Có người, dựa vào một số dấu hiệu manh mối,⁴²⁴ có thể tuyên

bồ: ‘Ý nghĩ của ông là vậy; đó là điều ông đang nghĩ; tâm của ông đang như vậy, như vậy.’ Và thậm chí người đó tuyên bố nhiều lần, rằng chúng (những ý nghĩ, tâm trạng của người đó) chính là vậy, không khác.

“Lại nữa, (ii) có người không tuyên bố [trạng thái tâm] dựa vào những dấu hiệu manh mối, mà do người đó nghe được âm thanh của người, của những phi nhân, hay của những thiên thần [đang nói] và tuyên bố: ‘Ý nghĩ của ông là vậy; đó là điều ông đang nghĩ; tâm của ông đang như vậy, như vậy.’ Và thậm chí người đó tuyên bố nhiều lần, rằng chúng chính là vậy, không khác.

“Lại nữa, (iii) có người không tuyên bố [trạng thái tâm] dựa vào những dấu hiệu manh mối, mà do người đó nghe được âm thanh khuếch tán của ý nghĩ⁴²⁵ khi một người đang nghĩ (tâm) và soi xét (tứ) [về vấn đề nào đó], và tuyên bố: ‘Ý nghĩ của ông là vậy; đó là điều ông đang nghĩ; tâm của ông đang như vậy, như vậy.’ Và thậm chí người đó tuyên bố nhiều lần, chúng chính là vậy, không khác.

“Lại nữa, (iv) có người không tuyên bố [trạng thái tâm] dựa vào những dấu hiệu manh mối, cũng không phải do nghe được âm thanh của người của những phi nhân hay của những thiên thần [đang nói], cũng không phải do nghe được âm thanh khuếch tán của ý nghĩ khi một người đang nghĩ (tâm) và soi xét (tứ) [về một vấn đề nào đó], mà bằng tâm mình bao trùm tâm của người khác đã chứng đắc trạng thái định-tâm không còn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ) (hết tầm hết tứ), và người đó hiểu rằng: ‘Những hành-vi của tâm của người này cũng được biểu lộ nên ngay khắc sau người đó sẽ nghĩ ý nghĩ này.’⁴²⁶ Và thậm chí người đó tuyên bố nhiều lần, rằng chúng chính là vậy, không khác. Đây được gọi là sự kỳ diệu của sự đọc-tâm.

(3) “Và, này bà-la-môn, cái gì là sự kỳ diệu của sự chỉ-giáo? Ở đây, có người chỉ dạy [những người khác] như vậy: [‘Hãy nghĩ (suy xét, niệm) theo cách này, đừng nghĩ theo cách kia! Chú tâm (tác ý) vào điều này, đừng chú tâm vào điều kia! Đẹp bỏ trạng thái này, chứng nhập và an trú trong trạng thái kia!'] Đây được gọi là sự kỳ diệu của sự chỉ-giáo.⁴²⁷

“Này bà-la-môn, đây là ba loại sự kỳ diệu. Trong ba sự kỳ diệu này, theo ông loại nào là siêu xuất và siêu phàm nhất?”

“Thưa Thầy Cồ-đàm, trong ba loại đó, (1) loại (đầu tiên) mà một người [vận dụng nhiều loại thần-thông khác nhau như: ‘Biến một thân thành nhiều thân ... vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā’], thì chỉ riêng người biểu diễn sự kỳ diệu này trải nghiệm nó và nó xảy ra chỉ đối với người đó. Theo tôi, đây chỉ giống như một màn biểu diễn ảo thuật.

(2) “Lại nữa, thưa Thầy Cồ-đàm, loại (thứ hai) mà một người [đọc ra trạng thái tâm của người khác (i) dựa trên những dấu hiệu manh mối ... (ii) do nghe được âm thanh của người ... (iii) do nghe được âm thanh khuếch tán của ý nghĩ khi một người đang nghĩ (tâm) và soi xét (tứ) [một vấn đề nào đó] ... (iv) bằng tâm mình bao trùm tâm của người khác ... Và thậm chí người đó tuyên bố nhiều lần, rằng chúng chính là vậy, không khác], thì chỉ riêng người biểu diễn sự kỳ diệu này trải nghiệm nó và nó xảy ra chỉ đối với người đó. Theo tôi, đây cũng chỉ giống như một màn biểu diễn ảo thuật.

(3) “Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, loại (thứ ba) mà một người [chỉ dạy [những người khác] như vậy: [‘Hãy nghĩ (suy xét, niệm) theo cách này, đừng nghĩ theo cách kia! Chú tâm (tác ý) vào điều này, đừng chú tâm vào điều kia! Đẹp bỏ trạng thái này, chúng nhập và an trú trong trạng thái kia!’], thì theo tôi, đây là loại siêu xuất và siêu phàm nhất trong ba loại sự kỳ diệu (vì người sự kỳ diệu được trải nghiệm và xảy ra đối với nhiều người).

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, thưa Thầy Cồ-đàm, thật hay khéo là cách điều này đã được tuyên thuyết bởi Thầy Cồ-đàm! Chúng tôi coi Thầy Cồ-đàm là người có thể thực hiện cả ba loại sự kỳ diệu này. Bởi vì (1) Thầy Cồ-đàm có thể [vận dụng nhiều loại thần-thông khác nhau ... vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā’], (2) Thầy Cồ-đàm có thể [bằng tâm mình bao trùm tâm của người khác ... tuyên bố nhiều lần, rằng chúng chính là vậy, không khác.], và (3) Thầy Cồ-đàm có thể [chỉ dạy [những người khác] như vậy: [‘Hãy nghĩ theo cách này ... Đẹp bỏ trạng

thái này, chứng nhập và an trú trong trạng thái kia!'].”

“Chắc chắn là vậy, này bà-la-môn, (cho dù) lời của ông như đang moi móc và chọc ghẹo.⁴²⁸ Tuy nhiên, ta sẽ trả lời lại cho ông. (1) Đúng là ta có thể [vận dụng nhiều loại thần-thông khác nhau ... vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā]. (2) Đúng là ta có thể [bằng tâm mình bao trùm tâm của người khác ... rằng chúng chính là vậy, không khác]. (3) Và đúng là ta có thể [chỉ dạy [những người khác] như vậy: ‘Hãy nghĩ theo cách này ... Đẹp bỏ trạng thái này, chứng nhập và an trú trong trạng thái kia!'].”

“Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, ngoài Thầy Cồ-đàm có Tỳ kheo nào khác có thể thực hiện ba loại sự kỳ diệu này không?”

“Có, không chỉ một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm hay năm trăm Tỳ kheo, thậm chí nhiều Tỳ kheo hơn có thể thực hiện ba sự kỳ diệu này.”

“Nhưng những Tỳ kheo đó hiện đang ở đâu?”

“Ở ngay đây, này bà-la-môn, trong Tăng đoàn các Tỳ kheo này.”

“Thật xuất sắc, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật xuất sắc, thưa Thầy Cồ-đàm ... Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

NHÓM 2

NHÓM LỚN

61 (1) Chủ Thuyết Của Các Giáo Phái

(I) “Này các Tỳ kheo, có ba chủ thuyết của các giáo phái⁴²⁹ mà cho dù có được hỏi, được chất vấn, được đối chứng, và được đưa đến kết luận bởi người có trí, thì chúng rốt cuộc cũng chỉ là sự không-làm-gì.⁴³⁰ Ba đó là gì?

“Này các Tỳ kheo, có những tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ một giáo thuyết và quan điểm như vậy: [1] ‘Dù người này trải nghiệm gì—sướng, khổ, hay không sướng không khổ—tất cả xảy ra đều do nghiệp đã làm trong quá khứ’. Những tu sĩ và bà-la-môn khác thì nắm giữ giáo thuyết và quan điểm như vậy: [2] ‘Dù người này trải nghiệm gì—sướng, khổ, hay không sướng không khổ—tất cả xảy ra đều do sự tạo tác của Thượng Đế’. Những tu sĩ và bà-la-môn khác nữa thì nắm giữ giáo thuyết và quan điểm như vậy: [3] ‘Dù người này trải nghiệm gì—sướng, khổ, hay không sướng không khổ—tất cả đều tự xảy ra chứ không do nhân và duyên [nguyên nhân và điều kiện] nào cả’.⁴³¹

(1) “Này các Tỳ kheo, ta đã gặp những tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ giáo thuyết và quan điểm [1]—‘Tất cả đều xảy ra do nghiệp trong quá khứ’—⁴³² và ta nói với họ: ‘Có đúng là các vị nắm giữ giáo thuyết và quan điểm như vậy?’ Khi ta hỏi như vậy, họ xác nhận là có. Rồi ta nói với họ: ‘Trong trường hợp như vậy, chỉ vì những nghiệp trong quá khứ cho nên các vị có thể sát-sinh, gian-cấp, dính vào tà-dâm, nói-dối nói sai, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gồng nạt nộ, nói lời tầm-phào tán đóc; cho nên cứ đây tham-muôn, có tâm ác-ý, và nắm giữ quan-điểm sai lạc (tà kiến) như vậy.’⁴³³

“Những ai quay lại ‘coi những nghiệp quá khứ là chân lý cốt lõi’ thì họ không mong muốn [làm] những điều nên làm và [tránh làm] những điều không nên làm và họ cũng không nỗ lực để làm gì về vấn đề này. Vì họ không hiểu được đúng và hợp lệ điều gì nên làm và điều gì không nên

làm, cho nên tâm họ mờ-rối, họ không phòng hộ bản thân, và ngay cả danh xưng cá nhân là ‘sa-môn’ cũng không thể được dùng cho họ một cách hợp thức. Đây là sự bác bỏ hợp pháp thứ nhất của ta đối với những sa-môn và bà-la-môn nắm giữ giáo thuyết và quan điểm như vậy.

(2) “Rồi, này các Tỳ kheo, ta đã gặp những tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ giáo thuyết và quan điểm [2]—‘Tất cả đều xảy ra do sự tạo tác của Thượng Đế’—và ta nói với họ: ‘Có đúng là các vị nắm giữ giáo thuyết và quan điểm như vậy?’ Khi ta hỏi như vậy, họ đã xác nhận là có. Rồi ta nói với họ: ‘Trong trường hợp như vậy, chỉ vì sự tạo tác của Thượng Đế cho nên các vị có thể sát-sinh, gian-cấp ... và nắm giữ quan-điểm sai lạc (tà kiến) như vậy.’

“Những ai quay lại ‘coi sự tạo tác của Thượng đế là chân lý cốt lõi’ thì họ không mong muốn [làm] những điều nên làm và [tránh làm] những điều không nên làm và họ cũng không nỗ lực để làm gì về vấn đề này. Vì họ không hiểu được đúng và hợp lệ điều gì nên làm và điều gì không nên làm, cho nên tâm họ mờ-rối, họ không phòng hộ bản thân, và ngay cả danh xưng cá nhân là ‘sa-môn’ cũng không thể được dùng cho họ một cách hợp thức. Đây là sự bác bỏ hợp pháp thứ nhất của ta đối với những sa-môn và bà-la-môn nắm giữ giáo thuyết và quan điểm như vậy.

(3) “Rồi, này các Tỳ kheo, ta đã gặp những tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ giáo thuyết và quan điểm [3]—‘Tất cả đều tự xảy ra chứ không do nhân duyên nào cả’—và ta nói với họ: ‘Có đúng là các vị nắm giữ giáo thuyết và quan điểm như vậy?’ Khi ta hỏi như vậy, họ đã xác nhận là có. Rồi ta nói với họ: ‘Trong trường hợp như vậy, chỉ vì không-có nhân duyên nào cả cho nên các vị có thể sát-sinh, gian-cấp ... và nắm giữ quan-điểm sai lạc (tà kiến) như vậy.’

“Những ai quay lại ‘coi (mọi sự) không-có nhân duyên nào cả’ thì họ không mong muốn [làm] những điều nên làm và [tránh làm] những điều không nên làm và họ cũng không nỗ lực để làm gì về vấn đề này. Vì họ không hiểu được đúng và hợp lệ điều gì nên làm và điều gì không nên làm, cho nên tâm họ mờ-rối, họ không phòng hộ bản thân, và ngay cả

danh xưng cá nhân là ‘sa-môn’ cũng không thể được dùng cho họ một cách hợp thức. Đây là sự bác bỏ hợp pháp thứ nhất của ta đối với những sa-môn và bà-la-môn nắm giữ giáo thuyết và quan điểm như vậy.

“Này các Tỳ kheo, đây là những chủ thuyết của các giáo phái mà cho dù có được hỏi, được chất vấn, được đối chứng, và được đưa đến kết luận bởi người có trí, thì cũng dẫn đến kết cuộc là sự không-làm-gì.

(II) “Nhưng, này các Tỳ kheo, Giáo Pháp này được ta chỉ dạy là không bị bác bỏ, không bị làm ô nhiễm, không thể chỉ trích, và không thể bài bác bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí.⁴³⁴ Và cái gì là Giáo Pháp được ta chỉ dạy là không bị bác bỏ, không bị làm ô nhiễm, không thể chỉ trích, và không thể bài bác bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí?

“Này là sáu yếu-tố (giới)’: này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp được ta chỉ dạy là không bị bác bỏ ... bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. ‘Này là sáu cơ-sở tiếp xúc (căn)’ ... ‘Này là mười tám sự soi-xét của tâm’ (tâm) ... ‘Này là bốn diệu đế’: này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp được ta chỉ dạy này là không bị bác bỏ ... bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí.

- “Khi ta nói điều này: ‘Này là sáu yếu-tố’ (sáu giới): này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp được ta chỉ dạy là không bị bác bỏ ... bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí’, vì lý do gì ta nói ra điều này? Có sáu yếu-tố: yếu-tố đất, yếu-tố nước, yếu-tố nhiệt, yếu-tố khí, yếu-tố không gian, và yếu-tố thức.⁴³⁵ Khi ta nói ra điều này: ‘Này là sáu yếu-tố’ (giới): ... không bị bác bỏ ... bởi các tu sĩ và bà-la-môn có trí’, thì chính do có sáu yếu-tố đó nên ta đã nói điều đó.

- “Khi ta nói điều này: ‘Này là sáu cơ-sở tiếp xúc’ (sáu căn): này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp được ta chỉ dạy là không bị bác bỏ ... bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí’, vì lý do gì ta nói ra điều này? Có sáu cơ-sở tiếp xúc: mắt là một cơ sở tiếp xúc, tai là một cơ sở tiếp xúc, mũi là một cơ sở tiếp xúc, lưỡi là một cơ sở tiếp xúc, thân là một cơ sở tiếp xúc, và tâm là một cơ sở tiếp xúc. Khi ta nói ra điều này: ‘Này là sáu cơ-sở tiếp xúc’: ... không bị bác bỏ ... bởi các tu sĩ và bà-la-môn có trí’, thì chính do

có sáu cơ-sở tiếp xúc đó nên ta đã nói điều đó.

- “Khi ta nói điều này: ‘Này là mười tám sự soi-xét của tâm’ (tâm): này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp được ta chỉ dạy là không bị bác bỏ ... bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí’, vì lý do gì ta nói ra điều này?⁴³⁶ Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người xem xét một hình-sắc là cơ sở vui-thích; người xem xét một hình-sắc là cơ sở ghét-chê; người xem xét một hình-sắc là cơ sở xả-bỏ (không thích không chê). Khi nghe một âm-thanh ... khi ngửi một mùi-hương ... khi nếm một mùi-vị ... khi cảm nhận một đối-tượng chạm xúc ... khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm, người xem xét một hiện-tượng thuộc tâm là cơ sở vui-thích; người xem xét một hiện-tượng thuộc tâm là cơ sở ghét-chê; người xem xét một hiện-tượng thuộc tâm là cơ sở xả-bỏ. Khi ta nói ra điều này: ‘Này là mười tám sự soi-xét của tâm’: ... không bị bác bỏ ... bởi các tu sĩ và bà-la-môn có trí.’, thì chính do có mười tám sự soi-xét của tâm đó nên ta đã nói điều đó.

- “Khi ta nói điều này: ‘Này là bốn diệu đế’: này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp được ta chỉ dạy là không bị bác bỏ ... bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí’, vì lý do gì ta nói ra điều này? Tùy thuộc vào sáu yếu-tố (giới) nên xuất hiện sự nhập-thai [sẽ thành phôi thai].⁴³⁷ Khi có sự nhập-thai thì có danh-sắc; khi có danh-sắc là điều-kiện (duyên) thì có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ); khi có sáu cơ-sở cảm nhận là điều-kiện thì có sự tiếp-xúc (xúc); khi có sự tiếp-xúc là điều-kiện thì có cảm-giác (thọ). Bây giờ, vì do người (có) cảm nhận (cảm giác) nên ta nói: ‘Đây là sự khổ’, và ‘Đây là nguồn-gốc khổ’, và ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’, và ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là diệu đế về sự khổ [khổ đế]? Sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ; sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền và tuyệt vọng là khổ; không được cái mình muốn là khổ; nói tóm lại, năm-uẩn bị chấp-thủ này chính là khổ. Đây được gọi là diệu đế về sự khổ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là diệu đế về nguồn-gốc khổ [tập đế]? Do có vô-minh là điều-kiện (duyên) nên có [sinh ra] những sự tạo-tác

(hành); do có những sự tạo-tác là điều-kiện, nên có thức (thức); do có thức là điều-kiện, nên có danh-sắc (tâm-thân); do có danh-sắc là điều-kiện, nên có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ); do có sáu cơ-sở cảm nhận là điều-kiện, nên có sự tiếp-xúc (xúc); do có sự tiếp-xúc là điều-kiện, nên có cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái); do có dục-vọng là điều-kiện, nên có sự chấp-thủ (thủ); do có sự chấp-thủ là điều-kiện, nên có sự hiện-hữu (hữu); do có sự hiện-hữu là điều-kiện, nên có sự sinh-ra (sinh); do có sự sinh-ra là điều-kiện, nên có sự già và chết; rồi có sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đồng khổ này. Đây được gọi là diệu đế về nguồn-gốc khổ.⁴³⁸

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là diệu đế về sự chấm-dứt khổ [diệt đế]? Với sự phai-biến sạch sẽ [không còn tàn dư] và sự chấm-dứt của vô-minh (vô minh diệt), thì không còn những sự tạo-tác (hành diệt); khi những sự tạo-tác chấm dứt, thì không còn thức (thức diệt); khi thức chấm dứt, thì không còn danh-sắc (danh-sắc diệt); khi danh-sắc chấm dứt, thì không còn sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ diệt); khi sáu cơ-sở cảm nhận chấm dứt, thì không còn sự tiếp-xúc (xúc diệt); khi sự tiếp-xúc chấm dứt, thì không còn cảm-giác (thọ diệt); khi cảm-giác chấm dứt, thì không còn dục-vọng (ái diệt); khi dục-vọng chấm dứt, thì không còn sự chấp-thủ (thủ diệt); khi sự chấp-thủ chấm dứt, thì không còn sự hiện-hữu (hữu diệt); khi sự hiện-hữu chấm dứt, thì không còn sự sinh-ra (sinh tận); khi sự sinh chấm dứt, thì không còn sự già và chết (lão tử diệt); cũng đâu còn sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não diệt). Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đồng khổ này. Đây được gọi là diệu đế về sự chấm-dứt khổ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là diệu đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ [đạo đế]? Đó chính là con-đường tám phần thánh thiện (Bát thánh đạo), gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định. Đây được gọi là diệu đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.

“Khi ta nói ra điều này: ‘Này là bốn diệu đế’: này các Tỳ kheo, đây là

Giáo Pháp được ta chỉ dạy là không bị bác bỏ, không bị làm ô nhiễm, không thể chỉ trích, và không thể bài bác bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí’, thì chính do có bốn diệu để đó nên ta đã nói điều đó.”

62 (2) *Những Hiểm Họa*

(I) “Này các Tỳ kheo, người phạm không được chỉ dạy nói về ba hiểm-họa này làm chia lìa mẹ và con.⁴³⁹ Ba đó là gì?

(1) “Một thời thuở xưa có một trận đại hỏa hoạn. Khi trận đại hỏa hoạn xảy ra, nó thiêu rụi những làng mạc, quận thị, và thành phố. Khi những làng mạc, quận thị, và thành phố đang bốc cháy, mẹ không tìm thấy con và con không tìm thấy mẹ. Đây là hiểm họa thứ nhất làm chia lìa mẹ và con mà người phạm không được chỉ dạy nói tới.

(2) “Lại nữa, một thời thuở xưa có một trận mưa lớn. Khi trận mưa lớn xảy ra, nó biến thành một trận đại lụt. Khi trận đại lụt xảy ra, những làng mạc, quận thị, và thành phố bị cuốn đi. Khi những làng mạc, quận thị, và thành phố bị cuốn đi, mẹ không tìm thấy con và con không tìm thấy mẹ. Đây là hiểm họa thứ hai làm chia lìa mẹ và con mà người phạm không được chỉ dạy nói tới.

(3) “Lại nữa, một thời thuở xưa có một trận bạo loạn giặc giã, khi đó mọi người ở vùng quê phóng lên xe cộ bỏ chạy tán loạn. Khi trận bạo loạn xảy ra, mọi người ở vùng quê phóng lên xe cộ bỏ chạy tán loạn, mẹ không tìm thấy con và con không tìm thấy mẹ. Đây là hiểm họa thứ ba làm chia lìa mẹ và con mà người phạm không được chỉ dạy nói tới.

“Đây là ba hiểm họa làm chia lìa mẹ và con mà người phạm không được chỉ dạy nói tới.

(II) “Này các Tỳ kheo, có ba hiểm họa mà mẹ và con đôi lúc tìm thấy nhau mà người phạm không được chỉ dạy nói tới là những hiểm họa làm chia lìa mẹ và con.⁴⁴⁰ Ba đó là gì?

(1) “Một thời thuở xưa có một trận đại hỏa hoạn. Khi trận đại hỏa

hoạn xảy ra, nó thiêu rụi những làng mạc, quận thị, và thành phố. Khi những làng mạc, quận thị, và thành phố đang bốc cháy, có đôi lúc mẹ tìm thấy con và con tìm thấy mẹ. Đây là hiểm họa thứ nhất mẹ và con gặp lại nhau mà người phàm không được chỉ dạy nói tới như một hiểm-họa làm làm chia lìa mẹ và con.

(2) “Lại nữa, một thời thuở xưa có một trận mưa lớn. Khi trận mưa lớn xảy ra, nó biến thành một trận đại lụt. Khi trận đại lụt xảy ra, những làng mạc, quận thị, và thành phố bị cuốn đi. Khi những làng mạc, quận thị, và thành phố bị cuốn đi, có đôi lúc mẹ tìm thấy con và con tìm thấy mẹ. Đây là hiểm họa thứ hai mẹ và con gặp lại nhau mà người phàm không được chỉ dạy nói tới như một hiểm-họa làm làm chia lìa mẹ và con.

(3) “Lại nữa, một thời thuở xưa có một trận bạo loạn giặc giã, khi đó mọi người ở vùng quê phóng lên xe cộ bỏ chạy tán loạn. Khi trận bạo loạn xảy ra, mọi người ở vùng quê phóng lên xe cộ bỏ chạy tán loạn, có đôi lúc mẹ tìm thấy con và con tìm thấy mẹ. Đây là hiểm họa thứ ba mẹ và con gặp lại nhau mà người phàm không được chỉ dạy nói tới như một hiểm-họa làm làm chia lìa mẹ và con.

“Đây là ba hiểm họa mẹ và con gặp lại nhau mà người phàm không được chỉ dạy nói tới như một hiểm-họa làm làm chia lìa mẹ và con.

(III) “Này các Tỳ kheo, có ba hiểm họa làm chia lìa mẹ và con.⁴⁴¹ Ba đó là gì? Hiểm họa già, hiểm họa bệnh, và hiểm họa chết.

(1) “Khi con già đi, mẹ không thể làm gì để toại nguyện ‘Hãy để tôi già, đừng để con tôi già đi!’ Và khi mẹ già đi, con không thể làm gì để toại nguyện ‘Hãy để tôi già, đừng để mẹ tôi già đi!’. (ai cũng bất lực trước sự già)

(2) “Khi con bệnh, mẹ không thể làm gì để toại nguyện ‘Hãy để tôi bệnh, đừng để con tôi bệnh!’ Và khi mẹ bệnh, con không thể làm gì để toại nguyện ‘Hãy để tôi bệnh, đừng để mẹ tôi bệnh!’. (ai cũng bất lực trước sự bệnh)

(3) “Khi con chết, mẹ không thể làm gì để toại nguyện ‘Hãy để tôi

chết, đừng để con tôi chết!’ Và khi mẹ chết, con không thể làm gì để toại nguyện ‘Hãy để tôi chết, đừng để mẹ tôi chết!’ . (ai cũng bất lực trước sự chết)

“Đây là ba hiềm họa làm chia lìa mẹ và con.

(IV) “Này các Tỳ kheo, có một con-đường, có một đường-đi dẫn tới sự loại bỏ và sự thoát khỏi (i) ba hiềm họa đôi lúc mẹ và con tìm thấy nhau và (ii) ba hiềm họa làm chia lìa mẹ và con. Và cái gì là con-đường và đường-đi đó? Đó chính là con-đường tám phần thánh thiện (Bát thánh đạo), đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định. Đây chính là con-đường và đường-đi dẫn tới sự loại bỏ và thoát khỏi (i) ba hiềm họa đôi lúc mẹ và con tìm thấy nhau và (ii) ba hiềm họa làm chia lìa mẹ và con.” (con-đường thoát khỏi sinh tử và đủ loại khổ đau)

63 (3) Làng Venāgapura

Trong một lần đức Thế Tôn đang du hành giữa xứ dân Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng đoàn lớn các Tỳ kheo, lúc đó vừa đến khu làng có tên làng Venāgapura của những bà-la-môn người Kosala. Những gia chủ bà-la-môn của làng Venāgapura nghe tin rằng:

“Nghe nói sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-ca đã xuất gia từ một gia đình họ tộc Thích-ca, mới đến làng Venāgapura. Giờ tin tốt về Thầy Cồ-đàm đã truyền đi như vậy: [‘Bậc Thế Tôn đó là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu đầy đủ trí-biết đích thực và phẩm-hạnh (minh hạnh túc), là bậc phúc-lành (thiện thế), bậc hiểu-biết những thế giới (thế gian giải), người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa (điều ngự trượng phu), thầy của những thiên thần và loài người (thiên nhân sư), bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’] . Sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài

người, bậc ấy đã công bố lại cho những người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh (phạm hạnh) toàn thiện và tinh khiết.’ Giờ sẽ tốt lành nếu chúng ta đến gặp những vị A-la-hán như vậy.”

Rồi những gia chủ bà-la-môn của làng Venāgapura đã đến gặp đức Thế Tôn. Một số họ kính lễ và ngồi xuống một bên; một số thì chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên; một số chỉ kính lễ và ngồi xuống một bên; một số giới thiệu tên và họ tộc của mình và ngồi xuống một bên; một số chỉ im lặng và ngồi xuống một bên. Rồi bà-la-môn tên Vacchagotta ở làng Venāgapura nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cò-đàm, thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, làm cách nào các căn của Thầy Cò-đàm tĩnh lặng và màu da của thầy trong và sáng như vậy. Giống như trái táo tàu màu vàng trong và sáng óng trong mùa thu; các căn của Thầy Cò-đàm tĩnh lặng và màu da của thầy trong và sáng như vậy. Giống như trái cọ dừa vừa được tách khỏi cùi trong và sáng óng; các căn của Thầy Cò-đàm tĩnh lặng và màu da của thầy trong và sáng như vậy. Giống như một đồ trang sức được làm bằng vàng tinh, được khéo chế tác bởi thợ vàng tài ba và được rèn kỹ trong lò luyện vàng, rồi được đặt trên miếng vải gấm thiêu, nó chiếu sáng, tỏa sáng, và phát sáng; các căn của Thầy Cò-đàm tĩnh lặng và màu da của thầy trong và sáng như vậy.

“Mọi thứ tiện-nghi xa xỉ và cao cấp—như ghế nệm, trường kỷ, khăn phủ viền long, khăn phủ nhiều màu sắc, khăn phủ màu trắng, khăn phủ bằng len có thêu văn hoa, mền bông, khăn phủ bằng len có thêu hình thú vật, khăn phủ bằng len có viền đôi, khăn phủ bằng len có viền đơn, mền bằng lụa, mền lụa được đính ngọc, mền có viền tơ lụa và được đính ngọc, tấm thảm sàn của vũ công, tấm thảm voi, tấm thảm ngựa, tấm thảm xe, tấm thảm bằng da sơn dương, tấm phủ bằng da hru kadali, [giường] có lộng che ở trên và có hai gối đỏ ở hai đầu—Thầy Cò-đàm chắc chắn có được chúng dễ dàng, một cách không khó khăn và rắc rối gì.”⁴⁴²

“Này bà-la-môn, người xuất gia thì hiếm khi có được những thứ tiện-nghi xa xỉ và cao cấp đó, mà nếu có được những thứ đó thì cũng không được phép (hưởng dụng).

“Nhưng, này bà-la-môn, có ba loại tiện-nghi [xa xỉ và cao cấp] nếu ta muốn ta sẽ có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì. Ba đó là gì? Tiện-nghi thuộc cõi trời (*dibba*, tiên giới), tiện-nghi thuộc phạm thiên (*brahma*, phạm giới), và tiện-nghi thánh thiện (*arya*, thánh giới).⁴⁴³ Đây là ba loại tiện-nghi nếu ta muốn ta sẽ có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì.”

(1) “Nhưng, Thầy Cò-đàm, cái gì là tiện-nghi của cõi tiên [cõi thiên thần, chư thiên] mà nếu Thầy muốn Thầy sẽ có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì?”

“Ồ đây, này bà-la-môn, khi ta đang sống độc lập trong một làng mạc hay phố thị, vào buổi sáng, ta mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô làng hay phố thị để khát thực. Sau khi đã trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, ta đi vô rừng. Ta gom cỏ hoặc lá cây lót thành chỗ ngồi và ngồi xuống. Sau khi ngồi třeo chân và giữ thân thẳng đứng, ta thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Rồi: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’

(ii) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’

(iii) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), ta an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tinh giác), ta trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: ‘Vị đó là buông-xả và có chánh-

niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).’

(iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sừng-khổ (không còn sừng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sừng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’

“Rồi, này bà-la-môn, khi ta đang ở trong một trạng thái như vậy, nếu ta đi tới đi lui (kinh hành), thì trong thời đó sự đi tới đi lui của ta là thuộc cõi tiên.⁴⁴⁴ Nếu ta đang đứng, thì trong thời đó sự đứng của ta là thuộc cõi tiên. Nếu ta đang ngồi, thì trong thời đó sự ngồi của ta là thuộc cõi tiên. Nếu ta đang nằm, thì trong thời đó sự nằm của ta là thuộc cõi tiên. Đây chính là tiện-nghi thuộc cõi tiên mà nếu ta muốn ta sẽ có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì. (*các tầng thiền định sắc giới tương ứng với cảnh giới chư thiên*)

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! Còn ai khác, ngoài Thầy Cồ-đàm, nếu muốn có thể có được ngay tiện-nghi thuộc cõi tiên như vậy, một cách không khó khăn và rắc rối gì?

(2) Nhưng, Thầy Cồ-đàm, cái gì là tiện-nghi thuộc cõi trời [phạm thiên, brahma, bốn phạm trú] mà nếu Thầy muốn Thầy sẽ có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì?

“Ồ đây, này bà-la-môn, khi ta đang sống độc lập trong một làng mạc hay phố thị, vào buổi sáng, ta mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô làng hay phố thị để khát thực. Sau khi đã trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, ta đi vô rừng. Ta gom cỏ hoặc lá cây lót thành chỗ ngồi và ngồi xuống. Sau khi ngồi tẻo chân và giữ thân thẳng đứng, ta thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Rồi, (i) ta an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy là, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, ta an trú bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn

[quảng đại], bao la [khuếch đại, phóng đại, cao rộng, cao vời], vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý. (ii) Ta an trú bao trùm một phương với một cái tâm thâm đắm sự bi-mẫn (tâm bi) ... (iii) với một cái tâm thâm đắm sự tùy-hỷ (tâm hỷ) ... (iv) với một cái tâm thâm đắm sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy là, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, ta an trú bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thâm đắm sự bi-mẫn ... sự tùy-hỷ ... sự buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý.

“Rồi, này bà-la-môn, khi ta đang ở trong trạng thái đó, nếu ta đi tới đi lui, thì trong thời đó sự đi tới đi lui của ta là thuộc cõi trời. Nếu ta đang đứng, thì trong thời đó sự đứng của ta là thuộc cõi trời. Nếu ta đang ngồi, thì trong thời đó sự ngồi của ta là thuộc cõi trời. Nếu ta đang nằm, thì trong thời đó sự nằm của ta là thuộc cõi trời. Đây chính là tiện-nghi thuộc cõi trời mà nếu ta muốn ta có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì. (*bốn tâm vô-lượng tương ứng với bốn sự an trú cõi trời [bốn phạm trú]*)

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! Còn ai khác, ngoài Thầy Cồ-đàm, nếu muốn có thể có được ngay tiện-nghi thuộc cõi trời như vậy, một cách không khó khăn và rắc rối gì?

(3) Nhưng, Thầy Cồ-đàm, cái gì là tiện-nghi thánh thiện mà nếu Thầy muốn Thầy sẽ có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì?

“Ồ đây, này bà-la-môn, khi ta đang sống độc lập trong một làng mạc hay phố thị, vào buổi sáng, ta mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô làng hay phố thị để khát thực. Sau khi đã trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, ta đi vô rừng. Ta gom cỏ hoặc lá cây lót thành chỗ ngồi và ngồi xuống. Sau khi ngồi třeo chân và giữ thân thẳng đứng, ta thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Rồi ta hiểu như vậy: ‘Ta đã dẹp bỏ *tham*, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Ta đã dẹp bỏ *sân*,

đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Ta đã dẹp bỏ *si*, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai.”⁴⁴⁵

“Rồi, này bà-la-môn, khi ta đang ở trong trạng thái đó, nếu ta đi tới đi lui, thì trong thời đó sự đi tới đi lui của ta là thánh thiện. Nếu ta đang đứng, thì trong thời đó sự đứng của ta là thánh thiện. Nếu ta đang ngồi, thì trong thời đó sự ngồi của ta là thánh thiện. Nếu ta đang nằm, thì trong thời đó sự nằm của ta là thánh thiện. Đây chính là tiện-nghi thánh thiện mà nếu ta muốn ta có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì. (*Diệt tham, sân, si là tương ứng với thánh giới*)

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! Còn ai khác, ngoài Thầy Cồ-đàm, nếu muốn có thể có được ngay tiện-nghi thánh thiện như vậy, một cách không khó khăn và rắc rối gì?

“Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như Thầy đã dựng đứng lại những thứ bị chúi đầu, khai mở những gì bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay chúng con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ chúng con từ hôm nay là đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

64 (4) *Du Sī Sarabha*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trên Đỉnh Núi Kền Kền (Linh Thứu). Bấy giờ, lúc đó một du sĩ tên là Sarabha vừa mới rời bỏ Giáo Pháp và giới-luật này.⁴⁴⁶ Ông ta đang nói với một hội chúng ở Rājagaha rằng: “Tôi đã học được Giáo Pháp của những sa-môn đi tu theo người con của dân tộc Thích-ca (tức Phật). Sau khi tôi đã học Giáo Pháp của họ, tôi đã rời khỏi Giáo Pháp và giới-luật đó.”

Rồi, vào buổi sáng, một số Tỳ kheo, mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi vô thành Rājagaha để khát thực. Rồi họ nghe được du sĩ Sarabha nói như vậy với một hội chúng ở Rājagaha. Sau khi những Tỳ kheo đó đi khát thực trong thành Rājagaha, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, họ mới đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, du sĩ Sarabha, người đã rời khỏi Giáo Pháp và giới-luật này, đã nói với một hội chúng ở Rājagaha rằng: ‘Tôi đã học được Giáo Pháp của những sa-môn đi tu theo người con của dân tộc Thích-ca. Sau khi tôi đã học Giáo Pháp của họ, tôi đã rời khỏi Giáo Pháp và giới-luật đó.’ Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn đến khu ở của những du sĩ chỗ bờ sông Sappinikā, và vì sự bi-mẫn, đến gặp du sĩ Sarabha.” Đức Thế Tôn đã đồng ý trong im lặng.

Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi nơi ẩn cư và đi đến khu ở của những du sĩ chỗ bờ sông Sappinikā. Đức Thế Tôn đến gặp du sĩ Sarabha, ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn cho mình, và nói với ông ta: “Này Sarabha, có đúng là anh đã nói: ‘Tôi đã học được Giáo Pháp của những sa-môn đi tu theo người con của dân tộc Thích-ca. Sau khi tôi đã học Giáo Pháp của họ, tôi đã rời khỏi Giáo Pháp và giới-luật đó’, phải không?”

Khi câu hỏi được nói ra, du sĩ Sarabha chỉ im lặng.

Lần thứ hai đức Thế Tôn nói với du sĩ Sarabha: “Này Sarabha, hãy nói ta nghe, theo cách nào anh đã học được Giáo Pháp của những sa-môn đi tu theo người con của dân tộc Thích-ca? Nếu anh chưa học hết hoàn toàn, ta sẽ chỉ cho anh hoàn thành nó. Nhưng nếu anh đã học hết hoàn toàn, ta sẽ chúc mừng anh.” Nhưng lần thứ hai du sĩ Sarabha vẫn im lặng.

Lần thứ ba đức Thế Tôn đã nói với du sĩ Sarabha:⁴⁴⁷ “Này Sarabha, hãy nói ta nghe, theo cách nào anh đã học được Giáo Pháp của những sa-môn đi tu theo người con của dân tộc Thích-ca? Nếu anh chưa học hết hoàn toàn, ta sẽ chỉ cho anh hoàn thành nó. Nhưng nếu anh đã học hết

hoàn toàn, ta sẽ chúc mừng anh.” Nhưng lần thứ ba du sĩ Sarabha vẫn im lặng.⁴⁴⁸

Rồi những du sĩ ở đó đã nói với du sĩ Sarabha: “Thầy Cồ-đàm đã mở lòng đối với anh để anh có thể vấn hỏi Thầy ấy bất cứ điều gì, này bạn Sarabha. Hãy nói đi, này bạn Sarabha! Theo cách nào anh đã học được Giáo Pháp của những sa-môn đi tu theo người con của dân tộc Thích-ca? Nếu anh chưa học hết hoàn toàn, Thầy Cồ-đàm sẽ chỉ cho anh hoàn thành nó. Nhưng nếu anh đã học hết hoàn toàn, Thầy Cồ-đàm sẽ chúc mừng cho anh.” Khi lời này được nói ra, du sĩ Sarabha chỉ ngồi im lặng, bối rối, vai rũ xuống, mặt nhìn xuống đất, chán nản, và không nói gì.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu được du sĩ Sarabha chỉ ngồi im lặng, bối rối, vai rũ xuống, mặt nhìn xuống đất, chán nản, và không nói gì, mới nói với những du sĩ ở đó:

(1) “Này các du sĩ, nếu có ai nói về ta: ‘Mặc dù ông tuyên bố là người đã giác-ngộ toàn thiện nhưng ông chưa hoàn toàn giác-ngộ về những điều này’, thì ta sẽ hỏi người đó kỹ càng về vấn đề đó, sẽ vấn hỏi người đó, và đối chứng với người đó.⁴⁴⁹ Khi người đó được ta hỏi một cách kỹ càng, được vấn hỏi, được đối chứng, thì không thể nào và không thể hình dung được rằng người đó không bị một trong ba hậu quả là: (a) người đó sẽ trả lời câu hỏi một cách lảng tránh hoặc chuyển qua đề tài khác không liên quan; hoặc (b) sẽ thể hiện sự tức giận, thù ghét, và cay đắng; hoặc (c) chỉ ngồi im lặng, bối rối, vai rũ xuống, mặt nhìn xuống đất, chán nản, và không nói gì như du sĩ Sarabha ở đây.⁴⁵⁰

(2) “Này các du sĩ, nếu có ai nói về ta: ‘Mặc dù ông tuyên bố là người đã tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu diệt), nhưng ông chưa tiêu diệt những ô-nhiễm này’, thì ta sẽ hỏi người đó kỹ càng về vấn đề đó, sẽ vấn hỏi người đó, và đối chứng với người đó. Khi người đó được ta hỏi một cách kỹ càng, được vấn hỏi, được đối chứng, thì không thể nào và không thể hình dung được rằng người đó không bị một trong ba hậu quả là: (a) người đó sẽ trả lời câu hỏi một cách lảng tránh hoặc chuyển qua đề tài khác không liên quan; hoặc (b) sẽ thể hiện sự tức giận, thù ghét, và cay đắng; hoặc (c)

chỉ ngồi im lặng, bối rối, vai rũ xuống, mặt nhìn xuống đất, chán nản, và không nói gì như du sĩ Sarabha ở đây.

(3) “Này các du sĩ, nếu có ai nói về ta: ‘Giáo Pháp của ông không dẫn người tu tập nó tới sự hoàn toàn chấm-dứt khổ, là mục tiêu mà vì nó ông chỉ dạy Giáo Pháp đó’,⁴⁵¹ thì ta sẽ hỏi người đó kỹ càng về vấn đề đó, sẽ vấn hỏi người đó, và đối chứng với người đó. Khi người đó được ta hỏi một cách kỹ càng, được vấn hỏi, được đối chứng, thì không thể nào và không thể hình dung được rằng người đó không bị một trong ba hậu quả là: (a) người đó sẽ trả lời câu hỏi một cách lảng tránh hoặc chuyển qua đề tài khác không liên quan; hoặc (b) sẽ thể hiện sự tức giận, thù ghét, và cay đắng; hoặc (c) chỉ ngồi im lặng, bối rối, vai rũ xuống, mặt nhìn xuống đất, chán nản, và không nói gì như du sĩ Sarabha ở đây.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi đã cất tiếng gầm sư tử ba lần như vậy trong khu ở của những du sĩ bên bờ sông Sappinikā, đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về.⁴⁵²

Rồi, ngay sau khi đức Thế Tôn đã đi, những du sĩ đó đã cho du sĩ Sarabha một trận đòn no bằng lời nói,⁴⁵³ [họ nói rằng:] “Giống như một con chó rừng già trong một khu rừng lớn mà có thể nghĩ rằng: ‘Ta sẽ rống lên tiếng gầm sư tử’, nhưng nó chỉ có thể tru tréo và kêu ăng ẳng như một con chó rừng mà thôi; cũng giống như vậy, này bạn Sarabha, bạn đã tuyên bố đồng dục khi không có mặt sa-môn Cồ-đàm rằng: ‘Ta sẽ rống tiếng gầm sư tử’, nhưng bạn chỉ có thể tru tréo và kêu ăng ẳng như một con chó rừng. Này bạn Sarabha, giống như một con gà con mà có thể nghĩ rằng: ‘Ta sẽ gáy như một con gà trống’, nhưng nó chỉ có thể kêu chim chíp như một con gà con; cũng giống như vậy, này bạn Sarabha, bạn tuyên bố đồng dục khi không có mặt sa-môn Cồ-đàm rằng: ‘Ta sẽ gáy như một con gà trống’, nhưng bạn chỉ có thể kêu chim chíp như một con gà con.⁴⁵⁴ Này bạn Sarabha, giống như một con bò mà có thể nghĩ nó có thể rống lên tiếng gầm vang (như sư tử) trong một chuồng bò trống; cũng giống như vậy, này bạn Sarabha, khi không có mặt sa-môn Cồ-đàm thì bạn nghĩ bạn có thể rống lên tiếng gầm vang.” [Theo cách như vậy] những du sĩ đó đã

cho du sĩ Sarabha một trận đòn no bằng lời nói như vậy.

65 (5) *Kesaputtiya [Những Người Ở Kesaputta]* ⁴⁵⁵

Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Kosala (Kiền-tát-la) cùng với một Tăng đoàn lớn các Tỳ kheo, lúc đó đang đến một thị trấn của người Kālāma có tên là thị trấn Kesaputta.⁴⁵⁶ Những người Kālāma ở Kesaputta nghe tin rằng:

“Nghe nói sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-ca đã xuất gia từ một gia đình họ Thích-ca, vừa mới đến Kesaputta. Giờ tin tốt về Thầy Cồ-đàm đã truyền đi như vậy: [*Bậc Thế Tôn đó là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu đầy đủ trí-biết đích thực và phẩm-hạnh (minh hạnh túc), là bậc phúc-lành (thiện thế), bậc hiểu-biết những thế giới (thế gian giải), người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa (điều ngự trượng phu), thầy của những thiên thần và loài người (thiên nhân sư), bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.*’]. Sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công bố lại cho những người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh (phạm hạnh) toàn thiện và tinh khiết.’ Giờ sẽ tốt lành nếu chúng ta đến gặp những vị A-la-hán như vậy.” (*giống lời đoạn hai kinh 3:63 ở trên*)

Rồi những người Kālāma ở Kesaputta đã đến gặp đức Thế Tôn. Một số họ kính lễ và ngồi xuống một bên; một số thì chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên; một số chỉ kính lễ và ngồi xuống một bên; một số giới thiệu tên và họ tộc của mình và ngồi xuống một bên; một số chỉ im lặng và ngồi xuống một bên. (*giống lời đoạn ba kinh 3:63 ở trên*). Rồi những người Kālāma nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Ngài, có một số tu sĩ và bà-la-môn đến Kesaputta này. Họ giải thích và thuyết minh những giáo thuyết của họ, nhưng phỉ báng, chê bai, bài xích, chế nhạo những giáo thuyết của người khác. Nhưng rồi có những tu sĩ và bà-la-môn khác đến Kesaputta, họ cũng giải thích và thuyết minh những giáo thuyết của họ, nhưng phỉ báng, chê bai, bài xích, chế nhạo những giáo thuyết của người khác. Thưa ngài, chúng tôi thấy bối rối và hoài nghi không biết ai trong số những vị thiện tu sĩ đó là người nói đúng và ai là người nói sai.”

(I) “Này những người Kālāma, các người bị bối rối như vậy cũng phải, các người nghi ngờ như vậy cũng phải. Sự nghi ngờ đã khởi sinh trong các người về một vấn đề còn làm bối rối. Này những người Kālāma, [đừng vội tin theo điều gì (i) do điều đó được truyền miệng từ lâu (như lời truyền miệng, chuyện kể, lời thuật lại, điều nghe đi nghe lại), (ii) do điều đó đã thành truyền thống (tập tục, tục lệ, truyền thống), (iii) do điều đó được ghi trong kinh sách (trong tập kinh, bộ kinh, sách kinh). (iv) do điều đó là tin đồn (hay thông tin, tin tức), (v) do sự lý giải theo lý lẽ, (vi) do sự suy luận từ sự phỏng đoán, (vii) do tự thấy điều đó là có lý, (viii) do chấp nhận điều đó sau khi đã suy tư xem xét kỹ về nó; (ix) do bề ngoài tướng mạo của người nói có vẻ là đáng tin (như diện mạo, tướng tá, uy nghi của người thầy hay người diễn thuyết), (x) hoặc do nghĩ rằng ‘Đó là sư thầy của chúng ta cho nên ông nói là phải đúng’.]⁴⁵⁷ - Nhưng, này những người Kālāma, khi nào các người tự mình biết được: ‘Những điều này là không thiện lành; những điều này là đáng chê trách (tội lỗi); những điều này là bị quở trách bởi người trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến sự nguy hại và khổ đau’, thì các người nên dẹp bỏ chúng.”

(1) “Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi tham khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?”⁴⁵⁸

“Mang lại sự nguy hại, thưa Ngài.”

“Này những người Kālāma, một người tham-dục, bị chi phối bởi tham, với một cái tâm bị ám muội bởi tham, nên người đó sát-sinh, gian-

cấp, tà-dâm, và nói-dối nói láo; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa Ngài.”

(2) “Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi sân khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?”

“Mang lại sự nguy hại, thưa Ngài.”

“Này những người Kālāma, một người sân-giận, bị chi phối bởi sân, với một cái tâm bị ám muội bởi sân, nên người đó sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, và nói-dối nói láo; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa Ngài.”

(3) “Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi si khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?”

“Mang lại sự nguy hại, thưa Ngài.”

“Này những người Kālāma, một người si mê, bị chi phối bởi si, với một cái tâm bị ám muội bởi si, nên người đó sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, và nói-dối nói láo; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa Ngài.”

“Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Những điều đó là thiện lành hay không thiện lành?” – “Không thiện lành, thưa Ngài” – “Đáng chê trách hay không đáng chê trách?” – “Đáng chê trách, thưa Ngài” – “Bị quả trách hay được khen ngợi bởi người trí hiền?” – “Bị quả trách bởi người trí hiền, thưa Ngài” – “Nếu chấp nhận và thực hiện chúng, chúng sẽ dẫn tới sự nguy hại và khổ đau hay không; các người thấy sao?” – “Nếu chấp nhận và thực hiện chúng sẽ dẫn tới sự nguy hại và khổ đau;

chúng tôi thấy như vậy.”

“Như vậy, này những người Kālāma, khi ta nói: ‘Này những người Kālāma, [đừng vội tin theo điều gì (i) do điều đó được truyền miệng từ lâu ... (x) hoặc do nghĩ rằng ‘Đó là sư thầy của chúng ta cho nên ông nói là phải đúng’.] Nhưng khi nào các người tự mình biết được: “Những điều này là không thiện lành; những điều này là đáng chê trách; những điều này là bị quả trách bởi người trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến sự nguy hại và khổ đau”, thì các người nên dẹp bỏ chúng’, thì chính vì lẽ đó nên ta đã nói như vậy.”

(II) Này những người Kālāma, [đừng vội tin theo điều gì (i) do điều đó được truyền miệng từ lâu ... (x) hoặc do nghĩ rằng ‘Đó là sư thầy của chúng ta cho nên ông nói là phải đúng’.] Nhưng, này những người Kālāma, khi nào các người tự mình biết được: ‘Những điều này thiện lành; những điều này là không đáng chê trách; những điều này là không bị quả trách bởi người trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc’, thì các người nên sống theo chúng.”

(1) “Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi sự vô-tham khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?”

“Mang lại ích lợi, thưa Ngài.”

“Này những người Kālāma, một người không tham-dục, không bị chi phối bởi tham, với một cái tâm không bị ám muội bởi tham, thì người đó không sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, hay nói-dối nói láo; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa Ngài.”

(2) “Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi sự vô-sân khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?”

“Mang lại ích lợi, thưa Ngài.”

“Này những người Kālāma, một người không sân-giận, không bị chi phối bởi sân, với một cái tâm không bị ám muội bởi sân, thì người đó không sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, hay nói-dối nói láo; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa Ngài.”

(3) “Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi sự vô-si khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?”

“Mang lại ích lợi, thưa Ngài.”

“Này những người Kālāma, một người không si-mê, không bị chi phối bởi si, với một cái tâm không bị ám muội bởi si, thì người đó không sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, hay nói-dối nói láo; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa Ngài.”

“Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Những điều đó là thiện lành hay không thiện lành?” – “Thiện lành, thưa Ngài” – “Đáng chê trách hay không đáng chê trách?” – “Không đáng chê trách, thưa Ngài” – “Bị quở trách hay được khen ngợi bởi người trí hiền?” – “Được khen ngợi bởi người trí hiền, thưa Ngài” – “Nếu chấp nhận và thực hiện chúng, chúng sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc hay không; các người thấy sao?” – “Nếu chấp nhận và thực hiện chúng sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc; chúng tôi thấy như vậy.”

“Như vậy, này những người Kālāma, khi ta nói: ‘Này những người Kālāma, [đừng vội tin theo điều gì (i) do điều đó được truyền miệng từ lâu ... (x) hoặc do nghĩ rằng ‘Đó là sư thầy của chúng ta cho nên ông nói là phải đúng’.] Nhưng khi nào các người tự mình biết được: “Những điều này thiện lành; những điều này là không đáng chê trách; những điều này là không bị quở trách bởi người trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc”, thì các người nên sống theo

chúng’, thì chính vì lẽ đó nên ta đã nói như vậy.”

“Rồi, này những người Kālāma, người thánh đệ tử, là người không còn thèm-muốn (hết tham), không còn ác-ý (hết sân), không còn ngu-mờ (hết si), thường rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, an trú bao trùm một phương với một cái tâm thắm đẫm sự từ-ái (tâm từ) ... với một cái tâm thắm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) ... với một cái tâm thắm đẫm sự tùy-hỷ (tâm hỷ) ... với một cái tâm thắm đẫm sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó an trú bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thắm đẫm sự từ ... bi ... hỷ ... xả, rộng lớn, bao la [khuếch đại], vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý.

(III) “Này những người Kālāma, người thánh đệ tử này, có tâm theo cách như vậy, không sự thù-ghét, không sự ác-ý, không còn ô-nhiễm, và trong-sạch (thanh tịnh) như vậy, đã đạt được những sự bảo-an ngay trong kiếp này.

(i) “Sự bảo-an đầu tiên mà người đó đạt được là điều này: ‘Nếu có thể giới khác, và nếu nghiệp thiện và nghiệp ác có nghiệp quả hay quả báo, thì khả năng là, khi thân tan rã, sau khi chết, ta sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.’

(ii) “Sự bảo-an thứ hai mà người đó đạt được là điều này: ‘Giả sử không có thể giới khác, và nghiệp thiện hay nghiệp ác đều không có nghiệp quả hay quả báo gì, thì ngay ở đây, ngay trong kiếp này, ta vẫn giữ (duy trì) mình (sống) trong sự hạnh-phúc, không sự thù-ghét và sự ác-ý, không bị rắc-rối gì.’

(iii) “Sự bảo-an thứ ba mà người đó đạt được là điều này: ‘Nếu điều xấu dữ xảy đến cho những người làm nghiệp xấu ác. Vậy khi ta không hề có ý định xấu ác nào đối với ai, thì đâu sự khổ đau nào làm khổ ta, vì ta đâu làm nghiệp gì xấu ác?’⁴⁵⁹

(iv) “Sự bảo-an thứ tư mà người đó đạt được là điều này: ‘Giả sử điều

xấu dữ không xảy đến với người làm nghiệp xấu ác. Thì ngay ở đây, ta vẫn nhìn thấy mình được thanh lọc về cả hai phương diện.’⁴⁶⁰

“Này những người Kālāma, những ai có tâm theo cách như vậy, không sự thù-ghét, không sự ác-ý, không còn ô-nhiễm, và trong-sạch như vậy, là đã đạt được bốn sự bảo-an này ngay trong kiếp này.”⁴⁶¹

“Thật đúng vậy, thưa Thế Tôn! Thật đúng vậy, thưa bậc Phúc Lành! Người thánh đệ tử này, có tâm theo cách như vậy, không sự thù-ghét, không sự ác-ý, không còn ô-nhiễm, và trong-sạch như vậy, là đã đạt được bốn sự bảo-an ngay trong kiếp này.

“Sự bảo-an thứ nhất ... thứ hai ... thứ ba ... thứ tư người đó đạt được là điều này: ‘Giả sử điều xấu dữ không xảy đến với người làm nghiệp xấu ác. Thì ngay ở đây, ta vẫn nhìn thấy mình được thanh lọc về cả hai phương diện.’

“Thưa Thế Tôn, người thánh đệ tử này có tâm theo cách như vậy, không sự thù-ghét, không sự ác-ý, không còn ô-nhiễm, và trong-sạch như vậy, là đã đạt được bốn sự bảo-an này ngay trong kiếp này.

“Thật hay khéo, Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã àm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như đức Thế Tôn đã dựng đứng lại những thứ bị chúi đầu, khai mở những gì bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay chúng con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ chúng con từ hôm nay là đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

66 (6) Sālha

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong khu Lôu Đài của Mẹ của Migāra (Migāramata), trong Khu Vườn Phía Đông (Đông Viên). Lúc đó có Sālha, cháu nội của Migāra, và Rohaṇa, cháu nội của Pekhuniya, đến gặp Ngài Nandaka, kính lễ thầy ấy,

và ngồi xuống một bên. Thầy Nandaka mới nói với Sālha:

(I) “Này, Sālha, [đừng vội tin theo điều gì (i) do điều đó được truyền miệng từ lâu (như lời truyền miệng, chuyện kể, lời thuật lại, điều nghe đi nghe lại), (ii) do điều đó đã thành truyền thống (tập tục, tục lệ, truyền thống), (iii) do điều đó được ghi trong kinh sách (trong tập kinh, bộ kinh, sách kinh). (iv) do điều đó là tin đồn (hay thông tin, tin tức), (v) do sự lý giải theo lý lẽ, (vi) do sự suy luận từ sự phỏng đoán, (vii) do tự thấy điều đó là có lý, (viii) do chấp nhận điều đó sau khi đã suy tư xem xét kỹ về nó; (ix) do bề ngoài tướng mạo của người nói là đáng tin (như diện mạo, tướng tá, uy nghi của người thầy hay người diễn thuyết), (x) hoặc do nghĩ rằng ‘Đó là sư thầy của chúng ta cho nên ông nói là phải đúng’.] Nhưng khi nào các con tự mình biết được: ‘Những điều này là không thiện lành; những điều này là đáng chê trách (tội lỗi); những điều này là bị quở trách bởi người trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến sự nguy hại và khổ đau’, thì các con nên dẹp bỏ chúng.”

(1) “Này Sālha, con nghĩ sao, có sự tham hay không?”

“Có, thưa thầy.”

“Ta nói, đây có nghĩa là sự ham-muốn. Một người tham, đầy ham-muốn; sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, và nói-dối nói láo; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa thầy.”

(2) “Này Sālha, con nghĩ sao, có sự sân hay không?”

“Có, thưa thầy.”

“Ta nói, đây nghĩa là sự ác-ý. Một người đầy sân, với một cái, với một cái tâm ác-ý; sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, và nói-dối nói láo; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa thầy.”

(3) “Này Sāḷha, con nghĩ sao, có sự si hay không?”

“Có, thưa thầy.”

“Ta nói, đây nghĩa là vô-minh. Một si-mê, chìm đắm trong vô-minh; sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, và nói-dối nói láo; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa thầy.”

“Này Sāḷha, con nghĩ sao? Những điều đó là thiện lành hay không thiện lành?” – “Không thiện lành, thưa thầy” – “Tội lỗi hay không tội lỗi?” – “Tội lỗi, thưa thầy” – “Bị quở trách hay được khen ngợi bởi người trí hiền?” – “Bị quở trách bởi người trí hiền, thưa thầy” – “Nếu chấp nhận và thực hiện chúng, chúng sẽ dẫn tới sự nguy hại và khổ đau hay không; con thấy sao?” – “Nếu chấp nhận và thực hiện chúng sẽ dẫn tới sự nguy hại và khổ đau; con thấy như vậy.”

“Như vậy, này Sāḷha, khi ta nói: ‘Này Sāḷha, [đừng vội tin theo điều gì (i) do điều đó được truyền miệng từ lâu ... (x) hoặc do nghĩ rằng ‘Đó là sư thầy của chúng ta cho nên ông nói là phải đúng’.] Nhưng khi nào con tự mình biết được: ‘Những điều này là không thiện lành; những điều này là tội lỗi; những điều này là bị quở trách bởi người trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến sự nguy hại và khổ đau’, thì con nên dẹp bỏ chúng’, thì chính vì lẽ đó nên ta đã nói như vậy.”

(II) Này Sāḷha, [đừng vội tin theo điều gì (i) do điều đó được truyền miệng từ lâu ... (x) hoặc do nghĩ rằng ‘Đó là sư thầy của chúng ta cho nên ông nói là phải đúng’.] Nhưng, này Sāḷha, khi nào con tự mình biết được: ‘Những điều này thiện lành; những điều này là không không bị chê trách (không tội lỗi); những điều này là không bị quở trách bởi người trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc’, thì con nên sống theo chúng.”

(1) “Này Sāḷha, con nghĩ sao? Khi sự vô-tham khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?”

“Mang lại ích lợi, thưa thầy.”

“Này Sālha, một người không tham-dục, không bị chi phối bởi tham, với một cái tâm không bị ám muội bởi tham; không sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, hay nói-dối nói láo; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa thầy.”

(2) “Này Sālha, con nghĩ sao? Khi sự vô-sân khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?”

“Mang lại ích lợi, thưa thầy.”

“Này Sālha, một người không sân-giận, không bị chi phối bởi sân, với một cái tâm không bị ám muội bởi sân; không sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, hay nói-dối nói láo; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa thầy.”

(3) “Này Sālha, con nghĩ sao? Khi sự vô-si khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?”

“Mang lại ích lợi, thưa thầy.”

“Này Sālha, một người không si-mê, không bị chi phối bởi si, với một cái tâm không bị ám muội bởi si; không sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, hay nói-dối nói láo; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa thầy.”

“Này Sālha, con nghĩ sao? Những điều đó là thiện lành hay không thiện lành?” – “Thiện lành, thưa thầy” – “Tội lỗi hay không tội lỗi?” – “Không tội lỗi, thưa thầy” – “Bị quở trách hay được khen ngợi bởi người

trí hiền?” – “Được khen ngợi bởi người trí hiền, thừa thầy” – “Nếu chấp nhận và thực hiện chúng, chúng sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc hay không; con thấy sao?” – “Nếu chấp nhận và thực hiện chúng sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc; con thấy như vậy.”

“Như vậy, này Sālha, khi ta nói: ‘Này Sālha, [đừng vội tin theo điều gì (i) do điều đó được truyền miệng từ lâu ... (x) hoặc do nghĩ rằng ‘Đó là sư thầy của chúng ta cho nên ông nói là phải đúng’.] Nhưng khi nào con tự mình biết được: “Những điều này thiện lành; những điều này là không tội lỗi; những điều này là không bị quở trách bởi người trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc”, thì con nên sống theo chúng’, thì chính vì lẽ đó nên ta đã nói như vậy.”

“Rồi, này Sālha, người thánh đệ tử, là người không còn thêm-muốn (hết tham), không còn ác-ý (hết sân), không còn ngu-mờ (hết si), thường rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ) ... với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) ... với một cái tâm thấm đẫm sự tùy-hỷ (tâm hỷ) ... với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó an trú bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ ... bi ... hỷ ... xả, rộng lớn, bao la [khuếch đại], vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý.

“Rồi người đó hiểu như vậy: ‘Có trạng thái này; có trạng thái thấp kém hơn; có trạng thái siêu xuất hơn; còn có một sự giải-thoát nữa vượt khỏi mọi thứ dính líu nhận-thức (tướng; còn tướng là chưa giải-thoát).’⁴⁶² Khi người đó biết và thấy như vậy, tâm người đó được giải thoát khỏi những ô-nhiễm của/do nhục-dục (dục lậu), khỏi những ô-nhiễm của/do sự hiện-hữu (hữu lậu), và khỏi những ô-nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu). Khi tâm đã được giải-thoát thì có sự-biết: ‘Nó được giải-thoát’. Người đó hiểu: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’

“Người đó hiểu như vậy: ‘Trước đây có tham; đó là bất thiện. Giờ không còn nó; nên đây là thiện lành. Trước đây có sân; đó là bất thiện. Giờ không còn nó; nên đây là thiện lành. Trước đây có si; đó là bất thiện. Giờ không còn nó; nên đây là thiện lành.’

“Như vậy đó, ngay trong kiếp này người đó sống không còn thèm-khát [đói khát = dục-vọng (ái)], đã tắt ngấm [thối tắt] và đã nguội mát, và đang nếm trái niềm chân-phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thiên thánh.”⁴⁶³

67 (7) Những Cơ Sở Để Nói Chuyện

“Này các Tỳ kheo, có ba cơ sở để nói chuyện. Ba đó là gì? (1) Khi nói về quá khứ, người ta nói: ‘Đã (xảy ra) như vậy trong quá khứ.’ (2) Khi nói về tương lai, người ta nói: ‘Sẽ (xảy ra) như vậy trong tương lai.’ (3) Khi nói về hiện tại, người ta nói: ‘Bây giờ (xảy ra) như vậy trong hiện tại.’

(A) “Này các Tỳ kheo, về mặt thảo luận, một người có thể hiểu là có khả năng (phù hợp) hay không có khả năng (không phù hợp) để nói chuyện. (a) Nếu một người được hỏi một câu hỏi nên được trả lời một cách dứt dạc và người đó không trả lời một cách dứt dạc; (b) [nếu người đó được hỏi] một câu hỏi nên được trả lời sau khi có sự phân giải (phân tích) và người đó trả lời mà không có sự phân giải; (c) [nếu người đó được hỏi] một câu hỏi nên được trả lời bằng câu hỏi lại và người đó không trả lời bằng câu hỏi lại; (d) [nếu người đó được hỏi] một câu hỏi nên được bỏ qua và người đó không bỏ qua— trong trường hợp như vậy người đó là không có khả năng để nói chuyện.”⁴⁶⁴

— “Nhưng, (a) khi một người được hỏi một câu hỏi nên được trả lời một cách dứt dạc và người đó trả lời một cách dứt dạc; (b) [khi người đó được hỏi] một câu hỏi nên được trả lời sau khi có sự phân giải và người đó trả lời sau khi có sự phân giải; (c) [khi người đó được hỏi] một câu hỏi nên được trả lời bằng câu hỏi lại và người đó trả lời bằng câu hỏi lại; (d) [khi người đó được hỏi] một câu hỏi nên được bỏ qua và người đó bỏ

qua— trong trường hợp như vậy người đó là có khả năng để nói chuyện.

(B) “Này các Tỳ kheo, về mặt thảo luận, một người có thể hiểu là có khả năng hay không có khả năng để nói chuyện. (a) Nếu một người được hỏi một câu hỏi và người đó không đứng vững trước lập trường của mình và lập trường đối kháng của người khác; (b) nếu người đó không đứng vững trong ý đồ của mình; (c) nếu người đó không đứng vững trong sự khẳng định của mình về một điều đã được biết; (d) nếu người đó không đứng vững trong thủ tục— trong trường hợp như vậy người đó là không có khả năng để nói chuyện.⁴⁶⁵

— “Nhưng, (a) nếu một người được hỏi một câu hỏi và người đó đứng vững trước lập trường của mình và lập trường đối kháng của người khác; (b) nếu người đó đứng vững trong ý đồ của mình; (c) nếu người đó đứng vững trong sự khẳng định của mình về một điều đã được biết; (d) nếu người đó đứng vững trong thủ tục — trong trường hợp như vậy người đó là có khả năng để nói chuyện.

(C) “Này các Tỳ kheo, về mặt thảo luận, một người có thể hiểu là có khả năng hay không có khả năng để nói chuyện. (a) Nếu một người được hỏi một câu hỏi và người đó trả lời một cách tránh né, (b) chuyển chủ đề nói chuyện qua một chủ đề khác không liên quan, và (c) thể hiện sự bực tức, sự thù ghét, và cay đắng— trong trường hợp như vậy người đó là không có khả năng để nói chuyện.

— “Nhưng, (a) nếu một người được hỏi một câu hỏi và người đó không trả lời một cách tránh né, (b) không chuyển chủ đề nói chuyện qua một chủ đề khác không liên quan, và (c) không thể hiện sự bực tức, sự thù ghét, và cay đắng— trong trường hợp như vậy người đó là có khả năng để nói chuyện.

(D) “Này các Tỳ kheo, về mặt thảo luận, một người có thể hiểu là có khả năng hay không có khả năng để nói chuyện. (a) Nếu một người được hỏi một câu hỏi và người đó cứ áp đảo lại [người hỏi], (b) hiếp đáp, (c) chế nhạo, và (d) bắt bẻ từng lỗi nhỏ⁴⁶⁶ [của người hỏi] (vạch lá tìm sâu)—

trong trường hợp như vậy người đó là không có khả năng để nói chuyện.

— “Nhưng, (a) nếu một người được hỏi một câu hỏi và người đó không áp đảo lại [người hỏi], (b) không hiếp đáp, (c) không chế nhạo, và (d) không bắt bẻ từng lỗi nhỏ [của người hỏi]— trong trường hợp như vậy người đó là có khả năng để nói chuyện.

(E) “Này các Tỳ kheo, về mặt thảo luận, một người có thể hiểu là có điều-kiện trợ giúp (duyên) hay không có điều-kiện trợ giúp (cho cuộc thảo luận được thành công). (a) Một người không để tai lắng nghe là người không có điều-kiện trợ giúp. (b) Người có điều-kiện trợ giúp thì trực-tiếp biết một điều, hoàn-toàn hiểu một điều, dẹp bỏ một điều, và chứng ngộ một điều. Sau khi trực-tiếp biết một điều, hoàn-toàn hiểu một điều, dẹp bỏ một điều, và chứng ngộ một điều, người đó đạt tới sự giải-thoát đúng đắn.⁴⁶⁷

“Này các Tỳ kheo, đây là mục tiêu của sự nói chuyện, mục tiêu của sự thảo luận, mục tiêu của điều-kiện trợ giúp, mục tiêu để lắng nghe, đó là: sự giải-thoát của tâm nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt).”

Những ai nói với ý định tranh cãi,
Chỉ theo ý kiến của họ, vênh mặt tự cao,
Không thánh thiện, sau khi đã tấn công những đức-hạnh⁴⁶⁸
Tìm kiếm chỗ hở của nhau [để tấn công].

Họ thường thích thú khi người đối khẩu
Nói dở và bị lỗi,
[Họ vui mừng] với sự hoang mang và thất bại của người đó;
Nhưng bậc thánh thì không tham gia sự nói chuyện như vậy.

Nếu một người có trí muốn nói chuyện,
Sau khi biết thời điểm là thích hợp,
Và không có sự tranh cãi hay tự cao,
Thì bậc thánh hiện sẽ nói ra lời nói
Mà những bậc thánh thực hành theo,
Nó kết nối với Giáo Pháp và ý nghĩa.⁴⁶⁹

Không xác xược hay lấn lướt,

Với một cái tâm không hưng phấn,⁴⁷⁰
Người đó nói không có sự ghen tỵ,
Dựa trên cơ sở là sự-biết đúng đắn.
Người đó nên đồng tình với điều được diễn đạt hay khéo
Nhưng không tán công điều được nói dở tệ.

Người đó không nên tập thói vạch lá tìm sâu,
Cũng không chấp giữ lỗi sai của người khác;
Người đó không nên áp đảo hay đê bẹp người đối khẩu,
Cũng không nói những lời láo khoét.
Mà nói chân thực, sự thảo luận trong những điều thiện
Vì mục đích để có sự hiểu-biết và sự tự-tin.

Theo cách như vậy người thánh thiện đàm đạo các vấn đề;
Đây là sự nói chuyện của những người thánh thiện.
Sau khi đã hiểu điều này, một người có trí
Không nên vênh mặt tự mãn mà nên thảo luận các điều.

68 (8) Những Giáo Phái Khác

“Này các Tỳ kheo, những du sĩ của những giáo phái khác (khác đạo, ngoại đạo) có thể hỏi các thầy: ‘Này các bạn, có ba điều này. Ba đó là gì? Tham, sân, và si. Đây là ba điều. Này các bạn, cái gì là sự khác nhau, sự khác biệt, và sự phân biệt giữa chúng?’ Nếu các thầy được hỏi như vậy, các thầy sẽ trả lời ra sao?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ, ta sẽ nói”.

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ khác đạo có hỏi các thầy câu hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ như sau: ‘Này các bạn, tham là ít đáng chê

trách (ít đáng tội, ít tội lỗi) hơn nhưng chậm phai biến; sân là rất đáng chê trách nhưng mau phai biến; si là rất đáng chê trách và chậm phai biến.’⁴⁷¹

(1) “[Ví dụ họ hỏi:] ‘Nhưng, này các bạn, cái gì là lý do làm cho tham chưa khởi sinh thì khởi sinh và tham đã khởi sinh càng gia tăng và lớn mạnh?’” Thì các thầy nên trả lời: ‘Lý do là: một đối-tượng hấp dẫn. Đối với một người chú-tâm không kỹ càng (phi như lý tác ý) tới một đối-tượng hấp dẫn, thì tham-dục chưa khởi sinh thì khởi sinh và tham-dục đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh. Này các bạn, đây chính là lý do làm cho tham chưa khởi sinh khởi sinh và tham đã khởi sinh càng gia tăng và lớn mạnh.’

(2) “[Ví dụ họ hỏi:] ‘Nhưng, này các bạn, cái gì là lý do làm cho sân chưa khởi sinh thì khởi sinh và sân đã khởi sinh càng gia tăng và lớn mạnh?’” Thì các thầy nên trả lời: ‘Lý do là: một đối-tượng khó ưa. Đối với một người chú-tâm không kỹ càng (phi như lý tác ý) tới một đối-tượng khó ưa, thì sân-bực chưa khởi sinh thì khởi sinh và sân-bực đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh. Này các bạn, đây chính là lý do làm cho sân chưa khởi sinh thì khởi sinh và sân đã khởi sinh càng gia tăng và lớn mạnh.’

(3) “[Ví dụ họ hỏi:] ‘Nhưng, này các bạn, cái gì là lý do làm cho si chưa khởi sinh thì khởi sinh và si đã khởi sinh càng gia tăng và lớn mạnh?’” Thì các thầy nên trả lời: ‘Lý do là: sự chú-tâm không kỹ càng (phi như lý tác ý). Đối với một người chú-tâm không kỹ càng, si-mê chưa khởi sinh thì khởi sinh và si-mê đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh. Này các bạn, đây chính là lý do làm cho si chưa khởi sinh thì khởi sinh và si đã khởi sinh càng gia tăng và lớn mạnh.’

(1) “[Ví dụ họ hỏi:] ‘Nhưng, này các bạn, cái gì là lý do làm cho tham chưa khởi sinh thì không khởi sinh và tham đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ?’” Thì các thầy nên trả lời: ‘Lý do là: một đối-tượng không hấp dẫn. Đối với người chú-tâm một cách kỹ càng (như lý tác ý) tới một đối-tượng không hấp dẫn, thì tham-dục chưa khởi sinh thì không khởi sinh và tham-dục đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ. Này các bạn, đây chính là lý do làm cho tham

chưa khởi sinh thì không khởi sinh và tham đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ.’

(2) “[Ví dụ họ hỏi:] ‘Nhưng, này các bạn, cái gì là lý do làm cho sân chưa khởi sinh thì không khởi sinh và sân đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ?’ Thì các thầy nên trả lời: ‘Lý do là: sự giải-thoát của tâm nhờ tâm-từ. Đối với người chú-tâm một cách kỹ càng (như lý tác ý) tới sự giải-thoát của tâm nhờ tâm-từ, thì sân-bực (ác ý) chưa khởi sinh thì không khởi sinh và sân-bực đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ. Này các bạn, đây chính là lý do làm cho sân chưa khởi sinh thì không khởi sinh và sân đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ.’”

(3) “[Vi dụ họ hỏi:] ‘Nhưng, này các bạn, cái gì là lý do làm cho si chưa khởi sinh thì không khởi sinh và si đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ?’ Thì các thầy nên trả lời: ‘Đó là: sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý). Đối với người chú-tâm một cách kỹ càng, thì si-mê chưa khởi sinh thì không khởi sinh và si-mê đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ. Này các bạn, đây chính là lý do làm cho si chưa khởi sinh thì không khởi sinh và si đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ.’”

69 (9) Những Góc Rẽ

(I) “Này các Tỳ kheo, có ba loại góc rẽ [căn] bất thiện. Ba đó là gì? Góc rẽ bất thiện: tham; góc rẽ bất thiện: sân; góc rẽ bất thiện: si.

(1) “Này các Tỳ kheo, mọi sự tham đều là bất thiện. Mọi [nghiệp] một người tham làm bằng thân, miệng và tâm đều là bất thiện. Khi một người tham-dục, bị chi phối bởi tham, với một cái tâm bị ám muội bởi tham, gây ra khổ đau cho người khác dưới một cái cơ giả dối⁴⁷²—bằng những cách như: giết, bỏ tù, tịch thu, cấm đoán, hoặc xua đuổi—[người đó nghĩ rằng] ‘Ta có quyền, ta muốn quyền hành’, thì đó cũng là bất thiện. Như vậy rất nhiều bản tính bất thiện xấu ác khởi sinh trong người đó đều được sinh ra từ tham, do tham, khởi sinh từ tham, bị tác động (duyên) bởi tham.

(2) “Này các Tỳ kheo, mọi sự sân đều là bất thiện. Mọi [nghiệp] một người sân làm bằng thân, miệng, và tâm đều là bất thiện. Khi một người

sân-hận, bị chi phối bởi sân, với một cái tâm bị ám muội bởi sân, gây ra khổ đau cho người khác dưới một cái cơ giả dối—bằng những cách như: giết, bỏ tù, tịch thu, cấm đoán, hoặc xua đuổi—[người đó nghĩ rằng] ‘Ta có quyền, ta muốn quyền hành’, thì đó cũng là bất thiện. Như vậy rất nhiều bản tính bất thiện xấu ác khởi sinh trong người đó đều được sinh ra từ sân, do sân, khởi sinh từ sân, bị tác động (duyên) bởi sân.

(3) “Này các Tỳ kheo, mọi sự si đều là bất thiện. Mọi [nghiệp] một người si làm bằng thân, miệng, và tâm đều là bất thiện. Khi một người si-mê, bị chi phối bởi si, với một cái tâm bị ám muội bởi si, gây ra khổ đau cho người khác dưới một cái cơ giả dối—bằng những cách như: giết, bỏ tù, tịch thu, cấm đoán, hoặc xua đuổi—[người đó nghĩ rằng] ‘Ta có quyền, ta muốn quyền hành’, thì đó cũng là bất thiện. Như vậy rất nhiều bản tính bất thiện xấu ác khởi sinh trong người đó đều được sinh ra từ si, do si, khởi sinh từ si, bị tác động (duyên) bởi si.

“Này các Tỳ kheo, người như vậy được gọi là người nói không đúng lúc, người nói sai dối, người nói điều phi ích lợi, người nói điều phi Giáo Pháp, người nói điều phi giới-luật. Và tại sao người như vậy được gọi là người nói không đúng lúc ... phi giới-luật? Người này gây ra khổ đau cho người khác dưới một cái cơ giả dối—bằng những cách như: giết, bỏ tù, tịch thu, cấm đoán, hoặc xua đuổi—[người đó nghĩ rằng] ‘Ta có quyền, ta muốn quyền hành’. Như vậy, khi nói về điều đúng với sự thật, người đó khinh ghét [người chỉ trích mình]; người đó không thừa nhận [tội lỗi của mình]. Khi nói về điều trái với sự thật, người đó không cố gắng để hiểu điều (người khác) đã nói với mình: ‘Do vậy do vậy, điều này là không đúng; do vậy do vậy, điều này là trái với sự thật’. Bởi vậy, người như vậy được gọi là người nói không đúng lúc, người nói sai dối, người nói điều phi ích lợi, người nói điều phi Giáo Pháp, người nói điều phi giới-luật.

“Người như vậy, bị chi phối bởi những bản tính bất thiện xấu ác được sinh ra từ tham ... được sinh ra từ sân ... được sinh ra từ si, với cái tâm bị ám muội bởi tham ... sân ... si, thì sống trong khổ đau ngay trong kiếp này, với sự sâu khổ, sự thống khổ, và sốt não, và khi thân tan rã, sau khi

chết, có thể bị tái sinh trong một nơi-đến xấu dữ.

“Ví như một cây⁴⁷³ đang bị quấn nghẹt và bao phủ bởi ba loại dây leo [*māluvā*]. Vậy coi như nó đã gặp phải tai nạn, gặp phải thảm họa, gặp tai nạn và thảm họa. Cũng giống như vậy, một người như vậy, bị chi phối bởi những bản tính bất thiện xấu ác được sinh ra từ tham ... được sinh ra từ sân ... được sinh ra từ si, với cái tâm bị ám muội bởi tham ... sân ... si, thì sống trong khổ đau ngay trong kiếp này, với sự sầu khổ, sự thống khổ, và sốt não, và khi thân tan rã, sau khi chết, có thể bị tái sinh trong một nơi-đến xấu dữ. Đây là ba gốc rễ bất thiện.

(II) “Này các Tỳ kheo, có ba gốc rễ thiện. Ba đó là gì? Gốc rễ thiện: vô-tham; gốc rễ thiện: vô-sân; gốc rễ thiện: vô-si.

(1) “Này các Tỳ kheo, mọi sự vô-tham đều là thiện. Mọi [nghiệp] một người vô-tham làm bằng thân, miệng, và tâm đều là thiện. Khi một người vô-tham, không bị chi phối bởi tham, với một cái tâm không bị ám muội bởi tham, không gây ra khổ đau cho người khác dưới một cái cơ giả dối—bằng những cách như: giết, bỏ tù, tịch thu, cấm đoán, hoặc xua đuổi—[người đó không nghĩ rằng] ‘Ta có quyền, ta muốn quyền hành’, thì đó cũng là thiện. Như vậy rất nhiều bản tính thiện khởi sinh trong người đó đều được sinh ra từ sự vô-tham, do sự vô-tham, khởi sinh từ sự vô-tham, bị tác động (duyên) bởi sự vô-tham.

(2) “Này các Tỳ kheo, mọi sự vô-sân đều là thiện. Mọi [nghiệp] một người vô-sân làm bằng thân, miệng, và tâm đều là thiện. Khi một người vô-sân, không bị chi phối bởi sân, với một cái tâm không bị ám muội bởi sân, không gây ra khổ đau cho người khác dưới một cái cơ giả dối—bằng những cách như: giết, bỏ tù, tịch thu, cấm đoán, hoặc xua đuổi—[người đó không nghĩ rằng] ‘Ta có quyền, ta muốn quyền hành’, thì đó cũng là thiện. Như vậy rất nhiều bản tính thiện khởi sinh trong người đó đều được sinh ra từ sự vô-sân, do sự vô-sân, khởi sinh từ sự vô-sân, bị tác động (duyên) bởi sự vô-sân.

(3) “Này các Tỳ kheo, mọi sự vô-si đều là thiện. Mọi [nghiệp] một

người vô-si làm bằng thân, miệng, và tâm đều là thiện. Khi một người vô-si, không bị chi phối bởi si, với một cái tâm không bị ám muội bởi si, không gây ra khổ đau cho người khác dưới một cái cơ giả dối—bằng những cách như: giết, bỏ tù, tịch thu, cấm đoán, hoặc xua đuổi—[người đó không nghĩ rằng] ‘Ta có quyền, ta muốn quyền hành’, thì đó cũng là thiện. Như vậy rất nhiều bản tính thiện khởi sinh trong người đó đều được sinh ra từ sự vô-si, do sự vô-si, khởi sinh từ sự vô-si, bị tác động (duyên) bởi sự vô-si.

“Này các Tỳ kheo, người như vậy được gọi là người nói đúng lúc, người nói đúng theo sự thật, người nói điều ích lợi, người nói điều hợp Giáo Pháp, người nói điều hợp giới-luật. Và tại sao người như vậy được gọi là người nói đúng lúc ... hợp giới-luật? Người này không gây ra khổ đau cho người khác dưới một cái cơ giả dối—bằng cách giết, bỏ tù, tịch thu, cấm đoán, hoặc xua đuổi—[người đó không nghĩ rằng] ‘Ta có quyền, ta muốn quyền hành’. Như vậy, khi nói về điều đúng với sự thật, người đó thừa nhận [tội lỗi của mình] và không khinh ghét [người chỉ trích mình]. Khi nói về điều trái với sự thật, người đó cố gắng để hiểu điều (người khác) đã nói với mình: ‘Do vậy do vậy, điều này là không đúng; do vậy do vậy, điều này là trái với sự thật’. Bởi vậy, người như vậy được gọi là người nói đúng lúc, người nói đúng theo sự thật, người nói điều ích lợi, người nói điều hợp Giáo Pháp, người nói điều hợp giới-luật.

“Người như vậy đã dẹp bỏ những bản tính bất thiện xấu ác được sinh ra từ tham ... được sinh ra từ sân ... được sinh ra từ si, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai. Người đó sống một cách hạnh phúc ngay trong kiếp này, không bị sự sầu khổ, sự thống khổ, hay sốt não, và ngay trong kiếp này người đó chứng ngộ Niết-bàn.

“Ví như một cây đang bị quấn nghẹt và bao phủ bởi ba loại dây leo [*māluvā*]. Rồi một người đến mang theo cuộc xêng và giỏ đục. Người đó chặt bỏ tận gốc những dây leo đó, đào bứng và nhổ sạch gốc rễ, ngay cả những cọng rễ non và sợi rễ. Người đó chặt những dây leo thành khúc

nhỏ, chặt thành mảnh nhỏ, và băm thành vụn nhỏ. Rồi người đó phơi khô đồng vụn nhỏ dưới nắng và gió, rồi đốt cháy chúng, đốt hết thành tro, và quăng tro đi theo gió mạnh hoặc quăng xuống một dòng sông chảy xiết. Theo cách như vậy, ba loại dây leo [*māluvā*] đó đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã bị xóa sổ để chúng không còn khởi sinh trong tương lai.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một người như vậy đã dẹp bỏ những bản tính bất thiện xấu ác được sinh ra từ tham ... được sinh ra từ sân ... được sinh ra từ si, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai. Người đó sống một cách hạnh phúc ngay trong kiếp này, không bị sự sầu khổ, sự thống khổ, hay sốt não, và ngay trong kiếp này người đó chứng ngộ Niết-bàn. Đây là ba gốc rễ thiện.”

70 (10) *Bố-Tát*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong khu Lâu Đài của Mẹ của Migāra (Migāramata), trong Khu Vườn Phía Đông (Đông Viên). Lúc đó, cô Visākhā Migāramātā [Visākhā biệt danh là ‘Mẹ của Migāra’], nhằm ngày lễ bố-tát (uposatha), đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với cô:

“Này Visākhā, sao cô đến vào giữa trưa như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, bữa nay con đang giữ giới bố-tát.”

“Này Visākhā, có ba loại bố-tát [sự trai giới]. Ba đó là gì? Bố-tát của người chăn bò, bố-tát của những người Ni-kiền-tử,⁴⁷⁴ và bố-tát của những thánh đệ tử.

(1) “Và, này Visākhā, theo cách nào là bố-tát của người chăn bò được tuân giữ? Này Visākhā, ví dụ như, vào buổi chiều người chăn bò trả đàn bò về cho chủ bò của họ. Người đó suy xét như vậy: ‘Bữa này những con bò ăn cỏ ở mấy chỗ như vậy và uống nước ở mấy chỗ như vậy. Ngày mai

những con bò sẽ ăn cỏ ở mấy chỗ như kia và uống nước ở mấy chỗ như kia.’ Cũng giống như vậy, có người ở đây đang giữ giới bố-tát suy xét như vậy: ‘Bữa nay tôi ăn mấy món ăn như vậy; bữa nay tôi đã ăn loại bữa ăn như vậy. Ngày mai tôi sẽ ăn mấy món ăn như kia; ngày mai tôi sẽ ăn loại bữa ăn như kia.’ Như vậy người đó trải qua một ngày với sự tham-lam và thèm-muốn trong tâm. Theo cách như vậy là bố-tát của người chăn bò được tuân giữ. Bố-tát của người chăn bò, được tuân giữ theo cách như vậy, không mang lại kết quả và ích lợi gì, cũng không sáng sủa hay thắm tháp gì cho khác thường.

(2) “Và, này Visākhā, theo cách nào là bố-tát của những Ni-kiền-tử? Này Visākhā, có những tu sĩ được gọi là những Ni-kiền-tử. Họ chỉ dụ đệ tử của họ như vậy: ‘Này bạn tốt, hãy đặt cây gậy hướng về những chúng sinh sống cách đó hơn một trăm do-tuần [*yojana*] về phía đông.⁴⁷⁵ Đặt cây gậy hướng về những chúng sinh sống cách đó hơn một trăm do-tuần về phía tây. Đặt cây gậy hướng về những chúng sinh sống cách đó hơn một trăm do-tuần về phía bắc. Đặt cây gậy hướng về những chúng sinh sống cách đó hơn một trăm do-tuần về phía nam.’ Vậy đó, họ chỉ dụ đệ tử của họ hãy có lòng cảm-thông và bi-mẫn đối với những chúng sinh mấy chỗ đó thôi, chứ không đối với những chúng sinh khác. Nhằm ngày bố-tát, họ chỉ dụ đệ tử của họ như vậy: ‘Này bạn tốt, sau khi đã cởi bỏ tất cả quần áo qua một bên, hãy tụng rằng: ‘Ta không ở bất cứ đâu là của ai, cũng không ở bất cứ đâu có bất cứ gì là của ta.’⁴⁷⁶ Tuy nhiên, rõ ràng cha mẹ người đệ tử đó biết: ‘Đây là con của chúng tôi.’ Và người đó cũng biết: ‘Đây là cha mẹ của tôi’. Vợ con người đó biết: ‘Ông là người (cha, chồng) nuôi nấng của chúng tôi’. Và người đó cũng biết: ‘Đây là vợ và con của tôi’. Những người làm, người hầu, và người giúp việc đều biết: ‘Đây là chủ của chúng tôi’. Và người đó cũng biết: ‘Đây là người làm, người hầu, và người giúp việc của tôi’. Như vậy đó, vào dịp đó lẽ ra họ nên được chỉ dụ bằng sự chân thật, nhưng [những người Ni-kiền-tử] lại chỉ dụ bằng những lời sai sự thật. Ta nói, điều này là sự nói lời sai sự thật [nói-dối]. Rồi qua đêm đó, hôm sau họ lại đi chiếm dụng những thứ không được cho. Ta nói, đây là sự lấy những thứ không được cho [gian-cấp]. Theo cách như vậy là bố-tát

của những người Ni-kiền-tử được tuân giữ. Sự bỏ-tát của những người Ni-kiền-tử, được tuân giữ theo cách như vậy, không mang lại kết quả và ích lợi gì, cũng không sáng sủa hay thâm tháp gì cho khác thường.

(3) “Và, này Visākhā, theo cách nào là bỏ-tát của những thánh đệ tử?”

(I) “Này Visākhā, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng (tu).⁴⁷⁷ Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng? Ở đây, này Visākhā, một thánh đệ tử tưởng niệm về Như Lai như vậy: [‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu đầy đủ trí-biết đích thực và phẩm-hạnh (minh hạnh túc), là bậc phúc-lành (thiện thệ), bậc hiểu-biết những thế giới (thế gian giải), người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa (điều ngự trượng phu), thầy của những thiên thần và loài người (thiên nhân sư), bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’] Khi một thánh đệ tử tưởng niệm về Như Lai, tâm người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ, y như cách khi cái đầu dơ dáy của một người được gội sạch bằng sự cố-gắng.

“Và, này Visākhā, theo cách nào thì cái đầu dơ dáy của một người được gội sạch bằng sự cố-gắng? Bằng cách dùng chất tẩy gội, đất sét, nước, và sự cố-gắng phù hợp của người đó. Chính theo cách như vậy thì cái đầu ơ dáy của một người được gội sạch bằng sự cố-gắng. Cũng giống như vậy, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng? Ở đây, này Visākhā, một thánh đệ tử tưởng niệm về Như Lai như vậy: [‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’] Khi một thánh đệ tử tưởng niệm về Như Lai, tâm người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Đây được gọi là một thánh đệ tử là người giữ giới bỏ-tát của vị Trời Brahmā (Phạm thiên), là người an trú cùng với vị Trời Brahmā, và chính bằng sự suy ngẫm về vị Trời Brahmā nên tâm của người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ.⁴⁷⁸ Chính theo cách như vậy cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng.

(II) “Này Visākḥā, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng? Ở đây, này Visākḥā, một thánh đệ tử tưởng niệm về Giáo Pháp như vậy: [‘Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.’]. Khi một thánh đệ tử tưởng niệm về Giáo Pháp, tâm của người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ, y như cách thân dơ dáy của một người được tẩy sạch bằng sự cố-gắng.

“Và, này Visākḥā, theo cách nào cái thân dơ dáy của một người được tẩy sạch bằng sự cố-gắng? Bằng cách dùng bàn chải tắm, bột vôi, nước, và sự cố-gắng phù hợp của người đó. Chính theo cách như vậy thì cái thân dơ dáy của một người được tẩy sạch bằng sự cố-gắng. Cũng giống như vậy, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng? Ở đây, này Visākḥā, một thánh đệ tử tưởng niệm về Giáo Pháp như vậy: [‘Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo ... được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.’] Khi một thánh đệ tử tưởng niệm về Giáo Pháp, tâm người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Đây được gọi là một thánh đệ tử là người giữ giới bố-tát của Giáo Pháp, là người an trú cùng với Giáo Pháp, và chính bằng sự suy ngẫm về Giáo Pháp nên tâm của người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Chính theo cách như vậy cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng.

(III) “Này Visākḥā, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng sự cố-gắng. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng? Ở đây, này Visākḥā, một thánh đệ tử tưởng niệm về Tăng Đoàn như vậy: [‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, tu tập cách thức chánh trực, tu tập cách thức đích thực, tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại (bậc) người—Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là xứng đáng được tặng vật,

đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời).’] Khi một thánh đệ tử tưởng niệm về Tăng Đoàn, tâm của người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ, y như cách một tấm vải dơ dáy được giặt sạch bằng sự cố-gắng

“Và, này Visākhā, theo cách nào một tấm vải dơ dáy được giặt sạch bằng sự cố-gắng? Bằng nhiệt (nước) nóng, phân bò, nước, và sự cố-gắng phù hợp của người đó. Chính theo cách như vậy thì tấm vải dơ dáy được giặt sạch bằng sự cố-gắng. Cũng giống như vậy, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng? Ở đây, này Visākhā, một thánh đệ tử tưởng niệm về Tăng Đoàn như vậy: ‘[Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành ... là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời).]’ Khi một thánh đệ tử tưởng niệm về Tăng Đoàn, tâm người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Đây được gọi là một thánh đệ tử là người giữ giới bố-tát của Tăng Đoàn, là người an trú cùng với Tăng Đoàn, và chính bằng sự suy ngẫm về Tăng Đoàn nên tâm của người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Chính theo cách như vậy cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng.

(IV) “Này Visākhā, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng? Ở đây, này Visākhā, một thánh đệ tử tưởng niệm về giới-hạnh của mình là [không bị sút mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, không bị vết nhơ, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị chấp giữ, dẫn tới đạt định.] Khi một thánh đệ tử tưởng niệm về giới-hạnh của mình như vậy, tâm của người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ, y như cách một tấm gương dơ dáy được chùi sạch bằng sự cố-gắng.

“Và, này Visākhā, theo cách nào một tấm gương dơ dáy được chùi sạch bằng sự cố-gắng? Bằng cách dùng dầu, tro, khăn vải, và sự cố-gắng phù hợp của người đó. Chính theo cách như vậy tấm gương dơ dáy được chùi sạch bằng sự cố-gắng. Cũng giống như vậy, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng? Ở đây, này Visākhā, một thánh đệ tử tưởng niệm về giới-hạnh của mình là [không bị sứt mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, không bị vết nhơ, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị chấp giữ, dẫn tới đạt định.]. Khi một thánh đệ tử tưởng niệm về giới-hạnh của mình, tâm người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Đây được gọi là một thánh đệ tử là người giữ giới bố-tát của giới-hạnh, là người an trú cùng với giới-hạnh, và chính bằng sự suy ngẫm về giới-hạnh nên tâm của người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Chính theo cách như vậy cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng.

(V) “Này Visākhā, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng? Ở đây, này Visākhā, một thánh đệ tử tưởng niệm về những thiên-thần như vậy: [‘Có những thiên thần của cõi trời Tứ Đại Thiên Vương, những thiên thần cõi trời Đao-lợi (Tāvātimsa, cõi trời 33), những thiên thần cõi trời Dạ-ma (Yāma), những thiên thần cõi trời Đâu-suất (Tusita), những thiên thần thích sáng tạo (hóa lạc thiên), những thiên thần kiểm soát những sáng tạo bởi những thiên thần khác (tha hóa tự tại thiên), những thiên thần cộng trú với trời Brahmā (Phạm chúng thiên), và những thiên thần cao hơn nữa.⁴⁷⁹ Mình cũng có *niềm-tin* (tín) như những thiên thần đó đã từng có (ở cõi người) mà nhờ đó khi họ qua đời ở đây (ở cõi người), họ đã được tái sinh ở trên đó; mình cũng có *giới-hạnh* (giới) ... *sự học-hiểu* (văn) ... *sự bố-thí* (thí) ... *trí-tuệ* (tuệ) như những thiên thần đó đã từng có (ở cõi người) mà nhờ đó khi họ qua đời ở đây (ở cõi người), họ đã được tái sinh ở trên đó.']. Khi một thánh đệ tử suy xét tưởng niệm về niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ có trong mình và có

trong những thiên thân, tâm người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ, y như cách vàng dơ tạp được tinh lọc bằng sự cố-gắng.

“Và, này Visākhā, theo cách nào vàng dơ tạp được tinh lọc bằng sự cố-gắng? Bằng cách dùng lò rèn, muối, phẩn đỏ, ống thổi, và kiếm để kẹp, và sự cố-gắng phù hợp của người đó. Chính theo cách như vậy vàng tạp dơ được tinh lọc bằng sự cố-gắng. Cũng giống như vậy, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng? Ở đây, này Visākhā, một thánh đệ tử tưởng niệm về những thiên thân như vậy: ‘[Có những thiên thân của cõi trời Tứ Đại Thiên Vương ... như những thiên thân đó đã từng có (ở cõi người) mà nhờ đó khi họ qua đời ở đây (ở cõi người), họ đã được tái sinh ở trên đó.].’ Khi một thánh đệ tử tưởng niệm về niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ có trong mình và có trong những thiên thân, tâm người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Đây được gọi là một thánh đệ tử là người giữ giới bố-tát của những thiên-thần, là người an trú với những thiên-thần, và chính bằng sự suy ngẫm về những thiên-thần nên tâm người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Chính theo cách như vậy cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng.

(TÁM GIỚI BỐ-TÁT:)

(I) (1) “Này Visākhā, người thánh đệ tử này biết suy xét (quán chiếu) như vậy:⁴⁸⁰ ‘[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và *kiêng cử sự sát-sinh*; dẹp bỏ gây gộc và vũ khí, đầy lương tâm và hiền từ, họ sống bi-mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng dẹp bỏ và *kiêng cử sự sát-sinh*; dẹp bỏ gây gộc và vũ khí, đầy lương tâm và hiền từ, tôi cũng sống bi-mẫn với tất cả mọi chúng sinh. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.]’ (*giới không sát-sinh*)

(2) “‘[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và *kiêng cử sự gian-*

cấp, chỉ nhận lấy thứ đã được cho, chỉ trông đợi thứ được cho, và trung thực hết lòng, tránh bỏ việc gian-cấp. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng dẹp bỏ và kiêng cử sự gian-cấp; tôi chỉ nhận lấy thứ đã được cho, chỉ trông đợi thứ được cho, và trung thực hết lòng, tránh bỏ việc gian-cấp (lấy thứ không được cho, ăn cắp, gian lận, lừa gạt, manh mún, nhận hối lộ, nhận tiền mới giúp, tham nhũng ...). Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] (*giới không gian-cấp*)

(3) “[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và *kiêng cử hành vi dâm-dục* và giữ giới sống độc-thân, sống tách ly, kiêng cử giao hợp, kiêng cử mọi hành vi tính-dục của người phạm (mọi dạng chánh dâm, tà dâm, hay thủ dâm, thị dâm, ý dâm ...). Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi sẽ dẹp bỏ hành vi tính-dục, và giữ giới sống độc-thân, sống tách-ly (ở riêng), kiêng cử giao hợp, kiêng cử mọi hành vi tính-dục của người phạm ... Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự trai giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] (*giới không dâm dục*)

(4) “[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và *kiêng cử sự nói-dối nói láo*; họ nói sự thật, giữ đúng sự thật; họ là những người đáng tin tưởng và đáng tin cậy, không phải là người lừa dối trong đời. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng dẹp bỏ và kiêng cử sự nói-dối nói láo; tôi chỉ nói sự thật, giữ đúng sự thật; tôi làm người đáng tin tưởng và đáng tin cậy, không phải là người lừa dối trong đời. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] (*giới không nói-dối nói láo*)

(5) “[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và *kiêng cử sự uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại*, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi sẽ dẹp bỏ và kiêng cử sự uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] (*giới không rượu bia, thuốc lá, ma túy, chất gây hại gây nghiện ...*)

(6) “[Khi còn sống, những bậc A-la-hán chỉ ăn một bữa một ngày,⁴⁸¹ kiêng cử sự ăn ban đêm và ăn những thức ăn ngoài giờ quy định. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng sẽ ăn một bữa một ngày, kiêng cử sự ăn ban đêm và ăn những thức ăn ngoài giờ quy định. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] (giới chỉ ăn một bữa ăn một ngày, ăn trước giờ Ngọ, không ăn phi thời)

(7) “[Khi còn sống, những bậc A-la-hán *kiêng cử sự ca, múa, đàn trống, nhạc kịch không thích hợp, và kiêng cử việc trang điểm, làm đẹp, đeo vòng hoa, dùng nước hoa, phấn sáp.* Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng sẽ kiêng cử sự ca, múa, đàn trống, nhạc kịch không thích hợp, và kiêng cử việc trang điểm, làm đẹp, đeo vòng hoa, dùng nước hoa, phấn sáp. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] (*giới không [và không coi] ca, múa, nhạc, kịch; không trang điểm, hóa trang, ăn diện, làm đẹp*)

(8) “[Khi còn sống, những bậc A-la-hán *đẹp bỏ và kiêng cử nằm ngò trên giường ghé cao và sang; họ nằm nghỉ ngủ ở chỗ nằm thấp, nằm trên tấm chiếu hay giường nhỏ.* Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng sẽ đẹp bỏ và kiêng cử việc nằm trên giường cao và sang; tôi nằm nghỉ ngủ ở chỗ nằm thấp, nằm trên tấm chiếu hay giường nhỏ. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự trai giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] (*giới không nằm ngò trên giường ghé cao sang sung sướng*)

“Này Visākhā, theo cách như vậy là bố-tát của những thánh đệ tử được tuân giữ. Khi một người đã giữ giới bố-tát của những thánh đệ tử theo cách như vậy sẽ mang lại kết quả và ích lợi, xán lạn (sáng sủa, sáng láng) và thâm nhập một cách khác thường (khác biệt, tiến bộ).

(II) “Nó (sự giữ giới bố-tát) mang lại kết quả và ích lợi tới mức nào? Nó xán lạn và thâm nhập một cách khác thường đến mức nào? Này Visākhā, ví dụ như có người có được sự thống trị và đế quyền của mình đối với 16 nước lớn có rất nhiều bầy loại quý chất báu,⁴⁸² đó là [các nước của dân] Anṅa, Magadha (Ma-kiệt-đà), Kāsi, Kosala (Kiều-tát-la), Vajji (Bạt-kỳ), Malla, Ceti, Vaṅga, Kuru, Pañcāla, Maccha, Sūrasena, Assaka,

Avanti, Gandhāra, và Kamboja:⁴⁸³ thì điều này cũng không bằng 1/16 sự giữ giới bố-tát trọn vẹn trong bát quan trai giới này (*tám phần trai giới từ (I)-(8) nói trên*). Vì lý do gì? Vì vương quyền ở cõi người là nghèo nàn so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(i) “Đối với những thiên thần [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương:⁴⁸⁴ 01 ngày đêm là tương đương với 50 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần ở đó là 500 năm cõi trời như vậy. Nay Visākha, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát trọn vẹn trong bát quan trai giới này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo nàn kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(ii) “Đối với những thiên thần cõi trời Đao-lợi (Tāvātimsa, cõi trời 33): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 100 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 1.000 năm cõi trời như vậy. Nay Visākha, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát trọn vẹn trong bát quan trai giới này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Đao-lợi. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo nàn so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(iii) “Đối với những thiên thần cõi trời Dạ-ma (Yāma): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 200 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 2.000 năm cõi trời như vậy. Nay Visākha, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát trọn vẹn trong bát quan trai giới này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Dạ-ma. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo nàn so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(iv) “Đối với những thiên thần cõi trời Đâu-suất (Tusita): 01 ngày

đêm ở đó là tương đương với 400 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 4.000 năm cõi trời như vậy. Nay Visākhā, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát trọn vẹn trong bát quan trai giới này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Đâu-suất. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo nàn so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(v) “Đối với những thiên thần vui thích sáng tạo (Hóa lạc thiên): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 800 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 8.000 năm cõi trời như vậy. Nay Visākhā, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát trọn vẹn trong bát quan trai giới này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần vui thích sáng tạo. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo nàn so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(vi) “Đối với những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của các thiên thần khác (Tha hóa tự tại thiên): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 1.600 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 16.000 năm cõi trời như vậy. Nay Visākhā, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát trọn vẹn trong bát quan trai giới này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của các thiên thần khác. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo nàn so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.”

Không sát-sinh; không gian-cấp;

Không nói-dối; không rượu, bia, hút, chích;

Kiêng cử dâm-dục, cả chánh dâm, tà dâm;

Không ăn ban đêm, không ăn phi thời.

Không trang điểm, đeo vòng hoa, súc nước hoa, phấn sáp;

Ngủ trên giường thấp thường hay chiếu trải trên đất;

Đây được người ta gọi là ngày bỏ-tát bát quan trai giới
Được tuyên dạy bởi Đức Phật—bậc đã đạt tới sự diệt-khổ.

Khi nào mặt trời và mặt trăng còn quay chuyền,
Là còn chiếu sáng, và đó thật là tuyệt đẹp khi nhìn,
Là những thứ xua tan bóng tối, vẫn tuần hoàn trong vũ trụ,
Chúng chiếu sáng bầu trời,⁴⁸⁵ soi sáng khắp mọi phương.

Mọi của cải trong cõi giới này—
Từ trân châu, ngọc quý, và ngọc lưu ly,⁴⁸⁶
Vàng sừng bò hay vàng núi,
Và vàng thiên nhiên được gọi là *hataka*—⁴⁸⁷

Tất cả những thứ đó cũng không bằng 1/16
So với sự giữ giới bỏ-tát (bát quan trai giới).
Giống như gom hết ánh sáng những vì sao (đang thấy)
Cũng không bằng sự phát sáng của mặt trăng.⁴⁸⁸

Bởi vậy, những người nam hay nữ có giới-hạnh,
Sau khi đã giữ giới bỏ-tát trọn vẹn trong bát quan trai giới,
Và sau khi đã tạo những công-đức tạo ra hạnh-phúc—
Sẽ đi một cách phi tội lỗi đến một trạng thái cõi trời.

NHÓM 3

ĀNANDA

71 (1) *Channa*

Lúc đó có du sĩ tên Channa đến gặp Ngài Ānanda và chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với thầy Ānanda:

“Này bạn Ānanda, các ông có chỉ định (chủ trương) đẹp bỏ tham, sân, si, hay không?”⁴⁸⁹

“Chúng tôi có, này bạn.”

“Nhưng, sự nguy-hại các ông đã nhìn thấy là gì mà các ông đã chỉ định sự đẹp bỏ tham, sân, si?”

(1) “Này bạn, người ta bị kích thích bởi tham-dục, bị chi phối bởi tham, với cái tâm bị ám muội bởi tham, thì cố ý làm khổ mình, làm khổ người khác, hay làm khổ cho cả mình và người, và người đó ném trái sự khổ đau và ưu phiền. Nhưng, khi tham được đẹp bỏ, thì người ta không cố ý làm khổ mình, làm khổ người khác, hay làm khổ cho cả mình và người, và người đó không ném trái sự khổ đau và ưu phiền.

“Người bị kích thích bởi tham-dục, bị chi phối bởi tham, với cái tâm bị ám muội bởi tham, thì dính vào hành-vi sai trái bằng thân, miệng, và tâm (hành-động, lời-nói, tâm-ý sai trái). Nhưng, khi tham được đẹp bỏ, thì người ta không dính vào hành-vi sai trái bằng thân, miệng, và tâm. Người bị kích thích bởi tham-dục, bị chi phối bởi tham, với cái tâm bị ám muội bởi tham, thì không hiểu được đúng như nó thực là điều gì là sự tốt lành cho mình, sự tốt lành cho người khác, hay sự tốt lành cho cả mình và người. Nhưng, khi tham bị đẹp bỏ, thì người ta hiểu được đúng như nó thực là điều gì là sự tốt lành cho mình, sự tốt lành cho người khác, và sự tốt lành cho cả mình và người. Tham-dục dẫn tới sự mù-quáng, sự mất sự-thấy, và sự thiếu sự-biết; tham là trở ngại cho trí-tuệ, là đồng hành của khổ-sở, và không dẫn tới Niết-bàn.

(2) “Người đầy sân-hận, bị chi phối bởi sân, với cái tâm bị ám muội bởi sân ...

(3) “Người bị si-mê, bị chi phối bởi si, với cái tâm bị ám muội bởi si, thì cố ý làm khổ mình, làm khổ người khác, hay làm khổ cho cả mình và người, và người đó nếm trải sự khổ đau và ưu phiền. Nhưng, khi si được dẹp bỏ, thì người ta không cố ý làm khổ mình, làm khổ người khác, hay làm khổ cho cả mình và người, và người đó không nếm trải sự khổ đau và ưu phiền.

“Người bị si-mê, bị chi phối bởi si, với cái tâm bị ám muội bởi si, thì dính vào hành-vi sai trái bằng thân, miệng, và tâm. Nhưng, khi si được dẹp bỏ, thì người ta không dính hành-vi sai trái bằng thân, miệng, và tâm. Người bị si-mê, bị chi phối bởi si, với cái tâm bị ám muội bởi si, thì không hiểu được đúng như nó thực là điều gì là sự tốt lành cho mình, sự tốt lành cho người khác, hay sự tốt lành cho cả mình và người. Nhưng, khi si được dẹp bỏ, thì người ta hiểu được đúng như nó thực là điều gì là sự tốt lành cho mình, sự tốt lành cho người khác, và sự tốt lành cho cả mình và người. Si-mê dẫn tới sự mù-quáng, sự mất sự-thấy, và sự thiếu sự-biết; tham là trở ngại cho trí-tuệ, là đồng hành của khổ-sở, và không dẫn tới Niết-bàn.

“Sau khi đã nhìn thấy những nguy-hại trong tham, sân, si như vậy, chúng tôi đã chỉ định sự (tu tập để) dẹp bỏ tham, sân, si.”

“Nhưng này bạn, có con-đường nào, có đường-đi nào dẫn tới sự dẹp bỏ tham, sân, si?”

“Này bạn, có một con-đường, có một đường-đi dẫn tới sự dẹp bỏ tham, sân, si.”

“Nhưng, cái gì là con-đường đó, cái gì là đường-đi đó dẫn tới sự dẹp bỏ tham, sân, si?”

“Đơn giản đó là con-đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo), đó gồm: chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định. Đây là con-đường, là

đường-đi dẫn tới sự đẹp bỏ tham, sân, si.”

“Con-đường này thật hay, này bạn; đường-đi này thật hay để dẫn tới sự đẹp bỏ tham, sân, si. Này bạn Ānanda, nhiều đó cũng đã đủ để (người tu) chuyên-chú (tu tập).”

72 (2) *Ājīvaka*

Trong một lần có Ngài Ānanda đang sống ở Kosambī, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita. Lúc đó có một gia chủ, là một đệ tử theo phái những Ājīvaka,⁴⁹⁰ đã đến gặp thầy Ānanda, kính lễ thầy, và ngồi xuống một bên, và nói với thầy ấy:

“Thầy Ānanda, (1) Giáo Pháp của ai được giảng bày một cách hay khéo? (2) Ai trong thế gian đang tu tập phương cách tốt lành? (3) Ai trong thế gian là những bậc phúc-lành (thiện thế)?”⁴⁹¹

“Này gia chủ, vậy tôi sẽ hỏi chú về vấn đề này. Chú cứ trả lời nếu thấy được.

(1) “Này gia chủ, chú nghĩ sao? Có phải Giáo Pháp của ai mà chỉ dạy sự đẹp-bỏ tham, sân, si là (giáo pháp) được giảng dạy một cách hay khéo? Theo chú thấy sao?”

“Giáo Pháp của ai mà chỉ dạy sự đẹp-bỏ tham, sân, si là (giáo pháp) được giảng dạy một cách hay khéo. Theo tôi thì thấy như vậy.”

(2) “Này gia chủ, chú nghĩ sao? Có phải những ai đang tu tập để đẹp-bỏ tham, sân, si là đang tu tập phương cách (đường lối, phương pháp) tốt lành? Theo chú thấy sao?”

“Những ai đang tu tập để đẹp-bỏ tham, sân, si là đang tu tập phương cách tốt lành. Theo tôi thì thấy như vậy.”

(3) “Này gia chủ, chú nghĩ sao? Có phải những ai đã đẹp-bỏ tham, sân, si, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai, là những

bạc phúc-lành? Theo chú thấy sao?”

“Những ai đã dẹp-bỏ tham, sân, si, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai, là những bậc phúc-lành. Theo tôi thì thấy như vậy.”

“Này gia chủ, như vậy là chú đã tuyên bố: ‘Giáo Pháp của ai mà chỉ dạy sự dẹp-bỏ tham, sân, si là (giáo pháp) được giảng dạy một cách hay khéo.’ Chú đã tuyên bố: ‘Những ai đang tu tập để dẹp-bỏ tham, sân, si là đang tu tập phương cách tốt lành trong thế gian.’ Và chú đã tuyên bố: ‘Những ai đã dẹp-bỏ tham, sân, si, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai, là những bậc phúc-lành trong thế gian.’”

“Thưa thầy, thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời; ở đây không có sự ca tụng Giáo Pháp của mình hay sự chê bai Giáo Pháp của người khác, mà chỉ có sự chỉ dạy Giáo Pháp theo đúng ý nghĩa [trong lĩnh vực] của nó. Chỉ tuyên bố ý nghĩa, chứ không đưa bản ngã (của người giảng dạy) vào trong đó.⁴⁹²

“Thưa thầy Ānanda, các thầy đã chỉ dạy Giáo Pháp để dẹp-bỏ tham, sân, si, nên Giáo Pháp của thầy là (giáo pháp) được giảng dạy một cách hay khéo. Các thầy đang tu tập để dẹp-bỏ tham, sân, si là đang tu tập phương cách tốt lành trong thế gian. Các thầy đã dẹp-bỏ tham, sân, si, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai, như vậy các thầy là những bậc phúc-lành trong thế gian.

“Thật hay khéo, thưa Thầy! Thật tuyệt vời, thưa Thầy! Thánh tăng Ānanda đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách khác nhau, cứ như thầy đang dựng đứng lại những thứ đã bị lộn chúi đầu, khai mở những điều bị che dấu, chỉ đường cho những kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng những thấy mọi thứ. Thầy Ānanda, giờ con xin quy y nương tựa theo Đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn

các Tỳ kheo. Mong thánh tăng Ānanda ghi nhận con là một đệ tử tại gia từ hôm nay đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

73 (3) *Người Họ Thích-Ca*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha. Bấy giờ đức Thế Tôn mới vừa khỏi bệnh. Lúc đó có ông Mahānāma (Đại Danh) người họ Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, đã từ lâu, con hiểu Giáo Pháp được đức Thế Tôn chỉ dạy như vậy: ‘Sự-biết chỉ xảy đến đối với người đạt-định, không xảy đến đối với người thiếu sự định-tâm.’ Thưa Thế Tôn, có phải sự định-tâm có trước sự-biết, hay sự-biết có trước sự định-tâm?”

Lúc đó ý này xảy đến với Ngài Ānanda: “Đức Thế Tôn mới vừa khỏi bệnh, nhưng ông Mahānāma họ Thích-ca hỏi một câu hỏi rất sâu xa như vậy. Vậy ta nên dắt ông Mahānāma họ Thích-ca này ra chỗ khác và chỉ dạy Giáo Pháp cho ông ta.”

Rồi thầy Ānanda đã nắm tay ông Mahānāma họ Thích-ca ra chỗ khác, và nói với ông ta: “Đức Thế Tôn đã nói về phần giới-hạnh của người học nhân (còn tu) và giới-hạnh của bậc vô học nhân (tu xong), về sự định-tâm của người học nhân và sự định-tâm của bậc vô học nhân, về trí-tuệ của người học nhân và trí-tuệ của bậc vô học nhân.

(1) “Và, này chú Mahānāma, cái gì là giới-hạnh của người học nhân? Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha [Giới Bản Tỳ kheo], có được giới-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. Đây được gọi là giới-hạnh của một người học nhân.

(2) “Và cái gì là sự định-tâm của một người học nhân?⁴⁹³ Ở đây: (i)

‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỷ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiên) ... [*tiếp tục 04 tầng thiền định như kinh 3:58 ở trên*] ... chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiên). Đây được gọi là sự định-tâm của người học nhân.

(3) “Và cái gì là trí-tuệ của người học nhân? Ở đây, một Tỷ kheo hiểu được (bốn diệu đế) đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’, và ‘Đây là nguồn-gốc khổ’, và ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’, và ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Đây được gọi là trí-tuệ của người học nhân.

“Đến khi người thánh đệ tử này đã hoàn thiện như vậy về giới-hạnh, về sự định-tâm, và về trí-tuệ (giới, định, tuệ): với sự đã tiêu diệt ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.⁴⁹⁴

“Này chú Mahānāma, chính theo cách này đức Thế Tôn đã nói về phần giới-hạnh của người học nhân và giới-hạnh của bậc vô học nhân, về sự định-tâm của người học nhân và sự định-tâm của bậc vô học nhân, về trí-tuệ của người học nhân và trí-tuệ của bậc vô học nhân.”

74 (4) Ni-Kiên-Tử

Trong một lần có Ngài Ānanda đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-ly), trong hội trường có mái nhọn, trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm). Lúc đó có ông Abhaya và ông Paṇḍitakumāra người Licchavi đã đến gặp thầy Ānanda, kính lễ thầy và ngồi xuống một bên.⁴⁹⁵ Rồi ông Abhaya người Licchavi đã nói với thầy Ānanda:

“Thưa thầy, (giáo chủ) Ni-kiên-tử Nātaputta tuyên bố mình biết-hết và thấy-hết và có sự-biết và sự-thấy bao trùm hết (sự toàn tri toàn kiến), [ông ta nói]: ‘Khi tôi đang đi, đang đứng, đang ngủ, và đang thức, đối với tôi sự-biết và sự-thấy là thường trực và liên tục có mặt đối với tôi.’⁴⁹⁶ Ông ta chủ trương sự kết liễu nghiệp cũ bằng cách hành xác và sự phá bỏ cây

câu bằng cách không tạo thêm nghiệp mới nào nữa.⁴⁹⁷ Như vậy là, nhờ sự tiêu diệt nghiệp, nên khổ bị tiêu diệt. Nhờ sự tiêu diệt khổ, nên cảm-giác bị tiêu diệt. Nhờ sự tiêu diệt cảm-giác nên tất cả mọi sự khổ đều bị phai-mòn hết thấy. Đây là cách vượt qua sự khổ bằng sự thanh-lọc nhờ sự phai-mòn có thể trực tiếp nhìn thấy được ngay trong kiếp này.⁴⁹⁸ Đức Thế Tôn nói sao về điều này?”

“Này Abhaya, ba loại sự thanh-lọc nhờ sự phai-mòn này đã được thuyết giảng một cách đúng đắn bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác là người biết và thấy, để (vì sự) thanh lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu và ai oán, để làm phai biến sự khổ đau và ưu phiền, để thành tựu phương-pháp (đạo pháp), để chứng ngộ Niết-bàn. Ba đó là gì?

(1) “Ở đây, này Abhaya, một Tỳ kheo là có giới-hạnh ... [*tiếp tục như đoạn (1) trong kinh 3:73 ở trên*] ... Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. Người đó không tạo thêm nghiệp mới nào và người đó chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp xúc và tiếp xúc nó nhiều lần.⁴⁹⁹ Sự phai-mòn đó là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi người có trí.

(2) “Này Abhaya, sau khi một Tỳ kheo đã hoàn thiện như vậy về giới-hạnh, người đó: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiên) ... [*tiếp tục 04 tầng thiền định như kinh 3:58 ở trên*] ... chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiên). Người đó không tạo thêm nghiệp mới nào và người đó chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp xúc và tiếp xúc nó nhiều lần. Sự phai-mòn đó là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi người có trí.

(3) “Này Abhaya, sau khi Tỳ kheo đó đã hoàn thiện như vậy về giới-hạnh và sự định-tâm, rồi: ‘Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã

chúng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Người đó không tạo thêm nghiệp mới nào và người đó chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp xúc và tiếp xúc nó nhiều lần. Sự phai-mòn đó là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi người có trí.⁵⁰⁰

“Này Abhaya, đây là ba loại sự thanh-lọc nhờ sự phai-mòn đã được thuyết giảng một cách đúng đắn bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác là người biết và thấy, để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu và ai oán, để làm phai biến sự khổ đau và ưu phiền, để thành tựu phương-pháp (pháp tu), để chứng ngộ Niết-bàn.”

Sau khi điều này được nói ra, ông Paṇḍitakumāra người Liccivachi đã nói với ông Abhaya người Liccivachi rằng: “Này ông bạn Abhaya, ông không biết cảm ơn⁵⁰¹ thầy Ānanda vì những lời đã được tuyên thuyết một cách hay khéo của thầy ấy hay sao?”

“Này ông bạn, làm sao tôi có thể không cảm ơn thầy Ānanda vì những lời đã được tuyên thuyết một cách hay khéo của thầy ấy? Nếu ai không biết ơn thầy Ānanda vì những lời đã được tuyên thuyết một cách hay khéo như vậy của thầy ấy, đầu người ấy chắc sẽ bể ra!”

75 (5) Nên Được Khuyến Khích

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy:

“Này Ānanda, những ai mà thầy có lòng bi-mẫn với họ và những ai nghĩ thầy cần nên được chú ý (lắng nghe, quan tâm), dù đó là bạn bè hay đồng nghiệp, người thân hay họ hàng, thì họ nên được thầy khuyến khích, ổn định và thiết lập trong ba điều. Ba đó là gì?

(1) “Họ nên được khuyến khích, ổn định và thiết lập trong niềm-tin bất lay chuyển⁵⁰² về Đức Phật như vậy: [‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu đầy đủ

trí-biết đích thực và phẩm-hạnh (minh hạnh túc), là bậc phúc-lành (thiện thệ), bậc hiểu-biết những thế giới (thế gian giải), người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa (điều ngự trượng phu), thầy của những thiên thần và loài người (thiên nhân sư), bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’].

(2) “Họ nên được khuyến khích, ổn định và thiết lập trong niềm-tin bất lay chuyển về Giáo Pháp như vậy: [‘Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.’].

(3) “Họ nên được khuyến khích, ổn định và thiết lập trong niềm-tin bất lay chuyển về Tăng Đoàn như vậy: [‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, tu tập cách thức chánh trực, tu tập cách thức đích thực, tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại (bậc) người—Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là xứng đáng được tặng vật, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời).].

“Này Ānanda, có thể có sự biến-đổi trong bốn yếu-tố lớn (tứ đại)—yếu tố đất, yếu tố nước, yếu tố nhiệt, và yếu tố—nhưng không thể có sự biến-đổi nào bên trong một người thánh đệ tử đã có-được niềm-tin bất lay chuyển vào Đức Phật. Trong ngữ cảnh này, sự biến-đổi muốn nói tới ở đây là: người thánh đệ tử này, người đã có-được niềm-tin bất lay chuyển vào Đức Phật, còn có thể bị tái sinh trong địa ngục, trong cảnh giới súc sinh, hay trong cõi hồn ma nạ quỷ. Điều đó là không thể có.

“Này Ānanda, có thể có sự biến-đổi trong bốn yếu-tố lớn—yếu tố đất, yếu tố nước, yếu tố nhiệt, và yếu tố—nhưng không thể có sự biến-đổi nào bên trong một người thánh đệ tử đã có-được niềm-tin bất lay chuyển vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn. Trong ngữ cảnh này, sự biến-đổi muốn nói tới ở đây là: người thánh đệ tử này, người đã có-được niềm-tin bất lay chuyển vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn, còn có thể bị tái sinh trong địa

ngục, trong cảnh giới súc sinh, hay trong cõi hồn ma ngựa quỷ. Điều đó là không thể có.

“Này Ānanda, những ai mà thầy có lòng bi-mẫn với họ và những ai nghĩ thầy cần nên được chú ý, dù đó là bạn bè hay đồng nghiệp, người thân hay họ hàng, thì họ nên được thầy khuyến khích, ổn định và thiết lập trong ba điều đó.”

76 (6) Sự Hiện Hữu

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘sự hiện-hữu, sự hiện-hữu’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có sự hiện-hữu?”⁵⁰³

(1) “Này Ānanda, nếu không có nghiệp chín muồi trong cõi dục giới, thì liệu có thấy sự hiện-hữu nào trong cõi dục giới hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Nhu vậy, này Ānanda, đối với những chúng sinh bị cản trở bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng (ái), thì nghiệp là ruộng đất, thức là hạt giống, và dục-vọng là hơi ẩm để cho *thức* được thiết lập trong một cõi thấp kém (nhược). Theo cách như vậy là có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới trong tương lai.⁵⁰⁴

(2) “Này Ānanda, nếu không có nghiệp chín muồi trong cõi sắc giới, thì liệu có thấy sự hiện-hữu nào trong cõi sắc giới hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Nhu vậy, này Ānanda, đối với những chúng sinh bị cản trở bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, thì nghiệp là ruộng đất, thức là hạt giống, và dục-vọng là hơi ẩm để cho *thức* được thiết lập trong một cõi trung bình (trung). Theo cách như vậy là có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới trong tương lai.

(3) “Này Ānanda, nếu không có nghiệp chín muồi trong cõi vô sắc giới, thì liệu có thấy sự hiện-hữu nào trong cõi vô sắc giới hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Như vậy, này Ānanda, đối với những chúng sinh bị cản trở bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, thì nghiệp là ruộng đất, thức là hạt giống, và dục-vọng là hơi ẩm để cho *thức* được thiết lập trong một cõi tốt hơn (ưu). Theo cách như vậy là có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới trong tương lai.

“Này Ānanda, theo cách như vậy là có sự hiện-hữu.”

77 (7) *Ý Chí và Nguyện Vọng*

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn ...

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘sự hiện-hữu, sự hiện-hữu’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có sự hiện-hữu?”

(1) “Này Ānanda, nếu không có nghiệp chín muồi trong cõi dục giới, thì liệu có thấy sự hiện-hữu nào trong cõi dục giới hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Như vậy, này Ānanda, đối với những chúng sinh bị cản trở bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng (ái), thì nghiệp là ruộng đất, thức là hạt giống, và dục-vọng là hơi ẩm để cho *sự cố-ý* (tư) và *nguyện-vọng* (nguyện)⁵⁰⁵ được thiết lập trong cõi thấp xấu (nhược). Theo cách như vậy là có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới trong tương lai.

(2) “Này Ānanda, nếu không có nghiệp chín muồi trong cõi sắc giới, thì liệu có thấy sự hiện-hữu nào trong cõi sắc giới hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Như vậy, này Ānanda, đối với những chúng sinh bị cản trở bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, thì nghiệp là ruộng đất, thức là hạt giống, và dục-vọng là hơi ẩm để cho *sự cố-ý* và *nguyện-vọng* được thiết

lập trong cõi ở giữa (trung). Theo cách như vậy là có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới trong tương lai.

(3) “Này Ānanda, nếu không có nghiệp chín muồi trong cõi vô sắc giới, thì liệu có thấy sự hiện-hữu nào trong cõi vô sắc giới hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Như vậy, này Ānanda, đối với những chúng sinh bị cản trở bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, thì nghiệp là ruộng đất, thức là hạt giống, và dục-vọng là hơi ẩm để cho *sự cố-ý* và *nguyện-vọng* được thiết lập trong cõi cao thượng (uu). Theo cách như vậy là có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới trong tương lai.

“Này Ānanda, theo cách như vậy là có sự hiện-hữu.”

78 (8) Sự Thiết Lập

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn ... Đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy:

“Này Ānanda, có phải tất cả giới-hạnh và trì-giới, lối-sống [thanh bản], và đời-sống tâm linh [đời sống tu hành, phạm hạnh] sẽ kết quả tốt khi chúng được thiết lập thành cốt-lõi?”⁵⁰⁶

“Không phải hoàn toàn là vậy, thưa Thế Tôn.”

“Vậy thì, này Ānanda, hãy phân giải ra coi.”

“Thưa Thế Tôn, ví dụ có người tu dưỡng giới-hạnh và trì-giới, lối-sống [thanh bản], và đời-sống tâm linh, được thiết lập thành cốt-lõi. Nếu những phẩm chất bất thiện gia tăng và những phẩm chất thiện suy giảm, thì sự tu dưỡng giới-hạnh và trì-giới, lối-sống [thanh bản], và đời-sống tâm linh khi chúng được thiết lập thành cốt-lõi, là không kết quả. Nhưng, nếu những phẩm chất bất thiện suy giảm và những phẩm chất thiện gia tăng, thì sự tu dưỡng giới-hạnh và trì-giới, lối-sống [thanh bản], và đời-sống tâm linh khi chúng được thiết lập thành cốt-lõi, là có kết quả.”

Đây là điều thầy Ānanda đã nói. Vị Thầy đã đồng ý. Rồi thầy Ānanda, do nghĩ ‘Vị Thầy đã đồng ý’ nên đã kính lễ đức Thế Tôn, đi nhiễu quanh, giữ đức Thế Tôn hướng bên phải của mình, và đi ra.

Rồi không lâu sau khi thầy đi, Đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, thầy Ānanda (còn) là một học nhân, nhưng không dễ gì tìm được ai ngang bằng thầy ấy về trí-tuệ.”

79 (9) Những Mùi Hương

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:

“Thưa Thế Tôn, có ba mùi hương này bay theo gió, không bay ngược gió. Ba đó là gì? Mùi hương của rễ cây, mùi hương của lõi cây, và mùi hương của hoa. Ba mùi hương này bay theo gió, không bay ngược gió. Có mùi hương nào bay theo gió, bay ngược gió, và vừa bay theo gió vừa bay ngược gió?”

“Có, này Ānanda, một loại mùi hương bay theo gió, bay ngược gió, và vừa bay theo gió vừa bay ngược gió.”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, đó là mùi hương nào?”

“Ở đây, này Ānanda, trong làng nào hay thị trấn nào có một người đàn ông hay phụ nữ đã quy y theo Phật, Pháp, Tăng; người đó có giới-hạnh và có tính cách thiện, kiêng cử sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, nói-dối nói-láo, và uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật; và người đó sống ở nhà với một cái tâm không dính tính keo-kiệt, rộng lòng bố-thí, mở rộng hai tay, vui thích sự từ-bỏ, tận tâm làm việc từ-thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ—trong trường hợp đó, những những tu sĩ và bà-la-môn ở khắp nơi đều nói lời khen ngợi, họ nói rằng: ‘Trong làng đó hay trong thị trấn đó có người đàn ông hay phụ nữ đã quy y theo Phật, Pháp, Tăng ... vui thích sự cho-đi và chia-sẻ.’

“Những thiên thần và những loài phi nhân⁵⁰⁷ đều nói lời khen ngợi,

họ nói rằng: ‘Trong làng đó hay trong thị trấn đó có người đàn ông hay phụ nữ đã quy y theo Phật, Pháp, Tăng ... vui thích sự cho-đi và chia-sẻ.’

“Này Ānanda, đây là mùi hương bay theo gió, bay ngược gió, vừa bay theo gió vừa bay ngược gió.”

Hương thơm của bông hoa, của cây *tagara*,⁵⁰⁸

Hay của hoa lài đều không bay ngược gió.

Nhưng tiếng thơm của người thiện thì bay ngược gió:

Tiếng thơm của người thiện lan tỏa khắp mọi phương.⁵⁰⁹

80 (10) *Đệ Tử Abhibhū*

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:

“Thưa Thế Tôn, trước mặt đức Thế Tôn con đã nghe điều này, trước mặt đức Thế Tôn con đã học điều này: ‘Abhibhū, một đệ tử của Đức Phật Sikhī, khi đang ở trong cõi trời Brahmā (phạm thiên), đã truyền giọng nói của mình qua toàn hệ mười ngàn thế giới.’⁵¹⁰ Thưa Thế Tôn, vậy đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác thì có thể truyền giọng nói đi bao xa?”

“Này Ānanda, vị ấy là một đệ tử; còn những Như Lai là không thể đo lường.”⁵¹¹

Lần thứ hai ... Lần thứ ba (thầy Ānanda vẫn lặp lại từ đầu câu hỏi trên) ... (Đức Phật mới nói:)

“Này Ānanda, thầy có nghe nói về hệ mười ngàn thế giới nhỏ chưa?”

“Giờ là lúc cho điều này, thưa Thế Tôn. Giờ là lúc cho điều này, thưa bậc Phúc Lành. Xin đức Thế Tôn hãy thuyết giảng. Sau khi nghe được lời dạy từ đức Thế Tôn, những Tỳ kheo sẽ ghi nhớ trong tâm.”

“Được rồi, này Ānanda, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

(1) “Hệ một ngàn thế giới là trong đó mặt trời và mặt trăng tuần hoàn và chiếu sáng mọi phương bằng ánh sáng của chúng thì được gọi là hệ

một ngàn thế giới **nhỏ** (hệ **tiểu** thiên ngân hà), là hệ thế giới cấp một.⁵¹² Trong hệ một ngàn thế giới nhỏ đó, có một ngàn mặt trăng, một ngàn mặt trời, một ngàn núi vua Tu-di (Sineru), một ngàn châu Jambudīpa (Diêm-phù-nê châu), một ngàn châu Aparagoyāna (Tây Ngu Hóa châu), một ngàn châu Uttarakuru (Bắc Cu Vô châu), một ngàn châu Pūbbavideha (Đông Thắng Thần châu),⁵¹³ và một ngàn lần bốn đại dương; một ngàn lần tứ đại (thiên) vương, một ngàn cõi trời [của các thiên thần được trị vì bởi] tứ đại thiên vương, một ngàn cõi trời Tāvātimsa (Đao-lợi), một ngàn cõi trời Yāma (Dạ-ma), một ngàn cõi trời Tusita (Đâu-suất), một ngàn cõi trời của những thiên thần thích sáng tạo (Hóa lạc thiên), một ngàn cõi trời của những thiên thần kiểm soát những thành quả của những thiên thần sáng tạo (Tha hóa tự tại thiên), một ngàn cõi trời brahmā (Phạm thiên).

(2) “Một hệ thế giới lớn gấp một ngàn lần hệ một ngàn thế giới nhỏ thì được gọi là hệ một ngàn thế giới **trung** (hệ **trung** thiên ngân hà), là hệ thế giới cấp hai; (= gồm một triệu thế giới nhỏ).⁵¹⁴

(3) Một hệ thế giới lớn gấp một ngàn lần hệ một ngàn thế giới trung thì được gọi là hệ một ngàn thế giới **lớn** (hệ **đại** thiên ngân hà), là hệ thế giới cấp ba; (= gồm một triệu thế giới trung). Nay Ānanda, Như Lai có thể truyền giọng nói của mình bao xa tùy theo ý mình trong hệ một ngàn thế giới lớn đó.”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào Như Lai có thể truyền giọng nói của mình bao xa tùy theo ý mình trong hệ một ngàn thế giới lớn đó?”

“Ở đây, này Ānanda, Như Lai dùng sự phát quang của mình phủ chiếu hết hệ một ngàn thế giới lớn đó. Khi những chúng sinh ở đó nhận thấy ánh sáng đó, Như Lai sẽ phát ra giọng nói của mình và làm cho họ nghe được âm thanh giọng nói đó. Nay Ānanda, chính theo cách như vậy Như Lai có thể truyền giọng nói của mình bao xa tùy theo ý mình trong hệ một ngàn thế giới lớn đó.”⁵¹⁵

Sau khi điều này được nói ra, thầy Ānanda đã thưa với đức Thế Tôn: “Đây quả là thiện phúc của con! Con quả thật may phúc rằng Vị Thầy của

con thật uy lực và uy dũng như vậy.”

Sau khi điều này được nói ra, Ngài Udāyī đã nói với thầy Ānanda: “Này đạo hữu Ānanda, điều gì đối với thầy khiến thầy nói Vị Thầy của mình là thật uy lực và uy dũng?”⁵¹⁶

Sau khi điều này được nói ra, đức Thế Tôn đã nói với thầy Udāyī: “Đừng nói vậy, Udāyī! Đừng nói vậy, Udāyī!”⁵¹⁷ Này Udāyī, nếu thầy Ānanda có chết khi chưa hết tham-dục, thì nhờ có niềm-tin của mình, thầy ấy sẽ bảy lần làm vua của những thiên thần trên cõi trời và bảy lần làm đại vương trong cõi Diêm-phù-nè [Jambudīpa] này. Tuy nhiên, thầy Ānanda sẽ chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng ngay trong kiếp này.”

NHÓM 4

CÁC TU SĨ (SA-MÔN)

81 (1) *Những Tu Sĩ*

“Này các Tỳ kheo, có ba trách phận của tu sĩ (sa-môn) nên được thực hành bởi tu sĩ. Ba đó là gì? (1) Đảm nhận sự tu học [về] giới-hạnh bậc cao, (2) đảm nhận sự tu học [về] thiền-định bậc cao, và (3) đảm nhận sự tu học [về] trí-tuệ bậc cao. Đây là ba trách phận của tu sĩ nên được thực hành bởi tu sĩ. [ba phần giới, định, tuệ của hàng Tỳ kheo]

“Do vậy, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ có mong-muốn mạnh mẽ để đảm nhận sự tu học giới-hạnh bậc cao; chúng ta sẽ có mong-muốn mạnh mẽ để đảm nhận sự tu học thiền-định bậc cao; chúng ta sẽ có mong-muốn mạnh mẽ để đảm nhận sự tu học trí-tuệ bậc cao.’ Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

82 (2) *Con Lừa* ⁵¹⁸

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một con lừa đang theo sau một đàn bò, [nó nghĩ]: ‘Ta cũng là bò mà, ta cũng là bò mà’.⁵¹⁹ (1) Nhưng tướng mạo nó không giống bò, (2) tiếng kêu của nó không giống tiếng kêu của bò, và (3) dấu chân của nó không giống dấu chân của bò. Nhưng nó cứ đi theo sau đàn bò, [và nghĩ rằng]: ‘Ta cũng là bò mà, ta cũng là bò mà.’

“Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo nọ đi theo sau Tăng Đoàn, [nghĩ rằng]: ‘Ta cũng là Tỳ kheo mà, ta cũng là Tỳ kheo mà.’

(1) Nhưng mong-muốn của người đó về việc đảm nhận sự tu học giới-hạnh bậc cao thì không giống những Tỳ kheo khác; (2) mong-muốn của người đó về việc đảm nhận sự tu học thiền-định bậc cao thì không giống những Tỳ kheo khác; (3) mong-muốn của người đó về việc đảm nhận sự tu học trí-tuệ bậc cao thì không giống những Tỳ kheo khác. Nhưng người đó cứ đi theo sau Tăng Đoàn, [và nghĩ rằng]: ‘Ta cũng là Tỳ kheo mà, ta cũng là Tỳ kheo mà.’

“Do vậy, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ có mong-muốn mạnh mẽ để đảm nhận sự tu học giới-hạnh bậc cao; chúng ta sẽ có mong-muốn mạnh mẽ để đảm nhận sự tu học thiên-định bậc cao; chúng ta sẽ có mong-muốn mạnh mẽ để đảm nhận sự tu học trí-tuệ bậc cao.’ Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

83 (3) *Ruộng Đất*

“Này các Tỳ kheo, đối với một nông dân có ba trách nhiệm căn bản này. Ba đó là gì? (1) Ở đây, trước tiên người nông dân cày bừa kỹ lưỡng ruộng đất. (2) Kế tiếp, người đó gieo giống đúng lúc. (3) Và sau đó, người đó dẫn nước và thoát nước khi cần thiết. Đây là ba trách nhiệm căn bản của một nông dân.

“Cũng giống như vậy, có ba trách phận căn bản của một Tỳ kheo. Ba đó là gì? (1) Nhận lãnh sự tu học giới-hạnh bậc cao, (2) nhận lãnh sự tu học thiên-định bậc cao, và (3) nhận lãnh sự tu học trí-tuệ bậc cao. Đây là ba trách phận căn bản của một Tỳ kheo.

“Do vậy, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ có mong-muốn mạnh mẽ để nhận lãnh sự tu học giới-hạnh bậc cao ... sự tu học thiên-định bậc cao ... sự tu học trí-tuệ bậc cao.’ Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

84 (4) *Người Vajji*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-ly), trong hội trường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó có một Tỳ kheo người Vajji (Bạt-kỳ) đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, mỗi kỳ nửa-tháng có tới hơn 150 giới luật tu hành (điều luật, điều giới luật) cần phải đọc tụng. Con không thể tu tập cho xuể trong những giới luật đó.”

“Này Tỳ kheo, liệu thầy có thể tu ba phần tu học, đó là: (1) sự tu học giới-hạnh bậc cao, (2) sự tu học thiên-định bậc cao, và (3) sự tu học trí-tuệ bậc cao, hay không?”

“Dạ, con có thể, thưa Thế Tôn.”

“Nếu vậy, này Tỳ kheo, hãy tu ba phần tu học đó: tu học giới-hạnh bậc cao, tu học thiên-định bậc cao, và tu học trí-tuệ bậc cao. Khi thầy tu học trong ba phần tu học đó, thầy sẽ dẹp bỏ tham, sân, si. Với sự dẹp bỏ tham, sân, si, thầy sẽ không làm điều gì bất thiện hoặc dính theo điều gì xấu ác.”

Rồi, không lâu sau lần đó, vị Tỳ kheo đó đã tu tập được phần giới-hạnh bậc cao, thiên-định bậc cao, và trí-tuệ bậc cao. Khi thầy ấy đã tu học trong ba phần tu học đó, thầy ấy đã dẹp bỏ tham, sân, si. Với sự dẹp bỏ tham, sân, si, thầy ấy đã không còn làm điều gì bất thiện hoặc dính theo điều gì xấu ác.”

85 (5) Một Học Nhân

Lúc đó có một Tỳ kheo đã đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘Một học nhân, một học nhân’. Theo cách nào là một học nhân?”

“Này Tỳ kheo, người đó tu học nên được gọi là một học nhân. Và người đó tu học về cái gì? Người đó tu học phần giới-hạnh bậc cao; người đó tu học phần thiên-định bậc cao; người đó tu học phần trí-tuệ bậc cao. Này Tỳ kheo, người đó tu học nên được gọi là một học nhân.”

Khi người học nhân tu học,

Theo con đường chánh trực,

Trí-biết về sự diệt-nhiễm (lậu tận minh) khởi sinh trước,

Lập tức theo sau là trí-biết cuối cùng (quả A-la-hán).⁵²⁰

Sau đó, khi những gông-cùm hiện-hữu bị hủy diệt

Đối với người được giải thoát bằng trí-biết trực tiếp,
Thì có sự-biết khởi sinh rằng:
“Sự giải-thoát của ta là không thể lay chuyển.”⁵²¹

86 (6) Tiến Trình Tu Học (1)

“Này các Tỳ kheo, mỗi kỳ nửa-tháng có tới hơn 150 giới luật tu hành (điều luật, điều giới luật) cần phải đọc tụng; những người họ tộc mong muốn sự tốt lành cho chính mình thì tu tập trong những giới luật này. Tất cả những giới luật này được bao gồm trong ba phần tu học này. Ba đó là gì? (1) sự tu học giới-hạnh bậc cao, (2) sự tu học thiên-định bậc cao, và (3) sự tu học trí-tuệ bậc cao. Đây là ba phần tu học mà tất cả những giới luật đó đều được bao gồm trong đó.

1- “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo hoàn thành về giới-hạnh, nhưng về thiên-định và trí-tuệ chỉ mới tu tập tới một trình độ phải chăng. Người đó còn phạm vào những giới luật nhẹ và nhỏ, và khôi phục bản thân.⁵²² Vì lý do gì? Vì ta không nói người đó không có khả năng (phạm tội nhẹ và nhỏ) đó.⁵²³ Nhưng, đối với những giới luật là nền tảng cho đời sống tâm linh, là tương thích với (phù hợp cho) với đời sống tâm linh,⁵²⁴ thì giới-hạnh của người đó vững vàng và ổn định. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu hành trong những điều giới luật đó. Với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên), người đó là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị tái sinh vào cảnh giới thấp xấu, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. (bậc Nhập-lưu)

2- “Một Tỳ kheo khác hoàn thành về giới-hạnh, nhưng về thiên-định và trí-tuệ chỉ mới tu tập tới một trình độ phải chăng. Người đó còn phạm vào những giới luật nhẹ và nhỏ, và khôi phục bản thân. Vì lý do gì? Vì ta không nói người đó không có khả năng (phạm tội nhẹ và nhỏ) đó. Nhưng, đối với những giới luật là nền tảng cho đời sống tâm linh, là tương thích với (phù hợp cho) đời sống tâm linh, thì giới-hạnh của người đó vững vàng và ổn định. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu

hành trong những điều giới luật đó. Với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên) và cộng với sự giảm thiểu tham, sân, si, người đó là một bậc thánh Nhất-lai, sau khi quay lại thế gian này chỉ một lần nữa, vị ấy sẽ làm nên sự diệt-khổ. (bậc Nhất-lai)

3- “Một Tỳ kheo khác hoàn thành về giới-hạnh, nhưng về thiên-định và trí-tuệ chỉ mới tu tập tới một trình độ phải chăng. Người đó còn phạm vào những giới-luật nhẹ và khôi phục bản thân. Vì lý do gì? Vì ta không nói người đó không có khả năng (phạm tội nhẹ và nhỏ) đó. Nhưng, đối với những giới luật là nền tảng cho đời sống tâm linh, là tương thích với (phù hợp cho) đời sống tâm linh, thì giới-hạnh của người đó vững vàng và ổn định. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu hành trong những điều giới luật đó. Với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (năm gông cùm đầu, hạ phần kiết sử), vị ấy là bậc tự động tái sinh (vào một cõi tịnh cư thiên), rồi sẽ chứng ngộ luôn Niết-bàn ở đó, không còn quay lại thế gian từ cõi đó. (bậc Bất-lai)

4- “Một Tỳ kheo khác hoàn thành về giới-hạnh, nhưng về thiên-định và trí-tuệ chỉ mới tu tập tới một trình độ phải chăng. Người đó còn phạm vào những giới luật nhẹ và nhỏ, và khôi phục bản thân. Vì lý do gì? Vì ta không nói người đó không có khả năng (phạm tội nhẹ và nhỏ) đó. Nhưng, đối với những giới luật là nền tảng của đời sống tâm linh, là tương thích với (phù hợp cho) đời sống tâm linh, thì giới-hạnh của người đó vững vàng và ổn định. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu hành trong những điều giới luật đó. Với sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. (bậc A-la-hán)

“Vậy đó, này các Tỳ kheo, người tu tập từng phần thì thành đạt từng phần; người tu tập toàn phần thì đạt tới sự toàn thiện. Ta nói, những giới luật tu hành này là không hề vô ích [cần cố].”

87 (7) Tiên Trình Tu Học (2)

“Này các Tỳ kheo, mỗi kỳ nửa-tháng có tới hơn 150 giới luật tu hành cần phải đọc tụng; những người họ tộc mong muốn sự tốt lành cho chính mình thì tu tập trong những giới luật này. Tất cả những giới luật này được bao gồm trong ba phần tu học này. Ba đó là gì? (1) sự tu học giới-hạnh bậc cao, (2) sự tu học thiên-định bậc cao, và (3) sự tu học trí-tuệ bậc cao. Đây là ba phần tu học mà tất cả những giới luật đều được bao gồm trong đó.

1- “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo hoàn thành về giới-hạnh, nhưng về thiên-định và trí-tuệ chỉ mới tu tập tới một trình độ phải chăng. Người đó còn phạm vào những giới-luật nhẹ và khôi phục bản thân. Vì lý do gì? Vì ta không nói người đó không có khả năng (phạm tội nhẹ và nhỏ) đó. Nhưng, đối với những giới luật là nền tảng cho đời sống tâm linh, là tương thích với (phù hợp cho) đời sống tâm linh, thì giới-hạnh của người đó vững vàng và ổn định. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu tập trong những điều luật đó. **(i) (a)** Với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên), người đó thành ‘người chứng-ngộ (Niết-bàn) trong tối đa bảy kiếp’, (tức là) sau khi lang thang và trôi giạt làm những thiên thần và làm người trong tối đa bảy kiếp, vị ấy sẽ làm nên sự diệt-khổ.⁵²⁵ **(b)** Với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên), người đó thành ‘người chứng-ngộ (và tái sinh) từ gia đình này sang gia đình khác’, (tức là) sau khi lang thang và trôi giạt làm người từ hai đến ba kiếp trong những gia đình tốt, vị ấy sẽ làm nên sự diệt-khổ. **(c)** Với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên), người đó thành ‘người chứng-ngộ một-hạt-giống’, (tức là) sau khi chỉ tái sinh một lần nữa làm người, vị ấy sẽ làm nên sự diệt-khổ. **(ii)** Với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên), và cộng với sự giảm thiểu tham, sân, si, người đó thành bậc Nhất-lai, sau khi quay trở lại thế gian chỉ một lần nữa, vị ấy sẽ làm nên sự diệt-khổ.

2- “Một Tỳ kheo khác hoàn thành về giới-hạnh, nhưng về thiên-định và trí-tuệ chỉ mới tu tập tới một trình độ phải chăng. Người đó còn phạm vào những giới-luật nhẹ và khôi phục bản thân. Vì lý do gì? Vì ta không

nói người đó không có khả năng (phạm tội nhẹ và nhỏ) đó. Nhưng, đối với những giới luật là nền tảng cho đời sống tâm linh, là tương thích với (phù hợp cho) đời sống tâm linh, thì giới-hạnh của người đó vững vàng và ổn định. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu tập trong những điều giới luật đó. Với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (năm gông cùm đầu, hạ phần kiết sử), người đó thành người hướng thượng lưu, hướng lên cõi trời Akanitṭha (Sắc cứu kính thiên) ... thành người chứng ngộ Niết-bàn với sự cố-gắng (thêm) ... thành người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng (thêm) ... thành người chứng ngộ Niết-bàn ngay sau khi tái sinh ... thành người chứng ngộ Niết-bàn trong nửa-đầu kiếp sau.⁵²⁶

3- “Một Tỳ kheo khác hoàn thành về giới-hạnh, nhưng về thiên-định và trí-tuệ chỉ mới tu tập tới một trình độ phải chăng. Người đó còn phạm vào những giới luật nhẹ và khôi phục bản thân. Vì lý do gì? Vì ta không nói người đó không có khả năng (phạm tội nhẹ và nhỏ) đó. Nhưng, đối với những giới luật là nền tảng cho đời sống tâm linh, là tương thích với (phù hợp cho) với đời sống tâm linh, thì giới-hạnh của người đó vững vàng và ổn định. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu tập trong những điều giới luật đó. Với sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.

“VẬY ĐÓ, NÀY CÁC TỶ KHEO, NGƯỜI TU TẬP TỪNG PHẦN THÌ THÀNH ĐẠT TỪNG PHẦN; NGƯỜI TU TẬP TOÀN PHẦN THÌ ĐẠT TỚI SỰ TOÀN THIỆN. TA NÓI, NHỮNG GIỚI LUẬT TU HÀNH NÀY LÀ KHÔNG HỀ VÔ ÍCH [CẢN CỠ].”

88 (8) *Tiền Trình Tu Học (3)*

“Này các Tỳ kheo, mỗi kỳ nửa-tháng có tới hơn 150 giới luật tu hành cần phải đọc tụng; những người họ tộc mong muốn sự tốt lành cho chính mình thì tu tập trong những giới luật này. Tất cả những giới luật này được

bao gồm trong ba phần tu học này. Ba đó là gì? (1) sự tu học giới-hạnh bậc cao, (2) sự tu học thiền-định bậc cao, và (3) sự tu học trí-tuệ bậc cao. Đây là ba phần tu học mà tất cả những giới luật đều được bao gồm trong đó.

1- “Ở đây, một Tỷ kheo hoàn thành về giới-hạnh, nhưng về thiền-định và trí-tuệ chỉ mới tu tập tới một trình độ phải chăng. Người đó còn phạm vào những giới luật nhẹ và khôi phục bản thân. Vì lý do gì? Vì ta không nói người đó không có khả năng (phạm tội nhẹ và nhỏ) đó. Nhưng, đối với những giới luật là nền tảng cho đời sống tâm linh, là tương thích với (phù hợp cho) với đời sống tâm linh, thì giới-hạnh của người đó vững vàng và ổn định. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu tập trong những điều giới luật đó. Với sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.

2- “Nếu người đó không chứng ngộ và thâm nhập trạng thái đó (tức quả A-la-hán),⁵²⁷ thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (năm gông-cùm đầu, hạ phần kiết sử), người đó thành một người chứng ngộ Niết-bàn trong nửa-đầu kiếp sau. Nếu người đó không chứng ngộ và thâm nhập trạng thái đó, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó thành một người chứng-ngộ Niết-bàn ngay sau khi tái sinh ... thành người chứng-ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng (thêm) ... thành người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng (thêm) ... thành người hướng thượng lưu, hướng lên cõi trời Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên: là cõi trời cao nhất trong 5 cõi tịnh cư thiên dành cho những bậc thánh Bất-lai)

3- (a) “Nếu người đó không chứng ngộ và thâm nhập trạng thái đó, thì với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên), cộng với sự giảm thiểu tham, sân, si, người đó thành bậc thánh Nhất-lai, sau khi quay lại thế gian này chỉ một lần nữa, vị ấy sẽ làm nên sự diệt-khô. (b) Nếu người đó không chứng ngộ và thâm nhập trạng thái đó, thì với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên), người đó thành ‘người chứng-ngộ một-hạt-gióng’, (tức là) sau

khi chỉ tái sinh một lần nữa làm người, vị ấy sẽ làm nên sự diệt-khổ. (c) Nếu người đó không chứng ngộ và thâm nhập trạng thái đó, thì với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên), người đó thành ‘người chứng-ngộ (và tái sinh) từ gia đình này sang gia đình khác’, (tức là) sau khi lang thang và trôi giạt từ hai hay ba lần nữa trong các gia đình tốt, vị ấy sẽ làm nên sự diệt-khổ. (d) Nếu người đó không chứng ngộ và thâm nhập trạng thái đó, thì với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên), người đó thành ‘người chứng-ngộ trong tối đa bảy kiếp’, (tức là) sau khi lang thang và trôi giạt làm những thiên thân và làm người trong tối đa bảy kiếp, vị ấy sẽ làm nên sự diệt-khổ.

“VẬY ĐÓ, NÀY CÁC Tỳ kheo, người tu tập từng phần thì thành đạt từng phần; người tu tập toàn phần thì đạt tới sự hoàn thiện. Ta nói, những giới luật tu hành này là không hề vô ích [căn cõi].”

89 (9) (Ba) Phần Tu Học (1)

“NÀY CÁC Tỳ kheo, có ba phần tu học này. Ba đó là gì? (1) sự tu học [về] giới-hạnh bậc cao, (2) sự tu học [về] thiên-định bậc cao, và (3) sự tu học [về] trí-tuệ bậc cao.

“VÀ, NÀY CÁC Tỳ kheo, cái gì là sự tu học giới-hạnh bậc cao? Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiểm chế trong Pātimokkha (Giới Bản Tỳ kheo), có được giới-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu hành theo những điều giới luật đó. Đây được gọi là sự tu học giới-hạnh bậc cao.

“VÀ, NÀY CÁC Tỳ kheo, cái gì là sự tu học thiên-định [tu tập tâm] bậc cao? Ở đây: (i) Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất-thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiên định thứ nhất (Nhất thiên) ... trong tầng thiên định thứ tư (Tứ thiên). Đây được gọi là sự tu học thiên-định bậc cao.

“VÀ, NÀY CÁC Tỳ kheo, cái gì là sự tu học trí-tuệ bậc cao? Ở đây, một

Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khô’. Người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc khô’ ... ‘Đây là sự chấm-dứt khô’ ... ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khô’. Đây được gọi là sự tu tập về trí-tuệ bậc cao.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba phần tu học.”

90 (10) (Ba) Phần Tu Học (2)

“Này các Tỳ kheo, có ba phần tu học này. Ba đó là gì? (1) sự tu học [về] giới-hạnh bậc cao, (2) sự tu học [về] thiên-định bậc cao, và (3) sự tu học [về] trí-tuệ bậc cao.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu học giới-hạnh bậc cao? Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha (Giới Bồn Tỳ kheo), có được giới-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu hành theo những điều giới luật đó. Đây được gọi là sự tu học giới-hạnh bậc cao.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu học thiên-định [tu tập tâm] bậc cao? Ở đây: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất-thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiên định thứ nhất (Nhất thiên) ... trong tầng thiên định thứ tư (Tứ thiên). Đây được gọi là sự tu tập về thiên-định bậc cao.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu học trí-tuệ bậc cao? Ở đây, với sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba phần tu tập.”

Nỗ lực, mạnh mẽ, và kiên định,

Thiền trú, có chánh-niệm, các căn được phòng hộ,

Người nên tu tập giới-hạnh bậc cao,
Tâm bậc cao (thiền-định), và trí-tuệ bậc cao.

Trước sao, sau vậy; sau sao, trước vậy;
Dưới sao, trên vậy; trên sao, dưới vậy;
Ngày sao, đêm vậy; đêm sao, ngày vậy,
Sau khi đã vượt trên tất cả mọi phương,
Với sự định-tâm vô lượng.⁵²⁸

Họ gọi người đó là bậc học nhân đang trên đường đạo,
Người có giới-hạnh được thanh lọc.

Họ gọi vị đó là bậc giác-ngộ trong thế gian,
Một bậc trí hiền đã hoàn thành sự tu-tập.⁵²⁹

Đôi với người đã tự do nhờ sự tiêu diệt dục-vọng,
Với sự chãm-dứt của thức,
Thì sự giải-thoát của tâm
Giống như sự thổi tắt của một ngọn đèn.⁵³⁰

91 (11) Ở Paṅkadhā

Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành ở xứ dân Kosala (Kiều-tát-la) cùng với một Tăng Đoàn lớn các Tỳ kheo, lúc đó đang đến thị trấn Paṅkadhā của những người Kosala. Rồi đức Thế Tôn trú lại gần Paṅkadhā.

Bấy giờ, lúc đó có Tỳ kheo tên Kassapagotta, là dân cư ở Paṅkadhā. Ở đó đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp liên quan đến những giới luật tu hành. Rồi, trong lúc đức Thế Tôn đang chỉ dạy ... bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp liên quan đến những giới luật tu hành, Tỳ kheo Kassapagotta trở nên bất nhẫn và cay đắng, [cho rằng]: “Sa-môn này (tức Phật) quá nghiêm khắc”.⁵³¹

Rồi, sau khi trú ở Paṅkadhā ít lâu theo như mình muốn, đức Thế Tôn

đã lên đường đi đến Rājagaha (Vương Xá). Sau thời gian đi du hành, cuối cùng đức Thế Tôn đã đến Rājagaha. Ở đó, tại Rājagaha, đức Thế Tôn trú trên Đỉnh Núi Kền Kền (Linh Thú). Còn không lâu sau khi đức Thế Tôn rời khỏi thị trấn đó, Tỳ kheo Kassapagotta, đầy hối hận và hối tiếc, [nghĩ rằng]: “Đúng là vô phúc và mất mát cho ta, trong khi đức Thế Tôn đang chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp liên quan đến những giới luật tu hành, mà ta lại bất nhẫn và cay đắng, [cho rằng]: ‘Sa-môn này quá nghiêm khắc’. Giờ ta phải đi gặp đức Thế Tôn để thú tội với bậc ấy.”

Rồi Tỳ kheo Kassapagotta đã thu dọn chỗ ở, mang theo bình bát và cà sa, lên đường đi Rājagaha. Cuối cùng thầy ấy cũng đến Rājagaha và đi đến Đỉnh Núi Kền Kền. Thầy ấy đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, trong lần vừa rời khi đức Thế Tôn đang ở thị trấn Paṅkadhā của những người Kosala. Ở đó đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp liên quan đến những giới luật tu hành. Trong khi đức Thế Tôn đang chỉ dạy ... mà con lại trở nên bất nhẫn và cay đắng, [cho rằng]: ‘Sa-môn này quá nghiêm khắc’. Rồi, sau khi trú ở Paṅkadhā ít lâu theo ý mình, đức Thế Tôn đã lên đường đi đến Rājagaha. Không lâu sau khi đức Thế Tôn rời khỏi thị trấn đó, con đầy hối hận và hối tiếc, [nghĩ rằng]: ‘Đúng là vô phúc và mất mát cho ta khi đức Thế Tôn đang chỉ dạy ... bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp liên quan đến những giới luật tu hành, mà con lại bất nhẫn và cay đắng, [cho rằng]: ‘Vị sa-môn này quá nghiêm khắc’. Cho nên giờ con phải đến gặp Thế Tôn để thú tội với Thế Tôn.’

“Thưa Thế Tôn, con đã phạm một tội trong đó, khi đức Thế Tôn đang chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp liên quan đến những giới luật tu hành, mà con lại bất nhẫn và cay đắng một cách thật ngu xuẩn, ngu dần, và không thiện khéo, với ý nghĩ rằng: ‘Sa-môn này quá nghiêm khắc’. Thưa Thế Tôn, con xin đức Thế Tôn hãy chấp nhận sự phạm tội của con đã được nhìn thấy là

một tội, để con biết kiềm-chế trong tương lai.”

“Chắc chắn rồi, này Kassapa, thầy đã phạm vào một tội trong đó, khi ta đang chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp liên quan đến những giới luật tu hành, mà thầy lại bắt nần và cay đắng một cách thật ngu xuẩn, ngu dần, và không thiện khéo, với ý nghĩ rằng: ‘Sa-môn này quá nghiêm khắc’. Nhưng do thầy đã nhìn thấy sự phạm tội của mình là một tội, và thực thi tu sửa nó theo đúng Giáo Pháp, nên chúng ta chấp nhận lời thú tội đó. Bởi điều đó cho thấy có sự tăng trưởng trong giới-luật của Thánh Nhân, rằng một người (phạm tội) nhìn thấy sự phạm tội của mình là một tội, thực thi tu sửa nó theo đúng Giáo Pháp, và đảm nhận sự kiềm-chế trong tương lai.

(A) (1) “Này Kassapa, nếu một Tỳ kheo thâm niên (tuổi hạ nhiều, trưởng lão)⁵³² không muốn tu tập và không nói lời đề cao sự tu tập; nếu người đó không khuyến khích việc huấn luyện những Tỳ kheo không muốn tu tập; và nếu người đó không nói lời khen ngợi đúng thật, chân thật và đúng lúc đối với những Tỳ kheo mong muốn tu tập, thì ta không nói lời đề cao loại Tỳ kheo thâm niên đó. Vì lý do gì? Bởi vì những Tỳ kheo khác mà nghe ta khen ngợi loại Tỳ kheo thâm niên đó thì họ sẽ kết giao với thầy đó, và những người kết giao với thầy đó sẽ làm theo gương thầy đó. Nếu họ theo gương thầy đó, thì điều đó sẽ dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu cho họ. Do vậy ta không nói lời khen ngợi loại Tỳ kheo thâm niên đó.

(2) “Này Kassapa, nếu một Tỳ kheo trung niên (tuổi hạ trung) ... (3) “Này Kassapa, nếu một Tỳ kheo thiếu niên (tuổi hạ ít) không muốn tu tập và không nói lời đề cao sự tu tập; nếu người đó không khuyến khích việc huấn luyện những Tỳ kheo không muốn tu tập; và nếu người đó không nói lời khen ngợi đúng thật, chân thật và đúng lúc đối với những Tỳ kheo mong muốn tu tập, thì ta không nói lời đề cao loại Tỳ kheo thiếu niên đó. Vì lý do gì? Bởi vì những Tỳ kheo khác mà nghe ta khen ngợi loại Tỳ kheo thiếu niên đó thì họ sẽ thân giao với thầy đó, và những người thân giao với thầy đó sẽ làm theo gương thầy đó. Nếu họ theo gương thầy đó,

thì điều đó sẽ dẫn tới sự nguy-hại và khô-đau dài lâu cho họ. Do vậy ta không nói lời khen ngợi loại Tỳ kheo thiếu niên đó.

(B) (1) “Này Kassapa, nếu một Tỳ kheo thâm niên mong muốn tu tập và nói lời đề cao sự tu tập; nếu người đó khuyến khích việc huấn luyện những Tỳ kheo không muốn tu tập; và nếu người đó nói lời khen ngợi đúng thật, chân thật và đúng lúc đối với những Tỳ kheo mong muốn tu tập, thì ta sẽ nói lời đề cao loại Tỳ kheo thâm niên đó. Vì lý do gì? Bởi vì những Tỳ kheo khác mà nghe ta khen ngợi loại Tỳ kheo thâm niên đó thì họ sẽ kết giao với thầy ấy, và những người kết giao với thầy ấy sẽ làm theo gương thầy ấy. Nếu họ theo gương thầy ấy, thì điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ. Do vậy ta mới nói lời khen ngợi loại Tỳ kheo thâm niên đó.

(2) “Này Kassapa, nếu một Tỳ kheo trung niên ... (3) “Này Kassapa, nếu một Tỳ kheo thiếu niên muốn tu tập và nói lời đề cao sự tu tập; nếu người đó khuyến khích việc huấn luyện những Tỳ kheo không muốn tu tập; và nếu người đó nói lời khen ngợi đúng thật, chân thật và đúng lúc đối với những Tỳ kheo mong muốn tu tập, thì ta sẽ nói lời đề cao loại Tỳ kheo thiếu niên đó. Vì lý do gì? Bởi vì những Tỳ kheo khác mà nghe ta khen ngợi loại Tỳ kheo thiếu niên đó thì họ sẽ kết giao với thầy ấy, và những người thân giao với thầy ấy sẽ làm theo gương thầy ấy. Nếu họ theo gương thầy ấy, thì điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ. Do vậy ta mới nói lời khen ngợi loại Tỳ kheo thiếu niên đó.”

NHÓM 5

HỘT MUỐI⁵³³

92 (1) *Cấp Thiết*

“Này các Tỳ kheo, có ba công việc cấp thiết của một nông dân.⁵³⁴ Ba đó là gì? (1) Trước nhất, người nông dân phải nhanh chóng cày kỹ và bừa kỹ ruộng đất. (2) Tiếp theo, người đó nhanh chóng gieo hạt giống. (3) Và tiếp theo, người đó nhanh chóng tưới nước và xả nước cho ruộng đất. Đây là ba công việc cấp thiết của một người nông dân.

“Người nông dân này không có thần lực hay thần thông nào để dùng nó mà ra lệnh: ‘Này cây cối của ta, bữa nay phải mọc lên! Ngày mai lớn lên! Ngày một đơm bông kết quả!’ Thay vì vậy, nhờ có sự biến chuyển của mùa vụ nên mới có các thời cây mọc, thời cây lớn lên, và thời cây đơm hoa kết quả.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có ba công việc cấp thiết của một Tỳ kheo. Ba đó là gì? (1) Nhận lãnh sự tu học giới-hạnh bậc cao, (2) nhận lãnh sự tu tập về thiền-định bậc cao, và (3) nhận lãnh sự tu tập về trí-tuệ bậc cao. Đây là ba công việc cấp thiết của một Tỳ kheo.

“Tỳ kheo này không có thần lực hay thần thông nào để dùng nó mà ra lệnh: ‘Này tâm của ta, bữa nay phải được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm bằng sự không còn dính-chấp (thủ diệt); hay ngày mai phải được giải-thoát ... hay ngày một phải được giải-thoát!’ Thay vì vậy, nhờ Tỳ kheo này tu tập phần giới-hạnh bậc cao, phần thiền-định bậc cao, và phần trí-tuệ bậc cao nên mới có khả năng đến lúc nào đó tâm người đó sẽ được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp.

“Do vậy, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ có mong-muốn mạnh mẽ để đảm nhận sự tu học giới-hạnh bậc cao; chúng ta sẽ có mong-muốn mạnh mẽ để đảm nhận sự tu học thiền-định bậc cao; chúng ta sẽ có mong-muốn mạnh mẽ để đảm nhận sự tu học trí-tuệ bậc cao.’ Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

93 (2) Sự Tách Ly

“Này các Tỳ kheo, những du sĩ giáo phái khác (khác đạo, ngoại đạo) quy định ba loại sự tách-ly. Ba đó là gì? Sự tách-ly đối với y-phục, sự tách-ly đối thức-ăn khát thực, và sự tách-ly đối với chỗ-ở tiện nghi.⁵³⁵

“Này các Tỳ kheo, những du sĩ khác đạo quy định sự tách-ly đối với y-phục là như vậy: họ mặc y-phục làm từ sợi cây gai, y-phục làm từ vải pha sợi gai, y-phục làm từ giẻ rách; y-phục làm từ vỏ cây, từ da dê núi, từ những miếng da dê núi; y-phục làm từ cỏ *kusa*, làm từ vải làm từ vỏ cây, hay vải làm từ bột gỗ một cưa; một tấm mền làm từ lông thú hay len lông thú, một tấm phủ làm từ lông cánh chim cú. Những du sĩ khác đạo quy định sự tách-ly đối với y-phục là như vậy.

“Những du sĩ khác đạo quy định sự tách-ly đối với thức-ăn là như vậy: họ ăn rau xanh, hạt kê, gạo nướng, vỏ khoai, rong rêu, cám gạo, cặn gạo, bột mè, cỏ lá, hoặc phân bò. Họ sống nhờ ăn rễ cây rừng và trái cây; họ sống nhờ ăn trái cây rừng. Những du sĩ khác đạo quy định sự tách-ly đối với thức-ăn là như vậy.

“Những du sĩ khác đạo quy định sự tách-ly đối với chỗ-ở tiện nghi là như vậy: họ sống trong rừng, dưới gốc cây, ở nghĩa địa, ở những chỗ-ở trong rừng sâu hay rừng rẫy; ở ngoài trời, ở đồng rơm, ở trong kho chứa rơm rạ. Những du sĩ khác đạo quy định sự tách-ly đối với chỗ-ở tiện nghi là như vậy.

“Đây là ba loại sự tách-ly mà những tu sĩ giáo phái khác quy định.

“Còn theo Giáo Pháp và giới luật này, này các Tỳ kheo, có ba loại sự tách-ly mà một Tỳ kheo phải có được. Ba đó là gì?

“Ở đây, (1) một Tỳ kheo có giới-hạnh; người đó đã dẹp bỏ sự thất-đức (trái giới hạnh, bất chính) và giữ mình tách-ly khỏi sự thất-đức đó. (2) Người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến); người đó đã dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và giữ mình tách-ly khỏi những tà-kiến đó.⁵³⁶

(3) Người đó là người đã tiêu diệt ô-nhiễm; người đó đã dẹp bỏ mọi ô-nhiễm và giữ mình tách-ly khỏi những ô-nhiễm đó.

“Khi một Tỳ kheo có giới-hạnh, là người đã dẹp bỏ sự thất-đức và giữ mình tách-ly khỏi sự thất-đức; khi người đó là người có chánh-kiến, là người đã dẹp bỏ tà-kiến, và giữ mình tách-ly khỏi những tà-kiến; khi người đó đã tiêu diệt ô-nhiễm, là người đã dẹp bỏ mọi ô-nhiễm, và giữ mình tách-ly khỏi những ô-nhiễm, thì vị đó được gọi là người đã chứng đắc điều tốt-nhất, đã chứng đắc điều cốt-lõi, là người thanh-khiết, được thiết lập trong điều cốt-lõi.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một nông dân khi ruộng lúa nương của ông ta đã chín vàng. Người nông dân đó phải nhanh chóng gặt chúng. Rồi nhanh chóng gom bó chúng lại. Rồi nhanh chóng chở về sân đập lúa. Rồi nhanh chóng chắt chúng lên, đập chúng, loại bỏ thân rơm, loại bỏ rạ nát, và quạt sảy cho ra lúa sạch. Rồi nhanh chóng đưa lúa sạch qua chỗ khác, giã chúng, và loại bỏ vỏ trấu. Theo cách như vậy, người nông dân có được những hạt gạo là thứ tốt-nhất, đã đạt được thứ cốt-lõi, là thứ thanh-kiết, được thiết lập trong thứ cốt-lõi.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có giới-hạnh ... là người có chánh-kiến ... là người đã dẹp bỏ mọi ô-nhiễm, và giữ mình tách ly khỏi những ô-nhiễm, thì vị đó được gọi là người đã chứng đắc điều tốt-nhất, đã chứng đắc điều cốt-lõi, là người thanh-khiết, được thiết lập trong điều cốt-lõi.”

94 (3) Mùa Thu ⁵³⁷

“Này các Tỳ kheo, cũng giống như, vào mùa thu, khi trời trong và không mây, mặt trời mọc lên sẽ xua tan màn đêm tối khỏi không gian khi nó phát sáng và chiếu sáng. Cũng giống như vậy, khi con mắt Giáo Pháp (pháp nhãn) không còn dính bụi, không còn dính nhiễm, khởi sinh bên trong người thánh đệ tử, rồi cùng với sự khởi sinh sự-thấy (tâm nhìn), thì người thánh đệ tử dẹp bỏ được ba công-cùm (đầu tiên): (1) quan-điểm có

cái ‘ta’ (thân kiến), (2) sự nghi-ngờ, và (3) sự chấp-thủ sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện (giới-cấm thủ).⁵³⁸

“Tiếp theo đó, người đó từ bỏ hai trạng thái tham và sân; rồi: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ Nay các Tỳ kheo, nếu người thánh đệ tử này có qua đời trong lúc đó, thì cũng không còn công-cùm nào trói buộc vị ấy quay lại thế gian này nữa.”⁵³⁹

95 (4) Hội Chúng

“Này các Tỳ kheo, có ba loại hội chúng.⁵⁴⁰ Ba đó là gì? Hội chúng những người ưu việt, hội chúng bị chia rẽ, và hội chúng hòa hợp.

(1) “Và cái gì là hội chúng những người ưu việt? Ở đây, trong loại hội chúng này, những Tỳ kheo trưởng lão *không* sống xa hoa và loi lỏi nhưng đẹp bỏ sự tụt lùi, và dẫn đầu về sự sống tách-ly lánh trần; họ phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn) để đạt tới những điều chưa đạt được, để thành tựu những điều chưa thành tựu được, để chứng ngộ những điều chưa chứng ngộ được. [Những người] thế hệ kế tiếp noi gương làm theo họ. Họ cũng *không* sống xa hoa và loi lỏi nhưng đẹp bỏ sự tụt lùi, và cũng dẫn đầu về sự sống tách-ly lánh trần; họ cũng phát khởi sự nỗ-lực tu để đạt tới những điều chưa đạt được, để thành tựu những điều chưa thành tựu được, để chứng ngộ những điều chưa chứng ngộ được. Đây được gọi là hội chúng những người ưu việt.

(2) “Và cái gì là hội chúng bị chia rẽ? Hội chúng trong đó các Tỳ kheo hay tranh luận và cãi vã và rơi vào những cuộc tranh chấp, đâm chọt lẫn nhau bằng những lời lẽ xuyên xỏ: đó được gọi là hội chúng bị chia rẽ.

(3) “Và cái gì là hội chúng hòa hợp? Hội chúng trong đó các Tỳ kheo sống trong sự hòa đồng, một cách hòa hợp, không có những tranh chấp, hòa hiệp với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân

từ: đó được gọi là hội chúng hòa hợp.

“Khi những Tỳ kheo sống trong sự hòa đồng, một cách hòa hợp, không có những tranh chấp, hòa hiệp với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ, thì trong thời đó họ tích tạo nhiều công-đức. Trong thời đó, những Tỳ kheo an trú trong một cõi trời, đó là, sự giải-thoát của tâm nhờ sự tùy-hỷ. Khi một người vui-vầy, thì sự hoan-hỷ (hỷ) khởi sinh. Với một người có tâm hoan-hỷ, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người có thân tĩnh-lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm trở nên đạt-định (định).

“Giống như, khi trời mưa và nước mưa xuống trên đỉnh núi, nước chảy xuống theo dốc núi và đổ đầy những khe núi, khe suối, khe lạch; sau khi tích đầy nó chảy ra những ao hồ; rồi tích đầy nó chảy ra những hồ lớn; rồi tích đầy nó chảy ra những con suối; rồi tích đầy nó chảy ra những con sông; và rồi tích đầy nó chảy ra biển cả. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những Tỳ kheo sống trong sự hòa đồng, một cách hòa hợp, không có những tranh chấp, hòa hiệp với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ, thì trong thời đó họ tích tạo nhiều công-đức. Trong thời đó, những Tỳ kheo an trú trong một cõi trời, đó là, sự giải-thoát của tâm nhờ sự tùy-hỷ. Khi một người vui-vầy, thì sự hoan-hỷ (hỷ) khởi sinh. Với một người có tâm hoan-hỷ, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người có thân tĩnh-lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm trở nên đạt-định (định).

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại hội chúng.”

96 (5) *Thuần Chủng (1)*

“Này các Tỳ kheo, có được ba yếu tố thì một con ngựa thuần chủng xuất sắc của nhà vua xứng đáng là của vua, là một thứ của vua, và được cho là một yếu tố của vương quyền. Ba đó là gì? Ở đây, một con ngựa thuần chủng xuất sắc của nhà vua có được vẻ-đẹp, sức-mạnh, và tốc-độ. Có được ba yếu tố này, một con ngựa thuần chủng xuất sắc của nhà vua

xứng đáng là của vua ... là một yếu tố của vương quyền.

“Cũng giống như vậy, có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng vật, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Ba đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo có được vẻ-đẹp, sức-mạnh, và tốc-độ.

(1) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo có được vẻ-đẹp? Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha (Giới Bản Tỳ kheo), có được giới-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu hành theo những điều giới luật đó. Chính theo cách này là một Tỳ kheo có được vẻ-đẹp.

(2) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo có được sức-mạnh? Ở đây, một Tỳ kheo phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và để đạt được những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững chắc trong sự cố-gắng, không lơ là khởi bỏn-phận tu dưỡng những phẩm chất thiện. Chính theo cách này là một Tỳ kheo có được sức-mạnh.

(3) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo có được tốc-độ? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’ và ‘Đây là nguồn-gốc khổ’ và ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’ và ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Chính theo cách này là một Tỳ kheo có được tốc-độ.

“Có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng vật, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian.”

97 (6) *Thuần Chũng* (2)

[*Giống kinh 3:96 kể trên, chỉ khác yếu tố thứ (3) như sau:*]

(3) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo có được tốc-độ? Ở đây, với sự tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (năm gông cùm đầu, hạ phần kiết sử),

một Tỳ kheo thành bậc tự động tái sinh (trong một cõi tịnh cư thiên; thành bậc Bất-lai), và sẽ chứng ngộ Niết-bàn luôn ở đó chứ không còn quay lại thế gian từ cõi đó. Chính theo cách này là một Tỳ kheo có được tốc-độ.

“Có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà ... là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian.”

98 (7) *Thuần Chứng (3)*

[*Giống kinh 3:96 kể trên, chỉ khác yếu tố thứ (3) như sau:*]

(3) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo có được tốc-độ? Ở đây, một Tỳ kheo với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Chính theo cách này là một Tỳ kheo có được tốc-độ.

“Có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà ... là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian.”

99 (8) *Vải Làm Từ Vỏ Cây*

(I) “Này các Tỳ kheo, khi còn mới, đồ được may từ vải làm từ vỏ cây⁵⁴¹ là thô ráp, khó chịu khi tiếp xúc, và ít giá trị. Khi (còn) được mặc,⁵⁴² đồ được may từ vải làm từ vỏ cây là thô ráp, khó chịu khi tiếp xúc, và ít giá trị. Khi đã cũ, đồ được may từ vải làm từ vỏ cây là thô ráp, khó chịu khi tiếp xúc, và ít giá trị. Họ dùng đồ cũ được may từ vải làm từ vỏ cây chỉ để lau chùi xoong nồi hoặc quăng bỏ nó ra đồng rác.

(1) (i)⁵⁴³ “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo thiếu niên là vô đạo đức, tính nết xấu xa. Ta nói rằng, đây được coi là sự thô ráp của người đó. Giống như đồ được may từ vải làm từ vỏ cây là thô ráp, ta nói, người này cũng giống hệt vậy.

(ii) “Đối với những ai giao lưu thân cận với người đó, nương dựa vào

người đó, phục vụ người đó và theo gương người đó, thì điều đó sẽ dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu cho họ. Ta nói rằng, đây được coi là sự khó chịu (cái hại, cái khổ) khi tiếp xúc của người đó. Giống như đồ được may từ vải làm từ vỏ cây là khó chịu khi tiếp xúc, ta nói, người này cũng giống hệt vậy.

(iii) “Khi người đó nhận y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh, thì sự [nhận lấy] này không mang lại phước quả hay ích lợi lớn lao nào cho những người cúng dường [những thứ đó]. Ta nói rằng, đây được coi là sự ít giá trị của người đó. Giống như đồ được may từ vải làm từ vỏ cây là ít giá trị, ta nói, người này cũng giống hệt vậy.

(2) “Nếu một Tỳ kheo trung-niên là vô đạo đức, tính nết xấu xa ...

(3) “Nếu một Tỳ kheo thâm-niên là vô đạo đức, tính nết xấu xa, ta nói rằng, đây được coi là sự thô ráp của người đó ... sự khó chịu (cái hại, cái khổ) khi tiếp xúc của người đó ... sự ít giá trị của người đó. Giống như đồ được may từ vải làm từ vỏ cây là ít giá trị, ta nói, người này cũng giống hệt vậy.

“Nếu một Tỳ kheo thâm-niên như loại đó phát biểu giữa Tăng đoàn, các Tỳ kheo sẽ nói với ông rằng: ‘Này người ngu si, kém cỏi, điều gì cho thầy cái quyền phát biểu? Thầy nghĩ mình cũng được phép phát biểu hay sao?’ Rồi người đó bất mãn, nổi giận và nói ra những lời mà dựa theo đó Tăng Đoàn có thể trục xuất người đó, giống như [quăng thài] đồ được may từ vải làm từ vỏ cây ra ngoài đồng rác vậy. ⁵⁴⁴

(II) “Này các Tỳ kheo, khi còn mới, đồ được may từ lụa Kāsi là đẹp, dễ chịu khi tiếp xúc, và có giá trị. Khi (còn) được mặc, đồ được may từ lụa Kāsi là đẹp, dễ chịu khi tiếp xúc, và có giá trị. Khi đã cũ, đồ được may từ lụa Kāsi là đẹp, dễ chịu khi tiếp xúc, và có giá trị. Họ còn dùng đồ cũ được may từ lụa Kāsi để bao quấn những châu báu hoặc cất giữ nó trong hộp có hương thơm.

(1) (i) “Cũng giống như vậy, nếu một Tỳ kheo thiếu niên là đức hạnh [có giới-hạnh], tính nết tốt thiện, ta nói, đây được coi như vẻ đẹp của

người đó. Giống như đồ được may từ lụa Kāsi là đẹp, ta nói, người này cũng giống hết vậy.

(ii) “Đối với những ai giao lưu thân cận với người đó, nương dựa vào người đó, phục vụ người đó và theo gương người đó, thì điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ. Ta nói rằng, đây được coi là sự dễ chịu (cái lợi, cái lạc) khi tiếp xúc của người đó. Giống như đồ được may từ lụa Kāsi là dễ chịu khi tiếp xúc, ta nói, người này cũng giống hết vậy.

(iii) “Khi người đó nhận y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh, thì sự [nhận lấy] này sẽ mang lại phước quả và ích lợi lớn lao cho những người cúng dường [những thứ đó]. Ta nói rằng, đây được coi là sự có giá trị của người đó. Giống như đồ được may từ lụa Kāsi là có giá trị, ta nói, người này cũng giống hết vậy.

(2) “Nếu một Tỳ kheo trung-niên là đức hạnh, tính nết tốt thiện ...

(3) “Nếu một Tỳ kheo thâm-niên là đức hạnh, tính nết tốt thiện, ta nói, đây được coi là vẻ đẹp của người đó ... là sự dễ chịu (cái lợi, cái lạc) khi tiếp xúc của người đó ... là sự có giá trị của người đó. Giống như đồ được may từ lụa Kāsi là có giá trị, ta nói, người này cũng giống hết vậy.

“Nếu một Tỳ kheo thâm-niên như loại đó phát biểu giữa Tăng đoàn, các Tỳ kheo sẽ nói với nhau: ‘Này các thầy hãy giữ im lặng. Vị Tỳ kheo trưởng lão này đang nói về Giáo Pháp và giới-luật.’ Những lời nói của vị ấy nên được bảo lưu, giống như đồ được may từ lụa Kāsi nên được cất giữ trong hộp có hương thơm vậy.⁵⁴⁵

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ giống như đồ được may từ lụa Kāsi, không giống đồ được may từ vải làm từ vỏ cây.’ Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

100 (9) Hột Muối

“Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói như vậy: ‘Một người nếm trải nghiệp

một cách chính xác y hết cách người đó đã tạo nó’—trong trường hợp như vậy thì không thể có sự sống đời sống tâm linh (đời sống tu hành, phạm hạnh) và không thấy có cơ hội nào để làm được sự hoàn toàn chấm-dứt khổ.⁵⁴⁶ Nhưng nếu họ nói như vậy: ‘Khi một người tạo nghiệp [mà nghiệp đó] được nếm trải theo một cách nào đó (sướng hay khổ sao đó), thì người đó nếm trải quả của nó một cách chính xác theo cách như vậy (sướng hay khổ tương xứng y vậy)’—trong trường hợp như vậy thì có thể có sự sống đời sống tâm linh và thấy có cơ hội để làm được sự hoàn toàn chấm-dứt khổ.⁵⁴⁷

(I) “Ồ đây, này các Tỳ kheo, có người đã tạo những nghiệp xấu nhỏ nhưng nó dẫn người đó tới địa ngục; có người khác cũng tạo những nghiệp xấu nhỏ y hết vậy nhưng nó (quả báo) được nếm trải hết ngay trong kiếp này, không còn thấy chút [dư] nào, lấy đâu còn ít hay nhiều.

(i) “Loại người nào ‘tạo nghiệp xấu nhỏ nó dẫn người đó tới địa ngục’? Ở đây, có người không tu dưỡng thân, giới-hạnh (giới), tâm (định), và trí-tuệ (tuệ); người đó là hạn hẹp và tính nết ti tiện,⁵⁴⁸ và người đó sống trong sự khổ đau.⁵⁴⁹ Một người như vậy khi tạo nghiệp xấu dù nhỏ, nó dẫn người đó tới địa ngục.

(ii) “Loại người nào ‘tạo nghiệp xấu nhỏ y hết vậy nhưng nó được nếm trải hết ngay trong kiếp này, không còn thấy chút nào, lấy đâu còn ít hay nhiều’? Ở đây, có người biết tu dưỡng thân, giới-hạnh, tâm, và trí tuệ. Người đó là không hạn hẹp và tính nết cao vời, và người đó an trú không hạn lượng (vô hạn lượng).⁵⁵⁰ Một người như vậy khi tạo nghiệp xấu nhỏ y hết vậy, nó sẽ được nếm trải hết ngay trong kiếp này, không còn thấy chút [dư] nào, lấy đâu còn ít hay nhiều.⁵⁵¹

(1) “Ví dụ một người bỏ một hột muối vô một chén nhỏ đựng nước. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Hột muối đó làm lượng nước nhỏ trong cái chén⁵⁵² bị mặn và khó uống, phải không?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Vì nước trong chén là hạn hẹp, nên hột muối làm nó mặn và khó uống.”

“Nhưng ví dụ một người bỏ hột muối xuống sông Hằng. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Hột muối đó làm cho nước sông Hằng mặn và khó uống, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Vì sông Hằng chứa nước lượng nước rất lớn, nên hột muối không làm nó mặn và khó uống.”

—“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có người ở đây đã tạo nghiệp xấu nhỏ nhưng nó dẫn người đó tới địa ngục; trong khi có người khác tạo nghiệp xấu nhỏ y hệt vậy nhưng nó được ném trái hết ngay trong kiếp này, không còn thấy chút [dư] nào, lấy đâu ít hay nhiều.

“Loại người nào ‘tạo nghiệp xấu nhỏ dẫn người đó tới địa ngục’? Ở đây, có người không tu dưỡng thân, giới-hạnh (giới), tâm (định), và trí-tuệ (tuệ); người đó là hạn hẹp và tính nét tí tiện, và người đó sống trong sự khổ đau. Một người như vậy khi tạo nghiệp xấu dù nhỏ, nó dẫn người đó tới địa ngục.

“Loại người nào ‘tạo nghiệp xấu nhỏ y hệt vậy nhưng nó được ném trái hết ngay trong kiếp này, không còn thấy chút nào, lấy đâu còn ít hay nhiều’? Ở đây, có người biết tu dưỡng thân, giới-hạnh, tâm, và trí tuệ. Người đó là không hạn hẹp và tính nét cao vời, và người đó an trú không hạn lượng (vô hạn lượng). Một người như vậy khi tạo nghiệp xấu nhỏ y hệt vậy, nó sẽ được ném trái hết ngay trong kiếp này, không còn thấy chút [dư] nào, lấy đâu còn ít hay nhiều.

(2) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người bị bắt tù vì [ăn cắp] nửa đồng tiền [đồng *kahāpaṇa*], một đồng tiền, hay một trăm đồng tiền; trong khi đó có người khác không bị bắt tù vì [ăn cắp] số tiền y hệt vậy. ⁵⁵³

“Loại người nào bị bắt tù vì [ăn cắp] nửa đồng tiền, một đồng tiền, hay một trăm đồng tiền? Ở đây, có người nghèo khó, nghèo mọi thứ của cải. Người như vậy bị bắt tù vì nửa đồng tiền, một đồng tiền, hay một trăm đồng tiền.

“Loại người nào không bị bắt tù vì [ăn cắp] nửa đồng tiền, một đồng tiền, hay một trăm đồng tiền? Ở đây, có người giàu có, giàu có mọi thứ

của cải. Người như vậy không bị bắt tù vì nửa đồng tiền, một đồng tiền, hay một trăm đồng tiền.

—“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có người ở đây đã tạo nghiệp xấu nhỏ nhưng nó dẫn người đó tới địa ngục; trong khi có người khác tạo nghiệp xấu nhỏ y hết vậy nhưng nó được ném trái hết ngay trong kiếp này, không còn thấy chút [dư] nào, lấy đâu ít hay nhiều.

“Loại người nào ‘tạo nghiệp xấu nhỏ dẫn người đó tới địa ngục’? Ở đây, có người không tu dưỡng thân, giới-hạnh (giới), tâm (định), và trí-tuệ (tuệ); người đó là hạn hẹp và tính nết ti tiện, và người đó sống trong sự khổ đau. Một người như vậy khi tạo nghiệp xấu dù nhỏ, nó dẫn người đó tới địa ngục.

“Loại người nào ‘tạo nghiệp xấu nhỏ y hết vậy nhưng nó được ném trái hết ngay trong kiếp này, không còn thấy chút nào, lấy đâu còn ít hay nhiều’? Ở đây, có người biết tu dưỡng thân, giới-hạnh, tâm, và trí tuệ. Người đó là không hạn hẹp và tính nết cao cả, và người đó an trú không hạn lượng (vô hạn lượng). Một người như vậy khi tạo nghiệp xấu nhỏ y hết vậy, nó sẽ được ném trái hết ngay trong kiếp này, không còn thấy chút [dư] nào, lấy đâu còn ít hay nhiều.

(3) “Này các Tỳ kheo, như trường hợp một người buôn cừ [hay người bán thịt cừ] là người có thể xử tội chết, bắt tù, hay phạt tội một người ăn cắp cừ của ông ta, nhưng không thể xử tội chết, bắt tù, hay phạt tội một người khác cũng ăn cắp cừ của ông ta.

“Loại người nào⁵⁵⁴ mà người buôn cừ ‘có thể xử tội chết, bắt tù, hay phạt tội vì ăn cắp cừ của ông ta’? Người nghèo khó, nghèo mọi thứ của cải. Người buôn cừ có thể xử tội chết, bắt tù, hay phạt tội người (nghèo) như vậy vì ăn cắp cừ của ông ta.

“Loại người nào mà người buôn cừ ‘không thể xử tội chết, bắt tù, hay phạt tội vì ăn cắp cừ của ông ta’? Người giàu có, giàu có mọi thứ của cải. Người buôn cừ không thể xử tội chết, bắt tù, hay phạt tội người (giàu) như vậy vì ăn cắp cừ của ông ta; ông ta chỉ có thể năn nỉ người đó:

‘Thưa ngài, làm ơn trả lại cừ hay trả tiền cừ cho tôi.’

—“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có người ở đây đã tạo nghiệp xấu nhỏ nhưng nó dẫn người đó tới địa ngục; trong khi có người khác tạo nghiệp xấu nhỏ y hết vậy nhưng nó được ném trải hết ngay trong kiếp này, không còn thấy chút [dur] nào, lấy đâu ít hay nhiều.

“Loại người nào ‘tạo nghiệp xấu nhỏ dẫn người đó tới địa ngục’? Ở đây, có người không tu dưỡng thân, giới-hạnh (giới), tâm (định), và trí-tuệ (tuệ); người đó là hạn hẹp và tính nét ti tiện, và người đó sống trong sự khổ đau. Một người như vậy khi tạo nghiệp xấu dù nhỏ, nó dẫn người đó tới địa ngục.

“Loại người nào ‘tạo nghiệp xấu nhỏ y hết vậy nhưng nó được ném trải hết ngay trong kiếp này, không còn thấy chút nào, lấy đâu còn ít hay nhiều’? Ở đây, có người biết tu dưỡng thân, giới-hạnh, tâm, và trí tuệ. Người đó là không hạn hẹp và tính nét cao vời, và người đó an trú không hạn lượng (vô hạn lượng). Một người như vậy khi tạo nghiệp xấu nhỏ y hết như vậy, nó sẽ được ném trải hết ngay trong kiếp này, không còn thấy chút [dur] nào, lấy đâu còn ít hay nhiều.

“Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói như vậy: ‘Một người ném trải nghiệp một cách chính xác y hết cách người đó đã tạo nó’—trong trường hợp như vậy thì không thể có sự sống đời sống tâm linh (đời sống tu hành, phạm hạnh) và không thấy có cơ hội nào để làm được sự hoàn toàn chấm-dứt khổ. Nhưng nếu họ nói như vậy: ‘Khi một người tạo nghiệp [mà nghiệp đó] được ném trải theo một cách nào đó (sướng hay khổ sao đó), thì người đó ném trải quả của nó một cách chính xác theo cách như vậy (sướng hay khổ tương xứng y vậy)’—trong trường hợp như vậy thì có thể có sự sống đời sống tâm linh và thấy có cơ hội để làm được sự hoàn toàn chấm-dứt khổ.

101 (10) Người Đãi Vàng

(i) “Này các Tỳ kheo, có những thứ thô lớn trong vàng thô, như: đất,

đá mịn, đá sỏi. Giờ người đãi vàng [hay người học việc của ông ta] trước tiên đổ vàng thô vào máng, và rửa, chà, làm sạch nó. Sau khi đã lọc bỏ và loại bỏ những thứ thô lớn, còn lại những thứ thô vừa trong vàng thô, như: đá mịn mịn và cát thô. Người đãi vàng lại rửa, chà, làm sạch nó. Sau khi đã lọc bỏ và loại bỏ những thứ thô vừa, còn lại những thứ thô nhỏ, như: cát mịn và bụi đen. Người đãi vàng lại rửa, chà, làm sạch nó. Sau khi đã lọc bỏ và loại bỏ những thứ thô nhỏ, giờ còn lại những hột vàng thô.

(ii) “Giờ người thợ nấu vàng [hay người học việc của ông ta] đổ những hạt vàng thô vào trong nồi nấu, và thổi lửa, và nấu chảy nó ra, và tinh cất nó. Nhưng sau khi đã nấu tan chảy như vậy, vàng vẫn chưa được lẫn tụy và tạp chất vẫn chưa hoàn toàn được loại bỏ.⁵⁵⁵ Vàng vẫn chưa được dễ uốn nắn (tinh dẻo), dễ sử dụng, và phát sáng (ánh kim); giờ vàng vẫn còn cứng giòn (dễ gãy, chưa tinh dẻo) và chưa đạt phẩm chất một cách phù hợp để chế tác.

(iii) “Nhưng người thợ nấu vàng tiếp tục thổi lửa, nấu chảy ra, và tinh cất nó, đến một lúc vàng sẽ lẫn tụy và tạp chất hoàn toàn được loại bỏ. Lúc này vàng đã được dễ uốn nắn, dễ sử dụng, và phát sáng, đã dẻo dai và đạt phẩm chất một cách phù hợp để chế tác. Rồi người ta muốn dùng nó để làm bất cứ trang sức nào theo ý họ—như vòng đeo tay, bông tai, dây chuyền, hay vương miện bằng vàng—thì họ đều có thể làm được.

(iv) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, (1) khi một Tỳ kheo hết mình tu tập phần tâm bậc cao [thiền định], lúc đó vẫn còn trong mình những ô-nhiễm thô lớn, như: *hành-động, lời-nói, và tâm-ý sai trái*. Một Tỳ kheo nhiệt thành, có năng lực thì dẹp bỏ được, xua tan, chấm dứt, và xóa sổ những ô-nhiễm thô lớn đó. (2) Sau khi làm được vậy, vẫn còn trong mình những ô-nhiễm thô vừa, như: *những ý nghĩ tham-dục, ý nghĩ ác-ý, ý nghĩ gây-hại*. Một Tỳ kheo nhiệt thành, có năng lực thì dẹp bỏ được, xua tan, chấm dứt, và xóa sổ những ô-nhiễm thô vừa đó. (3) Sau khi làm được như vậy, vẫn còn trong mình những ô-nhiễm thô nhỏ, như: *những ý nghĩ về người thân quyến thuộc,*⁵⁵⁶ *những ý nghĩ về xứ sở đất nước,* và *những ý nghĩ về danh tiếng của mình.*⁵⁵⁷ Một Tỳ kheo nhiệt thành, có năng lực thì

đẹp bỏ được, xua tan, chấm dứt, và xóa sổ những ô-nhiễm thô nhỏ đó. (4) Sau khi đã làm được vậy, vẫn còn những ý nghĩ liên quan Giáo Pháp.⁵⁵⁸ *Sự định-tâm* đó là không bình-an và siêu-phàm, không phải đạt được bằng sự làm lẫn-lộn hoàn toàn (những ô-nhiễm),⁵⁵⁹ không đạt tới sự hợp-nhất, chỉ đạt được do được chế ngự và duy trì bằng cách trấn áp [những ô-nhiễm].⁵⁶⁰

(vi) “Nhưng, này các Tỳ kheo, (5) rồi sẽ đến một lúc khi tâm của người tu từ trong nội tại được vững chắc, bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định. Giờ sự định-tâm đó là bình-an và siêu-phàm, đạt được bằng/tới sự làm tĩnh-lặng hoàn toàn (những ô-nhiễm), và đạt được bằng sự làm lẫn-lộn hoàn toàn (những ô-nhiễm), đạt tới sự hợp-nhất; chứ không phải chỉ đạt được do được chế ngự và duy trì bằng cách trấn áp mạnh [những ô-nhiễm] mà có.⁵⁶¹ Lúc đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp như vậy, thì người đó có khả năng, bằng trí-biết trực tiếp (tự trí), chứng ngộ bất kỳ trạng thái nào mà người đó hướng tâm mình tới đó.⁵⁶²

(1) “Nếu người đó ước:⁵⁶³ [‘Cầu cho tôi: đạt được và dụng được nhiều loại thân-thông khác nhau (biến hóa thông): biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân; tôi hiện hình và biến hình; tôi đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi thiền trên chân; tay sờ chạm mặt trăng và mặt trời, những thứ thật hùng vĩ và oai lực như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā’]—thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

(2) “Nếu người đó ước: [‘Cầu cho tôi, với yếu-tố tai thiên-thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người (thiên nhĩ thông), *nghe được cả hai loại âm thanh, âm thanh cõi trời và cõi người, ở xa và ở gần*’]—thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

(3) “Nếu người đó ước: [‘Cầu cho tôi *hiểu được tâm của những chúng sinh khác và người khác, sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của*

họ (tha tâm thông). Tôi *hiểu được* một cái tâm có tham là tâm có tham, một tâm không có tham là tâm không có tham; một tâm có sân là tâm có sân; một tâm không có sân là tâm không có sân; một tâm có si là tâm có si; một tâm không có si là tâm không có si; tâm co cụm (bị động) là co cụm, và một cái tâm bị xao lãng là bị xao lãng; một tâm bao la [được khuếch đại, mở rộng, cao rộng, cao vợi] là bao la, và tâm không bao la là không bao la; một tâm còn có thể vượt trên (chưa cao nhất, chưa vô thượng) là còn có thể vượt trên, và một tâm không thể vượt trên (cao nhất, vô thượng) là không thể vượt trên; một tâm đạt định là đạt định, và một tâm không đạt định là không đạt định; một tâm được giải thoát là được giải thoát, và một cái tâm chưa được giải thoát là chưa được giải thoát’]⁵⁶⁴—thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

(4) “Nếu người đó ước: [‘Cầu cho tôi có thể *nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của mình* (tức mạng minh); đó là: tôi nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình; đó là một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh ; nhiều đại kiếp thế giới tan-hoại, nhiều đại kiếp thế giới tiến-hóa, nhiều đại kiếp thế giới tan-hoại và tiến-hóa; như vậy (trong một kiếp nào đó): ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; sau khi qua đời từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia ... rồi ở chỗ kia ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; sau khi qua đời từ chỗ kia, ta đã được tái sinh vào ở đây. - Cầu cho tôi có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của mình với những phương diện và đặc điểm của chúng.’]—thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

(5) “Nếu người đó ước: [‘Cầu cho tôi: với mắt thiên thánh, đã được

thanh lọc và vượt trên loài người (thiên nhân minh), tôi nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và tôi đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá đúng theo nghiệp của mình như vậy: ‘Những chúng sinh này dính vào hành-vi sai trái bằng thân, lời-nói, và tâm; là người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn sai lạc, thì khi thân họ tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia có hành-vi đúng đắn bằng thân, lời-nói và tâm; là những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.’ - Như vậy đó, cầu cho tôi có thể: với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, cầu cho tôi có thể nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và tôi đã hiểu được cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những hành động (nghiệp) của mình như vậy’—thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

(6) “Nếu người đó ước: [‘Cầu cho tôi, sau khi tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, tôi sẽ tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, tôi sẽ an trú trong đó (lậu tận minh)’]—thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một căn-bản thích hợp.”

102 (11) Thọ Nấu Vàng ⁵⁶⁵

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo tận tụy hết mình vì (đề tu học) phần tâm bậc cao (= thiên định), thì nhiều lúc nên có sự chú-tâm tới ba dấu-hiệu (tướng).⁵⁶⁶ (1) Lúc này lúc khác có sự chú-tâm (tác ý) tới dấu hiệu của sự định-tâm, (2) lúc này lúc khác nên có sự chú-tâm tới dấu hiệu của sự cố-gắng, và (3) lúc này lúc khác nên có sự chú-tâm tới dấu hiệu của

sự buông-xả.

(1) “Nếu một Tỳ kheo tận tụy hết mình vì (để tu học) phần tâm bậc cao mà chỉ chú-tâm tới dấu hiệu của sự định-tâm thì có thể tâm người đó sẽ ngã hướng lười-biếng. Nếu người đó chỉ chú-tâm tới dấu hiệu của sự cố-gắng thì có thể tâm người đó sẽ ngã hướng bất-an. Nếu người đó chỉ chú-tâm tới dấu hiệu của sự buông-xả thì có thể tâm người đó sẽ không đạt-định một cách thích hợp để dẫn tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận). Nhưng, khi một Tỳ kheo tận tụy hết mình vì phần tâm bậc cao lúc này lúc khác có sự chú-tâm tới dấu hiệu của sự định-tâm, lúc này lúc khác có sự chú-tâm tới dấu hiệu của sự cố-gắng, lúc này lúc khác có sự chú-tâm tới dấu hiệu của sự buông-xả, thì tâm người đó sẽ thành dễ uốn nắn, dễ sử dụng, và phát sáng, được mềm dẻo (nhu nhuyễn) và đạt định một cách phù hợp để dẫn tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ một thợ nấu vàng [hay người học việc của ông ta] chuẩn bị lò lửa, đun nóng nồi nấu vàng, lấy kiềm gắp những cục vàng thô bỏ vô nồi nấu. Rồi, lúc này lúc khác ông ta thổi lửa nó, lúc này lúc khác ông ta phun nước lên nó, và lúc này lúc khác ông ta canh nhìn nó. Nếu người thợ nấu vàng chỉ lo thổi (khè) lửa của lò nấu thì có thể vàng bị nấu quá lửa (như cháy khô). Nếu ông ta chỉ lo phun nước lên nó thì có thể vàng bị nguội (như không tan chảy được để tinh cất). Nếu ông ta chỉ lo canh nhìn nó thì có thể sẽ không đạt tới độ tinh cất đúng đắn (như do không lo khâu lửa, khâu nước). Nhưng nếu người thợ nấu vàng lúc này lúc khác thổi lửa lò nấu, lúc này lúc khác phun nước lên nó, lúc này lúc khác canh nhìn nó, thì vàng sẽ trở thành dễ uốn nắn, dễ sử dụng, và phát sáng, sẽ thành mềm dẻo và đạt phẩm chất một cách phù hợp để chế tác. Rồi người thợ nấu vàng muốn dùng nó để làm bất cứ trang sức nào theo ý ông—như vòng đeo tay, bông tai, dây chuyền, hay vương miện bằng vàng—thì ông đều có thể làm được.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo tận tụy hết mình vì phần tâm bậc cao, người đó lúc này lúc khác nên có sự chú-tâm tới ba dấu-hiệu. Người đó lúc này lúc khác nên có sự chú-tâm tới dấu hiệu

của sự định-tâm, lúc này lúc khác nên có sự chú-tâm tới dấu hiệu của sự cố-gắng, và lúc này lúc khác nên có sự chú-tâm tới dấu hiệu của sự buông-xả.

(2) “Nếu một Tỳ kheo tận tụy hết mình vì (để tu được) phần tâm bậc cao mà chỉ chú-tâm tới dấu hiệu của sự định-tâm thì có thể tâm người đó sẽ ngã hướng lười-biếng. Nếu người đó chỉ chú-tâm tới dấu hiệu của sự cố-gắng thì có thể tâm người đó sẽ ngã hướng bất-an. Nếu người đó chỉ chú-tâm tới dấu-hiệu của sự buông-xả thì có thể tâm người đó sẽ không đạt-định một cách thích hợp để dẫn tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm. Nhưng, khi một Tỳ kheo tận tụy hết mình vì phần tâm bậc cao lúc này lúc khác có sự chú-tâm tới dấu hiệu của sự định-tâm, lúc này lúc khác có sự chú-tâm tới dấu hiệu của sự cố-gắng, lúc này lúc khác có sự chú-tâm tới dấu hiệu của sự buông-xả, thì tâm người đó sẽ trở thành dễ uốn nắn, dễ sử dụng, và phát sáng, được mềm dẻo và đạt định một cách phù hợp để dẫn tới sự tiêu-diệt những ô-nhiễm. Rồi, khi đang có một cơ-sở thích hợp như vậy, thì người đó có khả năng, bằng trí-biết trực tiếp, chứng ngộ bất kỳ trạng thái nào mà người đó hướng tâm mình tới đó.

(3) “Nếu người đó ước: ‘Cầu cho tôi đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau ... *[tiếp tục y hết 06 đoạn nói về 06 loại trí-biết trực tiếp như kinh 3:101 kể trên cho tới cuối kinh]* ... tôi sẽ an trú trong đó (lậu tận minh)’—thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một căn-bản thích hợp.”

[Năm Mười Kinh Thứ Ba]

NHÓM 1 SỰ GIÁC NGỘ

103 (1) Trước Khi

“Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác-ngộ, khi ta còn là một bò-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, ý này đã xảy đến với ta: (1) ‘Cái gì là sự thỏa-thích trong thế gian? (2) Cái gì là sự nguy-hại trong thế gian? (3) Cái gì là sự thoát-khỏi thế gian?’⁵⁶⁷

“Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Sự sướng và vui khởi sinh tùy thuộc vào thế giới: đây là sự thỏa-thích trong thế gian. Mà thế giới là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây là sự nguy-hại trong thế gian. Và sự loại bỏ và dẹp bỏ dục và tham đối với thế giới: đây là sự thoát-khỏi thế giới.’

“Đã từ lâu, này các Tỳ kheo, khi ta chưa trực-tiếp biết sự thỏa-thích trong thế gian là sự thỏa-thích, sự nguy-hại là sự nguy-hại, sự thoát-khỏi thế gian là sự thoát-khỏi đúng như chúng thực là, thì ta không tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết sự thỏa-thích trong thế gian là sự thỏa-thích, sự nguy-hại là sự nguy-hại, sự thoát-khỏi thế gian là sự thoát-khỏi đúng như chúng thực là, thì ta tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā ... và loài người.

“Sự-biết và sự-thấy (trí biết và tâm nhìn) đã khởi sinh trong ta như vậy: ‘Sự giải-thoát của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ nay không còn sự tái hiện-hữu (tái sinh) nữa.’”

104 (2) Sự Thỏa Thích (1) ⁵⁶⁸

(1) Nay các Tỳ kheo, ta quyết tâm tìm ra sự thỏa-thích trong thế gian. Mọi sự thỏa-thích có trong thế gian—ta đã tìm thấy. Ta đã rõ ràng nhìn thấy bằng trí-tuệ sự thỏa-thích trong thế gian với xa tới mức nào.

(2) “Ta quyết tâm tìm ra sự nguy-hại trong thế gian. Mọi sự nguy-hại có trong thế gian—ta đã tìm thấy. Ta đã rõ ràng nhìn thấy bằng trí-tuệ sự nguy-hại trong thế gian với xa tới mức nào.

(3) “Ta quyết tâm tìm ra sự thoát-khỏi thế gian. Mọi sự thoát-khỏi thế gian—ta đã tìm thấy. Ta đã rõ ràng nhìn thấy bằng trí-tuệ sự thoát-khỏi thế gian với xa tới mức nào.

“Đã từ lâu, nay các Tỳ kheo, khi ta chưa trực-tiếp biết sự thỏa-thích trong thế gian là sự thỏa-thích, sự nguy-hại là sự nguy-hại, sự thoát-khỏi thế gian là sự thoát-khỏi đúng như chúng thực là, thì ta đã không tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết sự thỏa-thích trong thế gian là sự thỏa-thích, sự nguy-hại là sự nguy-hại, sự thoát-khỏi thế gian là sự thoát-khỏi đúng như chúng thực là, thì ta tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā ... và loài người.

“Sự-biết và sự-thấy đã khởi sinh trong ta như vậy: ‘Sự giải-thoát của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ nay không còn sự tái hiện-hữu (tái sinh) nữa.’”

105 (3) Sự Thỏa Thích (2)

“Nay các Tỳ kheo, (1) nếu không có sự thỏa-thích trong thế gian thì chúng sinh đâu say mê với nó; nhưng bởi vì có sự thỏa-thích trong thế

gian nên chúng sinh mới say mê với nó. (2) Nếu không có sự nguy-hại trong thế gian thì chúng sinh đâu chán ngán (hết say mê, tỉnh ngộ) với nó; nhưng bởi vì có sự nguy-hại trong thế gian nên chúng sinh chán ngán với nó. (3) Nếu không có sự thoát-khỏi thế gian thì chúng sinh đâu (có thể) thoát khỏi thế gian; nhưng bởi vì có sự thoát-khỏi thế gian nên chúng sinh mới (có thể) giải thoát khỏi thế gian.

“Đã từ lâu, này các Tỳ kheo, khi chúng sinh chưa trực-tiếp biết (liễu tri) sự thỏa-thích trong thế gian là sự thỏa-thích, sự nguy-hại là sự nguy-hại, sự thoát-khỏi thế gian là sự thoát-khỏi đúng như chúng thực là, thì họ vẫn chưa thoát-khỏi thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người; họ chưa được thoát-ly khỏi nó, chưa được giải-thoát khỏi nó, và cũng chưa được an-trú với một cái tâm không còn những rào-cản (của vòng luân-hồi). Nhưng khi chúng sinh đã trực-tiếp biết sự thỏa-thích trong thế gian là sự thỏa-thích, sự nguy-hại là sự nguy-hại, sự thoát-khỏi thế gian là sự thoát-khỏi đúng như chúng thực là, thì họ đã thoát-khỏi thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā ... và loài người; họ đã được thoát-ly khỏi nó, đã được giải-thoát khỏi nó, và cũng đã an-trú với một cái tâm không còn những rào-cản.”

106 (4) Những Tu Sĩ ⁵⁶⁹

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được (1) sự thỏa-thích trong thế gian là sự thỏa-thích, (2) sự nguy-hại là sự nguy-hại, và (3) sự thoát-khỏi thế gian là sự thoát-khỏi đúng như chúng thực là: những người này ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị này, do chưa tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, cho nên ngay trong kiếp này chưa chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ hay mục tiêu của đời sống bà-la-môn.

“Nhưng những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được (1) sự thỏa-thích trong thế gian là sự thỏa-thích, (2) sự nguy-hại là sự nguy-hại, và (3) sự

thoát-khỏi thế gian là sự thoát-khỏi, đúng như chúng thực là: những người này ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị này, bằng sự tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, cho nên ngay trong kiếp này chúng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ hay mục tiêu của đời sống bà-la-môn.”

107 (5) La Khóc

“Này các Tỳ kheo, (1) trong giới-luật của Thánh Nhân, ca hát là la khóc. (2) Trong giới-luật của Thánh Nhân, nhảy múa là điên khùng. (3) Trong giới-luật của Thánh Nhân, cười quá lớ, cười lòi răng, là trò con nít. Do vậy, này các Tỳ kheo, đối với sự ca hát và nhảy múa [hãy phá bỏ chúng như] sự phá bỏ cây cầu. Khi nào các thầy thấy vui mừng với Giáo Pháp, chỉ cần mỉm cười nhẹ nhàng.”⁵⁷⁰

108 (6) Không Thỏa Mãn Hết

“Này các Tỳ kheo có, có ba sự hưởng thụ không bao giờ thỏa mãn hết (đã thềm, hết thềm). Ba đó là gì? (1) Sự ngủ. (2) Sự uống rượu nặng, rượu nhẹ (hay dùng những chất gây nghiện). (3) Quan hệ tính dục. Có ba sự hưởng thụ không bao giờ thỏa mãn hết.”

109 (7) Mái Nhà Nóc Nhọn (1)

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với ông:

(1) “Này gia chủ, khi tâm không được phòng hộ thì những nghiệp của thân, của miệng, và của tâm đều không được phòng hộ.

“Với những người có những việc-làm [sự làm, hành động] của thân, của miệng, của tâm không được phòng hộ thì những nghiệp của thân, của miệng, của tâm bị ô-nhiễm.⁵⁷¹ Với những người có những việc-làm của

thân, của miệng, của tâm bị ô nhiễm thì những nghiệp của thân, của miệng, của tâm bị lụn bại [suy đồi]. Những người có những việc-làm của thân, của miệng, của tâm bị lụn bại thì sẽ không có cái chết tốt lành.⁵⁷²

“Ví dụ một mái nhà có mái nhọn được che lợp một cách tồi tệ: thì đỉnh mái nhà, những thanh xà, và tường vách không được bảo vệ; đỉnh mái nhà, những thanh xà, và tường vách bị nhiễm dơ (bị dột nước); đỉnh mái nhà, những thanh xà, và tường vách bị mục nát.

“Cũng giống như vậy, này gia chủ, khi tâm không được phòng hộ thì những hành-động của thân, của miệng, và của tâm đều không được phòng hộ ... Những người có những việc-làm của thân, của miệng, của tâm bị lụn bại thì sẽ không có cái chết tốt lành.

(2) “Này gia chủ, khi tâm được phòng hộ thì những nghiệp của thân, của miệng, và của tâm đều không được phòng hộ.

“Với những người có những việc-làm của thân, của miệng, của tâm được phòng hộ thì những nghiệp của thân, của miệng, của tâm không bị ô-nhiễm. Với những người có những việc-làm của thân, của miệng, của tâm không bị ô-nhiễm thì những nghiệp của thân, của miệng, của tâm không bị lụn bại [không suy đồi]. Những người có những việc-làm của thân, của miệng, của tâm không bị lụn bại thì sẽ có cái chết tốt lành.

“Ví dụ một mái nhà có mái nhọn được che lợp một cách hay khéo: thì đỉnh mái nhà, những thanh xà, và tường vách được bảo vệ; đỉnh mái nhà, những thanh xà, và tường vách không bị nhiễm dơ (không bị dột nước); đỉnh mái nhà, những thanh xà, và tường vách không bị mục nát.

“Cũng giống như vậy, này gia chủ, khi tâm được phòng hộ thì những nghiệp của thân, của miệng, và của tâm đều được phòng hộ ... Những người có những việc-làm của thân, của miệng, của tâm không bị lụn bại thì sẽ có cái chết tốt lành.”

110 (8) Mái Nhà Nóc Nhọn (2)

[Giống hết kinh kể trên, chỉ khác là những tính từ “không được phòng hộ”, “bị ô-nhiễm”, “lụn bại” được thay bởi 01 tính từ là “hư hỏng” [hư bại, thất bại, không được].]

111 (9) Những Nguyên Nhân (1)

(I) “Này các Tỳ kheo, có ba nguyên nhân này làm khởi sinh nghiệp. Ba đó là gì? Tham là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; sân là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; si là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp.

(1) “Mọi nghiệp được tạo tác bởi tham, được sinh ra từ tham, được gây ra bởi tham, khởi sinh từ tham, đều là bất thiện và đáng chê trách và kết quả thành sự khổ đau. Nghiệp đó dẫn tới sự phát sinh nghiệp, không dẫn tới sự chấm dứt nghiệp.”⁵⁷³

(2) “Mọi nghiệp được tạo tác bởi sân ...

(3) “Mọi nghiệp được tạo tác bởi si, được sinh ra từ si, được gây ra bởi si, khởi sinh từ si, đều là bất thiện và đáng chê trách và kết quả thành sự khổ đau. Nghiệp đó dẫn tới sự phát sinh nghiệp, không dẫn tới sự chấm dứt nghiệp.

“Đây là ba nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp.”⁵⁷⁴

(II) “Này các Tỳ kheo, có ba nguyên nhân [khác] làm khởi sinh nghiệp.”⁵⁷⁵ Ba đó là gì? Vô-tham là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; vô-sân là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; vô-si là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp.

(1) “Mọi nghiệp được tạo tác bởi vô-tham, được sinh ra từ vô-tham, được gây ra bởi vô-tham, khởi sinh từ vô-tham, đều là thiện lành và không bị chê trách và kết quả thành sự hạnh-phúc. Nghiệp đó dẫn tới sự chấm dứt nghiệp, không dẫn tới sự phát sinh nghiệp.

(2) “Mọi nghiệp được tạo tác bởi vô-sân ...

(3) “Mọi nghiệp được tạo tác bởi vô-si, được sinh ra từ vô-si, được gây ra bởi vô-si, khởi sinh từ vô-si, đều là thiện lành và không bị chê trách và kết quả thành sự hạnh-phúc. Nghiệp đó dẫn tới sự chấm dứt nghiệp, không dẫn tới sự phát sinh nghiệp.

“Đây là ba nguyên nhân [khác] làm khởi sinh nghiệp.”

112 (10) Những Nguyên Nhân (2)

(I) “Này các Tỳ kheo, có ba nguyên nhân này làm khởi sinh nghiệp. Ba đó là gì? (1) Dục khởi sinh liên quan những thứ trong quá khứ (những thứ đó) vốn là cơ sở cho dục và tham. (2) Dục khởi sinh liên quan những thứ trong tương lai vốn là cơ sở cho dục và tham. (3) Dục khởi sinh liên quan những thứ trong hiện tại vốn là cơ sở cho dục và tham.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là dục khởi sinh liên quan những thứ trong quá khứ vốn là cơ sở cho dục và tham? Một người cứ suy nghĩ về và bằng tâm xem xét những thứ trong quá khứ vốn là cơ sở cho dục và tham. Khi người đó làm vậy thì dục khởi sinh. Khi dục khởi sinh, người đó bị gông cùm bởi những thứ đó. Sự say mê của tâm là cái ta gọi là gông-cùm. Chính theo cách này là dục khởi sinh liên quan những thứ trong quá khứ vốn là cơ sở cho dục và tham.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là dục khởi sinh liên quan những thứ trong tương lai vốn là cơ sở cho dục và tham? Một người cứ suy nghĩ về và bằng tâm xem xét những thứ trong tương lai vốn là cơ sở cho dục và tham. Khi người đó làm vậy thì dục khởi sinh. Khi dục khởi sinh, người đó bị gông cùm bởi những thứ đó. Sự say mê của tâm là cái ta gọi là gông-cùm. Chính theo cách này là dục khởi sinh liên quan những thứ trong tương lai vốn là cơ sở cho dục và tham.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là dục khởi sinh liên quan những thứ trong hiện tại vốn là cơ sở cho dục và tham? Một người cứ suy nghĩ về và bằng tâm xem xét những thứ trong hiện tại vốn là cơ sở cho dục và tham. Khi người đó làm vậy thì dục khởi sinh. Khi dục khởi sinh,

người đó bị gông cùm bởi những thứ đó. Sự say mê của tâm là cái ta gọi là gông-cùm. Chính theo cách này là dục khởi sinh liên quan những thứ trong hiện tại vốn là cơ sở cho dục và tham.

“Đây là ba nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp.⁵⁷⁶

(II) “Này các Tỳ kheo, có ba nguyên nhân [khác] làm khởi sinh nghiệp. Ba đó là gì? (1) Dục không khởi sinh liên quan những thứ trong quá khứ vốn là cơ sở cho dục và tham. (2) Dục không khởi sinh liên quan những thứ trong tương lai vốn là cơ sở cho dục và tham. (3) Dục không khởi sinh liên quan những thứ trong hiện tại vốn là cơ sở cho dục và tham.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là dục không khởi sinh liên quan những thứ trong quá khứ vốn là cơ sở cho dục và tham? Một người hiểu được kết quả tương lai của những thứ trong quá khứ vốn là cơ sở cho dục và tham. Sau khi hiểu được kết quả tương lai, người đó tránh bỏ nó.⁵⁷⁷ Sau khi đã tránh bỏ nó, người đó trở nên chán-bỏ trong tâm, và sau khi đã chọc thủng (màn tối, vô minh) bằng trí-tuệ, người đó nhìn thấy.⁵⁷⁸ Chính theo cách này là dục không khởi sinh liên quan những thứ trong quá khứ là cơ sở cho dục và tham.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là dục không khởi sinh liên quan những thứ trong tương lai vốn là cơ sở cho dục và tham? Một người hiểu được kết quả tương lai của những thứ trong tương lai vốn là cơ sở cho dục và tham. Sau khi hiểu được kết quả tương lai, người đó tránh bỏ nó. Sau khi đã tránh bỏ nó, người đó trở nên chán-bỏ trong tâm, và sau khi đã chọc thủng (màn tối, vô minh) bằng trí-tuệ, người đó nhìn thấy. Chính theo cách này là dục không khởi sinh liên quan những thứ trong tương lai là cơ sở cho dục và tham.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là dục không khởi sinh liên quan những thứ trong hiện tại vốn là cơ sở cho dục và tham? Một người hiểu được kết quả tương lai của những thứ trong hiện tại vốn là cơ sở cho dục và tham. Sau khi hiểu được kết quả tương lai, người đó tránh bỏ nó. Sau khi đã tránh bỏ nó, người đó trở nên chán-bỏ trong tâm, và sau khi đã

chọc thủng (màn tối, vô minh) bằng trí-tuệ, người đó nhìn thấy. Chính theo cách này là dục không khởi sinh liên quan những thứ trong hiện tại là cơ sở cho dục và tham.

“Đây là ba nguyên nhân [khác] làm khởi sinh nghiệp.”

NHÓM 2

RỚT VÀO CẢNH GIỚI ĐÀY ĐỌA

113 (1) Rớt Vào Cảnh Giới Thống Khổ

“Này các Tỳ kheo, có ba loại người, nếu họ không dẹp bỏ điều này [tội lỗi của họ], sẽ bị rớt vào [hướng tới] cảnh giới thống khổ, bị rớt vào địa ngục. Ba đó là gì? (1) Người không sống độc-thân nhưng tuyên bố mình sống độc-thân; (2) người vu khống người khác thực sự sống độc-thân là không sống độc-thân; (3) người nắm giữ một giáo-lý và cách-nhìn như vậy: ‘Dục-lạc chẳng gì là tội lỗi’, và người đó sa ngã trong sự thụ hưởng dục-lạc.⁵⁷⁹ Đây là ba loại người, nếu họ không dẹp bỏ điều này [tội lỗi của họ], sẽ bị rớt vào [hướng tới] cảnh giới thống khổ, bị rớt vào địa ngục.”

114 (2) Hiếm Thay

“Này các Tỳ kheo, sự xuất hiện (hiện thị, có mặt) của ba người này là hiếm thay trong thế gian. Ba đó là gì? (1) Hiếm thay trong thế gian có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. (2) Hiếm thay trong thế gian có người chỉ dạy Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai. (3) Hiếm thay trong thế gian có người biết ơn và nhớ hơn. Sự xuất hiện của ba người này là hiếm thay trong thế gian.”

115 (3) Không Thể Đo Lường

“Này các Tỳ kheo, ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? Người dễ được đo lường, người khó đo lường, và người không thể đo lường.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người dễ được đo lường? Ở đây, có người bất an, bồn chồn, bản thân vô tích sự, nói nhiều, nói lan man, có tâm mờ rối (thất niệm), không rõ-biết (thiếu tỉnh giác), không đạt định,

với một cái tâm lang thang, lơ lửng các căn [không phòng hộ sáu căn]. Đây được gọi là người dễ được đo lường.

(2) “Và cái gì là người khó đo lường? Ở đây, có người không bất an, bồn chồn, hay bản thân vô tích sự; người đó không nói nhiều, không nói lan man; có sự chánh-niệm được thiết lập và rõ-biết (tỉnh giác), đạt định, với một cái tâm nhất-điểm, các căn được kiểm chế (phòng hộ sáu căn). Đây được gọi là người khó đo lường.

(3) “Và cái gì là người không thể đo lường? Ở đây, có người là bậc A-la-hán, người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận). Đây được gọi là người không thể đo lường (bậc vô lượng).

“Đây là ba loại người thấy có trong thế gian.”

116 (4) *Bất Thoái Chuyên*

“Này các Tỳ kheo, ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì?”

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo: [‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, có người chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ vô biên của không gian].’]. Người đó thích thú cảnh giới đó, muốn nó, tìm thấy sự thỏa-thích trong nó. Nếu người đó vững-chắc trong nó, tập-trung (chú định) vào nó, thường an-trú trong nó, và đã không mất (không rớt khỏi) nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần thuộc không vô biên xứ. Tuổi thọ của những thiên thần thuộc không vô biên xứ là 20.000 đại kiếp. Người phạm phu đó sẽ ở trong (cõi) đó suốt trọn kiếp, và sau khi sống hết tuổi thọ của những thiên thần ở đó, người đó đi xuống địa ngục, xuống cõi súc sinh, hay cảnh ngạ quỷ thống khổ.⁵⁸⁰ Nhưng những đệ tử của đức Thế Tôn cũng ở trong đó suốt trọn kiếp, và khi hết tuổi thọ của những thiên thần ở đó, họ sẽ chứng luôn Niết-bàn cuối

cùng (bát niết-bàn) khi đang trong trạng thái hiện-hữu đó. Đây là sự phân biệt, sự khác biệt, sự khác nhau giữa người thánh đệ tử đã được chỉ dạy và người phàm không được chỉ dạy, đó là, sự khác nhau về nơi-đến sau đó và sự còn tái-sinh hay không.⁵⁸¹

(2) “Lại nữa: [‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘thức là vô biên’, có người chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ vô biên của thức].’] Người đó thích thú cảnh giới đó, muốn nó, tìm thấy sự thỏa-thích trong nó. Nếu người đó vững-chắc trong nó, tập-trung (chú định) vào nó, thường an-trú trong nó, và đã không mất (không rớt khỏi) nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần thuộc thức vô biên xứ. Tuổi thọ của những thiên thần thuộc thức vô biên xứ là 40.000 đại kiếp. Người phàm phu đó sẽ ở trong (cõi) đó suốt trọn kiếp, và sau khi sống hết tuổi thọ của những thiên thần ở đó, người đó đi xuống địa ngục, xuống cõi súc sinh, hay cảnh nạ quỷ thống khổ. Nhưng những đệ tử của đức Thế Tôn cũng ở trong đó suốt trọn kiếp, và khi hết tuổi thọ của những thiên thần ở đó, họ sẽ chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) khi đang trong trạng thái hiện-hữu đó. Đây là sự phân biệt, sự khác biệt, sự khác nhau giữa người thánh đệ tử đã được chỉ dạy và người phàm không được chỉ dạy, đó là, sự khác nhau về nơi-đến sau đó và sự còn tái-sinh hay không.

(3) “Lại nữa: [‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘không-có-gì’, có người chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì].’] Người đó thích thú cảnh giới đó, muốn nó, tìm thấy sự thỏa-thích trong nó. Nếu người đó vững-chắc trong nó, tập-trung (chú định) vào nó, thường an-trú trong nó, và đã không mất (không rớt khỏi) nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần thuộc vô sở hữu xứ. Tuổi thọ của những thiên thần thuộc vô sở hữu xứ là 60.000 đại kiếp. Người phàm phu đó sẽ ở trong (cõi) đó suốt trọn kiếp, và sau khi hết tuổi thọ thiên thần ở đó, người đó đi xuống địa ngục, xuống cõi súc sinh, hoặc xuống cảnh hồn ma nạ quỷ thống khổ. Nhưng những đệ tử của đức Thế Tôn cũng ở trong đó suốt trọn kiếp, và khi hết tuổi thọ ở đó,

họ sẽ chứng ngộ luôn Niết-bàn cuối cùng khi đang trong trạng thái hiện-hữu đó. Đây là sự phân biệt, sự khác biệt, sự khác nhau giữa người thánh đệ tử và người phàm phu không được chỉ dạy, đó là, sự khác nhau về nơi-đến sau đó và sự còn tái-sinh hay không.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người được thấy có trong thế gian.”

117 (5) Thất Bại và Thành Tựu

(I) “Này các Tỳ kheo, có ba sự thất bại này. Ba đó là gì? Sự thất bại về giới-hạnh, sự thất bại về tâm, và sự thất bại về cách-nhìn.

(1) “Và cái gì là sự thất bại về giới-hạnh? Ở đây, có người sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, nói-đối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gông nạt nộ, và nói chuyện tâm-phào tán dóc. Đây được gọi là sự thất bại về giới-hạnh.

(2) “Và cái gì là sự thất bại về tâm? Ở đây, có người đầy sự thèm-muốn và có một cái tâm ác-ý. Đây được gọi là sự thất bại về tâm.

(3) “Và cái gì là sự thất bại về cách-nhìn? Ở đây, có người nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và có tầm-nhìn sai trái như vậy: (đối với họ) [‘Không thứ gì (cần, nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi; không lý gì phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không thứ gì được hiến tặng hay hy sinh; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những nghiệp tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có chúng sinh nào được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’] Đây được gọi là sự thất bại về cách-nhìn. *(không có được chánh-kiến)*

“Do có sự thất bại về giới-hạnh, cho nên khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-

đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Do có sự thất bại về tâm ... Do có sự thất bại về cách-nhìn, cho nên khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh đó bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba sự thất bại.

(II) “Này các Tỳ kheo, có ba sự thành tựu này. Ba đó là gì? Sự thành tựu về giới-hạnh, sự thành tựu về tâm, và sự thành tựu về cách-nhìn.

(1) “Và cái gì là sự thành tựu về giới-hạnh? Ở đây, có người không sát-sinh, không gian-cấp, không tà-dâm, không nói-dối nói láo, không nói lời gây chia-rẽ, không nói lời gắt-gông nạt nộ, và không nói lời tầm-phào tán dúc. Đây được gọi là sự thành tựu về giới-hạnh.

(2) “Và cái gì là sự thành tựu về tâm? Ở đây, có người không sự thèm-muốn và có một cái tâm không ác-ý. Đây được gọi là sự thành tựu về tâm.

(3) “Và cái gì là sự thành tựu về cách-nhìn? Ở đây, có người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) và có tầm-nhìn chánh đúng, như vậy: (đối với họ) [‘Có thứ (cần, nên) được cho đi (và có phước quả từ việc bố thí), có thứ được cúng dường, có thứ được dâng hiến hy sinh; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những nghiệp tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’] Đây được gọi là sự thành tựu về cách-nhìn. (có được chánh kiến)

“Do có sự thành tựu về giới-hạnh, nên khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Do có sự thành tựu về tâm ... Do có sự thành tựu về cách-nhìn, nên khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba sự thành tựu.”

118 (6) *Súc Sắc*

(I) “Này các Tỳ kheo, có ba sự thất bại này. Ba đó là gì? Sự thất bại về giới-hạnh, sự thất bại về tâm, và sự thất bại về cách-nhìn.

(1) “Và cái gì là sự thất bại về giới-hạnh? Ở đây, có người sát-sinh ...
 (2) ... (3) ... [*giống đoạn (1), (2), (3) trước trong kinh 3:117 kể trên*]

“Do có sự thất bại về giới-hạnh, cho nên khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh đó bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Do có sự thất bại về tâm ... Do có sự thất bại về cách-nhìn, cho nên khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh đó bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.

“Giống như hột súc sắc (nặng),⁵⁸² khi quăng lên, nó chắc chắn sẽ nằm yên ngay chỗ nó rớt xuống. Cũng giống như vậy, do có sự thất bại về giới-hạnh ... sự thất bại về tâm ... sự thất bại về cách-nhìn, cho nên khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh đó (chắc chắn) bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba sự thất bại.

(II) “Này các Tỳ kheo, có ba sự thành tựu này. Ba đó là gì? Sự thành tựu về giới-hạnh, sự thành tựu về tâm, và sự thành tựu về cách-nhìn.

(1) “Và cái gì là sự thành tựu về giới-hạnh? Ở đây, có người không sát-sinh ... (2) ... (3) ... [*giống đoạn (1), (2), (3) sau trong kinh 3:117 kể trên*]

“Do có sự thành tựu về giới-hạnh, cho nên khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Do có sự thành tựu về tâm ... Do có sự thành tựu về cách-nhìn, khi thân tan rã, cho nên sau khi chết, những chúng sinh đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.

“Giống như hột súc sắc (nặng), khi quăng lên, nó chắc chắn sẽ nằm yên ngay chỗ nó rớt xuống. Cũng giống như vậy, do có sự thành tựu về giới-hạnh, khi thân tan rã, nên sau khi chết, những chúng sinh đó (chắc chắn) được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Do có sự thành tựu về tâm ... Do có sự thành tựu về cách-nhìn, khi thân tan rã, nên sau khi chết, những chúng sinh đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba sự thành tựu.”

119 (7) *Hành Động ...*

(I) “Này các Tỳ kheo, có ba sự thất bại này. Ba đó là gì? Sự thất bại về hành-động, sự thất bại về sự mưu-sinh, và sự thất bại về cách-nhìn.

(1) “Và cái gì là sự thất bại về hành-động (nghiệp)? Ở đây, có người sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gông nạt nộ, và nói chuyện tầm-phào tán dóc. Đây được gọi là sự thất bại về hành-động. (*không có chánh nghiệp*)

(2) “Và cái gì là sự thất bại về sự mưu-sinh (mạng)? Ở đây, có người có sự mưu sinh sai trái và nuôi sống bản thân bằng loại sự mưu sinh sai trái đó. Đây được gọi là sự thất bại về sự mưu sinh. (*không có chánh mạng*)

(3) “Và cái gì là sự thất bại về cách-nhìn (kiến)? Ở đây, có người nắm giữ cách-nhìn sai trái (tà kiến) và có tầm-nhìn không chánh đúng, như vậy: (đối với họ) [‘Không thứ gì (cần, nên) được cho đi ... *[giống như đoạn (3) thứ nhất trong kinh 3:117 ở trên]* ...’]. Đây được gọi là sự thất bại về cách-nhìn. (*không có chánh kiến*)

“Này các Tỳ kheo, đây là ba sự thất bại.

(II) “Này các Tỳ kheo, có ba sự thành tựu này. Ba đó là gì? Sự thành tựu về hành-động, sự thành tựu về sự mưu-sinh, và sự thành tựu về cách-nhìn.

(1) “Và cái gì là sự thành tựu về hành-động (nghiệp)? Ở đây, có

người không sát-sinh, không gian-cấp, không tà-dâm, không nói-dối nói láo, không nói lời gây chia-rẽ, không nói lời gắt-gông nạt nộ, và không nói lời tầm-phào tán dóc. Đây được gọi là sự thành tựu về giới-hạnh. (*có chánh nghiệp*)

(2) “Và cái gì là sự thành tựu về sự muru-sinh (mạng)? Ở đây, có người có sự công việc muru sinh chân chính và nuôi sống bản thân bằng loại sự muru sinh chân chính đó. Đây được gọi là sự thành tựu về sự muru sinh. (*có chánh mạng*)

(3) “Và cái gì là sự thành tựu về cách-nhìn (kiến)? Ở đây, có người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn và có tầm-nhìn chánh đúng, như vậy: (đối với họ): [‘Có thứ (cần, nên) được cho đi ... *[giống đoạn (3) thứ hai trong kinh 3:117 ở trên]* ...’]. Đây được gọi là sự thành tựu về cách-nhìn. (*có chánh kiến*)

“Này các Tỳ kheo, đây là ba sự thành tựu.”

120 (8) Sự Trong Sạch (1)

“Này các Tỳ kheo, có ba sự trong-sạch (thanh tịnh) này. Ba đó là gì? Sự trong sạch về thân (thân tịnh), sự trong sạch về lời-nói (khẩu tịnh), sự trong sạch về tâm (tâm tịnh).

(1) “Và cái gì là sự trong sạch về thân? Ở đây, có người kiêng cữ sát-sinh, gian-cấp, và tà-dâm. Đây được gọi là sự trong sạch về thân.

(2) “Và cái gì là sự trong sạch về lời-nói? Ở đây, có người kiêng cữ nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gông nạt nộ, và nói chuyện tầm-phào tán dóc. Đây được gọi là sự trong sạch về lời-nói.

(3) “Và cái gì là sự trong sạch về tâm? Ở đây, có người không có sự thèm-muốn, không sự ác-ý, và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Đây được gọi là sự trong sạch về tâm.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba sự trong sạch.”

121 (9) Sự Trong Sạch (2)

“Này các Tỳ kheo, có ba sự trong-sạch (thanh tịnh) này. Ba đó là gì? Sự trong sạch về thân (thân tịnh), sự trong sạch về lời-nói (khẩu tịnh), sự trong sạch về tâm (tâm tịnh).

(1) “Và cái gì là sự trong sạch về thân (hành động)? ... [như kinh kể trên]

(2) “Và cái gì là sự trong sạch về lời-nói? ... [như kinh kể trên]

(3) “Và cái gì là sự trong sạch về tâm?⁵⁸³ Ở đây, (i) khi đang có *tham-dục* trong (tâm) mình, một Tỳ kheo hiểu ‘Có tham-dục trong ta’; hoặc khi không có tham-dục trong mình, người đó hiểu ‘Không có tham-dục trong ta’; và người đó cũng hiểu cách tham-dục chưa khởi sinh (đang) khởi sinh, và cách tham-dục đã khởi sinh bị trừ bỏ, và cách tham-dục đã bị trừ bỏ không còn khởi sinh trong tương lai.’

“(ii) Khi có *sự ác-y* trong mình ... (iii) Khi có *sự đờ-đẫn* và *buôn-ngủ* (hôn trầm thụy miên) trong mình ... (iv) Khi có *sự bắt-an* và *hối-tiết* (trạo hối) trong mình ... (v) Khi có *sự nghi-ngờ* trong mình, người đó hiểu ‘Có sự nghi-ngờ trong ta’; hoặc khi không có sự nghi-ngờ trong mình, người đó hiểu ‘Không có sự nghi-ngờ trong ta’; và người đó cũng hiểu cách sự nghi-ngờ chưa khởi sinh khởi sinh, và cách sự nghi-ngờ đã khởi sinh bị trừ bỏ, và cách sự nghi-ngờ đã bị trừ bỏ không còn khởi sinh trong tương lai. Đây được gọi là sự trong sạch của tâm.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba sự trong sạch.”

Thanh tịnh về thân, thanh tịnh về lời-nói,

Thanh tịnh về tâm, không còn ô-nhiễm:

Họ gọi là người thanh-tịnh, đã thành tựu về sự thanh-lọc,

Là “người đã tẩy sạch sự xấu ác”.

122 (10) Sự Hiền Trí

“Này các Tỳ kheo, có ba loại sự hiền-trí này. Ba đó là gì? Sự hiền trí về thân, sự hiền trí về lời-nói, và sự hiền trí về tâm.

(1) “Và cái gì là sự hiền trí về thân? Ở đây, có người kiêng cữ sát-sinh, gian-cấp, và tà-dâm. Đây được gọi là sự hiền trí về thân.

(2) “Và cái gì là sự hiền trí về lời-nói? Ở đây, có người kiêng cữ nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, và nói chuyện tầm-phào tán dóc. Đây được gọi là sự hiền trí về lời-nói.

(3) “Và cái gì là sự hiền trí về tâm? Ở đây, một Tỳ kheo, với sự đã tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Đây được gọi là sự hiền trí về tâm.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại sự hiền trí.”

Một bậc hiền trí về thân, một bậc hiền trí về lời-nói,
Một bậc hiền trí về tâm, không còn ô-nhiễm:
Họ gọi là người hiền trí, đã thành tựu về sự hiền trí,
Là “người đã dẹp bỏ tất cả”.

NHÓM 3

BHARANĐU 584

123 (I) *Kusinārā*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kusinārā (Câu-thi-na), trong khu rừng rậm Baliharaṇa. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo ...

(I) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống nhờ dựa vào một xóm làng hay thị xã. Một gia chủ [hay con trai của ông ta] đến gặp Tỳ kheo đó và mời thầy ấy đến dùng cơm trưa ngày mai. Nếu muốn, Tỳ kheo đó chấp chận lời mời. Rồi đêm qua đi, vào buổi sáng Tỳ kheo đó mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi đến nơi ở của gia chủ đó. Thầy ấy ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn, và gia chủ đó tự tay phục vụ và làm vui lòng thầy ấy bằng nhiều món ngon khác nhau. (1) Ý này xảy đến với thầy ấy: ‘Thiệt là tốt, vị gia chủ tự tay phục vụ và làm vui lòng ta bằng nhiều món ngon khác nhau!’ (2) Ý này xảy đến với thầy ấy: ‘Mong sao sau này vị gia chủ này cũng sẽ tự tay phục vụ và làm vui lòng ta bằng nhiều món ngon khác nhau y như vậy!’ (3) Thầy ấy dùng thức ăn khi tâm bị dính theo thức ăn, mê thích nó, bị cuốn hút trong nó một cách mù quáng; không nhìn thấy sự nguy-hại trong nó và không hiểu được sự thoát-khỏi khỏi nó. Thầy đó nghĩ những ý nghĩ tham-dục liên quan đến nó; thầy đó nghĩ những ý nghĩ ác-ý; thầy đó nghĩ những ý nghĩ gây-hại. Ta nói rằng, những thức ăn cúng dường cho một Tỳ kheo như vậy là không có phước quả lớn lao. Vì lý do gì? Vì Tỳ kheo đó là không chuyên-chú (lơ tâm, phóng dật).

(II) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống nhờ dựa vào một xóm làng hay thị xã. Một gia chủ [hay con trai của ông ta] đến gặp Tỳ kheo đó và mời thầy ấy đến dùng cơm trưa ngày mai. Nếu muốn, Tỳ kheo đó chấp chận lời mời. Rồi đêm qua đi, vào buổi sáng Tỳ kheo đó mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi đến nơi ở của gia chủ hay con trai của ông ta. Thầy ấy ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn và gia chủ đó tự tay phục vụ và làm vui lòng thầy ấy bằng nhiều món ngon khác nhau. (1) Ý này không xảy đến với thầy ấy: ‘Thiệt là tốt, vị gia chủ tự tay phục vụ và

làm vui lòng ta bằng nhiều món ngon khác nhau!’ (2) Ý này không xảy đến với thầy ấy: ‘Mong sao sau này vị gia chủ này cũng sẽ tự tay phục vụ và làm vui lòng ta bằng nhiều món ngon khác nhau y như vậy!’ (3) Thầy ấy dùng thức ăn mà tâm không bị dính theo thức ăn, không mê thích nó, không bị cuốn hút trong nó một cách mù quáng; nhìn thấy sự nguy-hại trong nó và hiểu được sự thoát-khỏi nó. Thầy đó nghĩ những ý nghĩ từ-bỏ (xuất ly) liên quan đến nó; người đó nghĩ những ý nghĩ thiện-chí; thầy đó nghĩ những ý nghĩ vô-hại. Ta nói rằng, những thức ăn cúng dường cho một Tỳ kheo như vậy là có phước quả lớn lao. Vì lý do gì? Vì Tỳ kheo đó là có chuyên-chú (chú ý, không phóng dật).”

124 (2) Tranh Cãi

(I) “Này các Tỳ kheo, mỗi khi các Tỳ kheo tranh luận và cãi vã, và rơi vào những cuộc tranh chấp, đâm chọt lẫn nhau bằng những lời lẽ xiên xỏ, **ta thấy khó chịu đến mức không muốn nghĩ [hướng sự chú tâm] tới đó, lấy chi còn muốn đi đến đó.** Ta kết luận về họ: ‘Chắc chắn, những vị đó đã dẹp bỏ ba điều và dung dưỡng ba điều.’

“Cái gì là ba điều họ đã dẹp bỏ? Đó là những ý nghĩ từ-bỏ (xuất ly, buông bỏ), những ý nghĩ thiện-chí, và những ý nghĩ vô-hại: đó là ba điều họ đã dẹp bỏ. Cái gì là ba điều họ đã dung dưỡng? Đó là những ý nghĩ tham-dục, những ý nghĩ ác-ý, và những ý nghĩ gây-hại: đó là ba điều họ đã dung dưỡng. Mỗi khi các Tỳ kheo tranh luận và cãi vã và rơi vào những cuộc tranh chấp, đâm chọt lẫn nhau bằng những lời lẽ xiên xỏ, ta kết luận về họ: ‘Chắc chắn, những vị đó đã dẹp bỏ ba điều và dung dưỡng ba điều khác.’

(II) “Này các Tỳ kheo, mỗi khi các Tỳ kheo sống trong sự hòa đồng, một cách hòa hợp, không có những tranh chấp, hòa hiệp với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ, **ta thấy dễ chịu như muốn đi đến đó, chứ không chỉ thích nghĩ [hướng sự chú tâm] tới đó.** Ta kết luận về họ: ‘Chắc chắn, những vị ấy đã dẹp bỏ ba điều và dung dưỡng

ba điều.’

“Cái gì là ba điều họ đã dẹp bỏ? Đó là những ý nghĩ tham-dục, những ý nghĩ ác-ý, và những ý nghĩ gây-hại: đó là ba điều họ đã dẹp bỏ. Cái gì là ba điều họ đã dung dưỡng? Đó là những ý nghĩ từ-bỏ, những ý nghĩ thiện-chí, và những ý nghĩ vô-hại: đó là ba điều họ đã dung dưỡng. Mỗi khi các Tỳ kheo sống trong sự hòa đồng, một cách hòa hợp, không có những tranh chấp, hòa hiệp với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ, ta kết luận về họ: ‘Chắc chắn, những vị đó đã dẹp bỏ ba điều và dung dưỡng ba điều.’”

125 (3) Đền Gotamaka

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong Đền Gotamaka.⁵⁸⁵ Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo ...

“Này các Tỳ kheo, (1) ta chỉ dạy Giáo Pháp là thông qua trí-biết trực tiếp (nhờ tự trí), không phải không thông qua trí-biết trực tiếp (không phải nhờ tha trí). (2) Ta chỉ dạy Giáo Pháp là với/có cơ-sở, không phải không có cơ-sở. (3) Ta chỉ dạy Giáo Pháp là mang tính giải độc (như giải trị tham, sân, si).⁵⁸⁶ Do ta chỉ dạy Giáo Pháp thông qua trí-biết trực tiếp, không phải không thông qua trí-biết trực tiếp; do ta chỉ dạy Giáo Pháp là có cơ-sở, không phải không có cơ-sở; do ta chỉ dạy Giáo Pháp mang tính giải độc, không phải không mang tính giải độc, cho nên sự khởi xướng của ta nên được thực thi, sự chỉ dạy của ta nên được thực thi. Bấy nhiêu cũng đủ cho các thầy hân hoan, đủ cho các thầy vui mừng, đủ cho các thầy hoan hỷ rằng: ‘Đức Thế Tôn đã giác-ngộ toàn thiện! Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo! Tăng Đoàn đang tu tập đạo tốt lành!’”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo vui mừng và hoan hỷ với lời dạy của đức Thế Tôn. Và trong khi lời này đã được nói ra, hệ một ngàn thế giới rung chuyển.

126 (4) *Bharaṇḍu*

Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa những người Kosala (Kiều-tát-la), lúc đó đang đến Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ). Ông Mahānāma (Đại Danh) là người họ tộc Thích-ca (Sakya) đã nghe nói: “Đức Thế Tôn mới đến Kapilavatthu.” Rồi ông Mahānāma họ Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn nói với ông:

“Này Mahānāma, chú hãy đi tìm một chỗ nghỉ thích hợp ở Kapilavatthu để chúng ta có thể ở qua đêm ở đó.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, ông Mahānāma đáp lại. Rồi ông đi vô thành Kapilavatthu, tìm khắp trong thành nhưng không thấy chỗ nào thích hợp để đức Thế Tôn ở qua đêm. Vì vậy ông quay trở lại và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, khắp trong thành Kapilavatthu không có chỗ nào thích hợp để Thế Tôn nghỉ qua đêm. Nhưng có ông Bharaṇḍu người Kālāma, trước đây từng là người cùng tu [đồng phạm hạnh, cùng là tu sĩ tâm linh]⁵⁸⁷ với Thế Tôn, [ông ấy đang ở đây]. Thế Tôn có thể nghỉ qua đêm ở nơi ẩn cư của ông ấy.”

“Được Mahānāma, hãy chuẩn bị tắm lót cho ta (để ngồi, nằm).”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, ông Mahānāma đáp lại. Rồi ông đi đến chỗ ẩn cư của Bharaṇḍu, chuẩn bị tắm lót nằm, đặt sẵn nước rửa chân, rồi quay lại chỗ đức Thế Tôn, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, con đã chuẩn bị (đã trải) tắm lót, và chuẩn bị nước rửa chân. Giờ Thế Tôn có thể tùy tiện đến đó.”

Rồi đức Thế Tôn đi đến chỗ ẩn cư của Bharaṇḍu, ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn, và rửa chân. Rồi ý này đã xảy đến với ông Mahānāma: “Lúc này không thích hợp ở lại đây với đức Thế Tôn, vì Thế Tôn đã mệt. Để ngày mai mình ghé thăm Thế Tôn.” Rồi ông kính lễ đức Thế Tôn, đi vòng ra, giữ đức Thế Tôn ở bên phải mình, và ra về. Rồi, sau khi đêm đã qua, sáng hôm sau ông Mahānāma đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, và ngồi

xuống một bên.

Đức Thế Tôn nói với ông:

“Này Mahānāma, ba loại thầy được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì?”

(1) “Ở đây, này Mahānāma, có thầy dạy phải hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) về dục-lạc [khoái-lạc giác quan], nhưng không dạy về thân-sắc hay cảm-giác. (2) Có thầy dạy phải hoàn-toàn hiểu về dục-lạc và thân-sắc, nhưng không dạy về cảm-giác. (3) Có thầy thì dạy phải hoàn-toàn hiểu về dục-lạc, thân-sắc, và cảm-giác. Đây là ba loại thầy được thấy có trong thế gian. Vậy mục tiêu của ba loại thầy này là giống nhau hay khác nhau?”

Khi điều này được nói ra, Bharanḍu người Kālāma đã nói với ông Mahānāma: “Hãy nói là giống nhau, này ông Mahānāma.” Nhưng đức Thế Tôn nói với ông Mahānāma: “Hãy nói là khác nhau, này Mahānāma”.

Lần thứ hai ... Lần thứ ba, Bharanḍu người Kālāma đã nói với ông Mahānāma: “Hãy nói là giống nhau, này ông Mahānāma.”. Nhưng đức Thế Tôn nói với ông Mahānāma: “Hãy nói là khác nhau, này Mahānāma”.

Rồi ý này đã xảy đến với Bharanḍu: “Sa-môn Cồ-đàm đã nói ngược với ta ba lần như vậy trước mặt người có nhiều ảnh hưởng như ông Mahānāma họ Thích-ca. Vậy tốt hơn ta nên rời khỏi Kapilavatthu”.

Sau đó ông Kālāma đã đi khỏi Kapilavatthu. Sau khi đi khỏi Kapilavatthu, ông đã đi luôn và không bao giờ quay lại đó.

127 (5) *Hatthaka*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattḥī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó, khi đêm đã khuya, vị thiên thần trẻ tên Hatthaka,⁵⁸⁸ chiếu sáng toàn Khu Vườn Jeta, đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đã gặp, [tâm nghĩ:] “Ta sẽ đứng trước mặt đức Thế Tôn”, nhưng vị ấy đã chìm xuống, rã xuống, và không trụ yên một chỗ. Giống như bơ hay dầu, khi đổ ra cát, sẽ chìm xuống, rã xuống, và không

trụ yên một chỗ. Cũng giống như vậy, thiên thần trẻ Hatthaka, [tâm thì nghĩ:] “Ta sẽ đứng trước mặt đức Thế Tôn”, nhưng vị ấy đã chìm xuống, rã xuống, và không thể trụ yên một chỗ.

Lúc đó đức Thế Tôn nói với Hatthaka: “Này Hatthaka, hãy tạo thân thô tế.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, Hatthaka đáp lại. Rồi vị ấy tạo một thân thô tế (như người thường), rồi kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với vị ấy:

“Này Hatthaka, những giáo lý mà tiên có thể nhớ lại trong quá khứ, khi tiên còn là người, bây giờ chúng có quay lại với tiên hay không?”⁵⁸⁹

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý con có thể nhớ lại trong quá khứ, khi con còn là người, bây giờ chúng có quay lại với con; và những giáo lý con không thể nhớ lại trong quá khứ, khi con còn là người, bây giờ chúng (cũng) có quay lại với con.⁵⁹⁰ Giống như bây giờ đức Thế Tôn được bao quanh bởi các Tỷ kheo, các Tỷ kheo ni, các đệ tử tại gia nam và nữ, bởi các vua chúa và quan thần, những đạo sư các giáo phái khác và những đệ tử của họ, con giờ cũng được bao vây bởi những thiên thần trẻ khác. Những thiên thần trẻ đến gặp con thậm chí từ xa, [họ nghĩ rằng]: ‘Chúng ta sẽ nghe Giáo Pháp từ thiên thần trẻ Hatthaka.’”

“Thưa Thế Tôn, con đã chết khi chưa làm đủ và chưa thỏa lòng về ba điều. Ba đó là gì? (1) Về việc gặp gỡ đức Thế Tôn chưa đủ nhiều; (2) về việc nghe Giáo Pháp tốt lành chưa đủ nhiều; (3) về việc phục vụ Tăng Đoàn chưa đủ nhiều. Con đã chết khi chưa làm đủ và chưa thỏa lòng về ba điều này.

“Con chưa làm đủ về ba điều:

Gặp gỡ đức Thế Tôn,

Nghe Giáo Pháp thiện lành,

Và phụng sự Tăng Đoàn.

“Có tu học về giới-hạnh bậc cao,

Con hoan-hỷ trong việc nghe Giáo Pháp.

Hatthaka đã đi tới [tái sinh trong] cõi trời Aviha,⁵⁹¹
Sau khi chưa làm đủ ba điều đó.”

128 (6) Sự Làm Ô Nhiễm

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu vườn nai ở Isipatana; (Isipatana có nghĩa là: nơi những thiên thần hạ thế). Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi vô thành Bārāṇasī để khát thực. Trong khi đang đi khát thực gần nơi có cây vả người ta cột trâu bò để bán,⁵⁹² đức Thế Tôn đã nhìn thấy một Tỳ kheo bất mãn, [đang tìm kiếm] sự thỏa-thích ở bên ngoài,⁵⁹³ có tâm mờ rôi (thất niệm), không rõ-biết (thiếu tỉnh giác), không đạt định, với một cái tâm lang thang, lơ lửng các căn (các căn không phòng hộ). Sau khi nhìn thấy Tỳ kheo đó, đức Thế Tôn nói với thầy ấy:

“Này Tỳ kheo, này Tỳ kheo! Đừng làm ô-nhiễm chính mình.⁵⁹⁴ Này Tỳ kheo, điều không tránh khỏi là ruồi nặng sẽ đuổi theo và tấn công kẻ đã làm ô-nhiễm chính mình và bị nhiễm mùi hôi-thối.”⁵⁹⁵

Rồi, sau khi được đức Thế Tôn khởi xướng (giáo giới) như vậy, Tỳ kheo đó đã đạt được một cảm-nhận về sự cấp-bách.⁵⁹⁶

Sau khi đức Thế Tôn đã đi khát thực trong thành Bārāṇasī, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, sáng nay ta mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi vô thành Bārāṇasī để khát thực. Trong khi đang đi khát thực gần nơi có cây vả người ta cột trâu bò để bán, ta đã nhìn thấy một Tỳ kheo bất mãn, [đang tìm kiếm] sự thỏa-thích ở bên ngoài, có tâm mờ rôi (thất niệm), không rõ-biết (thiếu tỉnh giác), không đạt định, với một cái tâm lang thang, lơ lửng các căn (các căn không phòng hộ). Sau khi nhìn thấy Tỳ kheo đó, ta đã nói với thầy ấy: ‘Này Tỳ kheo, này Tỳ kheo! Đừng làm ô-nhiễm chính mình. Này Tỳ kheo, điều không tránh khỏi là ruồi nặng sẽ đuổi theo và tấn công kẻ đã làm ô-nhiễm chính mình và bị nhiễm mùi hôi-

thối.’ Rồi, sau khi được khởi xướng như vậy, Tỳ kheo đó đã đạt được một cảm-nhận về sự cấp-bách.”

Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo ở đó đã hỏi đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, ‘sự làm ô-nhiễm’ nghĩa là gì? ‘Mùi hôi-thối’ nghĩa là gì? Và ‘ruồi nhặng’ nghĩa là gì?”

(1) “Này Tỳ kheo, sự thềm-muốn (tham) được biểu nghĩa là ‘sự làm ô-nhiễm’. (2) Sự ác-ý (sân) là ‘mùi hôi-thối’. (3) Những ý-nghĩ bất thiện xấu ác là ‘ruồi nhặng’. Điều không tránh khỏi là ruồi nhặng sẽ đuổi theo và tấn công kẻ đã làm ô-nhiễm chính mình và bị nhiễm mùi hôi-thối.”

Ruồi nhặng—những ý-nghĩ dựa trên tham-dục—

Sẽ bu bám theo những người:

Không kiềm chế các căn cảm-nhận,

Không phòng hộ mắt và tai.

Một Tỳ kheo bị làm ô-nhiễm,

Bị nhiễm mùi hôi-thối,

Thì ở xa Niết-bàn,

Và chỉ gặt hái sự phiền khổ.

Dù ở trong làng hay trong rừng,

Kẻ ngu vô trí

Vốn đã không đạt được sự bình-an cho mình

Cứ đi quanh quẩn với ruồi nhặng bám theo.⁵⁹⁷

Nhưng những người thành tựu về giới-hạnh,

Những người vui thích trí-tuệ và sự bình-an,

Người bình-an đó sống một cách hạnh-phúc,

Sau khi đã diệt hết những ruồi nhặng.⁵⁹⁸

129 (7) A-Nậu-Lâu-Đà (I)

Lúc đó có Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha) đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Giờ, thưa Thế Tôn, với mắt thiên (thiên nhãn), đã được thanh lọc và vượt trên loài người (thiên nhãn minh), con nhìn thấy những phụ nữ, khi thân tan rã, sau khi chết, hầu hết họ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Một người phụ nữ có những phẩm chất nào mà do đó, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục?”

“Này A-nậu-lâu-đà, khi một phụ nữ có ba phẩm chất này thì do đó, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Ba đó là gì?”

“Này A-nậu-lâu-đà, ở đây, (1) buổi sáng một phụ nữ sống ở nhà với một cái tâm dính nhiễm tính keo-kiệt. (2) Buổi trưa cô ta sống ở nhà với một cái tâm bị ám muội bởi tính ghen-ty. (3) Và buổi tối cô ta sống ở nhà với một cái tâm bị ám muội bởi nhục-dục. Khi một phụ nữ có ba phẩm chất này thì do đó, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.”

130 (8) A-Nậu-Lâu-Đà (2)

Lúc đó có Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha) đến gặp Ngài Xá-lợi-phất, và chào hỏi qua lại với nhau. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Xá-lợi-phất:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, ở đây, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người (thiên nhãn minh), tôi đã quan sát khắp hệ một ngàn thế giới. Sự nỗ-lực tu (tinh tấn) được phát khởi trong tôi; không xiù giảm; sự chánh-niệm của tôi được thiết lập, không lơ mờ (rõ rệt, minh mẫn); thân của tôi tĩnh lặng, không quấy động; tâm của tôi đạt định và nhất điểm. Nhưng tâm của tôi vẫn chưa được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp (thủ diệt).”

[Thầy Xá-lợi-phất nói:] (1) “Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, khi thầy nghĩ: ‘Vói mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, tôi đã quan sát khắp hệ một ngàn thế giới’: đây là sự tự-ta (ngã mạn) của thầy.

(2) “Và khi thầy nghĩ: ‘Sự nỗ-lực tu (tinh tấn) được phát khởi trong tôi, không xiu giảm; sự chánh-niệm của tôi được thiết lập, không lò mò; thân của tôi tĩnh lặng, không quấy động; tâm của tôi đạt định và nhất điểm’: đây là sự bất-an (trạo cử) của thầy.

(3) “Và khi thầy nghĩ: ‘Nhưng tâm của tôi vẫn chưa được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp’: đây là sự hối-tiếc (hối quá) của thầy.

“Sẽ tốt lành nếu thầy dẹp bỏ ba tâm tính này và ngừng chú-tâm (tác ý) tới chúng. Thay vì vậy, hãy hướng tâm tới yếu tố bất-tử.”

Một thời sau đó, thầy A-nậu-lâu-đà đã dẹp bỏ những tâm tính đó và ngừng chú-tâm đến chúng. Thay vì vậy, thầy ấy hướng tâm mình tới yếu tố bất-tử. Sau đó, sống tu một mình, thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định: không bao lâu sau, thầy A-nậu-lâu-đà, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ chung-cuộc vô thượng của đời sống tâm linh, mà vì (mục tiêu) đó những người họ tộc đã chân chính từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và sau khi chứng nhập trong đó, thầy ấy an trú trong đó. Thầy ấy đã trực-tiếp biết: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.”

Và Ngài A-nậu-lâu-đà đã trở thành một trong những A-la-hán.

131 (9) Bị Che Đậy

“Này các Tỳ kheo, có ba thứ phát triển (phát huy) khi được che đậy, không công khai. Ba đó là gì? (1) Phụ nữ phát triển (lớn lên tốt đẹp) khi được che đậy, không công khai.⁵⁹⁹ (2) Những bài tụng (bùa chú) của

những bà-la-môn phát triển (truyền bá) khi được che đậy, không công khai. (3) Và những cách-nhìn sai lạc (tà kiến) phát triển khi được che đậy, không công khai. Đây là ba thứ phát triển khi được che đậy, không công khai.

“Này các Tỳ kheo, có ba thứ chiếu sáng khi được hiển lộ, không che đậy. Ba đó là gì? (1) Mặt trăng chiếu sáng khi được hiển lộ, không che đậy. (2) Mặt trời chiếu sáng khi được hiển lộ, không che đậy. (3) Giáo Pháp và giới-luật được đức Thế Tôn tuyên thuyết chiếu sáng khi được hiển lộ, không che đậy. Đây là ba thứ chiếu sáng khi được hiển lộ, không che đậy.”

132 (10) Đường Kẻ Khắc Lên Đá

“Này các Tỳ kheo, ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? Người giống như đường kẻ khắc lên đá; người giống như đường kẻ khắc lên đất; và người giống như đường kẻ khắc lên nước.

(1) “Và cái gì là người giống như đường kẻ khắc lên đá? Ở đây, có người thường giận dữ, và sự sân giận của người đó kéo dài trong thời gian lâu. Giống như đường kẻ khắc lên đá không dễ gì được xóa đi nhanh bởi gió và nước, nó sẽ còn đó trong một thời gian lâu; cũng giống như vậy, có người thường giận dữ và sự sân giận đó kéo dài trong thời gian lâu. Đây được gọi là loại người giống như đường kẻ khắc lên đá.

(2) “Và cái gì là loại người giống như đường kẻ khắc lên đất? Ở đây, có người thường giận dữ, nhưng sự sân giận của người đó không kéo dài trong thời gian lâu. Giống như đường kẻ khắc lên đất dễ được xóa đi nhanh bởi gió và nước, và sẽ không còn đó trong thời gian lâu; cũng giống như vậy, có người thường giận dữ, nhưng sự sân giận đó không kéo dài trong thời gian lâu. Đây được gọi là loại người giống như đường kẻ khắc lên đất.

(3) “Và cái gì là loại người giống như đường kẻ khắc lên nước? Ở đây, có người, ngay cả khi bị người khác nói một cách thô bạo và gắt

gông, bị người khác nói theo những cách khó chịu khó ưa, mà người đó vẫn giữ những sự giao hảo thân thiện với họ, vẫn hòa đồng với họ, và vẫn chào hỏi khi gặp họ. Giống như đường kẻ được khắc lên nước sẽ biến mất nhanh và không hề kéo dài trong bao lâu; cũng giống như vậy, có người, ngay cả khi bị người khác nói một cách thô bạo và gắt gỏng, bị người khác nói theo những cách khó chịu khó ưa, mà người đó vẫn giữ những sự giao hảo thân thiện với họ, vẫn hòa đồng họ, và vẫn chào hỏi khi gặp họ. Đây là loại người giống như đường kẻ khắc lên nước.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người thấy có trong thế gian.”

NHÓM 4

MỘT CHIẾN BINH

133 (1) Một Chiến Binh

“Này các Tỳ kheo, có được ba yếu tố này, một chiến binh xứng đáng là của vua, là một thứ (công cụ) của vua, và được cho là một yếu tố của vương quyền. Ba đó là gì? Ở đây, một chiến binh là người giỏi bắn xa, là người bắn chính xác, và là người bắn phá được vật thể lớn. Có được ba yếu tố này, một chiến binh xứng đáng là của vua, là một thứ của vua, và được cho là một yếu tố của vương quyền. Cũng giống như vậy, có được ba yếu tố này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng vật, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời).

(1) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người giỏi bắn xa? Ở đây, mọi thể-sắc (sắc)—dù thuộc quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, ưu hay nhược, xa hay gần—bằng trí-tuệ chánh đúng, một Tỳ kheo nhìn thấy mọi thể-sắc đúng như chúng thực là: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là bản ngã của ta’. Mọi cảm-giác (thọ) ... mọi nhận-thức (tưởng) ... mọi sự tạo-tác (hành) ... mọi thức (thức)—dù thuộc quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, ưu hay nhược, xa hay gần—bằng trí-tuệ chánh đúng, một Tỳ kheo nhìn thấy mọi cảm-giác ... thức đúng như chúng thực là: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là bản ngã của ta’. Theo cách này một Tỳ kheo là người giỏi bắn xa.

(2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người bắn chính xác? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’. Người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’ ... ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là một người bắn chính xác.

(3) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người bắn phá được vật thể

lớn? Ở đây, một Tỳ kheo phá vỡ đồng vô-minh lớn. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người bắn phá vật thể lớn.

“Có được ba yếu tố này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng công đức cao nhất trong thế gian.”

134 (2) Hội Chúng

“Này các Tỳ kheo, có ba loại hội chúng này. Ba đó là gì? (1) Hội chúng được huấn luyện bằng cách nói khoa trương vô ích; (2) hội chúng được huấn luyện bằng cách đặt câu hỏi vấn đáp; và (3) hội chúng được huấn luyện theo những giới hạn. Đây là ba loại hội chúng.”⁶⁰⁰

135 (3) Bạn

“Này các Tỳ kheo, một người nên giao lưu với bạn có được ba yếu tố này. Ba đó là gì? (1) Đó là, một người cho đi thứ khó cho. (2) Người đó làm điều khó làm. (3) Người đó nhẫn nhịn chịu đựng điều khó chịu đựng. Một người nên giao lưu với bạn có được ba yếu tố (đức tính) này.”

136 (4) Khởi Sinh

(1) “Này các Tỳ kheo, dù Như Lai có khởi sinh hay không thì vẫn tồn tại quy-luật đó, tính ổn-định đó của Giáo Pháp, đường-lối cố định đó của Giáo Pháp,⁶⁰¹ (đó là): ‘Mọi thứ có điều-kiện (hữu vi) đều là vô thường.’ Một bậc Như Lai đã tỉnh thức (giác ngộ) và chứng ngộ (đột phá) điều này, và rồi bậc ấy đi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên bố nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, làm sáng tỏ nó như vậy: ‘Mọi thứ có điều-kiện đều là vô-thường.’⁶⁰²

(2) “Này các Tỳ kheo, dù Như Lai có khởi sinh hay không thì vẫn tồn tại quy-luật đó, tính ổn-định đó của Giáo Pháp, đường-lối cố định đó của

Giáo Pháp, (đó là): ‘Mọi thứ có điều-kiện (hữu vi) đều là khổ’. Một Như Lai tỉnh thức (giác ngộ) tới điều này và chứng ngộ (đột phá) điều này, và sau đó bậc ấy giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên thuyết nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, và làm sáng tỏ nó như vậy: ‘Mọi thứ có điều-kiện đều là khổ’.

(3) “Này các Tỳ kheo, dù Như Lai có khởi sinh hay không thì vẫn tồn tại quy-luật đó, tính ổn-định đó của Giáo Pháp, đường-lối cố định đó của Giáo Pháp, (đó là): ‘Mọi thứ có điều-kiện (hữu vi) đều là vô-ngã’. Một Như Lai tỉnh thức (giác ngộ) tới điều này và chứng ngộ (đột phá) điều này, và sau đó bậc ấy giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên thuyết nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, và làm sáng tỏ nó như vậy: ‘Mọi thứ có điều-kiện đều là vô-ngã.’”

137 (5) Mền Làm Bằng Tóc

“Này các Tỳ kheo, mền làm bằng tóc được cho là loại đồ được dệt tồi tệ nhất.⁶⁰³ Nó lạnh trong cái lạnh, nóng trong cái nóng, xấu xí, hôi hám và khó chịu khi chạm vào. Cũng giống như vậy, giáo lý của Makkhali được cho là tồi tệ nhất trong tất cả các học thuyết của những tu sĩ và bà-la-môn khác nhau. Này các Tỳ kheo, mền làm bằng tóc được cho là loại đồ được dệt tồi tệ nhất.⁶⁰⁴ Người nông cạn như Makkhali chỉ dạy giáo thuyết và quan điểm như vậy: ‘Phi nghiệp, phi hành-vi, phi nỗ-lực.’

(1) “Này các Tỳ kheo, những bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác trong quá khứ đã chỉ dạy chủ thuyết về nghiệp (hành-động), chủ thuyết về hành-vi (sự làm, việc làm, sự hành động), chủ thuyết về sự nỗ-lực tu (tinh tấn). Nhưng người nông cạn Makkhali nói ngược lại những điều đó [và tuyên bố]: ‘Phi nghiệp, phi hành-vi, phi nỗ-lực.’

(2) “Những bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác trong tương lai cũng sẽ chỉ dạy chủ thuyết về nghiệp, chủ thuyết về hành-vi, chủ thuyết về sự nỗ-lực tu. Nhưng người nông cạn Makkhali nói ngược lại những điều đó [và tuyên bố]: ‘Phi nghiệp, phi hành-vi, phi nỗ-lực.’

(3) “Trong hiện tại, ta là A-la-hán, bậc Toàn Giác, và ta chỉ dạy chủ thuyết về nghiệp, chủ thuyết về hành-vi, chủ thuyết về sự nỗ-lực tu. Nhưng người nông cạn Makkhali nói ngược lại những điều đó [và tuyên bố]: ‘Phi nghiệp, phi hành-vi, phi nỗ-lực.’”

Giống như một cái bẫy cá được đặt ở cửa sông sẽ đưa đến sự nguy hại, sự khổ đau, tai nạn, và thảm họa của nhiều loài cá. Cũng giống như vậy, ông Makkhali nông cạn giống như một cái ‘bẫy’, là người đã khởi sinh trong thế gian này cho sự nguy hại, sự khổ đau, tai nạn, và thảm họa của nhiều người.”

138 (6) Sự Thành Tựu

“Này các Tỳ kheo, có ba sự thành tựu này. Ba đó là gì? Sự thành tựu về niềm-tin (tín), sự thành tựu về giới-hạnh (giới), và sự thành tựu về trí-tuệ (tuệ). Có ba sự thành tựu này.”

139 (7) Sự Tăng Trưởng ⁶⁰⁵

“Này các Tỳ kheo, có ba sự tăng trưởng này. Ba đó là gì? Sự tăng trưởng về niềm-tin (tín), sự tăng trưởng về giới-hạnh (giới), và sự tăng trưởng về trí-tuệ (tuệ). Có ba sự tăng trưởng này.”

140 (8) Những Con Ngựa (1)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy ba loại ngựa non hoang dã (chưa thuần hóa) và ba loại người giống như ba loại ngựa non hoang dã. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ba loại ngựa non hoang dã?”

(1) Ở đây, một loại ngựa non hoang dã có được tốc độ, nhưng không có vẻ đẹp, và (hình thể) không được cân đối. (2) Một loại ngựa non hoang

đã có được tốc độ và vẻ đẹp, nhưng không được cân đối. (3) Và một loại ngựa non hoang đã có được tốc độ, vẻ đẹp, và được cân đối. Đây là ba loại ngựa non hoang đã.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ba loại người giống như ba loại ngựa non hoang đã? (1) Ở đây, một loại người giống ngựa non hoang đã có được tốc độ, nhưng không có vẻ đẹp, và không được cân đối. (2) Một loại người giống như ngựa non hoang đã có được tốc độ và vẻ đẹp, nhưng không được cân đối. (3) Và một loại người giống như ngựa non hoang đã có được tốc độ, vẻ đẹp, và sự cân đối.

(1) “Và theo cách nào là một người giống như ngựa non hoang đã có được tốc độ, nhưng không có vẻ đẹp, và không được cân đối? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được (từng sự thật) đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’, ‘Đây là nguồn-gốc khổ’, ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’, và ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Đây là tốc độ của người đó, ta nói vậy. Nhưng khi được hỏi một câu hỏi thuộc về Giáo Pháp hay giới-luật, người đó cứ lưỡng lự, không trả lời. Đây là sự không có vẻ đẹp của người đó, ta nói vậy. Và người đó không có được (= không được cúng dường) y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-men với chu cấp khi bệnh. Đây là sự không được cân đối của người đó, ta nói vậy. Theo cách này là một người giống như ngựa non hoang đã có được tốc độ, nhưng không có vẻ đẹp, và không được cân đối.

(2) “Và theo cách nào là một người giống như ngựa non hoang đã có được tốc độ và vẻ đẹp, nhưng không được cân đối? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được (từng sự thật) đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’, ‘Đây là nguồn-gốc khổ’, ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’, và ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Đây là tốc độ của người đó, ta nói vậy. Và khi được hỏi một câu hỏi thuộc về Giáo Pháp hay giới-luật, người đó trả lời, chứ không lưỡng lự. Đây là vẻ đẹp của người đó, ta nói vậy. Nhưng người đó không có được y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-men với chu cấp khi bệnh. Đây là sự không được cân đối của người đó, ta nói vậy. Theo cách này là một người giống như ngựa non hoang đã có được tốc độ và vẻ đẹp, nhưng

không được cân đối.

(3) “Và theo cách nào là một người giống như ngựa non hoang đã có tốc độ, vẻ đẹp, và sự cân đối? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được (từng sự thật) đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’, ‘Đây là nguồn-gốc khổ’, ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’, và ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Đây là tốc độ của người đó, ta nói vậy. Và khi được hỏi một câu hỏi thuộc về Giáo Pháp hay giới-luật, người đó trả lời, chứ không lưỡng lự. Đây là vẻ đẹp của người đó, ta nói vậy. Và người đó có được (= được cúng dường) y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-men với chu cấp khi bệnh. Đây là sự cân đối của người đó. Theo cách này là một người giống như ngựa non hoang đã có được tốc độ, vẻ đẹp, và sự cân đối.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người giống như ba loại ngựa non hoang đã.”

141 (9) Những Con Ngựa (2)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về ba loại ngựa tốt và ba loại người giống ba loại ngựa tốt.⁶⁰⁶ Hãy lắng nghe ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ba loại ngựa tốt? (1) Ở đây, loại ngựa tốt có được tốc độ, nhưng không có vẻ đẹp và sự cân đối. (2) Loại ngựa tốt có được tốc độ và vẻ đẹp, nhưng không có sự cân đối. (3) Loại ngựa tốt có được tốc độ, vẻ đẹp, và sự cân đối. Đây là ba loại ngựa tốt.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ba loại người giống ba loại ngựa tốt? (1) Ở đây, loại người giống như ngựa tốt có được tốc độ, nhưng không có vẻ đẹp và sự cân đối. (2) Loại người giống như ngựa tốt có được tốc độ và vẻ đẹp, nhưng không có sự cân đối. (3) Loại người giống như loại ngựa tốt có được tốc độ, vẻ đẹp, và sự cân đối.

(1) “Và theo cách nào một người là giống như ngựa tốt có được tốc độ, nhưng không có vẻ đẹp, và không có sự cân đối? Ở đây, với sự tiêu sạch năm gông-cùm thấp hơn (năm gông cùm đầu, hạ phần kiết sử), một

Tỳ kheo trở thành bậc tái sinh tự động (trong một cõi Tịnh cư thiên), và sẽ chứng luôn Niết-bàn cuối cùng ở đó chứ không quay lại thế gian này từ cõi đó (bậc Bất-lai). Đây là tốc độ của người đó, ta nói vậy. Nhưng khi được hỏi một câu hỏi thuộc về Giáo Pháp hay giới-luật, người đó ngập ngừng, không trả lời. Đây là sự không có vẻ đẹp của người đó, ta nói vậy. Và người đó không có được (= không được cúng dường) y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-men với chu cấp khi bệnh. Đây là sự không được cân đối của người đó, ta nói vậy. Theo cách này là một người giống như ngựa tốt có được tốc độ, nhưng không có vẻ đẹp và sự cân đối.

(2) “Và theo cách nào một người là giống như ngựa tốt có được tốc độ và vẻ đẹp, nhưng không có sự cân đối? Ở đây, với sự tiêu sạch năm gông-cùm thấp hơn, một Tỳ kheo trở thành bậc tái sinh tự động (trong một cõi Tịnh cư thiên), và sẽ chứng luôn Niết-bàn cuối cùng ở đó chứ không quay lại thế gian này từ cõi đó (bậc Bất-lai). Đây là tốc độ của người đó, ta nói vậy. Và khi được hỏi một câu hỏi thuộc về Giáo Pháp hay giới-luật, người đó trả lời, chứ không ngập ngừng. Đây là vẻ đẹp của người đó, ta nói vậy. Nhưng người đó không có được y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-men với chu cấp khi bệnh. Đây là sự không được cân đối của người đó, ta nói vậy. Theo cách này là một người giống như ngựa tốt có được tốc độ và vẻ đẹp, nhưng không có sự cân đối.

(3) “Và theo cách nào một người là giống như ngựa tốt có được tốc độ, vẻ đẹp, và sự cân đối? Ở đây, với sự tiêu sạch năm gông-cùm thấp hơn, một Tỳ kheo trở thành bậc tái sinh tự động (trong một cõi Tịnh cư thiên), và sẽ chứng luôn Niết-bàn cuối cùng ở đó chứ không quay lại thế gian này từ cõi đó (bậc Bất-lai). Đây là tốc độ của người đó, ta nói vậy. Và khi được hỏi một câu hỏi thuộc về Giáo Pháp hay giới-luật, người đó trả lời, chứ không ngập ngừng. Đây là vẻ đẹp của người đó, ta nói vậy. Và người đó có được (= được cúng dường) y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-men với chu cấp khi bệnh. Đây là sự cân đối của người đó, ta nói vậy. Theo cách này là một người giống như ngựa tốt có được tốc độ, vẻ đẹp, và sự cân đối.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người giống như ba loại ngựa tốt.”

142 (10) *Những Con Ngựa (3)*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về ba loại ngựa thuần chủng xuất sắc và ba loại người giống ba loại ngựa thuần chủng xuất sắc. Hãy lắng nghe ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ba loại ngựa thuần chủng xuất sắc? Ở đây ... [*Tiếp tục như đoạn này kinh kể trên, chỉ thay “ngựa tốt” bằng “ngựa thuần chủng xuất sắc”*] ...

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ba loại người giống như ba loại ngựa thuần chủng xuất sắc? ... (2) ... [*Tiếp tục như kinh kể trên, chỉ thay “ngựa tốt” bằng “ngựa thuần chủng xuất sắc”*] ...

(3) “Và theo cách nào là một người thuần chủng xuất sắc có được tốc độ, vẻ đẹp, và sự cân đối? Ở đây, với sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), một Tỳ kheo ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Đây là tốc độ của người đó, ta nói vậy. Và khi được hỏi một câu hỏi thuộc về Giáo Pháp hay giới-luật, người đó trả lời, chứ không ngập ngừng. Đây là vẻ đẹp của người đó, ta nói vậy. Và người đó có được (= được cúng dường) y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-men với chu cấp khi bệnh. Đây là sự cân đối của người đó, ta nói vậy. Theo cách này là một người giống như ngựa thuần chủng xuất sắc có được tốc độ, vẻ đẹp, và sự cân đối.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người giống như ba loại ngựa thuần chủng xuất sắc.”

143 (11) *Chỗ Kiềm Ăn Của Chim Công (1)* ⁶⁰⁷

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương-xá), trong khu ở (tịnh xá, khu vườn) của những du sĩ, ở chỗ (được gọi là) chỗ kiềm ăn của bầy công. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: ...

“Này các Tỳ kheo, có được ba phẩm chất, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người: là người đã đạt tới kết-cuộc rốt ráo

[tốt cùng], đã dành được sự an-toàn rất ráo thoát khỏi sự trói-buộc (khỏi luân hồi ...), đã sống đời sống tâm linh rất ráo, đã chứng đắc chung-cuộc rất ráo. Ba đó là gì? (1) Mớ (đồng, uẩn) giới-hạnh của bậc vô học nhân, (2) mớ thiên-định của bậc vô học nhân, và (3) mớ trí-tuệ của bậc vô học nhân.⁶⁰⁸ Có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người ... đã chứng đắc chung-cuộc rất ráo.”

144 (12) Chỗ Kiếm Ăn Của Chim Công (2)

(Như kinh kể trên) ...

“Này các Tỳ kheo, có được ba phẩm chất, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người: là người đã đạt tới kết-cuộc rất ráo [tốt cùng], đã dành được sự an-toàn rất ráo thoát khỏi sự trói-buộc (khỏi luân hồi ...), đã sống đời sống tâm linh rất ráo, đã chứng đắc chung-cuộc rất ráo. Ba đó là gì? (1) Thần thông biến hóa (biến hóa thông), (2) thần thông đọc-tâm của người khác (tha tâm thông), và (3) thần thông chỉ-dạy (giáo hóa thông). Có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người ... đã chứng đắc chung-cuộc rất ráo.”

145 (13) Chỗ Kiếm Ăn Của Chim Công (3)

(Như kinh kể trên) ...

“Này các Tỳ kheo, có được ba phẩm chất, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người: là người đã đạt tới kết-cuộc rất ráo [tốt cùng], đã dành được sự an-toàn rất ráo thoát khỏi sự trói-buộc (khỏi luân hồi ...), đã sống đời sống tâm linh rất ráo, đã chứng đắc chung-cuộc rất ráo. Ba đó là gì? (1) Cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), (2) sự-biết đúng đắn (chánh tri), và (3) sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải-thoát). Có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người ... đã chứng đắc chung-cuộc rất ráo.”

NHÓM 5

PHÚC LÀNH

146 (1) Bất Thiện

“Này các Tỳ kheo, có ba phẩm chất, một người bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Ba đó là gì? Hành-động của thân (thân nghiệp) bất thiện, hành-động của lời-nói (khẩu nghiệp) bất thiện, và hành-động của tâm (tâm nghiệp) bất thiện. Có ba phẩm chất này, một người bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Có được ba phẩm chất, một người được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó. Ba đó là gì? Hành-động của thân (thân nghiệp) thiện lành, hành-động của lời-nói (khẩu nghiệp) thiện lành, và hành-động của tâm (tâm nghiệp) thiện lành. Có ba phẩm chất này, một người được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó.”

147 (2) Đáng Chê Trách

[Như kinh kể trên, chỉ thay các tính từ “bất thiện” thành “đáng chê trách” (tội lỗi) và “thiện lành” thành “không đáng chê trách” (phi tội lỗi).]

148 (3) Bất Chánh

[Như kinh kể trên, chỉ thay các tính từ “bất thiện” thành “bất chính” và “thiện lành” thành “chân chính”.]

149 (4) Không Trong Sạch

[Như kinh kể trên, chỉ thay các tính từ “bất thiện” thành “không trong sạch” (bất tịnh) và “thiện lành” thành “trong sạch” (thanh tịnh).]

150 (5) Bị Tổn Hại (1)

“Này các Tỳ kheo, có ba phẩm chất này, một người ngu, dở, xấu ác

duy trì bản thân trong tình trạng bị tổn hại và tổn thương (về tâm, về đức hạnh); người đó là đáng chê trách và bị quở trách bởi người trí hiền; người đó tạo nhiều tổn-phước. Ba đó là gì? Hành-động của thân (thân nghiệp) bất thiện, hành-động của lời-nói (khẩu nghiệp) bất thiện, và hành-động của tâm (tâm nghiệp) bất thiện. Có ba phẩm chất này ... người đó tạo nhiều tổn-phước.

“Có được ba phẩm chất, người trí, giỏi, tốt thiện duy trì thân mình không bị hư hỏng và tổn thương; người đó là không bị chê trách và không bị quở trách bởi người trí hiền; người đó tạo nhiều phước-đức. Ba đó là gì? Hành-động của thân (thân nghiệp) thiện, hành-động của lời-nói (khẩu nghiệp) thiện, và hành-động của tâm (tâm nghiệp) thiện. Có ba phẩm chất này ... người đó tạo nhiều phước-đức.”

151 (6) Bị Hư Tổn (2)

[Nhu kinh kể trên, chỉ thay các tính từ “bất thiện” thành “đáng chê trách” (tội lỗi) và “thiện lành” thành “không đáng chê trách” (phi tội lỗi).]

152 (7) Bị Hư Tổn (3)

[Nhu kinh kể trên, chỉ thay các tính từ “bất thiện” thành “bất chính” và “thiện lành” thành “chân chính”.]

153 (8) Bị Hư Tổn (4)

[Nhu kinh kể trên, chỉ thay các tính từ “bất thiện” thành “không trong sạch” (bất tịnh) và “thiện lành” thành “trong sạch” (thanh tịnh).]

154 (9) Kính Lễ

“Này các Tỷ kheo, có ba loại sự kính lễ. Ba đó là gì? Kính lễ bằng thân (hành động), bằng lời-nói, và bằng tâm. Đây là ba loại sự kính lễ.”

155 (10) Buổi Sáng Tốt Lành

“Này các Tỳ kheo, những chúng sinh nào có hành-vi bởi thân, bởi lời-nói, và bởi tâm là tốt lành vào buổi sáng thì có được buổi sáng tốt lành. Những chúng sinh có hành-vi bởi thân, bởi lời-nói, và bởi tâm là tốt lành vào buổi chiều thì có được buổi chiều tốt lành. Những chúng sinh có hành-vi bởi thân, bởi lời-nói, và bởi tâm là tốt lành vào buổi tối thì có được buổi tối tốt lành.”

Thực là thuận nhiên và phúc lành,
Một sớm-mai hạnh phúc và một sự thức-dậy hoan hỷ,
Một giây-phút quý giá và một giờ-phút chân phúc,
Sẽ đến với những ai biết cúng dường thức ăn,
Cho những bậc chân tu.

Có những hành-động và lời-nói chánh trực,
Những ý-nghĩ và khát-nguyện chánh trực:
Khi một người làm điều chánh trực,
Người đó đạt được ích-lợi chánh trực.

Những người hạnh phúc đó đã đạt được những ích-lợi đó,
Sẽ đi đến tăng trưởng về giáo lý của Phật.
Tôi cầu chúc anh chị và người thân quyến thuộc:
Được mạnh khỏe và hạnh phúc!

NHÓM 6

NHỮNG CÁCH THỨC TU TẬP⁶⁰⁹

156 (1) [Sự Thiết Lập Chánh Niệm]⁶¹⁰

“Này các Tỳ kheo, có ba cách tu này. Ba đó là gì? Cách tu thô thiển, cách tu thiêu đốt, và cách tu trung đạo.⁶¹¹

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cách tu thô thiển? Ở đây, có người nắm giữ giáo thuyết và quan điểm như vậy: ‘Dục-lạc (khoái-lạc giác quan) thì chẳng gì là tội lỗi’.

Đây được gọi là “cách tu thô tục”.

(2) “Và cái gì là cách tu thiêu đốt? Ở đây:⁶¹² [Có những người cứ đi lỏa thể, không theo những quy ước tập tục; họ liếm tay (cho sạch), không đến khi được yêu cầu, không dừng khi được yêu cầu; họ không nhận thức ăn được mang đến (cho họ), hay nhận thức ăn được làm để cho họ, hay nhận lời mời đến dùng bữa; họ không nhận thức ăn từ nôi, từ bát, được đưa qua cửa chính, được đưa qua cây gậy, được đưa qua cái chày, hoặc từ hai người ăn chung, từ phụ nữ có thai, từ phụ nữ đang cho con bú, từ phụ nữ đang ở chung với đàn ông, từ chỗ thức ăn được thông báo để phát chẩn, từ chỗ có chó đang chực, từ chỗ có ruồi nhặng đang bu; họ không chấp nhận ăn cá hay thịt; họ không uống rượu nặng, rượu nhẹ, hay thức uống lên men.

“Họ nhận ăn từ một nhà, ăn một miếng; họ nhận ăn từ hai nhà, ăn hai miếng ... họ nhận ăn từ bảy nhà, ăn bảy miếng. Họ sống nhờ một chén một ngày, nhờ hai chén hai ngày ... nhờ bảy chén bảy ngày; họ nhận thức ăn một lần mỗi ngày, một lần mỗi hai ngày ... một lần mỗi bảy ngày; cứ như vậy thậm chí một lần mỗi hai tuần, họ thực hành theo khổ hạnh chỉ nhận thức ăn sau mỗi khoảng thời gian đã ấn định.

“Họ là người ăn rau xanh hay hạt kê hay lúa rẫy hay lúa hoang hay rong rêu hay cám gạo hay bột nước gạo hay bột mè hay cỏ hay phân bò. Họ sống nhờ ăn những rễ cây và trái cây trong rừng; họ sống nhờ ăn trái

cây rụng.

“Họ mặc bằng vải gai thô, hay vải gai thô lẫn lộn, bằng vải liệm người chết bỏ đi, bằng giẻ rách bỏ đi, bằng vỏ cây, bằng da linh dương, bằng những mảnh da linh dương, bằng vải bện từ cỏ kusa, bằng vải bện từ vỏ cây, từ vải bện từ dăm gỗ bào, bằng vải len làm từ tóc, làm từ lông đuôi súc vật, từ lông cánh cú vọ.

“Họ là người nhổ sạch râu và tóc, thực hành khổ hạnh nhổ râu và tóc. Họ là người luôn đứng, không ngồi. Họ là người ngồi xỏm liên tục, cố gắng giữ tư thế ngồi xỏm. Họ là người dùng nệm gai nhọn; họ lấy nệm gai nhọn làm giường của mình. Họ cách thực hành cách khổ hạnh dầm mình trong nước ba lần một ngày gồm cả buổi tối.

Như vậy họ sống thực hành nhiều cách khác nhau để làm khổ và hành hạ thân xác.]

Đây được gọi là “cách tu thiêu đốt”.

(3) “Và cái gì là cách tu trung đạo? Ở đây, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân [*thân*], nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự phiền-buồn (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát *những cảm-giác* trong những cảm-giác [*thọ*] ... tâm trong tâm [*tâm*] ... pháp trong pháp [*pháp*: những hiện-tượng thuộc tâm, những đối-tượng của tâm, những thứ thuộc tâm, những hiện-tượng tâm, tâm pháp, các giáo pháp], nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự phiền-buồn đối với thế giới.

Đây được gọi là “cách tu trung-đạo”. (*Tứ niệm xứ*)

“Này các Tỳ kheo, có ba cách tu như vậy.”

157 (2) – 162 (7) [*Bốn Chuyên-Cần Tu Đúng Dẫn ...*] ⁶¹³

[157] “Này các Tỳ kheo, có ba cách tu này. Ba đó là gì? Cách tu thô thiển, cách tu thiêu đốt, và cách tu trong đạo.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cách tu thô thiển? ... [*y hệt kinh*

3:156 *kế trên*] ... Đây được gọi là cách tu thô thiên.

(2) “Và cái gì là cách tu thiêu đốt? ... [*y hết kinh 3:156 kế trên*] ... Đây được gọi là cách tu thiêu đốt.

(3) “Và cái gì là cách tu trung đạo? Ở đây, (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn (dục) không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn), áp dụng tâm, và chuyên-cần tu (tinh cần). (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn dẹp-bỏ những trạng thái bất thiện đã khởi sinh ... (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh ... (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn duy trì những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn), áp dụng tâm, và chuyên-cần tu. Đây được gọi là “cách tu trung-đạo”. (*Tứ chánh cần*)

“Này các Tỳ kheo, có ba cách tu như vậy.”

[158] ... [*Từ kinh [158] đến [162]: đoạn (1) và (2) giống hệt như kinh 3:156 ở trên, và tiếp tục những đoạn (3) của các kinh lần lượt như sau:*]

(3) “Và cái gì là cách tu trung đạo? Ở đây, (i) Một Tỳ kheo tu tập cơ-sở (tạo ra) thần thông [năng lực tâm linh] gồm có sự định-tâm có được nhờ sự mong-muốn và sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành); (ii) người đó tu tập cơ-sở thần thông gồm có sự định-tâm có được nhờ sự nỗ-lực tu (tinh tấn) và sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu; (iii) người đó tu tập cơ-sở thần thông gồm có sự định-tâm có được nhờ [sự trong sạch của] tâm và sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu; (iv) người đó tu tập cơ-sở thần thông gồm có sự định-tâm có được nhờ sự điều-tra tìm hiểu (trạch pháp) và sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu. Đây được gọi là “cách tu trung-đạo”. (*Tứ thần túc*)

[159] ...

(3) “Và cái gì là cách tu trung đạo? Ở đây, một Tỳ kheo tu tập căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, căn trí-tuệ (tín, tấn, niệm, định, tuệ). Đây được gọi là “cách tu trung-đạo”. (*Ngũ căn*)

[160] ...

(3) “Và cái gì là cách tu trung đạo? Ở đây, một Tỳ kheo tu tập năng lực niềm-tin, năng lực nỗ-lực, năng lực chánh-niệm, năng lực chánh-định, năng lực trí-tuệ (tín, tấn, niệm, định, tuệ). Đây được gọi là “cách tu trung-đạo”. (*Ngũ lực*)

[161] ...

(3) “Và cái gì là cách tu trung đạo? Ở đây, một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là chánh-niệm, chi giác-ngộ là sự phân-biệt các hiện-tượng (trạch pháp), chi giác-ngộ là sự nỗ-lực, chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ, chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng, chi giác-ngộ là sự định-tâm, chi giác-ngộ là sự buông-xả. (Thất giác chi: niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả). Đây được gọi là “cách tu trung-đạo”. (*Thất giác chi*)

[162] ...

(3) “Và cái gì là cách tu trung đạo? Ở đây, một Tỳ kheo tu tập chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định. Đây được gọi là “cách tu trung-đạo”. (*Bát thánh đạo*)

“Này các Tỳ kheo, có ba cách tu như vậy.”

NHÓM 7

NHÓM “NHỮNG ĐƯỜNG NGHIỆP” LẬP LẠI & TÓM LƯỢC

163 (1) — 182 (20) ⁶¹⁴

[163] “Này các Tỳ kheo, người có ba phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục như thể bị đưa thẳng xuống đó. Ba đó là gì? (1) Người sát-sinh, (2) xúi giục người khác sát-sinh, và (3) tán đồng việc sát-sinh. Người có ba phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục như thể bị đưa thẳng xuống đó.”

[164] “Này các Tỳ kheo, người có được ba phẩm chất này được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó. Ba đó là gì? (1) Người kiêng cử sát-sinh, (2) khuyến khích người khác kiêng cử sát-sinh, và (3) tán đồng sự kiêng cử sát-sinh. Người có được ba phẩm chất này được ký thác trong cõi trời như thể được đưa thẳng lên đó.”

[165] “ ... (1) Người gian-cấp (trộm, cướp, gian, lận, lừa, giựt, gạt tiền, ăn chặn, tham nhũng, ăn hối lộ, manh múnng ...), (2) xúi dục người khác gian-cấp, và (3) tán đồng việc gian-cấp ...

[166] “ ... (1) Người kiêng cử gian-cấp, (2) khuyến khích người khác kiêng cử gian-cấp, và (3) tán đồng sự kiêng cử gian-cấp ...

[167] “ ... (1) Người có dính tà-dâm, (2) xúi dục người khác tà-dâm, và (3) tán đồng sự tà-dâm ...

[168] “... (1) Người kiêng cử tà-dâm, (2) khuyến khích người khác kiêng cử tà-dâm, và (3) tán đồng sự kiêng cử tà-dâm ...

[169] “ ... (1) Người nói-dối nói láo, (2) xúi giục người khác nói-dối nói láo, và (3) tán đồng sự nói-dối nói láo ...

[170] “ ... (1) Người kiêng cử nói-dối nói láo, (2) khuyến khích người khác kiêng cử nói-dối nói láo, và (3) tán đồng sự kiêng cử nói-dối nói láo ...

[171] “ ... (1) Người nói lời gây chia-rẽ, (2) xúi giục người khác nói lời gây chia-rẽ, và (3) tán đồng sự nói lời gây chia-rẽ ...

[172] “ ... (1) Người kiêng cử nói lời gây chia-rẽ, (2) khuyến khích người khác kiêng cử nói lời gây chia-rẽ, và (3) tán đồng sự kiêng cử nói lời gây chia-rẽ ...

[173] “ ... (1) Người nói lời gắt-gỏng nạt nộ, (2) xúi giục người khác nói lời gắt-gỏng nạt nộ, và (3) tán đồng sự nói lời gắt-gỏng nạt nộ ...

[174] “ ... (1) Người kiêng cử nói lời gắt-gỏng nạt nộ, (2) khuyến khích người khác kiêng cử nói lời gắt-gỏng nạt nộ, và (3) tán đồng sự kiêng cử nói lời gắt-gỏng nạt nộ ...

[175] “ ... (1) Người nói chuyện tầm-phào tán dóc, (2) xúi giục người khác nói chuyện tầm-phào tán dóc, và (3) tán đồng sự nói chuyện tầm-phào tán dóc ...

[176] “ ... (1) Người kiêng cử nói chuyện tầm-phào tán dóc, (2) khuyến khích người khác kiêng cử nói chuyện tầm-phào tán dóc, và (3) tán đồng sự kiêng cử nói chuyện tầm-phào tán dóc ...

[177] “ ... (1) Người đầy sự thèm-khát (tham), (2) xúi giục người khác thèm-khát, và (3) tán đồng sự thèm-khát ...

[178] “ ... (1) Người không thèm-khát, (2) khuyến khích người khác không nên thèm-khát, và (3) tán đồng sự không thèm-khát ...

[179] “ ... (1) Người đầy sự ác-ý (sân), (2) xúi giục người khác có sự ác-ý, và (3) tán đồng sự ác-ý ...

[180] “ ... (1) Người không có sự ác-ý, (2) khuyến khích người khác không nên có sự ác-ý, và (3) tán đồng sự không ác-ý ...

[181] “ ... (1) Người nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), (2) xúi giục người khác theo cách-nhìn sai lạc, và (3) tán đồng cách-nhìn sai lạc. Người có ba phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó.”

[182] “ ... (1) Người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), (2) khuyến khích người khác theo cách-nhìn đúng đắn, và (3) tán đồng cách-nhìn đúng đắn. Người có được ba phẩm chất này được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó.”

NHÓM 8

NHÓM “THAM” LẶP LẠI & TÓM LƯỢC⁶¹⁵

183 (1)

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết* (liễu tri) về tham, ba điều (ba pháp)⁶¹⁶ cần được tu tập. Ba đó là gì? Sự định-tâm tính không (không định), sự định-tâm vô dấu hiệu (vô tướng định), và sự định-tâm không ước muốn (vô nguyện định).⁶¹⁷ Để có *sự trực-tiếp biết* về tham, ba điều này cần được tu tập.”

184 (2) – 352 (170)

“Này các Tỳ kheo, để có *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) về tham ... *sự phá-sạch* tham ... *sự dẹp-bỏ* tham ... *sự tiêu-diệt* tham ... *sự biến-mất* của tham ... *sự phai-biến* của tham ... *sự chấm-dứt* tham ... *sự buông-bỏ* tham ... *sự từ-bỏ* tham, ba điều (ba pháp) đó cần được tu tập.

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết* (liễu tri) ... *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) ... *sự phá-sạch* ... *sự dẹp-bỏ* ... *sự tiêu-diệt* ... *sự biến-mất* ... *sự phai-biến* ... *sự chấm-dứt* ... *sự buông-bỏ* ... *sự từ-bỏ* sân ... si ... sự tức-giận ... sự hung-bạo ... sự hỗn-xược ... sự ganh-ty ... sự ti-tiện ... sự lừa-dối ... sự mưu-mẹo ... sự bướng-bỉnh ... sự thái-quá (quá đáng, quá lớn, dữ dội) ... sự tự-ta (ngã mạn) ... sự kiêu-ngạo ... sự dính-mê (say, say mê) ... sự lơ-tâm phóng dật, ba điều (ba pháp) cần được tu tập. Ba đó là gì? Sự định-tâm tính không (không định), sự định-tâm vô dấu hiệu (vô tướng định), và sự định-tâm không ước muốn (vô nguyện định). Để có *sự trực-tiếp biết* *sự từ-bỏ* sân ... sự lơ-tâm phóng dật, ba điều này cần được tu tập.”

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.”

— HẾT QUYỂN 3 —

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH AN & CHÚ GIẢI CHÍNH:

AN Aṅguttara Nikāya: *Bộ Kinh Tăng Chi*

Be: Phiên bản tiếng Miến Điện (= *Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka*, bản điện tử)

Ee: Phiên bản tiếng Anh (ấn bản **PTS**)

Ce: Phiên bản Tích Lan (= *Buddha Jayanti Tripitaka Series*, bản in giấy)

Mp Manorathapūraṇī: *Luận Giảng Bộ Kinh AN*

Mp-ṭ Manorathapūraṇī-ṭīkā: *Tiểu Luận Giảng Bộ Kinh AN*

NDB = Numerical Discourses of Buddha: bản dịch Pali-Anh của **AN** bởi Tỳ Kheo Bô-Đê.

SC = trang SuttaCentral: bản dịch Pāli-Anh các bộ kinh Nikāya bởi nhà sư Ajahn Sujato.

► Lưu Ý: Khi chữ **Be** và **Ce** được dùng để chỉ phiên bản của luận giảng **Mp**, là chúng tương ứng chỉ ấn bản *Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka* bản điện tử 4.0 (dựa trên phiên bản Miến Điện và được ấn hành bởi Viện Nghiên Cứu Thiền Minh Sát Igatpuri, Ấn Độ) và ấn bản Tích Lan *Simon Hewavitarne Bequest* (1923–31). Nếu chỉ ghi **Mp** không thôi thì đó là luận giảng **Mp** thuộc ấn bản điện tử của *Chaṭṭha Saṅgāyana*.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

Abhi = Abhidhamma Pitaka: *Vi Diệu Pháp Tạng*

* **AN** = Aṅguttara Nikāya: *Bộ Kinh Tăng Chi* (Tăng Chi Kinh Bộ)

As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-atṭhakathā): *Chú Giải tập Dhs*

Dhp = Dhammapada: *tập Kinh Pháp Cú* (thuộc **KN**)

Dhp-a = Dhammapada-atṭhakathā: *Chú Giải tập Dhp*

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: *Bộ Pháp Tụ* (thuộc **Abhi**)

* **DN** = Dīgha Nikāya: *Bộ Kinh Dài* (Trường Kinh Bộ)

It = Itivuttaka: *tập Kinh Phật Tự Thuyết* (thuộc **KN**)

It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập It*

Ja = Jātaka: *tập Kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật* (thuộc **KN**)

Khp = Khuddakapāṭha: *tập Kinh Tiểu tụng* (thuộc **KN**)

* **KN** = Khuddaka Nikaya: *Bộ Kinh Ngăn* (Tiểu Kinh Bộ)

Mil = Milindapanha: *tập kinh Milinda Vấn Đáp* (thuộc **KN**)

* **MN** = Majjhima Nikāya: *Bộ Kinh Vừa* (Trung Kinh Bộ)

Mp = Manorathapūraṇī: *Chú Giải bộ AN*

Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc **KN**)

Nidd I = Mahā-niddesa: *tập Đại Diễn Giải* (Đại Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Nidd II = Cūḷa-niddesa: *tập Tiểu Diễn Giải* (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Paṭis = Paṭisambhidāmagga: *tập Con Đường Phân Biệt* (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc **KN**)

Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Paṭis*

Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc **KN**)

Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Sn*

Pp = Puggalapannatti: *bộ Phân Định Cá Nhân* (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc **Abhi**)

Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Pp*

Ps = Papancasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ MN*

Pv = Petavatthu: *tập Chuyện Quỷ Đói* (Nga Quỷ Sự) (thuộc **KN**)

* **SN** = Saṃyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên Kết* (Trương Ưng Kinh Bộ)

Sn = Suttanipāta: *tập Kinh Tập* (thuộc **KN**)

Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): *Chú Giải Luật Tạng*

Sv = Sumaogalavilāsini (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ kinh DN*

Sv-pt = Sumaogalavilāsini-purāṇa-tīkā (Dīgha Nikāya-tīkā) (Be): *Tiểu Chú Giải bộ kinh DN* (phiên bản Miến Điện)

Th = Theragāthā: *tập kinh Trưởng Lão Kệ* (thuộc **KN**)

Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Th*

Thī = Therīgāthā: *tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ* (thuộc **KN**)

Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): *Chú Giải tập Thī* (bản 1998)

Ud = Udāna: *tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy* (thuộc **KN**)

Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Ud*

Vibh = Vibhaṅga: *Bộ Phân Tích* (thuộc **Abhi**)

Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): *Chú Giải bộ Vibh*

Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): *Tiểu Chú Giải tập Vbh* (phiên bản Miền Điện)

Vin = Vinaya: *Luật Tạng* (Rõ Luật)

Vism = Visuddhimagga: *Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH & SÁCH KHÁC:

BL= Buddhist Legends: *Những Huyền Thoại Phật Giáo* (của học giả Burlingame)

CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: *Cẩm Nang Vi Diệu Pháp* (của Tỳ Kheo Bò-Đề)

EV I = Elders' Verses I: *Trưởng Lão Kệ I* (của Norman)

EV II = Elders' Verses II: *Trưởng Lão Kệ II* (của Norman)

GD = Group of Discourse: *tập Kinh Tập II* (của Norman)

Germ Tr = *Bản dịch bộ kinh SN tiếng Đức* (của Geiger)

KS = Kindred Sayings: *Bản dịch tiếng Anh của bộ kinh SN* (bởi Rhys Davids, Woodward)

LDB = Long Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của DN* (bởi học giả Maurice Walshe)

MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của bộ kinh MN* (bởi nhà sư Tỳ Kheo Nānamoli và Tỳ Kheo Bò-Đề)

Ppn = Path of Purification: *bản dịch Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo) [= **Vism**] bởi nhà sư Tỳ Kheo Nāṇamoli)

SN-Anth = “Saṃyutta Nikāya: An Anthology”: *Tuyển tập các kinh thuộc bộ kinh SN* (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC:

CPD = Critical Pāli Dictionary: *Tự Điển Pāli* (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch)

CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: *Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ứng A-Hàm Hán Tạng* (của Enomoto)

DPPN: *Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli* (của Malalasekera)

MW = Monier-Williams’ Sanskrit-English Dictionary: *Tự Điển Phạn-Anh* (của Monier-William)

PED = Pāli-English Dictionary: *Tự Điển Pāli-Anh* (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC:

BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: *Chữ Lai Phạn trong Phật giáo*

BPS = Buddhist Publication Society: *Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan*

C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiên sĩ học giả dịch giả Rhys Davids)

PTS = Pali Text Society (Hội Kinh Điển Pali)

Skt = Sanskrit: tiếng Phạn

VĀT = Vanarata Ānanda Thera: *Trưởng lão Vanarata Ānanda*

CHÚ THÍCH

339 [Câu cuối này đã được ghi khác nhau trong các phiên bản. **Ce** ghi là: *apadānasobhinī paññā*; **Be**: *apadānasobhanī paññā*, và **Ee**: *apadāne sobhati paññā*. **Mp** chú giải: “Nghĩa của câu này là người ngu và người trí mỗi người được biết thông hành-vi của họ” (*bālā ca paṇḍitā ca attano attano cariten’eva pākaṭā hontī ti attho*). (Có thể hiểu là: trí-tuệ thể hiện kết quả của điều đó, hoặc trí-tuệ sẽ cho thấy điều đó bằng ba phẩm chất).] (339)

340 [Nguyên văn: *Bālalakkhaṇāni bālanimittāni bālāpadānāni*. **Mp** giải thích: “Đó là những phương tiện để nhận biết (một người).”] (340)

341 [Phiên bản **Ee** thì bỏ luôn đoạn kết này trong các kinh từ **3:03–07**.] (341)

342 [**Mp** chú giải: *Bất thuận* hay *không hòa thuận*, *không thuận theo* (*ananulomike*) có nghĩa là *không thuận theo Giáo Pháp*. (i) ‘*Hành-động bất thuận*’ thô thiển như: sự sát-sanh, gian-cấp ... hoặc ‘*hành-động bất thuận*’ vi tế hơn như: sự thờ cúng vái lạy bốn phương tám hướng, hay sự lễ cúng (thức ăn, nhang đèn ...) cho những hồn ma, ngựa quỷ. (ii) ‘*Lời-nói bất thuận*’ thô thiển là như: sự nói-láo, nói dối ... hoặc ‘*lời-nói bất thuận*’ vi tế hơn như: sự nói lắt léo, nói gài, nói mưu, nói thâm hiểm, nói kiêu đánh lạc hướng, ví dụ: một người không muốn cho hay giúp đỡ người khác thì nói gạt người khác là mình không có gì để cho để giúp. (iii) ‘*Tâm-ý bất thuận*’ thô thiển như: sự mong mỏi, sự khao khát, sự cầu cho có được (chứ không tự thân tu tập hay làm để có được) ... hoặc ‘*tâm-ý bất thuận*’ vi tế hơn như: sự giảng giải một chủ-đề (đề-mục) thiền nào đó một cách không đúng. Ví dụ, riêng sự giảng giải sai bậy về chủ-đề thiền, **Mp** cũng minh họa bằng câu chuyện về một trưởng lão được ghi trong **Vism** 296, 12–16, **Ppn** 9.6, ông đã dạy một thanh niên thiền quán tâm-từ đối với vợ của anh ta. Kết quả là khi anh ta thiền, tâm anh ta bị chi phối bởi nhục-dục nên cứ tức tối đắm suốt đêm vào bức tường của căn phòng đang ngồi thiền. Tôi dịch chữ *ananulomikesu dhammesu* đúng theo cách dịch của **Mp**, nhưng riêng chữ *dhammesu* thì cũng có nghĩa là “*những giáo lý*” và cũng có thể đó là chính nghĩa nguyên gốc mà lời kinh muốn nói.] (342)

343 [Ở đây, nói về một Tỳ kheo, chỗ thứ (2): *sự hiểu được [ngộ] bốn diệu đế* là đánh dấu sự chứng quả Nhập-lưu; còn chỗ thứ (3): *sự tiêu diệt ô-nhiễm* (lậu tận) là đánh dấu sự chứng quả A-la-hán.] (343)

344 [Tất cả những công việc này được cho là những nghề thấp hèn chỉ được làm bởi giai cấp hạ-tiện. Những *caṇḍāla* (chiên-đà-la, hạ tiện, bần nô) là những người bị kinh khi nhất. Phiên bản **Ce** đã bỏ đi chữ *nesādakule vā*, rõ ràng là do lỗi vô ý; chữ này **Mp** [của cả **Ce** và **Be**] đều giải nghĩa là “*một gia đình thợ săn nai*” (*migaluddakānaṃ kule*). (Đoạn mô tả về giai cấp thấp hèn này cũng có trong các kinh **4:85**, **6:57** và kinh **SN 3:21** (Quyển 1).)

345 [**Ce** ghi là *macalappatto*; **Ee**: *macalapatto*; **Be**: *acalappatto*. Trong kinh **4:87**, đoạn đầu, chúng ta thấy có chữ *samaṇamacalo*, về chữ này mời coi lại chú thích 778 ở đó. Ở đây **Mp** giải thích rằng: “Khi người con cả—người sẽ được phong vương nhưng chưa được phong vương—còn là một đứa bé thì chưa hình thành ý-nguyện sẽ được phong vương. Nhưng sau khi đã tới 16 tuổi và râu ria bắt đầu mọc, thái tử được gọi là “*người đã đạt tới sự vững-chãi*”. Lúc này thái tử có khả năng trị vì bờ cõi lớn, do vậy [Phật] đã nói là ‘*người đã đạt tới sự vững-chãi [bất lay động]*’.”] (345)

346 [**Mp** giải nghĩa chữ *dhamma* ở đây chính là *Giáo Pháp (Dhamma)* của ‘*Mười đường nghiệp thiện*’ (*dasakusalakammaphadhammo*). Cách giải nghĩa này là quá hẹp cho dù rõ ràng đúng là chữ “*Dhamma*” ở đây không có nghĩa là *Giáo Pháp* của Phật. Hơn nữa, *nguyên lý phổ quát về tính-thiện và chân lý về đức-hạnh* là không phụ thuộc vào tôn giáo nào (đó là lẽ-thật trong thế gian). Dựa trên *Giáo Pháp* (hiển nhiên) như vậy, vị vua quay chuyển bánh xe cung cấp sự bảo hộ chân chánh (*dhammika*) cho tất cả mọi chúng sinh trong lãnh cõi ông ta trị vì.] (346)

347 [**Mp** chú giải nghĩa là: “*Vị vua thiết lập sự quay chuyển bánh xe chỉ bằng phương tiện là Giáo Pháp là ‘Mười đường nghiệp thiện’.*” Ở đây **Ce** và **Be** ghi động từ là *vatteti*, nhưng ở bên dưới khi nói về Đức Phật thì ghi là *pavatteti*; còn **Ee** thì ghi động từ *pavatteti* cho cả hai. Nếu chữ *vatteti* là chữ nguyên gốc, thì sự thay đổi về những động từ có thể có ý nói rằng: một vị vua quay chuyển bánh xe không phát khởi sự trị-vì chân chính đó mà chỉ nối tiếp kế thừa từ vua cha vua ông trước đó, trong khi đó Đức Phật thì thiết lập và

phát khởi sự chuyển dịch bánh xe Giáo Pháp chưa từng được biết trước đó.] (347)

348 [Nguyên văn câu này: *Kenaci manussabhūtena paccatthikena pāṇinā*. Nghĩa đen theo chữ là: “bởi chúng sinh thù nghịch nào đã trở thành người”. **Mp** chú giải rằng: “Thường nghe nói rằng, những thiên thần có thể làm bất cứ điều gì họ muốn. Bởi vậy họ không nằm trong số này, mà chỉ đề cập ‘chúng sinh người’.” Sự chú giải này là trái ngược với Đức Phật, vì bánh xe Giáo Pháp (Mười Đường Thiện Nghiệp) cũng thuận theo Giáo Pháp của Phật, và do vậy cũng không thể bị quay ngược bởi bất cứ chúng sinh nào, kể cả những thiên thần và trời (như lời ở cuối bài kinh).

- (Vậy nghĩa ở đây có thể hiểu là gì? (i) Có thể lời kinh chỉ nói một mạc đơn giản theo kiểu ‘cái này không thể bị đảo ngược bởi bất cứ người nào’ mà thôi; hoặc (ii) có thể lời kinh chỉ tất cả những chúng sinh (trời, thần, ma, quỷ hay những thế lực thù nghịch với vị vua quay chuyển bánh xe) đang ở trạng thái làm ‘người’ có thể đến cản phá sự chuyển dịch bánh xe của vị vua đó, thì những ‘người’ đó đều không thể cản phá được.)] (348)

349 [**Ce** và **Ee** ghi tên vua (và kinh) như vậy. Nhưng **Be** ghi tên vua này là *Sacetana*.] (349)

350 [Cụm chữ này là *abhisankhārassa gati*. Đây là một cách dùng *bất thường* của chữ *abhisankhāra*; thông thường trong những ngữ cảnh thuật ngữ hơn thì nó có nghĩa là *hành-vi cố ý* tạo ra nghiệp (*kamma*). **Mp** đã giải nghĩa nó là = *payogassa gamanaṃ* (sự chuyển động của (do, vì, do có) nỗ-lực).] (350)

351 [**Mp** diễn dịch: “‘Như thể nó được gắn cố định trên một cái trục’ có nghĩa là: như thể một cái trục được xỏ qua (tâm) nó cho nên nó đứng yên.”] (351)

352 [*Apaṇṇakapaṭipadaṃ*: *cách* (cách thức, con đường, đường lối) *không thể làm lỗi* (= không sai lạc, đúng đường, không sai đường, không lộn đường). **Mp** đưa ra một dãy các chữ đồng nghĩa gồm có: “*con đường không làm lỗi, con đường nhất định, con đường giải thoát, con đường nhân duyên, con đường cốt lõi, con đường tuyệt đẹp, con đường vô đối, con đường dẫn dắt, con đường đúng với Giáo Pháp*” (*aviraddhapaṭipadaṃ ekasapaṭi-padaṃ*

niyyānikapaṭipadam kāraṇapaṭipa-dam sārapaṭipadam maṇḍapaṭi-padam apaccanīkapaṭipadam anulomapaṭipa-dam dhammānudhammapaṭi-padam).

- Chữ *apaṇṇaka*, với nghĩa giống vậy, cũng được thấy ghi trong các kinh **4:71**, **4:72**, và **10:46**. Nó cũng được ghi thành tên của kinh **MN 60** với nghĩa là “*không thể làm lỗi, không sai lầm*”. Trong liên hệ với cụm chữ *yoni c’assa āraddhā hoti āsavānaṃ khayāya*, **Mp** chú giải rằng chữ *yoni* có mấy nghĩa là: *một phần của các uẩn, là một nhân, hay đường niêu nữ (khandhakotṭhāsa, kāraṇa, passāvamagga)*. Ở đây thì nó nghĩa là *một nhân*.] (352)

353 [Trong kinh **SN 35:239** (Quyển 4) cũng có nói *ba sự tu-tập* này là “*đã đặt xong nền-móng cho sự tiêu diệt ô-nhiễm*”. (So sánh lời chổ này của 02 kinh: kinh trong **AN** gần như giống kinh trong **SN**, chỉ khác là trong **AN** không có các ví dụ).] (353)

354 [“*Những người thiện giỏi về các chủ-đề đại cương*” (*mātikādhara*). **Mp** chú giải là đồng nghĩa = “*những người thiện giỏi hai chủ-đề đại cương*” (*dvemātikādhara*), [**Mp-ṭ** bổ sung:] đó là 02 chủ-đề (*mātikā*) về *Tỳ kheo* và *Tỳ kheo ni* [vì những điều-luật trong bộ *Pātimokkha* (Giới Bản Tỳ Kheo) là dành cho các Tỳ kheo và Tỳ kheo ni], hoặc 02 chủ-đề đó là *Luật Tạng* (*Vinaya*) và *Vi Diệu Pháp Tạng* (*Abhidhamma*). Những *mātikā* là những *danh-mục* (chủ đề mẹ, chủ đề chính) của những nguyên-lý và sự thực-hành về Giáo Pháp (*Dhamma*) một cách có hệ thống. Chữ *mātikādhara* đã được nói 01 lần trong bộ kinh dài **DN**, 02 lần trong bộ kinh trung **MN** [trong cùng một kinh], 0 lần nào trong bộ kinh liên-kết **SN**, và 12 lần trong bộ kinh tăng chi **AN** này—điều này cho thấy những bài kinh nói về “*những người thiện giỏi về các mātikā*” là tương đối *có sau* hoặc có thể chỉ được đưa vào *sau này* bởi những người kết tập kinh điển. Về tính chất và vai trò của *những người thiện giỏi về những mātikā*, mời đọc thêm học giả chuyên luận của “*Warder 1980*”: trang 218–224.] (354)

355 [Để đọc những giảng giải chính thức về 03 loại người này, mời đọc các kinh **MN 70**, mục 17–19. Cả 03 hạng người này đều là bậc học nhân (*sekha*) nằm giữa chặng Nhập-lưu đến thánh đạo A-la-hán. Nếu tính chung thuộc hạng học nhân, thì 03 hạng người này không khác nhau về cấp bậc cao thấp hay mục tiêu cuối cùng, nhưng họ khác nhau về *các căn chủ lực* (căn trội)

của họ. (i) *Người thân-chứng (kāyasakkhī)* thể hiện *ưu thế về thiên-định* và *chứng đắc những tầng giải-thoát vô sắc giới bình an*. (ii) *Người kiến-đắc (ditṭhippatta; người kiến-đắc)* thể hiện *ưu thế về trí-tuệ* và *không chứng đắc những tầng giải thoát vô sắc giới*. (iii) *Người được giải-thoát nhờ niềm-tin (saddhāvimutta)* thể hiện *ưu thế về niềm-tin (tín)* và *không chứng đắc những tầng giải thoát vô sắc giới*.

- Bởi vì 03 hạng người này có thể là bất cứ ai đang đứng ở bất cứ chặng/bậc nào từ *Nhập-lưu cho đến thánh đạo A-la-hán*, cho nên chúng ta không thể phán đoán được ai là siêu hơn hay kém hơn nếu chỉ dựa vào một cấp-độ (như căn ưu, căn trội) nào đó. Để làm được những sự xét đoán đó, chúng ta cần phải biết *chỗ-đứng* của mỗi họ đang ở bậc (chặng) nào trong 06 bậc đó [06 bậc là: Nhập-lưu, thánh đạo và thánh quả Nhất-lai, thánh đạo và thánh quả Bất-lai, và thánh đạo A-la-hán]. (Nhưng nếu mỗi họ đang đứng ở mỗi chặng/bậc khác nhau thì không thể so sánh được, như trong câu trả lời của Đức Phật ở bên dưới).

- *Người thân-chứng*, khi chứng quả A-la-hán, thì trở thành người “*được giải-thoát về cả hai phương diện*” (*ubhatobhāgavimutta*; tức là chứng cả *sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm* và *sự giải-thoát nhờ trí-tuệ*). Còn 02 người kia, khi chứng quả A-la-hán là trở thành người “*được giải thoát nhờ trí-tuệ*” (*paññāvimutta*). Về 02 loại A-la-hán này, mời coi thêm ở kinh MN 70, mục 15–16.] (355)

356 [Trong tiếng Pāli, mỗi người tham gia cuộc đàm đạo này đều lặp lại câu mở đầu giới thiệu về 03 hạng người đó trước khi nói ra ý kiến của mình. Để tránh sự rườm rà làm khó đọc, tôi đã bỏ đi phần lặp lại này.] (356)

357 [Cả **Be** và **Ee** đều ghi câu này như vậy. Nhưng chỉ riêng **Ce** ghi khác như vậy: “*một người kiến-đắc*” là một bậc A-la-hán hoặc là một người đang tu tập để chứng A-la-hán” (*svāssa arahā vā arahattāya paṭipanno*). Nhưng, theo cách phân loại được ghi trong kinh MN 70 thì cả 03, ‘*người thân-chứng*’, ‘*người được giải-thoát nhờ niềm-tin*’, và ‘*người kiến-đắc*’, đều chưa loại bỏ hết những ô-nhiễm (*āsava*, lậu hoặc) của mình, do vậy họ *chưa phải* là A-la-hán.] (357)

358 [(Trong các kinh người dịch Việt luôn dịch y văn cụm chữ này để khỏi

thiếu một ý nghĩa nào của lời kinh gốc).

- Nguyên văn Pāli: *Okkamati niyāmaṃ kusalesu dhammesu sammattaṃ*. Đây là cụm chữ thuật ngữ chỉ sự nhập-vào thánh đạo siêu thế. **Mp**: “Đạo lộ đã định [gồm có] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành: là sự chân chính trong những phẩm chất thiện lành có trong sự chứng nhập vào thánh đạo.” Mặc dù chữ “sự chân-chánh trong những phẩm chất thiện lành” nghe có vẻ dư thừa (vì đã thiện lành là chân chánh rồi), nhưng ý ở đây muốn chỉ sự hòa hợp và sức mạnh của những phẩm chất thiện lành cần có để những nhập vào thánh đạo Nhập-lưu. Để đọc thêm về cụm chữ điển đạt này, mời đọc thêm các kinh **5:151–153** và **6:86–88**. Cũng coi thêm dãy kinh **SN 25:01–10** (Quyển 3) trong đó có ghi rằng: bằng cách nhập-vào ‘đạo lộ đã định của sự chân-chính’ (*sammattaniyāma*), người tu chứng nhập vào cảnh giới thánh thiện và trở thành một *dhammānusārī* (người căn trí) hay một *saddhānusārī* (người căn tín).] (358)

359 [Nguyên văn cả câu này: *Sabyābajjhaṃ kāyasaṅkhāraṃ abhisāṅkharoti, sabyābajjhaṃ vacīsaṅkhāraṃ abhisāṅkharoti, sabyābajjhaṃ manosaṅkhāraṃ abhisāṅkharoti*. **Mp** giải nghĩa chữ *sabyābajjhaṃ* (gây đau khổ) là = *sadukkhaṃ* (vói sự khổ đau). Chữ “những hành-vi” hay “những hoạt động” ở đây chính là *những hành-vi cố ý* tạo ra nghiệp (*kamma*). (Thực ra trong các định nghĩa tiêu chuẩn cũng như trong những lời kinh, thì *hành-vi cố ý* hay *hành-động cố ý* chính là = *nghiệp*). Do vậy, theo nguyên văn lời kinh trong các kinh thì 03 thuật ngữ trong kinh này *không hoàn toàn giống* như 03 thuật ngữ trong các kinh ở trên là *hành-vi thân* (= hành-động), *hành-vi miệng* (= lời-nói), và *hành-vi tâm* (= tâm-ý) (như cách dịch Việt), mà ở đây là đề cập tới [và ở dạng số nhiều] *những hành-vi cố ý của thân* (thân nghiệp), *những hành-vi cố ý của miệng* (khẩu nghiệp), và *những hành-vi cố ý của tâm* (ý nghiệp). (Ở đây người dịch mở ngoặc là [thân nghiệp], [khẩu nghiệp], và [tâm nghiệp].] (359)

360 [*Subhakinhā: cōi trời hào quang chói lợi* (Biển tịnh thiên), đây là cõi trời tương ứng với cảnh giới tầng thiên định thứ ba. Coi thêm kinh **4:123**.] (360)

361 [**Mp** chú giải rằng: “*Những chúng sinh trong cõi thấp* ở đây là chỉ những hồn ma ngạ quỷ trong những cung điện (*vemānikapetā*). Lúc thì họ ném trái

sự sung sướng nơi cung điện (thay vì ở ngoài chốn hoang liêu lạnh lẽo), lúc thì họ ném trái nghiệp quả [đau khổ]; họ ném trái cả sướng và khổ.”] (361)

362 [“*Sự hiểu được bốn Diệu Đế*” ở đây là chỉ *sự chứng quả Nhập-lưu*. Còn bên dưới, “*sự tiêu diệt ô-nhiễm*” là chỉ *sự chứng quả A-la-hán*.] (362)

363 [Nguyên câu: *Tattha tattha paññāya anuggahessāmi*. **Mp** chú giải: “Người *bằng trí-tuệ trợ giúp* mới (uẩn) giới-hạnh về một hay nhiều mặt bằng là cách tránh những điều không phù hợp và không hữu ích đối với giới-hạnh và bằng cách tu dưỡng những điều phù hợp và hữu ích đối với giới-hạnh. – Sự chú giải tương tự đối với mới thiên-định và mới trí-tuệ.” Ở đây “*mới (uẩn) giới-hạnh*” (*sīlakkhandha*) được nói tới theo cái nghĩa là *sự ráp-nối* hay *sự kết-tụ* những thành tố tạo nên phần *giới-hạnh*. Và cách hiểu giống vậy đối với *mới thiên-định* và *mới trí-tuệ*.] (263)

364 [Đây là một đoạn định nghĩa tiêu chuẩn về *lời-nói gian dối* thuộc “*mười đường nghiệp bất thiện*”, như cũng được ghi trong kinh **10:176**, đoạn (4), thuộc phần *ngiệp bất thiện*. Còn “*lời-nói như hoa*”, kể dưới, là định nghĩa tiêu chuẩn về *lời-nói chân thật* thuộc phần *ngiệp thiện*.] (364)

365 [Chữ *dhanam* (của cải, tài sản) là đúng trong phiên bản **Ce** và **Be**. **Ee** ghi *dhammam* là rõ ràng sai.] (365)

366 [**Mp** giải thích hợp ngữ *ahaṅkāramamaṅkāramānānusayā* là “*sự tạo nên cái ‘ta’*” là do những quan-điểm này nọ (tà kiến), *sự tạo nên cái ‘của-ta’* là do dục-vọng (tham muốn cho cái ‘ta’ của mình), và *khuyh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự tự-ta*. Những thứ này là những ô-nhiễm liên quan tới ‘mình’ và ‘người khác’.” **Mp** giải thích chữ *bahiddhā ca sabbanimittesu* (*tất cả những đối-tượng bên ngoài*) chính là gồm: năm đối-tượng giác quan; những quan-điểm trường tồn (thường kiến) và khác; con người; và Giáo Pháp. **Mp** gọi *trạng thái định-tâm (samādhi)* ở đây chính là loại *định chứng quả A-la-hán (arahatta-phalasangāpatti)*.] (366)

367 [Đây chính là kinh **Sn 1048**. Chương “*Pārāyana*” (Đáo Bỉ Ngạn, Qua Bờ Kia) là chương thứ năm và cuối cùng của quyển *Kinh Tập*, thuộc *Bộ Kinh Ngán* (Tiểu Kinh Bộ). - (Bên dưới chữ ‘*hiền dụ*’ là tạm dịch từ nguyên văn là “*không còn bốc khói = không còn sân giận*”).- Thi kệ này cũng có trong

kinh 4:41.] (367)

368 [**Ee** coi kinh này như phần tiếp nối của kinh trước, và do vậy nó đã gom 02 kinh này thành 01 kinh. Tôi làm theo **Ce** và **Be**, tức phân thành 02 kinh như vậy. Như vậy từ chỗ này trở đi, số kinh của tôi tăng hơn số kinh trong **Ee** một số.] (368)

369 [Đây chính là kinh **Sn 1106–1107.**] (369)

370 [Lời đoạn thi kệ là ám chỉ *sự đẹp-bỏ 05 chướng-ngại*, nhưng chỉ ghi tắt *04 chướng-ngại* (thiếu chướng ngại nghi-ngờ).] (370)

371 [**Mp** coi chỗ này là thánh quả A-la-hán dựa trên cơ sở tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), do được gợi ý bằng cụm chữ *upekkhāsatisamsuddham* (có sự buông-xả + sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết), đó là định nghĩa theo công thức kinh điển về các yếu-tố của tầng thiền định thứ tư.] (371)

372 [Lời kinh được ghi khác nhau trong các phiên bản: **Ce** ghi là: *ditṭhe vā dhamme, upapajje vā, apare vā pariyāye*; **Be** ghi: *ditṭhe vā dhamme upapajja vā apare vā pariyāye*; **Ee** ghi: *ditṭh’ eva dhamme upapajje vā apare vā pariyāye*.

- **Mp** nói rằng: “*Câu này được khẳng định để chỉ ra rằng nghiệp là [thuộc loại] có thể được ném trái ngay trong kiếp này, hoặc sẽ được ném trái sau khi tái sinh, hoặc được ném trái trong kiếp sau nữa.*”

- Để đọc thêm sự giảng giải của *Vi Diệu Pháp* về câu ‘03-điều’ (03 thời nghiệp quả) này, mời coi coi chỗ **CMA 205**. Một số học giả đã tranh luận từ những cách ghi khác nhau rằng câu này chỉ chứa 02 thời là: *trong kiếp này hoặc sau khi tái sinh* (tức chỉ tính thời thứ hai là ‘sau khi tái-sinh’ mà thôi). Tuy nhiên tôi đã dịch dựa theo cách hiểu của luận giảng **Mp** ở trên. Những luận giảng có thể áp đặt sự diễn dịch ‘02-thời’ dựa trên cơ sở là các bản tiền cổ chỉ nói về 02-cách (02 thời) mà nghiệp có thể chín muồi; nhưng là một người dịch tôi thấy có trách nhiệm đối với lời kinh ở đây đã được truyền thừa hơn là đối với những giả thuyết về những lời kinh cổ xưa hơn bản gốc này.

- Hơn nữa, sự nhìn nhận về 03-thời chín quả của một nghiệp là không chỉ có trong trường phái Phật giáo *Trưởng Lão Bộ* (*Theravāda*) mà cũng có trong những luận giải về hệ thống *Vi Diệu Pháp* của trường phái *Nhất Thiết Hữu Bộ* (*Sarvāstivāda Abhidharma*). Những định nghĩa về 03 thời nghiệp quả trong các đại luận tiếng Phạn—ví dụ, trong *Abhidharma Mahāvibhāṣā Śāstra* (*A-tì-đạt-ma Đại-tì-bà-sa luận*) ở Đại Tạng (Taiso) T XXVII 592a22–593b8, và trong *Abhidharmakośa* (*A-tì-đạt-ma Câu-xá-luận*) ở T XXIX 81c10–16—là chính xác giống như trong truyền thống Pāli, và điều này chắc hẳn đã là nguyên thủy trước khi có cuộc ly khai của các trường phái.] (372)

373 [Câu này phải được dịch một cách cẩn thận! Đối với một A-la-hán—người đã loại bỏ *tham, sân, si*—thì những nghiệp trước đó, dù là nghiệp tốt hay xấu, vẫn có thể chín muồi trong kiếp cuối cùng. Nhưng do không còn tái sinh nữa, nên khi vị A-la-hán đó qua đời thì những nghiệp quá khứ cũng chết theo (vô hiệu). Cho nên câu này không có ý nói rằng ‘những nghiệp quá khứ của một A-la-hán không thể chín muồi khi vị ấy đang sống’, nhưng ý nói nghiệp cũ sẽ trở nên vô hiệu (không còn nữa) khi một A-la-hán qua đời; bởi vì không còn sự liên tục hiện-hữu nữa nên không có chỗ để những nghiệp quả có thể khởi sinh.

- Nhà sư Brahmāli có viết rằng: “Chắc hẳn có sự khác-biệt giữa sự *vô-tham* (*alobha*) và trạng thái khi ‘*tham đã biến mất*’ (*lobhe vigata*). *Vô-tham* chắc là chỉ cái *động-cơ* đằng sau một hành-động (nghiệp), còn trạng thái khi ‘*tham đã biến mất*’ là chỉ *sự bừng-sạch tham*—sự bừng-sạch tham chỉ có thể đạt được bởi bậc thánh Bất-lai hay thậm chí bởi bậc A-la-hán. Chỉ khi chúng ta nhìn dưới ánh sáng của sự khác-biệt này thì câu này mới rõ nghĩa.”] (373)

374 [Chỗ này tôi đọc theo **Ce** và **Be** là: *mohajañ cāpaviddasu*; khác với **Ee** ghi là *mohajañ cāpi ’viddasu*. **Mp** [cả **Ce** và **Be**] cũng đọc là *mohajañ cāpaviddasu*, rồi giải quyết thành *mohajañcāpi aviddasu*. Nó diễn giải ý nghĩa như vậy: “Mọi nghiệp mà người phạm tục mù quáng vô minh tạo ra là được sinh ra từ tham, sân, si—cho dù nghiệp đó được tác tạo ít hay nhiều—*chính nó sẽ được ném trái ngay tại đây* (*idh’eva taṃ vedaniyaṃ*), có nghĩa là: chính nó sẽ được ném trái bởi người ngu tại đây ngay trong sự hiện-hữu của người đó (*idha sake attabhāveva*); điều này nghĩa là nó chín quả trong chính sự hiện-hữu (sự sống, kiếp sống) của người đó. *Không có hiện trường nào khác* [cho

nó] (*vatthum aññaṃ na vijjati*) nghĩa là: không có hiện trường nào khác cho nghiệp nó chín quả; bởi vì nghiệp đã được làm bởi một người thì đâu thể chín quả trong sự hiện-hữu (sự sống) của người khác cho được.”] (374)

375 [Nguyên văn: *Tasmā lobhaṃ ca dosaṃ ca, mohajaṃ cāpi viddasu*. **Ee** ghi câu kệ (*pāda*) cuối là *mohañ cāpi ‘viddasu*, là đã bỏ mất một âm tiết. Lời kinh thiếu đi một động từ và một vị ngữ (đối tượng) trực tiếp được bỏ nghĩa bởi *mohajaṃ*. **Mp** đã đưa thêm lời giải thích này trong sự diễn giải của nó: “*Vì vậy một người có trí không làm nghiệp đó* được sinh ra từ tham, sân, si” (*yo vidū . . . taṃ lobhajādibhedam kammaṃ na karoti*). Nên lưu ý rằng **Mp** coi chữ *lobhaṃ* và *dosaṃ* là những dạng được cắt gọn của chữ *lobhajam* và *dosajam*, và tôi đã dịch đúng theo như vậy. Đối với động từ, tôi thấy động từ *jahe* của câu kệ *d* (thứ tư) đã hàm ý mở rộng thành câu kệ *a* và *b*, như vậy nó làm vai trò làm 02 việc cùng lúc.] (375)

376 [Về ông (hoàng tử) Hatthaka ở xứ Ālavī, mời coi lại kinh **1:251** và chú thích.] (376)

377 [Nguyên văn cụm chữ này: *Antaraṭṭhako himapātanasamayo*. **Mp** giải thích đó là: “Một thời tiết tám ngày tuyết rơi. Nó gồm bốn ngày cuối cùng của tháng Māgha và bốn ngày đầu của tháng Phagguṇa [khoảng khoảng giữa tháng 2 dương lịch.] (377)

378 [Bài thi kệ song hành như vậy cũng được Phật nói cho gia chủ Cấp Cô Độc trong kinh **SN 10:08** (Quyển 1) ngay lúc đầu của lần đầu tiên ông gặp Phật.] (378)

379 [Một phiên bản giống kinh này là kinh **MN 130**, nhưng kinh đó nói về 4 thiên sứ, bắt đầu bằng sự-sinh.] (379)

380 [**Mp** giải thích: “*Người già, người bệnh, và xác chết* được gọi là ‘03 vị thiên sứ’ (*devadūta*) đưa tin, bởi vì những hình ảnh đó làm phát khởi *một cảm-nhận về sự cấp-bách* (bên trong thái tử Tất-đạt-đa).] (380)

381 [Theo truyền thuyết Diêm Vương là thần chết và là quan tòa định tội và hình phạt cho những người chết xuống địa ngục.] (381)

382 [Cụm chữ diễn tả sự đau đớn này **Ce** ghi là: *dukkhā tibbā khaṭukā vedanā*. **Be** và **Ee** thì có thêm tính từ thứ tư là *kharā*.]

- (Nhân tiện, toàn bộ những nhục hình kinh khủng từ (i)-(vii) cũng được ghi trong các kinh **MN 29**, mục 10-16; **MN 130**, mục 10-16.)

- (Và bài kệ ở cuối đoạn (vii) cũng có y hết như bài kệ ở gần cuối kinh **MN 129**, mục 16 và **MN 130**, mục 16.) (382)

383 [Tôi đọc theo **Ee** ghi câu này là: *te khemappattā sukhitā*. **Ce** ghi: *te khoppattā sukhitā* và **Be** ghi: *te appamattā sukhino* là cả hai đều ghi sai.

- (Nhân tiện: 08 dòng cuối của phần thi kệ này cũng có ở cuối kinh **6:23**.)

- Và nguyên bài kệ này cũng có ghi ở cuối kinh **MN 130**, mục 30 [tuy nhiên nhiều câu và chữ ghi cách khác nhau, bởi do cách ghi khác nhau bởi 02 bộ kinh, và đặc biệt do cách hiểu, dịch và hành văn bởi thầy TKBD trong các bộ kinh là khác ít nhiều so với cách bởi thầy Nanamoli trong bộ kinh **MN**, ngay cả khi đại ý của 02 lời dịch là giống nhau. Vì bộ kinh **MN** là do thầy Nanamoli dịch trước, thầy TKBD đã làm lại và biên tập lại, đã giữ lại nhiều chỗ thầy trước đã dịch.].] (383)

384 [Ngày thứ 8 của nửa-tháng là các ngày trăng $\frac{1}{4}$, tính cả lúc trăng đang đầy lên hay khuyết đi (tức ngày mùng 8 và ngày 16 âm lịch). *Bốn Vị Vua Trời Lớn* hay *Tứ Đại Thiên Vương* (*catumahārājāno*) là những vị vua của 04 cõi trời thấp nhất trong 06 cõi trời dục-giới, đó là các cõi trời gần nhất với cõi người. Chúng ta tìm thấy một trình tự đã được xếp hạng như vậy: (i) vào ngày thứ 8, những thượng thư (bộ trưởng) và những thành viên (quan) triều chính (*amaccā pārisajjā*) sẽ đi thanh tra thế gian; (ii) vào ngày thứ 14 [ngày trước ngày rằm 15 (trăng tròn) = 14 âm lịch và ngày trước ngày mùng 1 (trăng mới) = ngày cuối tháng âm lịch] thì những người con trai (*puttā*) của bốn vị vua trời sẽ đi thanh tra thế gian; và (iii) vào ngày thứ 15, là những ngày rằm 15 (trăng tròn) và những ngày mùng 1 (trăng mới) thì đích thân bốn đại thiên vương sẽ đi thanh tra thế gian (để coi có nhiều người cư xử hiếu thảo với cha mẹ ... hay không, hay đa số đều bất hiếu bất kính).] (384)

385 [Mp chú giải như vậy: “Giữ giới bố-tát [*uposatha*] là họ tuân giữ những giới bố-tát 08 lần mỗi tháng. Còn “tăng thêm các ngày giữ giới” (*paṭijāgaranti*) là, trong một kỳ nửa-tháng, họ giữ thêm giới bố-tát bằng cách đón trước và theo sau (*paccuggamanānugamana*) 04 ngày lễ bố-tát. (1) (i) Đón trước ngày lễ bố-tát thứ 5, họ giữ (toàn bộ) giới bố-tát vào ngày thứ 4; và (ii) theo sau ngày lễ bố-tát thứ 5, tức vào ngày thứ 6, họ giữ giới bố-tát. (2) (i) Đón trước ngày lễ bố-tát thứ 8, họ giữ giới bố-tát vào ngày thứ 7; và (ii) theo sau ngày lễ bố-tát thứ 8, tức vào ngày thứ 9, họ giữ giới bố-tát. (3) (i) Đón trước ngày lễ bố-tát thứ 14, họ giữ giới bố-tát vào ngày thứ 13; và (ii) theo sau ngày lễ bố-tát thứ 15, tức vào ngày thứ 16, họ giữ giới bố-tát vào ngày bắt đầu [của kỳ nửa-tháng kế tiếp]. “Làm những việc công đức” (*puññāni karonti*) thì có nhiều cách: bằng cách quy y nương tựa Tam Bảo, thường trực tuân giữ những giới-luật, cúng dường hoa, lắng nghe Giáo Pháp, cúng dường đèn, xây sửa các chỗ-ở (cho các tăng, ni, hay những người khó khăn) ... vân vân.

- Sau khi đã đi thanh tra khắp nơi, [những thượng thư và thành viên triều chính] ghi lại tên của những người làm công-đức trên một bảng vàng và trình báo cho bốn vị đại thiên vương.”

- Về chủ đề những ngày lễ bố-tát trong bộ kinh AN này, mời đọc thêm các kinh **3:70** và **8:41, 8:42.**] (385)

386 [Chỗ này tôi làm theo **Be** về cách phân chia giữa kinh 37 này và kinh 38 kế tiếp. **Ce** và **Ee** thì lấy câu này làm câu mở đầu của kinh **3:38** [= kinh **3:37** trong phiên bản của **Ee**] và đoạn thứ hai của họ bắt đầu từ câu “*Này các Tỳ kheo, trong một lần thuở xưa ...*” (*bhūtapubbaṃ bhikkhave*)—gồm nhiều đoạn nhỏ bên dưới—như phần tiếp-nối của kinh này. Tuy nhiên, ở đây riêng **Be** thì lấy đoạn đầu tiên kể về vua trời Đế-thích làm đoạn tiếp-nối của kinh **3:37**, và đoạn thứ hai để làm đoạn mở đầu cho kinh **3:38**. Có phiên bản kinh này trong Hán Tạng là **SĀ 1117** (T II 295c10–296a23) cũng làm giống **Be** về chỗ này, nhưng lại sát nhập tiếp nối cả 02 mệnh đề nói về vua Đế-thích và về một Tỳ kheo được giải thoát.] (386)

387 [“Trong suốt những kỳ nửa-tháng đặc biệt” (*pāṭihāriyapakkha*). **Mp** nói rằng họ đảm nhận (toàn bộ) giới bố-tát liên tục suốt 03 tháng An cư Mùa

mura (*antovasse temāsam*); nếu mà họ không thực thi nổi như vậy, thì họ sẽ giữ (toàn bộ) giới bố-tát suốt nguyên tháng sau kỳ An cư Mùa mưa (kiết hạ) đó, giữa 02 ngày lễ Tỳ Tỳ [Lễ Mời tụng giới], hoặc ít nhất trong suốt kỳ nửa-tháng sau ngày Lễ Mời thứ nhất. Lễ “Tỳ Tỳ” hay “Lễ Mời” (*pavāraṇa*) là dịp, vào cuối kỳ An cư Mùa mưa, khi đó những Tỳ kheo và Tỳ kheo ni “mời” (*pavāreti*) những người đồng-đạo của mình tự khai báo những lỗi hay tội của mình (nếu có) trong thời gian An cư Mùa mưa. Luận giảng **Spk** khi luận giải về chữ “*pāṭihāriyapakkha*” trong kinh **SN 10:05** (Quyển 1), đã chú giải thuật ngữ này theo một nghĩa rộng hơn; coi chú thích số 573 ở đó.] (387)

388 [**Be** coi câu này là câu bắt đầu của kinh **3:38**. Điều kỳ lạ là **Be** lại đặt tên cho kinh là “*Kinh Thứ Hai về Tứ Đại Thiên Vương*” cho dù bài kinh không đề cập gì về tứ đại thiên vương cả.] (388)

389 [**Mp** định nghĩa *paduma* là sen trắng (*paṇḍarapadumam*) và *puṇḍarīka* là sen đỏ (*rattapadumam*). Tuy nhiên, **SED** chỉ định nghĩa *puṇḍarīka* là một bông sen [đặc biệt là sen trắng] cho rằng chữ đó có nghĩa chung là “trắng”. Rất nhiều nguồn tôi tra cứu cũng định nghĩa *puṇḍarīka* là sen trắng.] (389)

390 [Kāsi là một trong 16 bang của Ấn Độ, có thủ phủ là Bārāṇasī (Ba-la-nại), (Vùng Ba-la-nại là nơi Đức Phật nói bài thuyết giảng đầu tiên, kinh Chuyển Pháp Luân, cho nhóm những người bạn tu Kiền-trần-như).] (390)

391 [Có 3 mùa ở miền bắc Ấn Độ: mùa đông khoảng từ tháng 11 đến tháng 3, mùa nóng từ tháng 3 đến tháng 7, và mùa mưa từ tháng 7 đến tháng 11. **Mp** nói rằng: cung điện mùa đông có tới 09 tầng, 09 tầng đó thấp để giữ nhiệt ẩm; cung điện mùa hè có 05 tầng cao để lưu thông gió mát; và cung điện mùa mưa có 07 tầng cao vừa để giữ cho nhiệt độ trung bình.] (391)

392 [*Nippurisehi*. **Mp** nói không phải chỉ những nhạc công nhạc sĩ mà tất cả mọi người làm ở mọi vị trí trong các cung điện đều là phụ nữ (*itthiyo*). Như vậy bốn tháng không gặp người đàn ông nào.] (392)

393 [Nguyên văn cụm chữ này: *Attānamyeva atisitvā*. *Atisitvā* là thể tuyệt đối của chữ *atisarati*. Coi thêm **DOP sv atisarati**.] (393)

394 [**Ee** lấy câu này để làm câu bắt đầu của bài kinh mới, tức là kinh **3:39** theo

cách đánh số theo phiên bản của nó. Nhưng tôi làm theo **Ce** và **Be**, tức coi đoạn này chỉ là sự nối-tiếp của bài kinh hiện tại được dẫn dắt bằng chuyện Đức Phật nhớ lại đời sống được nuôi dưỡng tinh tế trong cung đình khi còn là thái tử. Trong **Ce** và **Be**, toàn bộ bài kinh này là kinh **3:39**, cho nên *đến ngay câu này* thì 03 phiên bản đều trở lại có số (lượng) bài kinh giống nhau, đều là số 39.] (394)

395 [Câu kệ *c* (thứ ba) ghi tối nghĩa như vậy: *yathā dhammā tathā santā*. Tôi dịch nó theo nghĩa chữ. Khi chú giải về câu kệ *d* (thứ tư), **Mp** đã đưa thêm chữ *parapuggalam* là một đối-tượng (vị ngữ) của động từ *jigucchanti*.] (395)

396 [Câu kệ này **Ce** và **Be** ghi là: *nekkhamme daṭṭhu khemataṃ*. **Ee** thì ghi: cập *nekkhammaṃ daṭṭhu khemato* là cách ghi nguyên gốc của nó nhưng nó có đề cập tới cách ghi biến tấu khác đi của **Ce** và **Be** trong phần ghi chú của nó. **Mp** [cả **Ce** và **Be**] đã dùng cách ghi của **Ce** và **Be** như một bổ đề mà nó giải nghĩa là = *nibbāne khemabhāvaṃ disvā*, nhưng sau đó nó lại nói cách ghi của **Ee** là một biến tấu, giải nghĩa là = *nibbānaṃ khemato disvā*. Như vậy ở đây **Ee** đã chọn cách ghi biến thể này là cách ghi nguyên gốc của nó.] (396)

397 [**Mp** nói những câu kệ này là chỉ *sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) của Phật khi đang ngồi dưới gốc Cây Bồ-đề (nơi Phật giác-ngộ).- (Phần thi kệ giống vậy này cũng có ở cuối kinh **5:57**).] (397)

398 [Nguyên văn Pāli: *attādhīpateyyaṃ lokādhīpateyyaṃ dhammādhīpateyyaṃ*. Mặc dù học giả Bucknell (2004) không kê ra phiên bản Hán Tạng của kinh này, nhưng mới đây tôi tìm thấy một bản tương ứng được ghi trong **Śāriputrābhīdharmaśāstra* (Xá-lợi-phát A-tì-đạt-ma luận) ở Đại Tạng **T XXVIII 679c22–680a27**. Tuy phần lời kinh bằng văn xuôi thì đơn giản hơn phiên bản Pāli này, những cả 02 về căn bản đều chuyển tải cùng một ý nghĩa. Những thi kệ trong đó, ngoại trừ thi kệ cuối, là tương ứng giống kinh Pāli này.] (398)

399 [Nguyên văn câu kệ này: *Na itibhavābhavaḥetu*. **Mp** đã coi âm tiết dài là nối kết 02 thời của *bhava* để biểu nghĩa sự lặp-lại, chứ không phải sự phủ-định, nên đã giải nghĩa câu đó như vậy: “Không phải vì điều này hay vì trạng trạng thái hiện-hữu tương lai phát đạt, [nên ước rằng]: ‘[Mong ta đắc được] một sự hiện-hữu như vậy [hay] một sự hiện-hữu như vậy’” (*iti bhavo, iti*

bhavo ti evaṃ āyatim na tassa tassa sampattibhavassa hetu).] (399)

400 [Nguyên văn câu kệ này: *Attā te purisa jānāti saccaṃ vā yadi vā musā.* **Mp** giải nghĩa là: “Chính người đó biết về mỗi điều gì mình làm, do dù nó thuộc bản chất là này hay nọ. Vì lý do này, nên hiểu rằng, đối với người làm một điều xấu ác thì không có nơi nào trong thế gian có thể được gọi là ‘được che giấu’.” (nghĩa như, điều xấu ác mình đã làm cho dù người khác không biết nhưng lương tâm mình hay tâm mình biết).] (400)

401 [Câu tiếng Pāli chỗ này là mờ nghĩa, và **Mp** cũng không giúp ích gì để giải quyết khó khăn này. Phiên bản Hán Tạng của kinh này [ở T 680a20–21, nhưng theo cách ghi vào thời triều Tống, triều Nguyên, triều Minh] có ghi là: 言無虛者勝, 是則不自毀, 若已有違犯, 知而不覆藏. Câu này như chuyển tải một luận điểm khác, tôi dịch nghĩa là: “Một người mà nói ‘Điều đó không phải giả’ là tốt hơn, vì như vậy thì người đó không làm hại chính mình. Nếu một tội là có và một người biết nó, không che giấu nó.”] (401)

402 [Đoạn cuối này trong bản Hán Tạng [ở 680a26–27] là khác hẳn, như vậy: 遠離捨六情, 滅苦不受有, 已沒不復還, 永離於生死. Tôi dịch là: “Sau khi đã giục bỏ và dẹp bỏ sáu căn cảm-nhận, người đó chấm dứt sự khổ và không nhận thêm sự hiện-hữu [khác]. Sau khi qua đời, người đó không quay lại, mãi mãi thoát khỏi sự sinh và tử.”] (402)

403 [**Mp** giải thích *trải nghiệm ý-nghĩa (atthapaṭisaṃvedī)* là “bằng sự-biết trải nghiệm sự giảng giải (luận giảng) ý-nghĩa đó” (*aṭṭhakathaṃ ñāṇena paṭisaṃvedī*) và “trải nghiệm Giáo Pháp” (*dhammapaṭisaṃvedī*) là “trải nghiệm Giáo Pháp của kinh điển” (*pāliḍhammaṃ paṭisaṃvedī*). Đây rõ ràng là cách chú giải áp đặt sự phân biệt mới cho những thuật ngữ cũ. Tuy nhiên, cho dù 02 chữ *attha* và *dhamma* này thường đi cặp với nhau nhưng sự khác biệt rõ ràng giữa chúng đã không được nói ra rạch ròi trong các bộ kinh *Nikāya*. Thực ra, bản thân mỗi chữ ở đây cũng lơ mờ (trong cặp chữ) và do vậy những sắc thái của chúng càng làm phức tạp thêm mối quan hệ giữa chúng. *Attha* biểu thị ý nghĩa, ích lợi, sự tốt đẹp, và mục tiêu; còn *dhamma* có thể biểu thị giáo lý, hệ thống tu tập, bản chất của mọi sự, và chân lý được nói đến bởi giáo lý. Như vậy sự tương phản giữa chữ *dhamma* và *attha* có thể được nhìn thấy là quan hệ giữa giáo lý đã được lập trình và ý nghĩa của nó,

quan hệ giữa sự thực hành và mục tiêu của nó, và quan hệ giữa giáo lý và ích lợi mà nó mang lại.] (403)

404 [Mp đã giải thích cụm chữ *santānaṃ brahmacāriṇaṃ* là *đề cập tới những người phụng dưỡng cha mẹ (idha pana mātāpitu-upaṭṭhākā adhippetā)*, nhưng tôi thấy lời kinh điển đạt là *đề cập tới những vị tăng sĩ, họ là những người-nhận sự phụng-sự (upaṭṭhānaṃ)* hoặc là những người-nhận sự bố-thí (*dānaṃ*) đã được nói ở câu kệ *a*. Thêm nữa, **Mp** còn diễn dịch chữ *santānaṃ* là chữ thuộc cách số nhiều của chữ *sant* (*tốt thiện, đức hạnh*). [**Mp** ghi: *ut-tamaṭṭhena santānaṃ*], nhưng chữ này ở đây có nghĩa là “*bình-an*”, từ chữ Phạn là *sānta*. Câu *santānaṃ brahmacāriṇaṃ* cũng có ghi trong kinh **SN 1:10** (Quyển 1), câu này luận giảng **Spk** đã giải nghĩa [chỗ **Spk** I 28.2] là: *santakilesānaṃ paṇḍitānaṃ vā (những người có những ô-nhiễm đã được lặt hoặc những bậc trí hiền)*. Bản Hán tạng là **SĀ 995** [ở T II 260c29] có ghi chữ 寂靜修梵行, điều này có nghĩa trong sự truyền thừa kinh này chữ *santānaṃ* đã được ghi trong tiếng Phạn là chữ *sāntānaṃ*.] (404)

405 [Nguyên văn: *saṅkhatassa saṅkhatalakkhaṇāni*, nghĩa gốc là “*ba đặc tính có điều-kiện (hữu vi) của trạng thái có điều-kiện (hữu vi)*”. Và bên dưới là *asaṅkhatassa asaṅkhatalakkhaṇāni*, nghĩa gốc là “*ba đặc tính không còn điều-kiện (vô vi) của trạng thái không còn điều-kiện (vô vi)*”. Tôi dịch những cụm chữ này theo cách để tránh tạo ra ấn tượng sai (cho người đọc) rằng bản thân những đặc tính là có điều-kiện hay không có điều-kiện. Thay vì vậy, chúng chỉ góp phần quyết định (định nghĩa) một trạng thái như vậy là hữu vi hay vô vi, mà thôi.] (405)

406 [Tôi làm theo phiên bản **Ee**, ghi 02 mệnh đề nói về những đặc-tính của *trạng thái hữu vi* và *trạng thái vô vi* như 02 phần của 01 kinh. Còn **Ce** và **Be** thì phân 02 mệnh đề thành 02 kinh khác nhau, và do vậy tới chỗ này họ tính thành 11 bài kinh trong **NHÓM** kinh này. Thi kệ *uddāna* có ghi về trạng thái “*saṅkhatam*” (hữu vi) nhưng không ghi trạng thái “*asaṅkhatam*” (vô vi), điều này đã ủng hộ cách của **Ee**. Tới chỗ này thì sự đánh số kinh của tôi là đúng theo **Ee**, nhưng tụt lại 1 số so với **Be**; [**Ce** thì không đánh tiếp số kinh mà bắt đầu **NHÓM** kinh mới bằng số “1”. Điều thú vị là, bản kinh tương đương trong Hán Tạng **EĀ 22.5** [Đại tạng **T** II 607c13– c23] chỉ đề cập đến những đặc tính của *trạng thái có điều-kiện* (hữu vi); không có mệnh đề hay phần

kinh tương ứng đề cập những đặc tính của *trạng thái không điều-kiện* (vô vi).] (406)

407 [Chữ “*bụi rậm lùm cây*” là dịch theo chữ ghi trong **Ce** là *gedham* [**PEĐ sv** ghi *gedha*²], khác chữ ghi trong **Be** và **Ee** là *rodham* (*bờ sông, bờ nước, đập nước*).] (407)

408 [Trong kinh **SN 1:03** (Quyển 1): bài kệ này được nói bởi một thiên thần, rồi thiên thần đó được Đức Phật “đính chính” lại bằng một bài kệ nói về “*người đi tìm sự bình-an*” phải biết “*đẹp bỏ miếng mồi của thế gian*” (*lokāmisam pajahe santipekkho*). – Mời coi lại chú thích 9 ở kinh đó.] (408)

409 [02 bài kệ này cũng có trong kinh **SN 1:41** (Quyển 1).] (409)

410 [*Sandiṭṭhiko dhammo*] (410)

411 [Nguyên văn: *kukkuṭasampātikā*. **Mp** chú giải: “*Những con gà’ bay đi bay lại giữa chúng’* (*kukkuṭasampāto*) nghĩa là những con gà bay từ những mái nhà của làng này qua những mái nhà của làng bên. Khi những khi làng nằm kề như vậy, nên họ nói rằng chúng ‘gần kề đến nỗi những con gà có thể bay qua lại giữa chúng’. Cũng có cách ghi khác về những khu làng là *kukkuṭasampādikā* (*gần kề đến nỗi những con gà có thể đi qua lại giữa chúng*). Và *những con gà có thể đi qua lại giữa chúng* (*kukkuṭasampādo*) có nghĩa là *những con gà có thể đi bằng chân từ làng này qua làng bên*. Khi những khi làng nằm kề như vậy, nên họ nói rằng chúng ‘gần kề đến nỗi những con gà có thể đi bộ qua lại giữa chúng.’”] (411)

412 [*Tanuttam paññāyati*. Nghĩa gốc: “*sự giám sát [của dân số loài người] được nhìn thấy.*”] (412)

413 [Nguyên văn: *Gāmāpi agāmā honti, nigamāpi anigamā honti, nagarāpi anagarā honti, janapadāpi ajanapadā honti*. Nghĩa gốc: “*những làng mạc trở thành không làng, những phố thị thành không phố thị, những thành thị thành không thành thị, và những tỉnh lỵ thành không tỉnh lỵ.*”] (413)

414 [**Mp** luận giải như vậy: “*Tham-dục trái pháp* (*adhamma-rāga*): bản thân tính tham-dục đã ngược với Giáo Pháp (*adhamma*) rồi, nhưng nó không phải

là ‘trái pháp, phi pháp, trái phép’ nếu cái tham đó là tham của cái tiền bạc ... của chính mình. Nó chỉ là ‘trái pháp, phi pháp, trái phép’ khi tham những của cái tiền bạc này nọ ... của người khác. *Sự tham-lam bất chính (visama-lobha)*: bản thân tính tham-lam đã không bao giờ là chân chánh cho được, nhưng ở đây tham-lam một thứ gì thuộc về mình thì được gọi là sự tham-lam đúng đắn. Sự tham-lam của cái của người khác thì được gọi là sự tham-lam bất chính, không chân chánh. *Giáo Pháp sai lạc (micchā-dhamma, tà Pháp)*: *Giáo Pháp sai lạc (micchādhamma)*: là sự chìm đắm trong những điều không phải là căn bản.” **Mp-ṭ** bổ sung: “Là sự chìm đắm trong căn bản của tham-dục (*rāgassa vatthuṭṭhānaṃ*) hơn là những căn bản được cho là thiện tốt bởi những tiêu chuẩn của thế gian.” (sự chú giải chữ “tà Pháp” ở đây nghe chung chung và trừu tượng.) (414)

415 [Tôi đọc theo **Be, Ee, và Mp [Ce và Be]** nguyên văn: *yakkhā vāḷe amanusse ossajjanti*. Phiên bản **Ce** của bộ kinh **AN** này thì ghi chữ *manusse* thay vì chữ *amanusse*. *Yakkha* (dạ-xoa) là những loài quỷ dữ, nhiều lúc được mô tả là giết người và nuốt trọn xác chết, nhưng chúng cũng có khả năng hướng thiện và thậm chí có thể giác ngộ Giáo Pháp. **Mp** chú giải: “*Những yakkha’ là những yakkha cai trị (tức những yakkha chúa điều khiển những yakkha dã man khác). Chúng thả những yakkha hung bạo trên khắp đường đi của con người, và khi những con ác quỷ yakkha đó gặp cơ hội, chúng sẽ lấy mạng của con người*” (*yakkhā ti yakkhādhīpatino. Vāḷe amanusse ossajjanti ti caṇḍayakkhe manussapathe vissajjenti, te laddhokāsā mahājanamaṃ jīvitakkhayaṃ pāpentī*). Mặc dù tôi hiểu theo **Mp**, nhưng tôi vẫn thắc mắc có còn bản gốc nào diễn dịch động từ ở thể thụ động và đặt tất cả những danh từ thực thể ở dạng số nhiều chỉ danh như: *yakkhā vāḷā amanussā ossajjanti*. Nghĩa chữ của câu này là “*Những yakkha—là chúng sinh phi nhân, dã man—được thả ra.*” (415)

416 - (Lời bìa đặt sai sự thật ở trên cũng được ghi trong kinh **8:12**, đoạn Đức Phật khuyên bảo tướng quân Siha khi vị tướng đang xin quy y Tam Bảo.)

- [Nguyên văn cả câu hỏi này là: *Kacci te bhoto gotamassa vuttavādino ca bhavantamaṃ gotamaṃ abhūtena abbhācikkhanti, dhammassa cānudhammaṃ byākaronti, na ca koci sahadhammiko vādānupāto gārayamaṃ thānaṃ āgacchati*. Cả 03 phiên bản đều ghi giống vậy, ngoại trừ vài chỗ biến tấu là chữ

vādānurvādo đã ghi thay cho chữ *vādānupāto*. ► Tôi đã từng thảo luận về đoạn *đoạn-mẫu câu hỏi* này một cách chi tiết trong *Bộ Kinh Liên-Kết* (Tương ưng kinh bộ), kinh **SN 12:24** (Quyển 2), chú thích số 72 của **Spk** (*) – nhưng tôi tin rằng những luận giảng Pāli đã sai khi coi chữ *vādānupāto* [hoặc *vādānurvāda*] có nghĩa là “*hệ quả của lời khẳng định của họ*”. Giờ thì tôi coi chữ này đơn giản là đồng nghĩa với cụm chữ “*gārayham ṭhānam*”. Để ủng hộ cho sự thay đổi này của tôi, mời coi thêm kinh **AN 5:05**, trong đó câu *sa-hadhammikā vādānurvādā gārayhā ṭhānā āgacchanti* và câu đối nghĩa của nó là *sahadhammikā pāsamsā ṭhānā āgacchanti*, đã ghi ra mà không tham chiếu với bất kỳ sự khẳng định nào trước nó.

- Những đoạn song hành trong bản Hán Tạng của kinh này đã ủng hộ cách dịch nghĩa này. Trong **SĀ 95** [ở **T II 26a11–14**] có ghi [bằng tiếng Hán]: 云何？瞿曇！作是語者，為實說耶？非為謗毀瞿曇乎？為如說說、如法說耶、法次法，不為餘人以同法來詞責耶？(Là sao? Này Cồ-đàm, có phải người nói điều này là nói một cách sự thật? Có phải trường hợp này người đó không diễn dịch sai Cồ-đàm? Có phải người đó nói đúng theo điều đã được nói (bởi Cồ-đàm), đúng theo Giáo Pháp, phù hợp với Giáo Pháp, để cho những người khác không thể phê bình người đó về những điều của Giáo Pháp đó?). Một đoạn song hành khác ở trong kinh [ở **T II 493b19–21**] cũng giống vậy, và không có ghi cụm chữ nào tương ứng với nghĩa là “*hệ quả của một lời khẳng định*”.]

- (*) (Theo người dịch Việt, quý vị có thể đọc phần chú giải khúc chiết này (về nguyên học và ngữ nghĩa học) nhưng cũng không cần thiết phải đọc, bởi vì sau tất cả sự truy nguyên và suy luận ở đó, lời dịch của TKBD và tiếng Việt đã đơn giản rõ nghĩa đối với người đọc bình thường. Mục đích ở đây TKBD chỉ muốn nói là không có lời kinh nào tương ứng với nghĩa “*hệ quả của lời khẳng định*”). (416)

417 [**Mp** giải nghĩa rằng “*những bậc thánh*” (*sante*) ở đây là chỉ những bậc tối thượng (*uttamapurise*): tức là những vị Phật, Phật Duyên Giác (*paccekabuddha*), và A-la-hán.] (417)

418 [*Sappaññe dhīrasammate*. **Mp** giải nghĩa cụm chữ này như thể nó có nghĩa là “*được tôn trọng, được tôn vinh, bởi những người học hiểu*” (*paṇḍitehi sammate sambhāvite*), nhưng tôi coi chữ *dhīrasammate* có nghĩa

là “*được tôn trọng, được tôn vinh là thánh hiền [hay trí hiền]*”.] (418)

419 [Đoạn kệ này cũng có trong tập kinh Pháp Cú, thi kệ **Dhp 423 a–d**, hàm chỉ ba loại trí-biết (tam minh).] (419)

420 [**Mp** giải thích: *yañña* (đồ cúng tế): “*một thứ được cho đi, đồ bỏ thí*” (*deyyadhamma*) [mặc dù nó đã được xếp vào loại vật phẩm cúng dường thứ tu]; đồ cúng giỗ: *saddha* (Phạn: *śrāddha*): “*bữa cơm tưởng niệm người chết*” (*matakabhattam*); đồ dâng cúng: *thālīpāka*: “*bữa cơm cúng dường những bậc xuất chúng*” (*varapurisānaṃ dātabbayuttaṃ bhattam*), nhưng theo **SED** mục từ *sthālī* thì chữ *sthālīpāka* có nghĩa rõ ràng là món gạo hay lúa mì nấu trong sữa, hay món cháo sữa được cúng dường một cách cung kính; và đồ bỏ thí, thứ được bỏ thí: *deyyadhamma* là “*bất cứ thứ gì có thể được bỏ thí; phẩm vật bỏ thí, hiện vật cúng dường, vật phẩm được cho đi.*”] (420)

421 [Nguyên văn: *anuttaraṃ brahmacariyogadhaṃ*. **Mp** chú giải: “*Niết-bàn là ‘đỉnh cao tối thượng của đời sống tâm linh’, là chỗ dựa tối thượng của đời sống tâm linh, đó là đạo dẫn tới quả A-la-hán*” (*arahattamaggasaṅkhātassa brahma-cariyassa anuttaraṃ ogadhaṃ utta-mapatiṭṭhābhūtaṃ nibbānaṃ*). Trong kinh **MN 44**, mục 29, chữ *nibbānogadhaṃ* được dùng chung với chữ *nibbānaparāyanaṃ* và *nibbānapariyosānaṃ* cho thấy 03 chữ là như đồng nghĩa với nhau. **It–a I 112,11–12**, thì giải thích chữ *nibbānogadhagāmī* (cũng giống trong kinh **AN** này) bằng lối chú giải là: *nibbānasāṅkhātaṃ ogadhaṃ patiṭṭhaṃ pāraṃ gacchati* (*nó đi đến bờ bên kia, là chỗ dựa, là đỉnh cao gồm có Niết-bàn*). Cách giải thích này cũng đồng nhất với những luận giảng khác, cũng ủng hộ cách tôi dịch chữ *nibbānogadha* là “*đỉnh cao trong/là Niết-bàn*”, chứ không dịch là “*sự nhập vào hay nhảy vào Niết-bàn*” như những người dịch trước kia đã dịch. Tôi dịch chữ *amatogadha* trong **Bộ Kinh Liên-Kết** [các kinh **SN 45:139, 46:184, 48:42, 48:44 ...** vân vân] là “*với sự bắt-từ là nền tảng của nó*”, cách dịch này là không được thỏa mãn cho lắm. Tôi biết ơn nhà sư Vanarata đã góp ý về chữ này.] (421)

422 [**Mp**: “*Ông ta không muốn trả lời câu hỏi của thầy Ānanda, cho nên ông ta cứ chuyển đề tài thành những lời ca ngợi như vậy.*”] (422)

423 [Nguyên văn 03 sự này là: *Iddhipāṭihāriyaṃ ādesanāpāṭihāriyaṃ anusāsanīpāṭihāriyaṃ*. 03 sự kỳ-diệu này cũng được ghi trong dài **DN 11**,

mục 3–8.] (423)

424 [Nguyên văn: *nimittena ādisati*. **Mp** giải thích đây chỉ là *dạng biểu hiện mạnh mẽ* không liên quan trực tiếp, mà có lẽ là một *cử chỉ* hay một *biểu hiện* trên mặt một người—thời hiện đại gọi là “*ngôn ngữ thân thể*”—lộ ra cho một người giỏi quan sát có thể đoán được trạng thái tâm của một người đó.] (424)

425 [Nguyên văn: *vitakkavipphārasaddaṃ sutvā*. **Mp** chú giải rằng: “*Sau khi nghe được âm thanh của những người lẩm bẩm trong khi đang ngủ hay đang mê, [âm thanh] khởi sinh bởi sự khuếch tán của ý nghĩ.*” Tôi nghĩ rằng **Mp** đã lạc đề ở chỗ này. Bởi vì những ví dụ trong bài kinh là theo thứ tự từ thô tế đến vi tế, tức cái sau là vi tế hơn cái trước. Tôi nghĩ rằng ý lời kinh ở đây muốn chỉ một âm thanh vi tế được phát tán ra bởi ý-nghĩ thay vì bằng lời-nói.] (425)

426 [Chỗ này chắc hẳn đang chỉ trạng thái của tầng thiền định thứ hai hoặc cao hơn (vì trạng thái là hết tầm hết tứ).] (426)

427 [**Mp** đã đưa ra các ví dụ như: “*Hãy nghĩ những ý nghĩ vô-dục, đừng nghĩ ý nghĩ tham-dục; chú tâm (tác ý) vào (sự thực) ‘vô-thường, khổ, vô-ngã’, đừng chú tâm (sự ảo) ‘thường, lạc, ngã’; dẹp bỏ dục-lạc (khoái-lạc giác quan) và chứng nhập thánh đạo và thánh quả vượt khỏi thế gian (siêu thế).*”] (427)

428 [Nguyên văn: *āsajja upanīya vācā bhāsītā*. Chữ *āsajja* thường có nghĩa là “*đã tấn công, đã công kích*”, nhưng nghe quá mạnh bạo ở trong ngữ cảnh này. **Mp** thì chỉ bê nguyên một câu để diễn nghĩa câu nói của Phật chứ không giải thích gì về mặt ngữ nghĩa học, câu đó như vậy: “*Lời của ông đã nói đã động vào những giới-hạnh của ta và đã chọt vào trú xứ của những giới-hạnh của ta*” (*mama guṇe ghaṭṭetvā mam’eva guṇānaṃ santikaṃ upanītā vācā bhāsītā*). Do vậy tôi nghĩ rằng những lời nói của bà-la-môn chỉ là cách ông tìm hiểu để biết chắc về Đức Phật, chứ ông ta không có ý xúc phạm Đức Phật. Cho nên lời kinh chép lại chỗ này có lẽ không xác đáng và đúng nghĩa cho lắm.] (428)

429 [“*Chủ thuyết của các giáo phái*” là dịch chữ *titthāyatanāni*, nghĩa gốc là “*những cơ-sở của các giáo phái*”. Chữ *tittha* (Phạn: *tīrtha*), nghĩa gốc là một bãi cồn cạn của con sông, được dùng để chỉ những giáo thuyết tôn giáo, có lẽ

theo cái nghĩa là những giáo lý cung cấp một ‘*bãi cạn*’ để vượt qua dòng chảy ‘*những ô-nhiễm*’ (lậu hoặc) và vượt tới bờ giải thoát bên kia [coi kinh MN 34, trong đó ẩn dụ này đã chi phối một bài thuyết giảng ngắn]. **Mp** chú giải rằng: Những giáo phái (*tittha*) ngoại đạo có 62 *quan-điểm này nọ* (62 tà kiến) [coi thêm kinh dài DN 1, mục 1.29–3.29]; những giáo chủ của các giáo phái đó (*titthakara*) là những người lập ra những quan-điểm đó; và những đệ tử của các giáo phái đó (*titthiya*) là những người đồng tình với những quan-điểm đó. Những đạo sư lớn của giáo phái Jain (Kỳ-na giáo của những Ni-kiền-tử) thì được gọi trong tiếng Phạn là những *tīrthakara*.] (429)

430 [Nguyên văn câu này: *Parampi gantvā akiriyāya saṅṭhahanti*. **Mp** chú giải chữ *param* = *paramparā* (dòng, tông, hệ) với lời chú giải như vậy: “*Ngay cả khi học đã quy y theo một trong 03 loại dòng, dòng các đạo sư, dòng những đức-tin, và dòng những sự hiện-hữu cá thể [của một người]*” (*ācariyaparamparā laddhiparamparā attabhāvaparamparā ti etesu yaṃkiñci paramparam gantvā pi*). Nhưng chúng ta khó nhìn thấy lời chú giải này liên quan gì đến ngữ cảnh lời kinh. Vì chữ *param* cũng có thể có nghĩa là “*trễ hơn, thêm nữa, sau nữa*”, nên có lẽ luận điểm được truyền tải ở đây là: những quan-điểm này, nếu có kéo dài thêm nữa, cũng kết cuộc bằng sự không-làm-gì. Dựa trên cách hiểu này, tôi đã dịch cụm chữ *parampi gantvā* là “*đưa đến kết luận của họ*”. Chữ *saṅṭhahanti* thì theo nghĩa đen của nó là “*dừng lại ở*” hay “*kết cuộc ở chỗ*”.] (430)

431 [03 chủ thuyết này lần lượt là: *thuyết của đạo Jain* (Ni-kiền-tử), *thuyết hữu thần*, và *thuyết phi nhân-duyên*. Thuyết phi nhân-duyên trong những kinh khác được cho là của Makkhali Gosāla [coi kinh 1:319, 3:137].] (431)

432 [**Mp**: “Họ khẳng khẳng rằng một người trải nghiệm những cảm-giác gì chỉ là do những nghiệp đã tạo ra trong quá khứ”. Liên quan vấn đề chỗ này: mời đọc thêm lại kinh SN 36:21 (Quyển 4), trong đó Đức Phật giải thích 08 nguyên nhân gây ra bệnh tật khổ đau, và chỉ có 01 nguyên nhân là do nghiệp quá khứ chín muồi thành nghiệp quả.] (432)

433 [Trong kinh MN 14 (mục 15–19) và MN 101, Đức Phật đã chất vấn những người phái Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha) bằng những luận điểm ngược lại với chủ thuyết của họ khi họ cho rằng mọi cảm-giác đều do nghiệp quá khứ gây

ra.] (433)

434 [Mp giải nghĩa là: “Tới chỗ này Đức Phật đã chỉ ra những chủ thuyết của các giáo phái khác, sau khi được hỏi, được chất vấn, được đối chứng, và được đưa đến kết luận bởi người có trí, thì chúng đều dẫn đến kết cuộc là sự không-làm-gì, và do vậy chỉ là sáo rỗng và không giúp giải thoát, không thực chất. Và giờ Phật chỉ ra Giáo Pháp mà Phật đã chỉ dạy là thực chất và mang tính giải thoát (*sārabhāvañc’eva niyyānikabhāvañca*).”] (434)

435 [Về sự phân tích chi tiết về *sáu yếu-tố* (sáu giới), mời đọc kinh **MN 140**, mục 14–19.] (435)

436 [Mp đã chú giải chữ *manopavicāra* là “sự soi-xét của tâm về 18 trường hợp, dùng ‘các bàn chân’ của ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ) (*vitakkavicārapādehi*).” Chữ ‘bàn chân, cước’ (*pāda*) được dùng ở đây bởi vì chữ *vicāra* (tứ, sự soi xét) nguyên gốc có nghĩa là “đi quanh, đi dò”.] (436)

437 [Mp chú giải: “Tại sao Phật lại bắt đầu trình bày theo cách này? Là để cho dễ hiểu. Vì Phật muốn giải thích về 12 điều-kiện nhân duyên, cho nên trước tiên Phật chỉ ra cái vòng nhân duyên bằng ‘sự nhập-thai [*sẽ thành phôi thai*]’ (*gabbhassāvakkanti*). Vì khi vòng nhân duyên đã được chỉ ra bằng ‘sự nhập-thai’ thì cái kế tiếp nó (phần danh-sắc) sẽ dễ hiểu hơn. *Sáu yếu-tố* (sáu giới) của ai được coi là điều-kiện (duyên), là của mẹ hay của cha? Không phải của ai cả, mà đó là ‘sự nhập-thai [*sẽ thành phôi thai*]’ xảy ra do duyên là sáu yếu-tố của sự nhận lấy tái-sinh.” Mp cũng trích lại các kinh **MN 38**, mục 26 [coi thêm **MN 93.18**].] (347)

438 [Đây có lẽ là trường hợp *duy nhất* trong Kinh Tạng mà *Diệu Đế về Nguồn-Gốc Khổ* và *Sự Chấm-Dứt Khổ* được giải thích theo cách bằng toàn bộ 12 chi phần của ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ (vòng *nhân duyên*).

- Trong kinh **SN 12:43** (Quyển 2), *sự khởi-sinh* (*samudaya*) của khổ được giải thích theo cách bằng 12 mắc-xích nhân duyên từ *thức* cho tới *dục-vọng* (ái); còn *sự phai-biến* (*atthaṅgama*) của khổ thì được giải thích theo cách là = sự chấm-dứt của những mắc-xích đó từ *dục-vọng* (ái) cho tới *sự già-chết*. Trong phiên bản Hán Tạng của kinh này là **MĀ 13** [ở T I 435a24–436a10] thì Diệu Đế thứ hai và Diệu Đế thứ ba lại được giải thích bằng ‘sự khởi-sinh

tùy thuộc’ (lý duyên khởi) nhưng giống theo khuôn-mẫu có ghi trong kinh SN 56:11 (Quyển 5) và trong một số kinh khác.] (438)

439 [Nguyên văn cả câu: *Tīṇ’imāni bhikkhave amātāputtikāni bhayānī ti assutavā puthujjano bhāsati*. Nghĩa chữ là: “Có ba [điều] này mà phàm phu không được chỉ dạy nói về chúng như ‘những hiểm họa không-mẹ-và-con’.”] (439)

440 [Nguyên văn cả câu: *Tīṇi samātāputtikāniyeva bhayāni amātāputtikāni bhayānī ti assutavā puthujjano bhāsati*. Nghĩa chữ là: “Có ba hiểm họa có mẹ-và-con mà người phàm không được chỉ dạy nói về chúng như ‘những hiểm họa không mẹ-và-con’.” Những hiểm họa rõ ràng là đại hỏa hoạn, đại lũ lụt, và bạo loạn giặc giã. Do những nạn này ban đầu đã làm chia cách mẹ và con, nên người ta có thể gọi chúng là “những hiểm họa làm chia lìa mẹ và con”. Nhưng do có thể cuối cùng mẹ và con tìm thấy nhau, nên người ta có thể gọi chúng là những hiểm họa khi mẹ và con gặp lại nhau.] (440)

441 [Mp chú giải: “Sau khi đã chỉ ra cách tạm thời (*pariyāyato*) và có thể xảy ra trong đời mà những hiểm họa làm chia lìa mẹ và con, giờ Đức Phật chỉ ra cách không phải tạm thời (*nippariyāyena*) và luôn luôn xảy ra làm chia lìa mẹ và con.” (Đó là sự già, bệnh, chết là sự chia lìa tất yếu, không phải tạm thời).] (441)

442 [Tên các loại giường, nệm, mền và những vật dụng tiện nghi, tôi dựa theo cách dịch của tiến sĩ Horner trong bản dịch Luật Tạng, chỗ Vin I 192,14–19 (1951, 4:256–57). Bà đã dựa vào những diễn dịch của mình ghi trong chỗ Sp V 1086,1–1087,12, vốn cũng tương thích với diễn dịch của Mp II 292–93.] (442)

443 [Nguyên văn: *Dibbaṃuccāsayanamahāsayanam, brahmaṃuccāsayanamahāsayanam, ariyaṃ uccāsayanamahāsayanam*.] (443)

444 [Nguyên văn: *So ce ahaṃ, brāhmaṇa, evaṃbhūto caṅkamāmi, dibbo me eso tasmim samaye caṅkamo hoti*. Mp chú giải: (i) *sự đi tới đi lui là thuộc cõi tiên [cõi các thiên thân]* là khi: sau khi đã chứng nhập trong 04 tầng thiên định, Phật đi tới đi lui (đi kinh hành, đi thiền); và (ii) *sự đi tới đi lui của Phật là thuộc cõi tiên* là khi: sau khi đã thoát ra khỏi 04 tầng thiên định đó, Phật đi

tới đi lui.—Điều này *dường như* có nghĩa rằng ‘sự bước đi tới đi lui’ có thể xảy ra ngay cả khi cái tâm đang ở trong trạng thái tầng thiền định! Tuy nhiên, điều này đã *mâu thuẫn* với định-nghĩa công thức rằng tầng thiền định là một trạng thái chìm sâu không bị gián đoạn trong một đối-tượng thiền, trong đó những chuyển động theo ý chí như ‘đi lại’ thì không thể nào diễn ra được. **Mp-t** giải thích trường hợp (i) của **Mp** [*đi tới đi lui sau khi chứng nhập trong tầng thiền định*] có nghĩa là Phật đi tới đi lui *lập tức ngay sau khi* thoát ra khỏi tầng thiền định; còn trường hợp (ii) [*đi tới đi lui sau khi thoát khỏi tầng thiền định*] có nghĩa là Phật đi tới đi lui (một lúc nào đó) *sau khi đã thoát ra khỏi tầng thiền định vào một lúc nào đó trước đó*.—Hai sự chú-giải này của **Mp-t** cũng áp dụng tương ứng cho trường hợp “*tiền-nghi thuộc cõi trời (phạm thiên, brahma)*” và “*tiền-nghi thánh thiện (arya)*”.] (444)

445 [**Mp** giảng giải: “Chỗ này là chỉ (gông cùm) *tham-dục* đã được dẹp bỏ bằng thánh đạo A-la-hán ngay tại hiện trường của sự đại giác-ngộ. Bằng phương tiện là sự hồi quán, Đức Phật đã đề cập tới sự chứng đắc thánh quả.”] (445)

446 [**Mp** giải thích rằng du sĩ này đã từng được những du sĩ cử đi giả dạng xin thụ giới thành Tỳ kheo trong Tăng đoàn để học những ‘bí quyết thành công’ của Tăng đoàn [bởi họ nghĩ (Tăng đoàn hay Phật) có dùng bùa thuật gì đó để thu hút nhiều đệ tử như vậy], và sau khi học xong sẽ quay về chỉ lại cho đoàn du sĩ. Sau khi thụ giới Tỳ kheo, du sĩ Sarabha đã kết luận rằng Giới Luật Tăng Đoàn [Pātimokkha, Giới Bản Tỳ Kheo] chính là chìa khóa thành công của Tăng đoàn. Sau khi học Pātimokkha, ông ấy đã quay về với những du sĩ và kể lại rằng ông đã học Giáo Pháp của những đệ tử của Phật. Phần bối cảnh câu chuyện này giống hệt như câu chuyện trong kinh *Susīma Sutta*, **SN 12:70** (Quyển 2), chỉ khác ở phần kết cục.] (446)

447 [Ngay chỗ này **Ee** có ghi thêm dòng chữ này: “*mayā kho Sarabha paññāyati samanānaṃ Sakyaputtiyānaṃ dhammo*” (Này Sarabha, Giáo Pháp của những sa-môn đi tu theo người con của dân tộc Thích-ca đã được nhìn thấy bởi ta). **Be** thì bỏ dòng chữ này trong ngoặc đơn, nhưng **Ce** thì không ghi dòng chữ này.] (447)

448 [Trong kinh **MN 35**, mục 13–14, 27–28, 32–35 có ghi rằng: “*Nếu ai, khi*

được Như Lai hỏi một câu hỏi có lý đến lần thứ ba mà vẫn không trả lời, thì đầu người đó bẻ tung thành bảy mảnh.” Tuy nhiên, trong kinh này, du sĩ Sarabha không trả lời câu hỏi của Phật sau 03 lần được hỏi, nhưng đầu của ông ta vẫn nguyên vẹn và không có mối họa nào xảy ra với ông ta, và trong kinh cũng không có lời cảnh báo nào như vậy.] (448)

449 [Lưu ý, ở đây điều tuyên bố (1) chính là *sự tự-tin (vesārajja) thứ nhất* trong 04 sự tự-tin của Như Lai, coi thêm kinh **AN 4:08**. Kế dưới, điều tuyên bố (2) là *sự tự-tin thứ hai* của Như Lai; còn điều tuyên bố (3) thì lại là *sự tự-tin thứ tư* của Như Lai. *Sự tự-tin thứ ba* của Như Lai không có ghi trong kinh này.] (449)

450 [(Dãy động từ cuối này) từ tiếng Pāli, không rõ 03 chữ luân phiên này là gì trong câu này. Trong **Ce** chữ ngắt phẩy là “vā” chỉ xảy ra 02 lần trong câu này, cho thấy chỉ có 02 chữ luân phiên. **Ee** thì có 03 lần chữ “vā”, nhưng cụm chữ *tunhībhūto vā maṅkubhūto vā* đã chia 02 từ vốn thường thuộc về một chữ luân phiên duy nhất. **Be** thì chỉ có 01 lần “vā”, điều này càng làm câu hỏi về những chữ luân phiên này thêm mờ tối. Tôi đã chọn cách phân chia thành “*người đó có thể trả lời một cách lảng tránh ...*” và “*thể hiện sự tức giận, thù ghét, và cay đắng*” ngay cả khi chúng ta thấy trình tự chỗ này không có một chữ ngắt phẩy nào như kiểu: *aññenaññaṃ paṭicarati, bahiddhā kathaṃ apanāmeti, kopaṅca dosaṅca appaccayaṅca pātukaroti*. Về mặt này, tôi đã làm theo cách phân chia trong bản kinh song hành trong Hán Tạng, **SĀ 970** [chỗ **T II 250b21–23**] không ghi ra 03 chữ luân phiên rời nhau: 彼則遼落說諸外事。或忿恚慢覆。對閔不忍。無由能現。或默然抱愧低頭。密自思省 (Người đó chuyển hướng sự thảo luận qua một chủ đề bên ngoài, hoặc (或), bị chi phối bởi sự tức giận và tự cao, sẽ vô lý thể hiện sự thù ghét và bất nhẫn, hoặc (或) sẽ im lặng chấp chứa sự xấu hổ, với đầu gục xuống, suy ngẫm riêng tư.”] (450)

451 [Nguyên văn cả câu: *Yassa kho pana te atthāya dhammo desito so na niyyāti takkarassa sammā dukkhakkhayāyā ti*. **Mp** coi cụm chữ “*yassa atthāya*” có nghĩa là “*mục đích mà vì nó*” *Giáo Pháp được chỉ dạy*, và đã nhận dạng đó chính là *sự tiêu-diệt tham, sân, si*; và diễn dịch chữ “*Giáo Pháp*” ở đây chính là ‘*sự thiên-quán về sự không háp-dẫn [ô uế] của thân*’ ...

- Động từ *niyyāti* có nghĩa là “*đi-ra-ngoài*” (thoát ra?) [= đi tới sự hoàn toàn diệt-khổ]. Chữ *takkarassa* có lẽ là một sự hình thành từ chữ *sandhi: takkaro assa*.

- Tôi có thể đối chiếu cụm chữ này trong 02 những phiên bản Hán tạng: (1) **EĀ 27.6** (chỗ **T II 645c10–11**) ghi là: 諸賢聖出要之法。盡於苦際。欲使不出要者。終無此處 (*Không thể nào Giáo Pháp đi-ra-ngoài này của những bậc thánh mà không đi-ra-ngoài tới sự hoàn toàn diệt-khổ*). (2) **EĀ 46.4** (chỗ **T II 776c28–777a2**) có ghi: 我所說法。賢聖得出要者。如實盡於苦際。設有沙門。婆羅門。天。若魔天來欲言未盡苦際者。無此處 (*Bằng Giáo Pháp này được chỉ dạy bởi ta, những thánh nhân đi-ra-ngoài một cách đúng đắn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Không thể nào có sa-môn nào (vân vân) có thể đến và nói rằng: ‘[Họ] đã không đạt tới sự hoàn toàn diệt-khổ.’*.)] (451)

452 [Ở đây, phiên bản Hán Tạng **SĀ 970** [ở **T II 250b28**] chỉ đơn giản ghi là “(Phật) đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi khỏi” (從坐起而去) chứ không có sự rời khỏi với một cách siêu thường nào cả.] (452)

453 [Nguyên văn: *Vācāya sattitodakena sañjambharim akamsu*. **Be** và **Ee** thì ghi chữ *sannitodakena* thay cho chữ *sattitodakena* trong **Ce**. Bản Hán tạng [**T II 250c8**] chỗ này chỉ ghi đơn giản: “*họ quả trách và phê phán thẳng vô mặt anh ta*” (面前呵責毀咎).] (453)

454 [Nguyên văn cả câu này: *Seyyathāpi, āvuso sarabha, ambakamaddari ‘phussakaravitaṃ ravissāmi’ ti ambakamaddariravitaṃyeva ravati*. **Be** có ghi chữ *ambukasañcārī* thay cho chữ *ambakamaddari* và chữ *purisaka* thay cho chữ *phussaka* đã được ghi trong **Ce** và **Ee**. Tôi đã tự cho mình ít tự do để dịch thoáng những danh từ tối nghĩa về những loại chim này để đưa ra được nghĩa lời kinh muốn nói. **Mp** [của **Ce**] giải nghĩa chữ *ambakamaddari* là *một con gà nhỏ* (*khuddakakukkuṭikā*) và chữ *phussaka* là *một con gà lớn* (*mahākukkuṭa*). Phiên bản kinh này trong Hán tạng [ở **T II 250c3**] thì ghi khác, như vậy: “*Giống như một phụ nữ cố nói giọng nam nhưng chỉ có thể nói giọng nữ nhi*” (譬如女人欲作丈夫聲，發聲即作女聲). Cụm chữ Pāli *purisakaravitaṃ* có thể được hiểu là ‘*sự la lên của một người nam*’ và chữ *ambaka* là ‘*một phụ nữ*’, nhưng do không có một sự tương phản đơn giản và rõ rệt nào giữa chữ *ambaka* và *purisa* trong cùng phiên bản, nên tôi đã làm theo sự

giải nghĩa của **Mp.**] (454)

455 [*Kesaputtiya* có nghĩa là: *những người ở [thị trấn] Kesaputta*. Phiên bản **Be** ghi tên kinh là *Kesamutti*. Bài kinh này nổi tiếng hơn với cái tên “*Kālāma Sutta*” (*Kinh Những Người Kālāma*)—Một phiên bản tương đương trong Hán tạng là kinh **MĀ 16** [ở **T I** 438b13–439c22]. Tôi sẽ chú thích bên dưới về mấy chỗ quan trọng mà nó khác với phiên bản Pāli.] (455)

456 [Luận giảng [**Mp**] giải thích rằng thị trấn này nằm bên bìa một khu rừng. Nhiều nhóm du sĩ và ẩn sĩ thường dừng nghỉ qua đêm ở đây trước khi họ băng qua khu rừng. Trong lúc ở lại họ thường nói chuyện với những người dân Kālāma trong thị trấn, và do đó những người dân Kālāma được tiếp cận với nhiều loại chủ thuyết, giáo thuyết. Sự mâu thuẫn giữa những giáo thuyết và quan-điểm khác nhau đã gây ra nhiều sự nghi-ngờ và bối-rối cho họ.]

457 [Một loạt 10 nguồn hay cơ sở chưa đầy đủ để kết luận một điều gì là sự thật có thể được phân thành 03 nhóm:

- (1) **NHÓM 1**: gồm 04 lý-do đầu tiên: là 04 sự giả định mặc nhiên dựa theo sự lưu truyền, sự lan truyền, truyền thống. Gồm có (i) do “*lời truyền miệng*” (*anussava*): thường được hiểu ở đây bởi các luận-giảng là Phật đang ám chỉ những kinh chú Vệ-đà đã được truyền miệng; (ii) do “*điều đó đã trở thành truyền thống*”: như những giáo lý, giáo điều đã được truyền dạy của những sư thầy, những tông giáo, tôn môn kể truyền; (iii) do “*tin đồn*” (*tin được lan truyền, điều được kể lại, chuyện được thuật lại; itikirā*): là những tin đồn bao gồm cả những tin tức hay ý kiến trào lưu, hay những điều được đa số chấp thuận chung; và (iv) do “*có ghi trong kinh sách*” (hay trong các tập kinh, bộ kinh (*piṭaka-sampadā*)): đó là những lời kinh, những câu kinh, những điều được cho là “y kinh” thì không thể nào sai (nhưng thực ra những lời ghi trong kinh sách chưa chắc là sự thật, có thể là sai hoàn toàn, hoặc có thể chỉ là những điều do quy ước dùng để chỉ dạy, hoặc chỉ là sự thật tương đối; giống như Phật nói Giáo Pháp của Phật chỉ như một chiếc bè dùng để qua sông chứ chúng không hẳn là sự thật, hoặc chỉ giống như ngón tay chỉ mặt trăng chứ không phải là mặt trăng). Ở đây, theo các giảng-luận, ý Phật cũng chỉ những điều được ghi trong những kinh sách cổ xưa khác hoặc sau này, vì lúc Phật còn sống thì những lời kinh Phật chỉ được truyền dạy bằng miệng chứ chưa

được ghi thành những tập kinh hay bộ kinh.

- (2) NHÓM 2: gồm có 04 lý-do kế tiếp có được từ lý giải, suy lý, suy luận, đó là: (v) “*do lý giải*”: bởi vì *sự lý giải* thì mỗi người hiểu lý lẽ và lý giải khác nhau, không phải ai cũng lý giải đúng theo sự thật; (vi) “*do suy luận*”: *sự suy luận* cũng vậy, vì suy luận từ những lý do và nguyên nhân đúng giả khác nhau, hoặc suy luận chỉ dựa trên sự phỏng đoán, phán đoán này nọ, và không phải ai cũng suy luận đúng sự thật; (vii) “*do tự thấy là hợp lý, hợp với lý thuyết đã học*”: đây là cách phổ biến gán ghép áp đặt mọi sự đúng hay sai dựa theo khuôn mẫu lý thuyết, mà lý thuyết cũng chỉ là lý thuyết, không phải thấy hợp với lý thuyết thì đó là sự thật, bởi vì không phải mọi lý thuyết đều đúng với sự thật; (viii) “*do chấp nhận điều đó sau khi đã suy tư xem xét kỹ về nó*”: sự chấp nhận này là kết quả sau khi đã xem xét suy tư kỹ càng về điều đó, nhưng cũng đâu có gì bảo đảm là đúng sự thật, vì mỗi người xem xét kỹ theo những cách sai đúng khác nhau, và những mức độ xem xét kỹ lưỡng của mỗi người cũng khác nhau; chưa kể sự xem xét dựa trên những cơ sở nào, hay rốt cuộc cũng chỉ dựa trên những [09] cơ sở kia. Chỗ này, theo luận giảng, ý muốn nói rằng những suy luận của con người đều dựa trên giả thuyết mà ra; đó là sự khác nhau so với sự suy luận của Đức Phật: đó là dựa trên sự quán-xét từ thực nghiệm và sự tự thân thấy-biết.

- (3) NHÓM 3: gồm 02 lý-do cuối cùng, đây là 02 loại sự dính líu yếu tố cá nhân người nói: một là (ix) “*do vẻ bề ngoài hay tướng mạo của người nói có vẻ cao đạo, xuất sắc nên đáng tin*” (*bhabbarūpatā*): là sự thu hút của người nói [có lẽ gồm cả tướng mạo, oai nghi, biểu hiện, giọng nói, cử chỉ, những tính chất bề ngoài của người đó]; và hai là do thẩm quyền của người nói: (x) “*do đó là sư thầy của mình* [tiếng Pāli *garu* là đồng nghĩa chữ *guru* của tiếng Phạn] *cho nên điều ông nói chắc chắn đúng*”: cơ sở này không có gì chắc: không phải ‘điều gì do sư thầy, sư phụ, sư ông của chúng ta nói là phải đúng sự thật’; bởi vì trong thực tế không phải sư thầy nào cũng nói, giảng, dạy đúng theo sự thật; chưa kể bối cảnh lời kinh ở đây muốn chỉ *những sư thầy khác nhau của những giáo phái khác nhau với những giáo lý khác nhau* thường ghé lại ngôi làng này và thuyết giảng. (457)

- (Chú thích này do người dịch diễn dịch thêm bằng tiếng Việt để người đọc có thể nắm bắt ít nôm na ý nghĩa của 10 “*cơ sở chưa chắc chắn để kết luận*”

một điều là sự thật” mà Đức Phật đã chỉ ra cho những người dân *Kālāma*. Ý nghĩa là Phật khuyên dạy mọi người không *nên phụ thuộc vào sự hiểu biết cá nhân có được từ 10 cơ sở đó*, vì sự thật cần phải được *tự thân chứng ngộ hay tự thấy, tự biết*. Và trước mắt Phật chỉ khuyên dạy rằng: chỉ cần biết điều gì thiện lành, được bậc trí hiền khen ngợi thì nên làm, và điều gì ngược lại thì không nên làm, thì sẽ dẫn đến phúc lợi dài lâu; không cần phải vất vả ưu tư hay cố tìm hiểu để biết cho được ai nói là sự thật, ai nói là không sự thật trước khi thực hành. Trước mắt chỉ cần biết điều gì thiện lành thì thực hành; điều gì bất thiện thì tránh bỏ.)

458 [Theo Đức Phật, tham, sân, si là ba gốc rễ bất thiện (*akusalamūlāni*), nó nằm ẩn bên dưới những hành vi bất thiện vô đạo đức và tất cả những trạng thái ô nhiễm của tâm; coi thêm kinh **3:69**. Bởi vì mục tiêu của giáo lý của Phật là Niết-bàn, = sự tiêu-diệt tham, sân, si [kinh **SN 38:10** (quyển 4)], Đức Phật đã tinh tế dẫn dắt những người *Kālāma* đồng tình theo giáo lý của Phật một cách đơn giản bằng cách kêu gọi họ tự mình suy xét sự trải nghiệm của chính mình (hơn là tin ở những điều nghe từ bên ngoài); và Phật không cần phải bắt họ tin suông lời của Phật là đúng.] (458)

459 [Điều này chắc chắn là phản trực quan, là không hoàn toàn đúng, ít nhất là dựa trên những điều (quả) nhìn thấy được tức thì (nhãn tiền) [ngay trong kiếp này], bởi vì [ngay trong kiếp này] những trường hợp “*những điều xấu ác xảy ra đối những người làm điều tốt thiện*” cũng nhiều vô số kể. (Nhưng nếu nói bao hàm kiếp này và những kiếp sau và nhân nào quả đó thì lời kinh này về lý nhân-quả là đúng; vì có những quả thiện chỉ chín muồi trong kiếp sau đối với những người thiện lành.)] (459)

460 [Nguyên văn: *Idhāhaṃ ubhayen’eva visuddhaṃ attānaṃ samanupassāmi*. Nghĩa chính xác của chữ “*về cả hai phương diện*” vẫn chưa hoàn toàn rõ rệt đối với tôi. **Mp** diễn dịch đại ý 02 phương diện là: “*Vì tôi không làm điều xấu ác, và điều xấu ác cũng không được làm bởi người khác đối với tôi*” (*yañca pāpaṃ na karomi, yañca karotopi na karīyati*).” Tuy nhiên, đối với tôi dường như ý của lời kinh đang nói về 02 loại sự thanh-lọc bản thân, đó là: (1) không làm những điều xấu ác, và (2) tu dưỡng tâm trong sạch bằng cách tu tập bốn trạng thái tâm vô lượng [từ, bi, hỷ, xả]. Nghĩa này cũng giống như nghĩa trong bản Hán tạng tương đương vậy. (Người dịch Việt thấy sự chú giải của

Mp cũng có lý phần nào, tức là “Giả sử làm việc xấu không bị quả xấu đi chẳng nữa, thì một người không làm việc xấu (i) cũng là tốt và (ii) cũng không bị người khác làm điều xấu ác với mình. Như vậy được tốt cả 02 phương diện.”] (460)

461 [*04 sự bảo-an* trong phiên bản kinh này trong Hán tạng **MĀ 16** [ở **T I** 439b8–26] là khác, như sau: (1) “Nếu có thế giới này và thế giới khác, nếu có những quả của những nghiệp tốt và xấu, thì tôi tích được nghiệp kết nối (câu hữu) với chánh-kiến này; tôi xiển dương nó và có được nó. Khi thân tan rã, sau khi chết, tôi chắc chắn sẽ đi tới trạng thái tốt lành, thậm chí được tái sinh trong cõi trời. (2) Nếu không có thế giới này và thế giới khác, và không có những quả của những nghiệp tốt và xấu, ngay cả trong kiếp này, thì tôi cũng không bị người khác chê trách về [hành vi của] mình, mà tôi sẽ được khen ngợi bởi người trí hiền. Tuy nhiên, những người có chánh tinh-tấn và chánh-kiến thì nói là có [thế giới này, thế giới khác, và những quả của nghiệp]. (3) Nếu làm điều gì, chắc chắn tôi không làm điều xấu gì xấu ác. Vì tôi không làm điều gì xấu ác, thì sao sự khổ đau có thể khởi sinh trong tôi? (4) Nếu làm điều gì, chắc chắn tôi không làm điều xấu gì xấu ác. Tôi không phạm vào điều gì đáng sợ-hãi và điều gì không đáng sợ-hãi trong thế gian. Tôi chỉ luôn có tình thương và bi mẫn đối với toàn thế gian. Tâm tôi không có sự tranh đấu đối với những chúng sinh; điều đó là không sự ô nhiễm, và hoan hỷ và hạnh phúc.”] (461)

462 [Nguyên văn: *Atthi idaṃ, atthi hīnaṃ, atthi paṇītaṃ, atthi imassa saññāgatassa uttari nissaraṇaṃ*. Câu này cũng có trong kinh **MN 7**, mục 17, trong đó câu này cũng theo sau những câu nói về *04 tâm vô lượng*. **Mp** giải nghĩa: “*Có trạng thái này*”: là chỉ *năm-uẩn*, chỉ cái *sự thật về khổ* (diệu đế 1); “*có trạng thái thấp kém (nhược)*”: là chỉ *sự thật về nguồn-gốc khổ* (diệu đế 2); “*có trạng thái cao siêu hơn (ưu)*”: là chỉ *sự thật về con-đường dẫn đến sự diệt khổ* (diệu đế 4, về Bát thánh đạo); và; “*một sự giải-thoát nữa vượt khỏi mọi thứ dính liú nhận-thức*”: là chỉ *Niết-bàn*, là = *sự thật về sự diệt khổ* (diệu đế 3).] (462)

463 [Nguyên văn: *brahmabhūtena attanā viharati*. Cách diễn tả trong đoạn cuối này cũng có trong kinh **4:198**, và trong kinh **MN 51**, mục 5. Dường như Đức Phật thường cố ý chọn dùng chung chữ (cùng thuật ngữ) với những từ

ngữ của bộ *Upanishad* (*Áo Nghĩa Thư* của Vệ-đà) cho mục đích giảng giải giáo lý của mình. (Như những trạng thái thiên-thánh hay vô-lượng thì lấy chữ trời *brahma* (phạm thiên) để mô tả nó như thuộc cõi trời, bởi vì đó là cảnh giới cao siêu nhất, đáng mơ ước nhất (bởi đa số người dân) theo giáo lý của các tôn giáo đương thời của Ấn Độ lúc đó.) (463)

464 [Có 04 phương pháp đặt câu hỏi; coi thêm kinh **4:42**. **Mp**: “(1) *Một câu hỏi nên được trả lời một cách dứt dạc*” (*ekamsavyākaraṇīya pañha*) là, ví dụ, “*Có phải mắt là vô thường?*”, thì nên được trả lời một cách dứt dạc: “*Đúng, mắt là vô thường*”. (2) *Một câu hỏi nên được trả lời sau khi có sự phân giải* (phân tích, phân biệt) (*vibhajjavyākaraṇīya pañha*) là, ví dụ, “*Có phải sự vô thường là mắt?*”, thì nên được trả lời bằng sự phân giải: “*Không chỉ là mắt, mà tai, mũi, lưỡi ... cũng đều là vô thường*”. (3) *Một câu hỏi nên được trả lời bằng câu hỏi lại* (*paṭipucchāvyākaraṇīya pañha*) là, ví dụ, “*Có phải mắt có cùng bản chất như tai?*”, thì người nghe nên trả lời bằng câu hỏi lại: “*Về phương diện nào mới được?*” Nếu người hỏi nói: “*Về phương diện nhìn thấy*”, thì nên trả lời: “*Không đúng*” (vì tai đâu có nhìn thấy). Nhưng nếu người hỏi nói: “*Về phương diện vô thường*”, thì nên trả lời: “*Đúng*” (vì tất cả chúng đều là vô thường). (4) *Một câu hỏi nên được bỏ qua* (*thapanīya pañha*) là, ví dụ, “*Có phải linh hồn là một với thể xác?*”, thì nên được bỏ qua, không trả lời, chỉ cần nói “*Điều này đã không được tuyên bố bởi Như Lai*”.

- Theo thiên ý của tôi [TKBĐ], ví dụ tốt hơn về loại câu hỏi thứ hai ở trên là cách Đức Phật đã trả lời cho Subha trong kinh **MN 99**, mục 4; trả lời cho bà-la-môn Ujjaya trong kinh **AN 4:39**; và cách trả lời của gia chủ Vajjiyamāhita cho những du sĩ trong kinh **AN 10:94**] (464)

465 [Ý nghĩa lời kinh nguyên gốc của những câu này hơi xa với sự rõ-rệt của những lý-do. Do vậy tôi đã dựa vào chú giải của **Mp**; (chú giải rất dài gồm rất nhiều ví dụ hỏi đáp của riêng **Mp**; người dịch chỉ tóm lược câu chính, vì lời kinh cũng đã tự rõ nghĩa sau khi thầy TKBĐ đã dịch nghĩa): (a) “*Người không đứng vững trước lập trường của mình và lập trường đối kháng của người khác* (*thānāṭhāne na saṅghāti*): Là không đứng vững trước điều gì là lý do và điều gì không là lý do ... [Nhưng theo tôi, thay vì vậy, điều này cũng có thể có nghĩa là người đó không đứng vững đối với điều thực sự và điều không thực sự, điều có thể và điều không có thể? Đây cũng lần lượt là các

nghĩa của chữ *thāna* và *aṭṭhāna*.] (b) “Người đó không đứng vững trong ý đồ của mình” (*parikkape na saṅghāti*): Điều này được thấy thể hiện trong cả khi hỏi câu hỏi và khi trả lời câu hỏi ... (c) “Người đó không đứng vững trong sự khẳng định của mình về một điều đã được biết (*aññātavāde na saṅghāti*): Là có nghĩa như thiếu tự-tin hoặc ba-phải ... (d) “Người đó không đứng vững trong thủ tục (*paṭipadāya na saṅghāti*): [Câu này theo **Mp** chú giải là về vấn đề giới-luật]. Ví dụ do không học hiểu những điều giới-luật (*vattam ajānitvā*), người đó hỏi trong những tình huống mà câu hỏi không nên được hỏi. Chẳng hạn: không nên hỏi câu hỏi khi đang đứng trong sân đền thờ (*cetiyaṅgana*); khi đang đi tới chỗ để khát thực; khi đang đi khát thực trong làng; khi đang ngồi trong hội trường; khi đang ngồi và đang lấy thức ăn để ăn bữa trưa; khi đang ngồi sau khi ăn; và khi đang đi tới chỗ để an trú ban ngày. Tuy nhiên, nếu một người đang ngồi trong những buổi khác trong ngày, nếu có người khác xin phép và đặt câu hỏi, thì người đó nên trả lời; nhưng người đó không nên trả lời nếu người hỏi không xin phép trước để hỏi. Đây chính là nghĩa của câu (d): ‘Hỏi một câu hỏi mà chưa hiểu giới-luật, là người đó không đứng vững về mặt thủ tục.’”] (465)

466 [Nghĩa là, người đó như vạch lá tìm sâu, cứ moi tìm những lỗi nhỏ nhặt của người khác làm đề tài để chê bai, chỉ trích (và không trực tiếp nói vào chủ đề và và ý nghĩa chính của cuộc nói chuyện).] (466)

467 [**Mp** diễn dịch: “Người đó trực-tiếp biết (liễu tri) một điều, đó là một *Giáo Pháp thiện lành*, là *thánh đạo*. Người đó hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) một điều, đó là *diệu đế về khổ*. Người đó dẹp bỏ (trừ bỏ) một điều, đó là tất cả *mọi tâm tính bất thiện*. Người đó chứng ngộ (chứng đắc) một điều, đó là *thánh quả A-la-hán = diệu đế 3 về sự diệt-khổ*. Bằng những phương tiện là trí-biết (minh) như vậy, người đó đạt tới sự giải-thoát, đó là sự giải-thoát bằng thánh quả A-la-hán.”] (467)

468 [Nguyên văn câu này: *Anariyaṅaṃ āsajja*. Câu này là khó dịch. Theo chữ in, có thể dịch là: “Sau khi đã tán công những phẩm-chất thánh thiện”. Nhưng chữ *gūṇa* thường có nghĩa là *những phẩm chất đức-hạnh [thuộc giới-hạnh]*. **Mp** đã đưa ra lời chú giải không mấy thuyết phục là: “Họ có sự nói chuyện dùng những phẩm chất bất thánh thiện để tán công những phẩm chất [tốt thiện].” Tôi dịch dựa theo giả định rằng lời kinh gốc đúng ra là “*Anariyā*

guṇam āsajja” (những người không thánh thiện tấn công [phá] những phẩm chất [tốt thiện]). Phiên bản kinh này trong Hán tạng **MĀ 119** [ở **T I** 609a8–b29] thì gần như khớp với phiên bản Pāli về bài thi kệ; và câu kệ ghi tương ứng [609b15] với cách dịch của tôi là: 非聖毀皆德 (không thánh thiện, họ chửi chê những đức-hạnh [của lẫn nhau]).] (468)

⁴⁶⁹ [Nguyên văn câu này: *Dhammaṭṭhapatisaṃyuttā yā ariyācaritā kathā*. **Mp** chú giải cụm chữ *dhammaṭṭhapatisaṃyuttā* như vậy: “Cuộc nói chuyện được thực hiện bởi người đã thiết lập trong Giáo Pháp, nhờ vậy nó được thiết lập trong Giáo Pháp; và [cuộc nói chuyện] được kết nối với Giáo Pháp, nên nó được thiết lập trong Giáo Pháp và kết nối với Giáo Pháp.” Như vậy là **Mp** đã coi chữ *dhammaṭṭha* là chữ ghép từ 02 chữ *dhamme* và *ṭhita*. Tuy nhiên, tôi dịch với giải định rằng cụm chữ *dhammaṭṭhapatisaṃyuttā* có một chữ ghép đồng-đẳng (*dvanda*) vốn nên được phân nghĩa thành *dhammena ca aṭṭhena ca paṭisaṃyuttā*. Trong sự chú giải về lời-nói đúng đắn (chánh ngữ), thường thấy ghi rằng người đức-hạnh (có giới-hạnh) là “*atthavādī dhammavādī*” (người nói điều có ích lợi [hoặc có ý nghĩa]), là người nói về Giáo Pháp”; coi thêm kinh **3:69**; **10:176**, đoạn (7). Thật là bất thường—nhưng không phải ngoại lệ—để tìm thấy chữ *aṭṭha* thay chỗ chữ *attha* với nghĩa “ý nghĩa” hay “ích lợi”; thông thường thì thấy đuôi chữ *ṭha* được nhúng trong một chữ ghép và theo sau bằng một quá khứ phân từ.

- Phiên bản Hán tạng của kinh này, tôi phát hiện ra nó sau khi đã dịch xong kinh này, cũng ủng hộ cách hiểu của tôi ở đây. Ở **T I** 609b19 chúng tôi đọc thấy câu: 有法亦有義 諸聖論如是 (cuộc nói chuyện có Giáo Pháp và có ý nghĩa: tất cả sự nói chuyện của những người thánh thiện là giống như vậy). Chữ 義, giống chữ Pāli *attha*, đều có cả 02 nghĩa là “tốt” và “nghĩa”, và chữ 有義 thì có thể có nghĩa là “có ích lợi” hay là “có nghĩa”.] (469)

⁴⁷⁰ [Chỗ này tôi đọc theo **Be** là *anunnatena manasā*; khác với **Ce** và **Ee** ghi là: *anupādinna manasā*. **Mp** [cả **Ce** và **Be**] giải nghĩa là = *anuddhatena cetasā*, điều này cũng ủng hộ cách ghi là *anunnatena manasā*.] (470)

⁴⁷¹ [**Mp** minh họa cách *tham* là “ít đáng chê trách hơn” bằng ví dụ như hôn nhân: nó vốn cũng xuất phát từ *tham*-dục, nhưng được xã hội chấp nhận và do vậy được người ta coi là ‘ít đáng chê trách hơn và nghiệp quả nhẹ hơn’.

Nhưng do *tham* là dính với *khoái-lạc*, nên nó là khó loại bỏ, khó phai biến. Còn *sân* và *si* đều là “*rất đáng chê trách*” và có nghiệp quả nặng nề. Tuy nhiên, *sân* dính với sự phiền bức, sự khó chịu, và chúng sinh thì chỉ thích sự khoái-lạc nên họ tự nhiên họ có khuynh-hướng loại bỏ sự *sân*, cho nên nói nó phai biến nhanh hơn (tức nó sẽ được loại bỏ nhanh hơn 02 độc tính kia). Còn *si*, những ý nghĩ ngu si, ngu mờ, vô minh, do chúng thường bắt rễ từ *duc-vọng* (ái), những quan-điểm này nọ (tà kiến), và sự tự-ta (ngã mạn) cho nên nó là khó loại bỏ.] (471)

⁴⁷² [Nguyên văn: *asatā dukkhaṃ upadahati*. **Mp** [của **Ce**] giải thích: “*Người đó tạo ra khổ đau bằng sự giả dối, bằng thứ không có thật, sau khi đã nói về những tội lỗi có thật (của người kia)*” (*abhūtena avijjamānena yaṃ kiñci tassa abhūtaṃ dosaṃ vatvā dukkhaṃ uppādeti*). Lưu ý ở đây **Mp** coi chữ *asatā* là đồng nghĩa chữ *abhūtena*. Trong cả lời kinh và trong **Mp**, phiên bản **Be** đều ghi là *uppādayati*, còn **Ce** và **Ee** ghi là *upadahati*.] (472)

⁴⁷³ [Từ chỗ này và bên dưới, lời kinh đề cập tới 03 loại cây: cây *sāla*, cây *dhava*, và cây *phandana*. (?)] (473)

⁴⁷⁴ [Những Ni-kiền-tử (*Nigaṇṭha*) là những tu sĩ theo đạo Jain (tức Kỳ-na giáo), họ là những đệ tử của giáo chủ Đại Thiên (Mahāvīra), ông được biết là vị đạo sư của đạo Jain, được biết đến trong các bộ kinh với tên là Ni-kiền-tử Nātaputta (Nāthaputta hoặc Ñātaputta). Ông là người cùng thời với Đức Phật và nằm trong số 06 đạo sư đối nghịch với Phật [coi thêm kinh dài **DN 2**, mục 16–33]. Có thể hiểu những người theo đạo Phật và những người theo đạo Jain lúc đầu phát triển trong cùng những vùng đất, và họ đều là những người khát thực, họ hầu như giống như cạnh tranh nhau để có được sự ủng hộ cúng dường từ cùng những cộng đồng người tại gia.] (474)

-► (Nhân tiện: cô Visākhā, nữ đại thí chủ của Đức Phật và tăng Đoàn, có biệt danh là “*Mẹ của Migāra*” (*Migāramātā*); cô được gọi như vậy vì cha chồng của cô là ông Migāra (sau khi nhìn thấy trí tuệ về giáo pháp của cô đã quy phục và) gọi cô là “*Mẹ*” của ông theo cái nghĩa như cô là người dẫn dắt ông ta một cách thiện khéo đến với Phật Pháp (giống như một người mẹ khéo dẫn dắt con đi đúng đường vậy). Và Sālha là con trai của cô, tức cháu nội của ông Migāra, như được nói ở đầu kinh **3:66** ở trên. *Khu Vườn Phía Đông* hay

Đông Viên là tên của khu tịnh xá cô đã xây và cúng dường cho Đức Phật và Tăng Đoàn).

⁴⁷⁵ [Nguyên văn: *Ye puratthimāya disāya pānā param yojanasatam tesu daṇḍam nikkhipāhi. Mp* giải nghĩa là: “*Hãy đặt cây gậy xuống và không bạo động đối với những chúng sinh sống trong những vùng xa hơn 100 do-tuần*” (*tesu yojanasatato parabhāgesu ṭhitesu sattesu daṇḍam nikkhipa, nikkhitta-daṇḍo hohi*). Một do-tuần là khoảng giữa 7-9 dặm (khoảng độ 11-15 km). - Như vậy những người theo đạo Jain được mô tả nói rằng: “Chỉ đối với những chúng sinh ở xa mình là mình không nên hung bạo với họ” như thể họ được phép hung bạo đối với những chúng sinh gần mình vậy. Điều này, có lẽ, trái với giáo lý của đạo Jain vốn cũng chủ trương đề cao sự không-hung-bạo (*ahimsā*) đối với tất cả chúng sinh dưới mọi dạng sống. Mời đọc thêm trang <http://www.jainworld.com/philosophy/ahimsa.asp>.] (475)

⁴⁷⁶ [Nguyên văn câu này là: *Nāham kvacana, kassaci kiñcanatasmim, na ca mama kvacana, katthaci kiñcanatātthi*. Các phiên bản **Ce**, **Be**, và **Ee** ghi câu công thức này với một số chữ khác nhau ít nhiều. Ở đây tôi đọc theo **Ce** và dựa theo kinh **4:185**. Mục đích của công thức này, theo như ý bài kinh này, là để làm thắm nhuần tư tưởng phi-sở-hữu: một trong những giới-hạnh căn bản của đạo Jain. Đức Phật cũng dạy công thức này—như đã được truyền dạy trong những cộng đồng người tu thiền quán—dùng nó như một phương tiện để loại bỏ “*sự tạo nên cái-ta*” (tự ngã) và “*sự tạo nên cái của-ta*” (ngã sở) (để nhấn mạnh cái ‘ta’ là giả lập và vô ngã, không có cái ‘ta’ thường hằng nào (như dạng một ‘linh hồn’ hằng hữu), và không có thứ gì thường hằng thuộc về *của-ta*). Coi thêm chú thích 896 ở kinh **4:185**, ở đoạn (4), để biết thêm thảo luận về vấn đề này.] (476)

⁴⁷⁷ [Nguyên văn: *Upakkilīṭṭhassa visākhe cittassa upakkamena pariyodapanā hoti. Mp* giải thích: “*Tại sao Phật nói như vậy? Bởi vì sự trai giới bố-tát sẽ không có nhiều kết quả nếu người đó trai giới với một cái tâm bị ô-nhiễm (lậu hoặc); nhưng sẽ có rất nhiều kết quả tốt nếu người đó trai giới với một cái tâm đã được thanh tẩy. Phật nói câu như vậy là để đưa vào những đề-mục thiền được dùng để thanh lọc cái tâm.*” - Theo sau ngay đây là 05 trong 06 *sự quán-tưởng* (quán niệm, tưởng niệm) *tiêu chuẩn* (*cha anussatiyo*; coi kinh **6:10**, vân vân ...) của Phật giáo. Vì lý do nào đó ở đây sự quán-tưởng

thứ sáu, là *quán-tưởng về sự bỏ-thí (cāgānussati)*, đã bị bỏ đi. Mới nhìn chúng ta có thể cho đó là lỗi do quá trình truyền thừa qua hàng ngàn năm. Nhưng, trong phiên bản tương ứng của Hán Tạng, **MÃ 202** [chỗ T I 770a16–773a1] cũng thiếu luôn sự quán-tưởng này, điều đó cho thấy rằng sự bỏ đi đó—cho dù là vô tình hay cố ý—đã dẫn dắt tới việc phân ly giữa những người theo trường phái *Vibhajjavāda* [*Phân Biệt Thuyết Bộ*: họ là thủy tổ của *Trường Lão Bộ* (Theravāda)] và những người theo trường phái *Sarvāstivāda* (*Nhất Thiết Hữu Bộ*). Thật thú vị là, trong kinh Hán Tạng **MÃ 202** có ghi *08 giới* được nói ra trước *05 sự quán-tưởng* nói trên; trong khi đó trong phiên bản Pāli thì thứ tự ngược lại: *05 sự quán-tưởng* lại được nói ra trước *08 giới*. Nếu nói cho công tâm thì thứ tự trong bản Hán Tạng có vẻ phù hợp với những giáo lý Phật giáo hơn: tức coi *giới-hạnh* là phần cần có trước, là cơ sở để tu tập thiền.] (477)

478 [**Mp** giải thích: “Ở đây thì Đức Phật Toàn Giác là người được gọi là vị trời *Brahmā*” (*brahmā vuccati sammā sambuddho*); (có lẽ do Trời *Brahmā* (Phạm Thiên) được cho là hình ảnh của đáng cao nhất theo tín ngưỡng của bà-la-môn và đại chúng vào thời Đức Phật (cũng giống tín ngưỡng dân gian xưa nay ở Việt Nam cũng coi “ông Trời” là đáng quyết định tất cả mọi sự trong thế gian vậy.)] (478)

479 [Sáu cõi này là sáu cõi trời dục-giới. Những thiên thần cao hơn là chỉ những thiên thần thuộc những cõi trời sắc-giới và vô-sắc-giới.] (479)

480 [Từ chỗ này, Phật giảng giải về *08 giới-hạnh* mà những Phật tử tại gia tuân thủ trong những ngày bố-tát. *08 giới* này (bát quan trai giới) cũng được ghi lại trong các kinh **8:41–45**. Dễ thấy rằng: *08 giới* này cũng gần giống như *10 giới sa-di*; chỉ khác ở đây coi như ‘giới thứ bảy và thứ tám nhập thành một’ và ‘không có giới thứ mười của sa-di’ [kiêng cử nhận vàng, bạc, tiền].] (480)

481 [Nguyên văn: *ekabhattika*. Chữ này có thể dịch là “ăn trong một phần hay một thời của ngày”. **Mp** giải thích là: “Có hai bữa [thời, lúc] cơm, bữa [lúc] sáng và bữa [lúc] chiều tối. Bữa [thời] sáng kết thúc lúc giữa trưa (ngọ); bữa [thời] chiều tối kéo dài từ sau giữa trưa cho đến rạng sáng hôm sau. Do vậy ngay cả ai có ăn 10 lần (từ sáng đến) trước giờ trưa (ngọ) thì cũng được cho

là ăn một bữa [một lần, một thời] trong một ngày.” - (Chú thích 931 ở đoạn (iv) của kinh **4:198** cũng dẫn chiếu y vậy).] (481)

482 [Nguyên văn Pāli **Ce**: *pahūtasattaratanānaṃ*; **Be**: *pahūtarattaratanānaṃ*; **Ee**: *pahūtamahāsattaratanānaṃ*. **Mp** (của **Ce** và **Be**) thì ghi là *pahūtarattaratanānaṃ*, nhưng **Mp** của **Ee** lại ghi *–satta-* (thay vì *–ratta-*). **Mp** giải thích nghĩa là: “Có được nhiều thứ phi nhiều quý báu gồm cả *ratta*; nghĩa là chứa đầy những thứ thuộc bảy báu; nhiều đến nỗi có thể ước theo tỷ lệ là: nếu diện tích của cõi Diêm-phù-nê [*Jambudīpa*] (chỉ lục địa bán đảo Ấn Độ) bằng diện tích mặt cái trống *bheri*, thì số lượng bảy báu sẽ bằng thiết diện vòng thắt lưng của một người.” Như vậy là có sự mơ-hồ về cách dùng đuôi chữ *–satta-* hay *–ratta-*. **Mp-t** thì nói chữ *ratta* là đồng nghĩa *chất quý báu* (*rattasaddo ratanapariyāyo*), nhưng cũng nói rằng trong kinh thì thấy ghi là *pahūtasattaratanānaṃ*. Tôi dịch chỗ này theo cách ghi cuối này.] (482)

483 [Hầu hết những lân bang này đều nằm trong lục địa bán đảo Ấn Độ, chỉ riêng nước Gandhāra và Kamboja là nằm ở vùng tây bắc phía trên, tức tương ứng với những phần của nước Pakistan và Afghanistan ngày nay.] (483)

484 [Bắt đầu chỗ này là 06 đoạn nói về 06 cõi trời dục-giới theo quan điểm về vũ trụ (của Phật giáo).] (484)

485 [Chỗ này đọc theo **Be** và **Ee** là *nabhe pabhāsanti*, khác với **Ce** ghi là *nabhe pabhāsenti* (thấp sáng trên những bầu trời)] (485)

486 [Theo sự chú giải của **Mp**, tôi hiểu chữ *bhaddakam* ở đây chỉ là từ phẩm định của chữ *veluriyaṃ*, chứ không phải là một loại đá quý.] (486)

487 [**Mp**: “vàng sừng bò” (*siṅgīsuvanṇa*) là vàng có màu giống màu của sừng bò (*gosīngasadisa*). “Vàng núi” (*kañcana*) là vàng được tìm thấy ở vùng núi. “Vàng thiên nhiên” (*jātarūpa*) là vàng màu ánh kim, màu vàng rờng, màu biểu tượng của vị Phật. Chữ *haṭaka* có nghĩa gốc là ‘vàng được tha đi bởi loài kiến’.] (487)

488 [Chữ cuối là: *candappabhā*. **Mp** chú giải đây là: “Một từ chỉ danh được dùng với một nghĩa thuộc cách, có nghĩa là ‘(so) với sự chiếu sáng của mặt trăng’ (*candappabhāya*).”] (488)

489 [Tôi dịch câu này như dạng câu hỏi, mặc dù trong kinh gốc câu này không có phân từ nghi vấn.] (489)

490 [Những người Ājīvaka là người theo giáo phái của ông Makkhali Gosāla, chỉ dạy thuyết định mệnh nghiêm ngặt và nhấn mạnh những sự hành-xác cực đoan.] (490)

491 [Ở đây và bên dưới chữ *sugatā* (bậc phúc lành, bậc thiện thế) được dùng ở dạng số nhiều. Như vậy trong ngữ cảnh này chữ này nó có một nghĩa rộng hơn nghĩa thông thường dùng để chỉ Đức Phật. (Nhân tiện nhắc lại: chữ *sugatā* có nghĩa là *bậc khéo-đi* (thiện thế), thầy TKBD đã dịch là *bậc phúc-lành*, người dịch Việt cũng dịch theo vậy trong các bộ kinh).] (491)

492 [Nguyên văn: *Attho ca vutto, attā ca anupanīto*. Chỗ này có sự chơi chữ giữa chữ *attho* (ý nghĩa) và chữ *attā* (cái ta, bản ngã).] (492)

493 [Phiên bản **Ee** bị thiếu câu hỏi này.] (493)

494 [**Mp** giải nghĩa như vậy: “Sau khi đã giảng giải về giới, định, tuệ của người học nhân (*sekha*), thầy Ānanda giảng giải về giới, định, tuệ của bậc vô học nhân (*asekha*) theo cách của quả A-la-hán rằng: ‘Trí-biết của quả (quả trí) của bậc vô học nhân khởi sinh sau trí-biết của định và tuệ của người học nhân. Sự định-tâm của quả (quả định) trong bậc vô học nhân khởi sinh sau sự-biết minh-sát (tuệ tri) của người học nhân.’”] (494)

495 [Những người dân Licchavi là họ tộc nắm quyền chủ chốt của nước cộng hòa Vajji (Bạt-kỳ) thời đó (là nền cộng hòa đầu tiên trên thế giới!), là nước có thủ đô là Vesālī (Tỳ-xá-ly, hay Vệ-sá-ly).] (495)

496 [Về cách Ni-kiền-tử Nātaputta tuyên bố mình là một bậc toàn tri toàn kiến như vậy, coi thêm kinh **MN 76**, mục 21–22.] (496)

497 [Nguyên văn: *So purāṇānaṃ kammānaṃ tapasā byantībhāvaṃ paññāpeti navānaṃ kammānaṃ akaraṇā setughātaṃ*. **Mp** chú giải câu này nghĩa là: “Ông ta tuyên bố sự tiêu-diệt nghiệp cũ bằng cách hành xác khổ hạnh (*āyūhitakammānaṃ*) và sự không tích lũy nghiệp mới trong hiện tại. - “*Sự phá bỏ cây cầu*” hay “*sự cắt cầu*” (*setughātaṃ*) là sự phá bỏ yếu-tố và sự phá

bỏ điều-kiện (phá duyên) tạo ra nó (*padaghātaṃ paccayaghātaṃ*).” Ở đây coi như có nghĩa là sự tiêu-diệt cả những sự tích-lũy nghiệp mới và những điều-kiện (duyên) của chúng. **SED** cho rằng chữ *setu* ở đây có nghĩa như sự trói-buộc, gông-cùm: nghe cũng hữu lý chỗ này.] (497)

498 [Nguyên văn: *Evam etissā sandiṭṭhikāya nijjarāya visuddhiyā samatikkamo hoti*. Sự phai-mòn (mòn hết, phai đi, phai biến; *nijjarā*) của nghiệp cũ thông qua cách hành xác khổ hạnh là quan niệm căn bản của đạo Jain (Kỳ-na giáo) của những người Ni-kiền-tử.] (498)

499 [Nguyên văn: *So navañca kammaṃ na karoti, purāṇaṅca kammaṃ phussa phussa vyantīkaroti*. **Mp** giải nghĩa: “Người đó không tích lũy nghiệp mới. Còn ‘nghiệp cũ’ là nghiệp được tích lũy trong quá khứ. Sau khi đã tiếp xúc nó nhiều lần, người đó làm nó biến mất. Điều này có nghĩa là sau khi đã tiếp xúc “sự tiếp-xúc do quá” nhiều lần, người đó tiêu diệt nghiệp đó.] (499)

500 [**Mp** nhận dạng 03 giai đoạn *phai-mòn* (phai đi, phai biến) chính là = 04 sự chứng quả. (i) Sự mô tả “một Tỳ kheo là có giới-hạnh” là sự *phai-mòn* thứ nhất, theo **Mp**, là chỉ những thánh đạo và thánh quả thấp [Nhập-lưu và Nhất-lai]—vì những vị đệ tử ở những giai đoạn này được cho là đã hoàn thiện về mặt *giới-hạnh* (*giới*). (ii) Sự *phai-mòn* thứ hai là sự mô tả một Tỳ kheo đã chứng đắc được 04 tầng thiền định sắc giới, là chỉ thánh đạo và thánh quả thứ ba [Bát-lai], được mô tả là người đã hoàn thiện về *sự định-tâm* (*định*). Và (iii) sự *phai-mòn* thứ ba là sự mô tả một Tỳ kheo đã đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận), là chỉ thánh quả A-la-hán, đó là bậc A-la-hán đã hoàn thiện về mặt *trí-tuệ* (*tuệ*). **Mp** cũng đề cập một cách diễn dịch khác, cho rằng tất cả 03 loại sự *thanh-lọc* nhờ sự *phai-mòn* chỉ là những mô tả về thánh quả A-la-hán, dựa trên cơ sở quy chiếu là *giới-hạnh*, *thiền-định*, và *trí tuệ* của bậc A-la-hán. Để đọc thêm về mối liên quan giữa 03 *phần tu-tập* (giới, định, tuệ) và 04 *thánh quả*, mời đọc thêm kinh 3:86.] (500)

501 [Nguyên văn: *abbhanumodasi*. Nghĩa gốc: *vui mừng theo, đồng tình, hoan hỷ theo*.] (501)

502 [Chữ gốc: *aveccappasāda*. **Mp** giải nghĩa đó là: “Niềm-tin bất lay chuyển khởi sinh bằng sự sau khi đã trải nghiệm, đã biết những giới-hạnh của họ.”

Lời chú giải này biểu thị *niềm-tin có được bởi một bậc thánh*, một người đã đạt tới mức tối thiểu là thánh quả Nhập-lưu.] (502)

503 [*Bhava*: sự hiện-hữu. Đây chỉ sự hiện hữu (sự có mặt và sống) ở một trong ba cõi (dục giới, sắc giới, và vô sắc giới). Niết-bàn được gọi là sự chấm-dứt hiện-hữu (*bhavanirodha*), tức chấm dứt sự hiện-hữu cá thể, tức không còn tái sinh trong các cõi hiện-hữu nữa. (Đó là mục tiêu rốt ráo của đạo Phật!)] (503)

504 [Nguyên văn câu cuối này: *Āyatim punabbhavābhiniḅbatti hoti*. **Mp** nói rằng, *thức trong vai trò là hạt giống (bīja*, chủng tử) ở đây là loại *thức chủ động theo nghiệp (abhisankhāravīññāṇaṃ)*, đồng khởi sinh với nghiệp. Còn câu nói *dục-vọng [ái] là hơi ấm (sneha)* là một cách chơi chữ. Chữ *sneha*, trong tiếng Pāli, có thể vừa có nghĩa là hơi ấm, vừa có nghĩa là sự luyến ái (tình cảm); theo cái nghĩa luyến ái thì chữ *sneha* có lúc được dùng như đồng nghĩa = dục-vọng (ái). Tiến trình tái-sinh ở đây cũng được mô tả một cách tương tự như trong kinh **SN 5:09** (Quyển 1), **SN 12:64** (Quyển 2), **SN 22:53**, **SN 22:54** (Quyển 3). Còn “*cõi thấp xấu*” (*hīnā dhātu*, nhục giới, cõi hạ liệt, hạ giới) chính là cõi dục-giới. Tương tự, tiếp tục bên dưới, “*cõi ở giữa*” hay cõi nằm giữa, cõi trung gian (*majjhimā dhātu*, trung giới) là cõi sắc-giới, và “*cõi cao thượng*” (*paṇītā dhātu*, ưu giới) là cõi vô-sắc-giới. Con-đường của Đức Phật (đạo Phật) là vượt thoát khỏi sự tái-sinh trong tất cả những cõi đó, (tức không còn tái sinh nữa, đạt tới trạng thái vô sinh, Niết-bàn).] (504)

505 [Nguyên văn: *cetanā patitṭhitā patthanā patitṭhitā*. **Mp** giải thích đó là: “*Sự cố-ý (tư do nghiệp và khát-vọng (nguyện) do nghiệp*”.)] (505)

506 [(A) Nguyên văn cả câu này: *Sīlabbatam jīvitam brahmacariyam upatṭhānasāram*. Theo thứ tự này, không rõ chữ *upatṭhānasāra* (i) là một phần thực-hành song hành với 03 phần thực-hành ghi ngay trước nó, hay (ii) nó chỉ là chữ bổ nghĩa cho mỗi phần thực-hành đó. **Mp** thì luận giải theo nghĩa (ii), đó là, coi nó như có nghĩa là “*sự thiết-lập*” của 03 phần thực-hành đó (*giới-hạnh* và *trì-giới*, *lối-sống [thanh bản]*, và *đời sống tâm linh*), lấy chúng làm cốt-lõi hay thiết-yếu của đời-sống tâm linh: *Upatṭhānena sāram ‘idaṃ varam idaṃ niṭṭhā’ ti evaṃ upatṭhitan* (*Thiết lập chúng là cốt-lõi, sau khi đã thiết lập [với sự cam kết] rằng chúng là siêu xuất, là mục tiêu*).

- (B) Thứ tự những phần này cũng giống trong kinh **Ud 6:08**. Luận giảng **Ud-a 351**, 9–17, [cho phép cả 02 cách diễn dịch: là một chữ bỏ nghĩa hay là một phần thực-hành của tu sĩ, 02 cách đều được] có lẽ là “*sự thực-hiện*” một số phần thực-hành của tu sĩ. Nói chung lại, 03 [hay 04] thuật ngữ (trong kinh **Ud** đó) đều thể hiện *cực đoan hành-xác khổ hạnh* mà nhiều sự thực-hành cụ thể được mô tả đầy trong đoạn (2) của kinh **3:156**, trong đó chúng được gọi là “*cách tu thiêu đốt*”. Cực đoan ngược lại là *cực đoan thụ hưởng dục-lạc*, là quan điểm cho rằng không có nguy-hại gì trong những khoái-lạc giác quan, quan điểm này dẫn tới cách thực hành chạy theo dục-lạc như đã được tả trong đoạn (1) của kinh **3:156**, trong đó nó được gọi là “*cách tu thô tục*”. Còn “*cách tu trung-đạo*” của Phật, được tả trong đoạn (2) của kinh **3:156**, là tránh bỏ cả 02 cực đoan nói trên.] (506) — (Người dịch Việt không rõ tại sao chú thích này lại đưa thêm phần luận giải (B) này!).] (506)

507 [Phiên bản **Ce** và **Ee** đều ghi là *devatāpi’ssa amanussā*. **Be** thì không có chữ *amanussā* (chúng sinh phi nhân); chữ này không phải chỉ những thiên thần cũng không thuộc dạng naga quỷ)] (507)

508 [Tên của một loại cây bụi người ta lấy thân nó nghiền thành bột hương thơm.] (508)

509 [Thi kệ này cũng có trong kinh Pháp Cú **Dhp 54**.] (509)

510 [Coi thêm kinh **SN 6:14** (Quyển 1). “*Truyền giọng nói của mình*” là dịch nghĩa chữ *sarena viññāpesi*, nghĩa gốc đúng hơn là “*giao tiếp bằng giọng nói của mình*”.] (510)

511 [Nguyên văn câu này: *Sāvako so Ānanda appameyyā tathāgatā*. **Mp** diễn dịch: “Đức Phật nói như vậy là ý rằng: ‘Này Ānanda, tại sao thầy nói điều này? Vị ấy là một đệ tử được thiết lập trong trí-biết phần nào (chưa phải là toàn-trí). Nhưng những Như Lai thì, sau khi đã hoàn thành *10 sự toàn-thiện* (ba-la-mật) và đã chứng đắc sự toàn-trí, là không thể đo lường được, là vô lượng. Trú xứ, tầm vóc, và năng lực của một đệ tử là một chuyện, còn tầm vóc của những vị Phật là khác nhiều. Giống như đem so sánh thì giống như một chút đất trong móng tay so với đất của địa cầu vậy.’”] (511)

512 [*Cūḷanikā lokadhātu*: (tạm dịch) hệ mười ngàn thế giới nhỏ, tiểu thiên hà.

Mp: “*Đây (được ví như?) là trú xứ (lãnh địa) của một đệ tử (hàng thỉnh văn)*” (*ayam sāvakaṣṣa visayo*).] (512)

513 [Đây là bốn châu lục, thuộc bốn phương cõi: đông, tây, nam, bắc.] (513)

514 [Nguyên văn câu này: *Dvisahassī majjhimā lokadhātu*. Chỗ này cần thiết phải dùng cách lời diễn đạt như vậy chứ không chỉ dùng cụm chữ “*hệ một ngàn thế giới trung*”. (i) Bởi vì *hệ thế giới trung* này không phải lớn gấp hai *hệ một ngàn thế giới nhỏ*, mà *lớn hơn một ngàn lần*, tức bằng *hệ mười ngàn thế giới*. (ii) Tương tự bên dưới, một *hệ một ngàn thế giới lớn* (*tisahassī mahāsahassī lokadhātu*) không phải lớn hơn gấp ba *hệ một ngàn thế giới nhỏ*, mà nó *lớn hơn một ngàn lần hệ một ngàn thế giới trung*, nói cách khác bằng tam thừa hệ một ngàn thế giới.] (514)

515 [(TKBĐ): Có lẽ đoạn kinh này đã đánh dấu *một bước quan trọng* dẫn tới đỉnh-cao của sự sùng kính Đức Phật? Giọng kinh này có mùi vị giống như những phần mở đầu của các tập kinh (trước tác) của Đại Thừa, như *Diệu Pháp Liên Hoa* (*Saddharmapūṇḍarīka*) và *Bát-nhã Ba-la-mật-đa* (*Pañcaviṣatiprajñāpāra-mitā*), hơn là mùi vị của kinh bộ Nikāya tiếng Pāli. (Những người tin theo kinh bộ Nikāya có lẽ không nghĩ đây là ‘giọng của Đức Phật’).] (515)

516 [**Mp** nhận dạng: “Đây là trưởng lão Lāṇudāyī [một người hay quậy rối bóc đồng trong Tăng Đoàn]. Nghe nói rằng trước kia ông đã từng bực tức khi trưởng lão Ānanda được cử làm thị giả của Phật. Do vậy, giờ ông ta có cơ hội để trả đũa, nên ngay sau lời tuyên thuyết như tiếng gầm sư tử của Phật, ông ta liền cố chọc phá niềm-tin của trưởng lão Ānanda, như kiểu muốn dập tắt một ngọn nến đang cháy, hay đâm vào mõ một con bò đang đi lạc, hay ụp đổ một cái bát đựng đầy thức ăn vậy.] (516)

517 [**Mp** diễn dịch câu này: “Đức Phật nói câu này (với thầy Udāyī) giống như một người nhân-tử muốn nói đi nói lại cho người kia đang đứng bấp bênh sắp té ngay mép vực sâu. (Và cố chỉ đường khẩn cấp): ‘Hãy đi hướng này, bước qua hướng này’.] (517)

518 [**Ee** coi kinh này là một phần tiếp theo của kinh kể trên, nhưng **Ce** và **Be** thì tách ra thành một kinh riêng. Do vậy, từ kinh này trở đi, sự đánh số kinh

của tôi sẽ thiếu một số so với **Be** và hơn một số so với **Ee**.] (518)

519 [Nguyên văn **Ce**: *ahampamhā, ahampamhā*; **Ee**: hầu như giống nhau, chỉ giải quyết chữ *sandhi*: *aham pi amhā, aham pi amhā*. **Be**: *aham pi dammo aham pi dammo*, cách ghi này dường như là sự cố gắng làm rõ nghĩa cho sự tối nghĩa của lời kinh nguyên gốc. Bản dịch tiếng Sinhala (Tích Lan cổ) lặp lại lời tiếng Pāli và đưa vào trong ngoặc là [*mama de gavayem, mama de gavayem*] (*Tôi cũng là một con bò, tôi cũng là một con bò*). **DOP** liên hệ chữ *amhā*² với chữ Phạn *hambhā* (sự hạ thấp của một con bò; một con bò). Coi thêm **SED**, **sv hambhā** (sự hạ thấp hay sự kêu la của súc vật).] (519)

520 [**Mp** giải thích: “*Trí-biết về sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận minh) khởi sinh trước (khayasmiṃ paṭhamam ñāṇam)*: đây là trí-biết thứ nhất của thánh đạo khởi sinh, được gọi là *trí-biết về sự tiêu-diệt* (diệt trí) bởi vì đó là sự-biết đi kèm thánh đạo, được gọi là sự tiêu-diệt bởi vì nó tiêu diệt những ô-nhiễm. *Lập tức theo sau là trí-biết cuối cùng (tato aññānantarā)*: ngay sau trí-biết của thánh đạo thứ tư (thánh đạo A-la-hán) khởi sinh, lập tức thánh quả A-la-hán khởi sinh.”] (520)

521 [**Mp** giải thích: “*Sự-biết khởi sinh (ñāṇam ve hoti)*: đây là một loại sự-biết hồi quán lại” (*paccavekkhaṇañāṇa*; quán chiếu lại sau khi giác-ngộ); coi thêm *Thanh Tịnh Đạo Vism* 676, **Ppn** 22.19–21.] (521)

522 [Nguyên văn: *Khuddānukhuddakāni sikkhāpadāni*. Theo như kinh **DN 16**, mục 6.3, không lâu trước khi qua đời, Phật đã cho phép những Tỷ kheo, nếu họ muốn, họ có thể bỏ những điều luật nhẹ và nhỏ này. Tuy nhiên, theo như Luật Tạng của kỳ Kết Tập Kinh Điển lần thứ nhất, những Tỷ kheo không biết chắc những điều giới-luật nào là nhẹ và nhỏ nhất, cho nên họ đã đồng quyết định giữ nguyên tất cả [coi **Vin** II 287,29–288,35]. **Mp**, khi luận giảng về bài kinh **AN** này, đã nói rằng: “*Những vị thầy chuyên sâu về Đại Tăng Chi Kinh Bộ này có nói rằng: ‘Ngoài bốn loại điều luật về những tội pārājika [những tội bị trục xuất khỏi Tăng Đoàn] thì tất cả những tội còn lại đều là tội nhẹ và tội nhỏ’.*” (*ime pana aṅguttaramahānikāyavaḷaṅjanaka-ācariyā ‘cattāri pārājikāni ṭhapetvā sesāni sabbānipi khuddānukhuddakāni’.*)] (522)

523 [Nguyên văn câu này: *Na hi m’ettha, bhikkhave, abhabbatā vuttā*. **Mp** diễn dịch nghĩa như vậy: “*Này các Tỷ kheo, ta không nói rằng một thánh*

nhân không thể rớt vào một tội như vậy và không thể được khôi phục” (*bhikkhave na hi mayā ettha evarūpaṃ āpattim āpajjane ca vuṭṭhāne ca ariyapuggalassa abhabbatā kathitā*) (523)

524 [Nguyên văn: *Tāni ādibrahmacariyikāni brahmacariyasāruppāni*. **Mp** chú giải: “Những điều giới luật tu hành đó vốn là nền tảng [căn bản] cho đời sống tâm linh [phạm hạnh]: Đây là chỉ *Tứ Phần Giới Luật* là nền tảng cho đời sống tâm linh. *Tương thích [phù hợp]* với đời sống tâm linh: Chính *Tứ Phần Giới Luật* đó là tương thích với, phù hợp cho, đời sống tâm linh của 04 thánh đạo” (*ādibrahmacariyikānī ti maggabrahmacariyassa ādibhūtāni cattāri mahā-sīlasikkhāpadāni; brahmacariyasāruppānī ti tāni yeva catumaggabrahma-cariyassa sāruppāni anucchavikāni*).] (524)

525 [Ở đây: (a) là hạng đầu tiên và chậm tiến nhất trong 03 hạng của chặng thánh Nhập-lưu. Hai hạng còn lại (b) và (c) được nói ngay sau câu này. Tên tiếng Pāli của ba hạng này lần lượt là: *sattakkhattuparama*, *kolaṃkola*, và *ekabījī*. (Và tiếp theo (d) là bậc thánh Nhất-lai).] (525)

526 [Ở đây chỉ ra 05 hạng của bậc thánh Bát-lai, được trình bày từ hạng chậm tiến nhất cho đến hạng tinh anh nhất. Để coi thảo luận đầy đủ hơn về chỗ này, mời coi thêm kinh **7:55**.] (526)

527 [Nguyên văn: *Taṃ vā pana anabhisambhavaṃ appaṭivijjhaṃ*. **Mp** giải nghĩa là: “Nếu người đó không đạt tới và thâm nhập thánh quả A-la-hán đó” (*taṃ arahattaṃ apāpuṇanto appaṭivijjhanto*).] (527)

528 [**Mp**, sau khi chú giải về đoạn kệ này và đoạn kệ trước, đã giải nghĩa rằng: “*Trước sao, sau vậy*”: là trước đây người đó tu ba phần tu học (giới, định, tuệ) thì sau cũng tu tập ba phần tu học đó; “*Sau sao, trước vậy*” cũng nghĩa tương tự và đảo lại thứ tự. “*Dưới sao, trên vậy*” nghĩa là: người tu nhìn thấy phần dưới thân là ô-úế (không hấp dẫn), nhìn lên phần trên thân cũng thấy như vậy; “*Trên sao, dưới vậy*” là tương tự đảo lại. “*Ngày sao, đêm vậy*”: tu ba phần tu học cả ban ngày và ban đêm; “*Đêm sao, ngày vậy*” là tương tự đảo lại. “*Sau khi đã vượt trên tất cả mọi phương*” là bằng cách dùng đối-tượng (thiền); “*với sự định-tâm vô lượng*” là với loại định-tâm của thánh đạo A-la-hán.”] (528)

529 [Tôi đọc theo **Be** và **Ee** ghi là: *dhīraṃ paṭipadantaḡuṃ*. **Ce** ghi chữ đầu là: *vīraṃ*. **Mp** giải nghĩa: “Một người trí được phú cho trí-tuệ; một người là người có trí về vấn đề các uẩn (năm uẩn), có trí về vấn đề sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ), đã đi đến kết thúc sự tu-tập” (*khandhadhīra āyatanadhīra-avasena dhīraṃ dhitisampannaṃ paṭipattiyā antaṃ gataṃ*).] (529)

530 [**Mp**: “Đây là sự giải-thoát của tâm của một bậc A-la-hán, xảy ra bằng sự chám-dứt của thức cuối cùng. Nó giống như sự thổi tắt một ngọn đèn. Nó (ngọn lửa) đã đi về đâu là không thể thấy được; chỉ là sự đi đến một trạng thái không thể nhận thấy được (*apaṇṇattikabhāvūpagamaṇo yeva hoti*).”] (530)

531 [Nguyên văn: *adhisallikhatev’āyaṃ samaṇo*. **Mp** không giúp gì giải nghĩa chữ *adhisallikhati*, chỉ giải thích câu này bằng câu “*ativiya sallikkhitam katvā saṇhaṃ saṇham katheti*”. **DOP** giải nghĩa là “*cẩn thận tí mĩ quá mức*”.] (531)

532 [Bài kinh không lộ rõ “03” thứ là gì mà nó được kết tập trong *Quyển 3* này, nhưng theo tôi thì bài kinh đang nói về (phân biệt) 03 loại Tỳ kheo thâm niên, trung niên, và thiếu niên.] (532)

533 [Bản in giấy của **Ce** không có phần ‘*thi kệ tóm tắt cuối chương*’ (*uddāna*) cho Chương này (bản tóm tắt ghi những tên của các kinh), vì vậy tôi đã dùng phần thi kệ trong bản điện tử của **Ce** để lấy ra tên của các kinh.] (533)

534 [Nguyên văn: *accāyikāni*. Tôi dịch theo sự giải nghĩa trong **Mp-t** là: *sīghaṃ pavattabbāni* (*được chăm sóc nhanh*).] (534)

535 [**Mp** chú giải: “*Sự tách-ly đối với y-phục* (*cīvarapaviveka*): là tách ly khỏi những ô-nhiễm (như tham thích, ham muốn) đối với y-phục hay lễ-phục; (như thích tốt, chê xấu; thích mặc cà sa mới, đẹp, được cắt may đường hoàng, được ủi láng bóng; để tôn tạo oai nghi ...). Và sự chú giải tương tự đối với thức-ăn, chỗ-ở.] (535)

536 [**Mp**: Chỗ này chỉ sự loại-bỏ (tà-kiến) bằng thánh đạo Nhập-lưu. (Người Nhập-lưu được gọi là người chứng đắc chánh-kiến (kiến đắc).)] (536)

537 [**Ee** đã nhầm khi gán kinh này thành đoạn sau của kinh kể trên. Tôi làm theo **Ce** và **Be**, tức coi kinh này là một kinh riêng.] (537)

538 [**Mp** giải thích con mắt Giáo Pháp hay pháp nhãn (*dhammacakkhu*) là chiếu theo khái niệm thời-khắc chứng đạo được trải nghiệm bằng “con mắt của thánh đạo Nhập-lưu là mắt ‘nhìn thấu’ Giáo Pháp Bốn Diệu Đế”.] (538)

539 [Lời diễn đạt này thường để chỉ sự chứng quả Bất-lai. Tuy nhiên, **Mp** nhận dạng người đệ tử này là loại “Bất-lai thiên định” (*jhānānāgāmī*; tức: Bất-lai nhờ chứng đắc tầng thiên định): đó là, một người Nhập-lưu hay Nhất-lai cũng chứng đắc những tầng thiên định sắc-giới (*jhānā*). Mặc dù loại người tu như vậy vẫn chưa loại bỏ được 02 gông-cùm *tham* và *sân* (sự ác-ý), nhưng nhờ có chứng đắc tầng thiên định nên người đó hướng tới được sự tái sinh trong cõi trời sắc-giới và từ đó sẽ chứng Niết-bàn luôn từ cõi đó, chứ không còn tái sinh xuống lại cõi dục-giới nào nữa.] (539)

540 [Kinh này coi như gộp lại các phần của hai kinh **2:43** và **2:44**.] (540)

541 [Tôi dịch chữ *potthako* chỗ này dựa theo luận giải của **Mp** là: *vākamaya-vattham*.] (541)

542 [Lời kinh dùng chữ *majjhimo*, nghĩa gốc là “có tuổi trung niên”; (có lẽ theo nghĩa không còn mới (trẻ) cũng chưa bị quá cũ (già): ý chỉ thời gian còn đang được mặc, chưa cũ rách).] (542)

543 [Trong kinh này có hai phần: mỗi phần (I) nói về loại Tỳ kheo vô đạo đức (thất đức) và (II) loại Tỳ kheo đức hạnh (có giới-hạnh). Trong mỗi phần lại phân thành 03 loại Tỳ kheo theo hạng tuổi: (1) tân niên, (2) trung niên, (3) thâm niên. Rồi trong mỗi hạng tuổi lại nói về 03 điều là: (i) bản thân người đó, (ii) ảnh hưởng của người đó đối với những người quan hệ với người đó, và (iii) công đức mà thí chủ đạt được khi cúng dường cho loại người đó—tất cả đều là 03: 03 loại người, 03 loại tuổi hạ, và 03 loại công đức (khi cúng dường cho 03 loại người đó).] (543)

544 [Theo phiên bản **Ee** thì đến câu này là hết bài kinh, và đoạn sau là qua bài kinh mới (kinh số 98 theo **Ee**). Nhưng tôi làm theo **Ce** và **Be**, tức coi đoạn kế tiếp dưới đây nói về “vái làm từ lụa *Kāsi*” là đoạn tiếp theo của bài kinh này.

Vì vậy, từ giờ sự đánh số kinh của tôi chỉ còn nhiều hơn số của **Ee** một số. (Chẳng hạn, số của bài kinh “*Hột Muối*” kế tiếp của tôi là 100, của **Ee** là 99.) (544)

545 [Nguyên văn câu cuối này: *Tassa taṃ vacanaṃ ādheyyaṃ gacchati gandhakaraṇḍake va naṃ kāsikavatthaṃ nikkhipanti*. Câu cuối này có trong phiên bản **Ee**, để trong ngoặc, nhưng trong **Ce** và **Be** thì không có. Tuy nhiên, theo **Pp** 34,37–35,1 thì khi diễn tả về loại người như lụa *kāsi* này là “*tayo kāsikavatthūpamā puggalā*” thì có câu này, [nhưng không có chữ *nikkhipanti*]. Tôi lấy câu này từ **Ee** để đưa vào kinh này, vì rõ ràng ví dụ này [đồ được may từ lụa *Kāsi* nên lưu giữ trong hộp có hương thơm: là loại có giá trị] là hợp lý để đối lại với câu cuối ở đoạn trên nói về “*sự trục xuất một Tỷ kheo thất đức*” là giống như đồ được may từ vải làm từ vỏ cây thô ráp, khó chịu khi tiếp xúc, ít giá trị bị quăng ra đồng rác: loại không có giá trị.] (545)

546 [Lập trường đầu tiên, bị bác bỏ bởi Đức Phật, nguyên văn Pāli là: “*Yo, bhikkhave, evaṃ vadeyya, ‘yathā yathā ‘yaṃ puriso kammaṃ karoti tathā tathā taṃ paṭisaṃvediyatī’ ti, evaṃ santaṃ, bhikkhave, brahmacari-yavāso na hoti, okāso na paññāyati sammā dukkhassa antakiriyāya.*” Và lập trường thứ hai, được xác nhận bởi Đức Phật, nguyên văn Pāli là: *Yo ca kho, bhikkhave, evaṃ vadeyya, ‘yathā yathā vedanīyaṃ ayaṃ puriso kammaṃ karoti tathā tathā ‘ssa vipākaṃ paṭisaṃvediyatī’ ti, evaṃ santaṃ, bhikkhave, brahmacariyavāso hoti, okāso paññāyati sammā dukkhassa antakiriyāya.*

- Ở đây, sự khác nhau chính xác của 02 lập trường là gì không tự thể hiện rõ trong lời kinh. **Mp** chỉ ra bằng sự chú giải lập trường thứ nhất như vậy: “*Một cách y hệt chính xác như vậy*” nghĩa là: nếu có người nói ‘*Người ta ném trái nghiệp quả y hệt như cách đã tạo ra nó*’, thì, do không có cách gì ngăn chặn nghiệp quả sau khi tạo nghiệp, người đó chắc chắn ném trái mọi nghiệp mình đã tạo ra. “*Nếu đúng là như vậy thì không thể có sự sống đời sống tâm linh*”; nghĩa là: nghiệp được ném trái khi tái sinh, nó đã được ‘*định đoạt*’ trước khi người đó đi tu theo đạo Phật, cho nên dù có đi tu hay không tu thì nghiệp quả cũng vẫn xảy ra; (và do vậy có tu cũng không chuyển hóa được nghiệp nào, tu hành cũng vô ích mà thôi). “*Và không thấy cơ hội nào để làm được sự hoàn toàn diệt-khổ*” nghĩa là: trong trường hợp đó, (liên tục) có sự tích lũy nghiệp và sự ném trái nghiệp quả bởi người tạo nghiệp, như vậy đâu thấy có

cơ hội nào để chấm dứt sự khổ của vòng luân-hồi.

- Cái lý mà luận giảng **Mp** đang muốn nói ở đây, dường như, là: Nếu một người *phải* ném trái kết quả của mọi nghiệp mình đã tạo ra thuộc loại sẽ được ném trái sau khi tái sinh kiếp sau và kết quả của mọi nghiệp mình đã tạo ra thuộc loại sẽ được ném trái trong những kiếp sau nữa, thì có lẽ người đó *phải* tiếp tục tái sinh kiếp sau và tiếp tục tái sinh những kiếp sau nữa, để ném trái những nghiệp quả đó. Nếu đúng là như vậy, thì do những nghiệp đó trước sau sẽ chín muồi, thì người đó *phải* tiếp tục ở mãi trong vòng luân-hồi để ném trái những nghiệp quả đó; (và như vậy là không có chuyện đi tu là có khả năng chấm dứt sự tái sinh!)

- Nhưng cách diễn dịch trên cũng không có bằng chứng xác đáng nào từ lời kinh, mà đó chỉ là cách diễn dịch theo ý của luận giảng mà thôi. Thay vì vậy, dường như cái nghĩa lời kinh muốn nói là một người không nhất thiết *phải* ném trái nghiệp quả *một cách chính xác theo cách* mà người đó đã tạo nghiệp đó (như, ví dụ, nếu một người giết người thì không nhất thiết *phải* bị giết lại). Từ đó suy ra rằng, cái lý ở đây là: Khi nghiệp thiện và bất thiện của một người chín muồi, thì nghiệp quả *phải* được ném trái một cách tương ứng là sướng và khổ, cho dù cái *định lượng* hay *mức độ* sướng và khổ không nhất thiết phải chính xác tương xứng với mức độ nặng nhẹ của những nghiệp đó, (như, ví dụ, một người giết người không nhất thiết *phải* bị giết lại, nhưng nghiệp quả người đó phải ném trái là khổ đau, như sợ hãi, ăn năn, khổ tâm, khủng khiếp ... vì nghiệp giết người mình đã gây ra).] (546)

547 [**Mp** giải thích chỗ này theo thuật ngữ của *thuyết* trong *Vi Diệu Pháp (Abhidhamma)*, rằng nghiệp được tạo ra bởi những *tâm tốc-hành* hay *tâm đồng-lực (javana-citta)*, gồm bảy đồng lực (*javana*): là những sự kiện chủ động theo ‘*nghiệp thuộc tâm*’ trong tiến trình nhận biết. *Javana đầu* là loại được ném trái ngay trong kiếp này (*ditṭhadhammavedanīya*); nếu nó không có cơ hội chín muồi trong kiếp này, nó sẽ vô hiệu (*ahosi*) luôn. *Javana thứ bảy* được ném trái trong kiếp sau, sau khi tái sinh (*upapajjavedanīya*), và nếu nó không có cơ hội chín muồi trong kiếp sau, nó sẽ vô hiệu luôn luôn. Còn 05 *javana giữa* được trải nghiệp trong những thời nào đó sau kiếp sau (*apara-pariyāyavedanīya*), nghĩa là chúng có thể chín muồi bất cứ lúc nào sau kiếp sau ... khi người tạo nghiệp còn ở trong vòng luân-hồi. Lưu ý: Bởi vì lý thu-

yết này phát sinh rất lâu sau thời kết tập các bộ kinh Nikāya, cho nên khó có thể nào nó truyền tải được ý nghĩa của đoạn kinh này. Như tôi đã giải thích trong chú thích 546 kể trên: Lời kinh ở đây có lẽ chỉ đơn giản nói rằng: *khi một người tạo nghiệp ác, người đó sẽ ném trái quả báo là đau khổ nhiều hay ít; không nhất thiết “hàm lượng và mức độ” đau khổ phải là tương xứng với mức độ (ác) của nghiệp*. Ngược lại, *người tạo nghiệp thiện sẽ ném trái nghiệp báo là sự vui sướng*. Nhờ có sự không tương xứng giữa nghiệp và quả, sự không nhất thiết phải là ‘*ăn ngang miếng trả ngang miếng*’, cho nên mới ‘*có cửa*’ hay ‘*có cơ hội*’ để một người có thể tu tập con đường đạo: để có thể có cơ hội vượt qua hoặc làm giảm bớt mức độ quả báo của những nghiệp quá ác quá nặng và để có thể có cơ hội đạt tới sự chấm-dứt khổ trong vòng luân-hồi. Cách diễn dịch này có vẻ cũng phù hợp luôn với ví dụ nổi tiếng trong bài kinh này.

- Phiên bản Hán tạng của kinh này, **MĀ 11** [ở T I 433a12–434a11], thì không có sự phân biệt rõ ràng giữa 02 lập trường trái ngược này. Tôi đọc thấy ghi như vậy: “Đức Phật đã nói với các Tỷ kheo: (i) ‘[Nếu ai nói:] “Một người nhận lãnh quả của nghiệp theo cách nó đã được làm bởi mình”—trong trường hợp này, một người không thực hành đời sống tâm linh và không khả năng diệt khổ. (ii) Nếu ai nói: “Một người nhận lãnh quả của nghiệp theo cách nó đã được làm bởi mình”— trong trường hợp này, một người thực hành đời sống tâm linh và có khả năng diệt khổ.” Cả 02 vế đầu của (i) và (ii) đều *giống nhau*, nhưng 02 vế sau của chúng là khác nhau. Đây có 02 khả năng: (a) có lẽ là lỗi sai sót khi truyền thừa, (b) hoặc luận điểm của nó là: trong 02 người có cùng quan-điểm như vậy, một người không tu hành và do vậy không thể làm được sự diệt-khổ; người kia thì tu hành và làm được sự diệt-khổ.] (547)

548 [Nguyên văn: *paritto appātumo. Paritto appātumo. Mp* chú giải: “Người đó bị giới hạn bởi do sự giới hạn của những đức-hạnh của người đó (*paritaguno*). Cái ‘*ta*’ hay *ngã* của người đó (*ātumā*) là thân người đó (*attabhāvo*); cho dù thân người đó có to lớn, người đó có ‘*tính-cách ti tiện*’ bởi vì sự giới hạn của những đức-hạnh của người đó.” *Ātuma(n)* là một dạng thay thế của chữ *atta(n)* [Phạn: *ātman*]. **Mp** nhận dạng nó là đồng nghĩa chữ *attabhāva*. Phiên bản Hán tạng [ở T I 433a28] ghi chỗ này là “*tuổi thọ của người đó rất ngắn (hạn chế)*” (壽命甚短.)] (548)

549 [Lời kinh gốc: *appadukkhavihārī*, không hợp với ngữ cảnh chỗ này cho lắm. **Mp** chú giải [một cách không mấy thuyết phục về 02 câu cuối tả về loại người này] như vậy: “Người đó sống trong sự khổ đau vì nghiệp xấu nhỏ của người đó” (*appakenapi pāpena dukkhavihārī*). - Bản kinh Hán tạng không có gì tương ứng với nội dung kinh này. - Tôi chỉnh lại lời kinh gốc chỗ này đơn giản hơn là *dukkhavihārī*. Có thể là tiếp ngữ *appa* đã được đưa vào do lỗi truyền tụng dựa theo chữ *appamānavihārī*, như sẽ được giải thích trong chú thích kế tiếp.] (549)

550 [Nguyên văn câu này: *Aparitto mahattā* [phiên bản **Be** dùng chữ: *mahatto*]. **Mp** (của **Ce**) giải thích: “Người đó là vô hạn lượng bởi vì giới-hạnh người đó là không hạn chế; cho dù thân người đó có nhỏ bé, người đó vẫn có ‘tính-cách lớn’ nhờ sự lớn lao của những đức-hạnh của người đó” (*guṇamahantatāya mahattā*). **Mp** gom hết mấy điều này để hàm chỉ người đang được tả là một A-la-hán, nhưng điều này là trái với thuyết của *Vi Diệu Pháp* (*Abhidhamma*) đã định nghĩa một A-la-hán thì không còn tạo nghiệp gì nữa. Lại nữa, phiên bản Hán tạng giải thích ghi chỗ này [ở **T I** 433b11] là “tuổi thọ của người đó rất dài (như vô hạn)” (壽命極長).] (550)

551 [Nghĩa là không còn nghiệp dư (phần nghiệp còn lại) nào được ném trái trong những kiếp sau.] (551)

552 [**Be** bị thiếu chữ *udakamallake* chỗ này.] (522)

553 [*Kahāpaṇa*: đồng tiền chính dùng ở miền bắc Ấn Độ thời Phật.] (553)

554 [**Ce** ghi chỗ này chữ *kathaṃrūpo* và bên dưới là chữ *evārūpo*, nên sửa lại theo cách ghi của **Be** và **Ee** là *kathaṃrūpaṃ* và *evārūpaṃ*. Những chữ này là có tương quan với phân từ hiện tại đối cách *ādiyamānaṃ* xảy ra ở giữa mỗi câu; chúng không bỏ nghĩa người buôn cừu hay người bán thịt cừu, mà bỏ nghĩa cho người đã trộm con cừu. Đáng tò mò là, trong phần đối chiếu về người giàu có, **Ce** lại ghi các chữ đúng là *kathaṃrūpaṃ* và *evārūpaṃ*, giống như **Be** và **Ee**.] (554)

555 [Ở đây tôi làm theo **Ce** ghi là: *dhamati sandhamati niddhamati. Taṃ hoti jātarūpaṃ dhantaṃ sandhantaṃ niddhantaṃ, anihitaṃ anikkhittakasāvaṃ. Be* cũng ghi giống vậy cho tới chữ *niddhantaṃ*, nhưng sau đó nó bỏ chữ *ani-*

hitam và ghi chữ *aniddhantakasāvaṃ* trong khi **Ce** ghi là *anikkhittakasāvaṃ*. **Ee** thì cho phép ghi chữ thay thế trong ngoặc như vậy: *dhamati sandhamati [na] niddhamati. Taṃ hoti jātarūpaṃ dhantaṃ sandhantaṃ aniddhantaṃ, anihitaṃ aninnītakasāvaṃ*. Một phiên bản cổ hơn của Tích Lan có đề cập trong một ghi chú về phiên bản **Ce** cũng ghi chữ *aninnītakasāvaṃ*.] (555)

556 [Tôi đọc theo **Ce** và **Be** là *nātivitakko*, khác với **Ee** là *jātivitakko*: những ý nghĩ về giai cấp [xã hội].] (556)

557 [Nguyên văn: *anavaññattipaṭisaṃyutto vitakko*. Nghĩa đen là: “ý nghĩ liên quan tới sự muốn mình không bị khinh thường”. Còn thấy trong luận giảng tương đương của Hán tạng [SĀ 1246, ở T II 341c12–13] thì dịch là “ý nghĩ về sự tái sinh ở cõi trời” (生天覺).] (557)

558 [Những ý nghĩ liên quan Giáo Pháp: *Dhammavitakkā*. **Mp** diễn dịch: đây là những ý nghĩ liên quan tới 10 sự sa sút của sự minh-sát (*dasa vipassan’upakkilesavitakkā*), nhưng dường như ở đây lời kinh chỉ đơn giản nói về sự suy xét hay quán chiếu về giáo lý hay về chủ đề thiền mà thôi.] (558)

559 [Cụm chữ này được ghi khác nhau là *nappaṭipassaddhaladdho* và *napaṭipassaddhiladdho*. Và sự sai khác này thậm chí cũng có trong cùng một kinh. **Ee** thì nhất quán, chỉ ghi cụm chữ là *nappaṭipassaddhaladdho* trong câu phủ định và *paṭipassaddhaladdho* trong câu khẳng định đối lập. Tuy nhiên, **Be** thì ghi cụm chữ *nappaṭipassaddhaladdho* trong câu phủ định và *paṭipassaddhiladdho* trong câu khẳng định. Để làm vấn đề càng thêm khó hiểu, **Mp** (của **Be**) còn đảo 02 dạng câu, ghi cụm chữ *nappaṭipassaddhiladdho* trong bố đề của chú giải về câu phủ định, nhưng lại ghi cụm chữ *paṭipassaddhaladdho* trong bố đề của chú giải về câu khẳng định. **Mp** (của **Be**), khi chú giải về kinh này đã giải nghĩa cụm chữ *nappaṭipassaddhiladdho* là = không đạt được bằng sự làm tĩnh-lặng hoàn toàn những ô-nhiễm (*na kilesapaṭipassaddhiyā laddho*) và cụm chữ *paṭipassaddhaladdho* là = đạt được bằng sự làm tĩnh-lặng hoàn toàn những ô-nhiễm (*kilesapaṭipassaddhiyā laddho*). **Ce** ghi 02 cụm chữ này là *na paṭipassaddhiladdho* và *paṭipassaddhiladdho* trong kinh, nhưng **Mp** (của **Ce**) thì ghi là *na paṭipassaddhaladdho* và *paṭipassaddhaladdho* trong 02 bố đề khẳng định và phủ định tương ứng. Thêm nữa, trong kinh 5:27 [trong đó chỉ có phần câu khẳng

định, không có phần câu phủ định], **Ce** và **Be** ghi cụm chữ *paṭippas-saddhaladdho*, khác với **Ee** ghi là *paṭippassaddhiladdho*. **Mp** (của **Ce**) ở chỗ này thì ghi cụm chữ *paṭippassaddhiladdho* trong bổ đề, khác với **Mp** (của **Be**) thì ghi là *paṭippasaddhaladdho*. **Mp** nói rằng cụm chữ *paṭippas-saddham* và *paṭippasaddhi* là một về nghĩa (*idaṃ atthato ekam*), đề nghị có 02 cách hiểu là: (i) “Nó đạt được bằng sự làm tĩnh-lặng hoàn toàn những ô-nhiễm, hoặc (ii) nó đã đạt tới sự làm tĩnh-lặng hoàn toàn những ô-nhiễm (*kilesapaṭippasaddhiyā laddhattā kilesapaṭippasaddhibhā-vam vā laddhattā*), và do vậy cụm chữ ghi đúng là *paṭippassaddhiladdho*.”] (559)

560 [**Ce** và **Ee** ghi là *sasaṅkhāraniggayhavāritavato*; chỗ đuôi chữ *-vato* **Be** ghi là *-gato*. Tôi dịch chữ *sasaṅkhāra* là “mạnh, bạo” [nghĩa gốc là “với sự cố-gắng”]; chữ *niggayha* là “sau khi đã trấn áp”; *vārita* là “bị thống trị”; và [theo **Ce**] *-vato* là “đã được kiểm soát”. Một cách dịch dựa trên biến tấu của **Be** có thể là: “nhưng được đạt tới sau khi [những ô-nhiễm] được không chế ở trong bằng cách mạnh bạo trấn-áp [chúng].”] (560)

561 [**Ce** và **Ee** ghi câu này là: *na sasaṅkhāraniggayhavāritavato*; **Be** ghi với đuôi chữ là *-gato*. Phiên bản Hán tạng là **SĀ 1246** [ở **T II 341c21–22**] thì ghi đại ý là: “Tỳ kheo đó đạt được sự định-tâm vốn không được duy trì bằng sự cố-gắng; người đó đạt được sự bình-an và siêu-phàm, là trạng thái lạc tịch lặng, trong đó tất cả những ô-nhiễm đều bị tiêu diệt” (比丘得諸三昧。不為有行所持。得寂靜勝妙。得息樂道。一心一意。盡諸有漏). (561)

562 [Nguyên văn cả câu cuối là: *Yassa yassa ca abhiññā sacchikaraṇīyassa dhammassa cittaṃ abhininnāmeti abhiññā sacchikiriyāya tatra tatreva sakkhibhaddatam pāpuṇāti sati sati āyatane*. **Mp** chú giải “cơ-sở thích hợp” là “những nhân quá khứ và tầng thiền định đắc được trong hiện tại, và những thứ khác, đều là cơ-sở cho những trí-biết trực tiếp” (*pubbahetusāṅkhāte ceva idāni ca paṭiladdhabbe abhiññāpādakajjhānā-dibhede ca sati sati kāraṇe*). Cách diễn đạt này cũng có trong **Vism 371,26–33**, **Ppn 11.122**, và được luận giảng trong **Vism-mhṭ** (VRI ấn bản I 429). **Vism 376,28– 378,2**, **Ppn 12.14–19**, giải thích cơ-sở (thích hợp) cho trí-biết trực tiếp chính là cái tâm đạt-định vốn đã chứng đắc 08 phẩm chất, đó là: nó (1) được thanh lọc, (2) được thanh tẩy, (3) không còn dính nhiễm, (4) hết những ô-nhiễm (lậu tận), (5) dễ uốn nắn (nhu nhuyễn), (6) dễ sử dụng, (7) vững chắc, và (8) đã đạt tới sự bất lay

động. Nói cách khác, nói rằng “*sự đạt-định*” có thể được coi là phẩm chất đầu tiên, và “*sự vững-chắc*” và “*sự đạt tới sự bất lay động*” cùng với nhau cấu thành phẩm chất thứ tám.] (562)

563 [Bắt đầu từ (1)-(6) là “*đoạn kinh mẫu*” nói về *sáu loại trí-biết trực tiếp* (*abhiññā*; 03 thông, 03 minh); và (1)-(6) cũng được nói đến trong kinh **5:23**; gồm 03 thông và 03 minh). *05 loại trí-biết* đầu cũng đã được luận giải trong **Vism**, Chương 12 và 13.] (563)

564 [Chỗ này tôi dịch theo **Ce** và **Be**, nói về cái tâm giải thoát trước cái tâm không được giải thoát; **Ee** thì đặt thứ tự ngược lại.] (564)

565 [**Ee** coi kinh này như phần tiếp tục của kinh trước; nhưng **Ce** và **Be** thì tách thành kinh riêng như vậy, rõ ràng đây là cách đúng. Như vậy, sang kinh kế tiếp thì sự đánh số kinh của tôi lại nhiều hơn **Ee** 02 số.] (565)

566 [Nguyên văn: *tīṇi nimittāni* (ba dấu-hiệu, ba tướng). **Mp** giải thích đó là “*ba nguyên nhân*” (*tīṇi kāraṇāni*). *Ba dấu-hiệu* (*nimitta*) được ghi ra là: *samādhinimitta*, *paggahanimitta*, và *upekkhānimitta* (dấu-hiệu định-tâm, dấu hiệu sự cố-gắng, dấu-hiệu sự buông-xả).] (566)

567 [*Mẫu kinh ‘03-sự’* này và các *mẫu kinh* kế tiếp cũng được dùng y hệt trong *Bộ Kinh Liên-Kết* (**SN**) để nói về *bốn yếu-tố lớn* (tứ đại)) [**SN 14:31–33** (Quyển 2)], nói về *các uẩn* (năm uẩn) [**SN 22:26–28** (Quyển 3)], và nói về *sáu cơ-sở cảm-nhận* (sáu xứ) [**SN 35:13–18** (Quyển 4)].] (567)

568 [**Ee** coi kinh này là phần nối tiếp của kinh kế trên, nhưng tôi làm theo **Ce** và **Be**, tức coi nó là một kinh riêng như vậy. Như vậy sự đánh số kinh của tôi lúc này nhiều hơn **Ee** là 3 số.] (568)

569 [Lại nữa, **Ee** coi kinh này là sự nối tiếp của kinh kế trên, nhưng tôi làm theo **Ce** và **Be**, tức coi nó là một kinh riêng như vậy. Như vậy sự đánh số kinh của tôi lúc này nhiều hơn **Ee** là 4 số.] (569)

570 [Nguyên văn câu kệ cuối về *sự ca hát và sự nhảy múa*: *Setughāto gīte, setughāto nacce*. **Mp** giải nghĩa là: “*Hãy phá bỏ cái cây cầu tạo điều-kiện* (*duyên*) cho sự ca hát. Người đó thể hiện: ‘*Đẹp bỏ sự ca hát và nguyên-nhân*”

của sự ca hát. Cách giải thích tương tự đối với sự nhảy múa.” -Về chữ *set-ughāto*, coi thêm chú thích 497 ở đoạn thứ hai của kinh **3:74** ở trên về ‘*sự phá bỏ điều-kiện*’ (*phá duyên*). Nguyên văn câu cuối là: *Alaṃ vo dhamma-ppamoditānaṃ sataṃ sitaṃ sitamattāya*. **Mp** giải nghĩa là: “*Khi có lý do để cười [vì hân hoan, vui mừng với Giáo Pháp] thì đúng đắn là chỉ nên cười nhẹ vừa đủ lộ đường giữa hai hàm răng để thể hiện mình vui lòng (chứ không mở miệng để lộ cả hai hàm răng hay gốc răng).*” (570)

571 [Tôi dùng chữ “*việc-làm*” (điều mình làm, sự làm, công việc, hành vi, hành động) là dịch chữ *kammanta* và chữ “*hành-động*” (nghiệp) là dịch chữ *kamma*. Trong ngữ cảnh này có lẽ 02 chữ không thực sự khác nhau về nghĩa, lời kinh cũng hoán đổi 02 chữ với nhau như chúng là đồng nghĩa với nhau. Chữ “*bị ô-nhiễm*” là dịch chữ *avassuta*, là quá khứ phân từ của chữ *avassavati*, liên quan với động từ *savati* (chảy), liên quan đến danh từ *āsava* (ô-nhiễm, lậu hoặc): là những thứ ô-nhiễm chảy ra và chảy vào cái tâm.] (571)

572 [Ở đây tôi dùng một từ trong khi trong tiếng Pāli dùng 02 từ để chỉ cái chết, đó là *maraṇaṃ* và *kālakiriya*.] (572)

573 [**Mp** giải thích câu này nghĩa là: “*Nghiệp này dẫn đến/đưa đến sự phát sinh—tức là sự tích lũy—của những nghiệp khác dẫn tới luân-hồi tái sinh tái tử.*”] (573)

574 [**Ee** coi câu này là kết thúc kinh này, và câu tiếp theo là bắt đầu một kinh mới. **Ce** và **Be**, theo như thi kệ *uddāna*, coi tất cả chỉ là một kinh như vậy, gồm hai phần đối nhau: nguyên nhân bất thiện và nguyên nhân thiện.] (574)

575 [**Mp** giải thích nghĩa câu này là: “*Nghiệp này dẫn tới sự khởi sinh những nghiệp khác [giúp] đưa đến sự chấm-dứt vòng luân-hồi sinh tử.*”] (575)

576 [Lại nữa, **Ee** coi câu này là kết thúc kinh này, và câu tiếp theo là bắt đầu một kinh mới [kinh số **110**]. Tôi làm theo **Ce** và **Be**, tức tính như 01 kinh gồm có 02 phần (I) và (II) như vậy. Do vậy sự đánh số kinh của tôi, từ kinh kế tiếp trở đi, sẽ còn vượt quá **Ee** 2 số.] (576)

- (► **Nhân tiện**: chữ “*dục và tham*” (*muốn và tham*) ở đây và trong các *Bộ Kinh* là cách tạm dịch Việt thuật ngữ của Phật được ghi trong tiếng Pali là

kāmachanda-rāga. Rất khó để dịch riêng chính xác trọn nghĩa của mỗi chữ, bởi vì chữ này cũng có tính chất của chữ kia; như trong tiếng Việt cũng vậy, trong muốn có tham, trong tham có muốn. (i) *Kāma*: là thuộc về giác-quan, thuộc khoái-lạc giác quan (dục lạc: sướng mắt, sướng tai, sướng mũi, sướng lưỡi, sướng thân), thuộc đối-tượng giác-quan (hình sắc, âm thanh, mùi hương, mùi vị, chạm xúc sướng, đáng thích, dễ chịu, hấp dẫn). (ii) *Chanda*: là dục, muốn, ham muốn, ước muốn, mong muốn. Vì vậy chữ *kāma-chanda* có nghĩa là *muốn những khoái-lạc giác quan, muốn những đối-tượng giác quan; muốn dục lạc*. (iii) *Rāga*: là tham, tham lam, tham giữ, tham dục. Vì vậy, ở đây thuật ngữ quan trọng *kāmachanda-rāga* được tạm dịch tắt là “*dục và tham*” (để tạo sự phân biệt cho 02 từ riêng mà Phật đã dùng).

- Thêm nữa: (i) *kāma-chanda* (*muốn dục lạc*) lại là một trong *năm chướng-ngại* (năm triền cái, ngũ cái), nhưng trước giờ những tiền bối đã dịch Việt là [*tham-dục, ác-ý, buồn-ngủ và đờ-đần, bất-an và hối-tiếc, và nghi-ngờ*]. Vì các vị đã dịch chữ này như vậy (như đã nói, có lẽ do trong muốn có tham, trong tham có muốn, và do sự tương tức của các từ ngữ) cho nên trong các Bộ Kinh người dịch Việt vẫn giữ dịch chữ *kāma-chanda* là *tham-dục* trong công thức *năm chướng-ngại* (cho dù nghĩa chữ của nó là sự *muốn dục lạc* thay vì *tham dục lạc*) (ii) Còn *kāma-rāga* (*tham dục lạc* hay *dục lạc tham* theo đúng nghĩa chữ, có cả nghĩa rộng là *tham cảnh dục giới* hay *dục giới tham*) là một trong *mười gông-cùm* (kiết sử) thường được dịch Việt là [*thân-kiến, hoài-nghi, giới-cấm thủ, dục giới tham, sân, sắc giới tham, vô sắc giới tham, ngã mạn, sự bất-an, và si.*] (Ấn bản trước đây dịch Việt là “*tham-muốn và nhục-dục*” thì chưa rõ và gọn). (ND)

577 [Ở đây—và trong những đoạn song hành bên dưới—tôi đọc theo **Ce** ghi là: ... *tadabhinivajjeti. Tadabhinivajjetvā cetasā abhivirājetvā. Be* ghi là: *tadabhinivatteti. Tadabhinivattetvā cetasā abhinivijhitvā. Ee* ghi: *tadabhinivaddheti and tadabhinivaddhetvā*, là không thể đúng. Tuy nhiên, ngay bên dưới **Ee** giống theo **Ce** đều ghi là: *abhivirājetvā*; khác với **Be**.] (577)

578 [Nguyên văn câu cuối này: *paññāya ativijja passati. Mp* diễn dịch: “Người đó nhìn thấy sau khi đã thâm nhập nó bằng trí-tuệ của thánh đạo cùng với tuệ minh-sát.”] (578)

579 [Nguyên văn câu này: *So kāmesu pātavyataṃ āpajjati* [**Be** có thêm chữ

tāya trước *kāmesu*, có thể đại diện cho *tāya ditṭhiyā*]. **Mp**: “*Sự thụ hưởng*: là [cái quan-điểm rằng] chúng (những đối-tượng dục lạc) nên được uống, nên được thụ hưởng; [người đó nghĩ rằng chúng] nên được thụ hưởng với một cái tâm không gì do dự, giống kiêu như nước sẽ được uống bởi người đang khát vậy” (*pivittabbataṃ paribhuñjitabbataṃ nirāsaṅkena cittaṇa pipāsitaṣṣa pāṇiyapivanasadisam paribhuñjitabbataṃ*).

- Luận giảng **Ps II** 371,22–24, khi chú giải về cụm chữ *pātabyataṃ āpajjanti* (*sự thụ hưởng dục-lạc, sự ngấu ngiến dục-lạc*) được ghi trong kinh **MN 45**, mục 3 thì (luận giảng) đã ghi rằng: “*Người đó rót vào [cái quan-điểm cho rằng] người ta nên uống đã những đối-tượng dục-lạc bằng sự ô-nhiễm của dục-tham, rằng chúng nên được thụ hưởng đúng theo khoái-lạc của người*” (*te vatthukāmesu kilesakāmena pātabyataṃ pivittabbataṃ, yathārucci paribhuñjitabbataṃ āpajjanti ti attho*). Chữ *pātabba* (= *pātavya*) đã được ghi như một phân từ chỉ khát muốn của động từ *pivati* (*uống*) trong chỗ **Vin II** 208,11. Kinh **MN 45**, mục 2, đã gán quan-điểm tà đạo này của mấy “*tu sĩ và bà-la-môn*” là mấy người “*đeo mang theo những phụ nữ lang thang (giang hồ) với tóc búi trên đầu*”. (tức đi tu mà còn mang theo phụ nữ để hưởng dục lạc.)] (579)

580 [Theo *Vi Diệu Pháp* của Trưởng Lão Bộ (Theravāda) thì: khi qua đời từ cõi vô-sắc giới, một người phạm phu có thể được tái sinh lại ngay trong cảnh vô-sắc giới đó, hoặc trong một cảnh giới vô-sắc giới cao hơn, hoặc trong cõi dục-giới với thức tái sinh có ‘*ba góc-rẽ*’ như vậy. Điều này có nghĩa loại người đó sẽ được tái sinh thành ‘*người thông minh*’ hoặc thành một ‘*thiên thần*’. Sự tái sinh vào những cảnh giới thấp xấu hơn có thể xảy ra trong những lần tái sinh sau nữa, chứ không phải lập tức từ cảnh vô-sắc giới rớt thẳng xuống những cảnh thấp xấu đó. Coi thêm **CMA 226–27**.] (580)

581 [Chỗ này tôi đọc theo **Ce** và **Ee** ghi là: *yadidaṃ gatiyā upapattiyā sati*. **Be** đã bỏ chữ *sati* ở đây [và trong 02 đoạn kế tiếp] nhưng đưa vào lại trong những đoạn song hành trong kinh **4:123** và **4:125**. **Mp**, khi luận giảng về kinh **AN 4:123**, đã giải thích (về những vị đệ tử trong cõi trời sắc-giới) rằng: “*Về sự tái-sinh và nơi-đến trong tương lai, người thánh đệ tử là bậc học nhân không bị rớt xuống những cảnh giới thấp xấu mà chúng luôn Niết-bàn cuối cùng trong khi đang hiện-hữu trong cõi sắc-giới đó [hay] trong cõi cao*

hơn.” Sự giải thích này cũng áp dụng tương tự cho những vị đệ tử trong cõi trời vô-sắc-giới.

- **Mp-t**, khi chú giải về kinh **AN 4:123**, đã soi rọi ánh sáng cho câu hỏi ‘Theo cách nào những vị thánh đệ tử có thể được tái sinh trong cõi trời vô-sắc giới?’ như vậy: “Khi Phật nói về tuổi thọ của loài người và những thiên thần, Phật đã không đưa ra những con số cụ thể về tuổi thọ của chúng sinh trong 04 cảnh giới đầy đọa và tuổi thọ của những địa-thần ở dưới trái đất. Vì sao không? Vì trong địa ngục, chỉ có nghiệp là quyết định [tuổi thọ]; ai bị đọa trong địa ngục phải chịu đầy đọa cho đến khi nào hết nghiệp ác. Nguyên lý này cũng áp dụng tương tự cho những cõi đầy đọa khác (súc sinh, ngạ quỷ). Nghiệp cũng quyết định tuổi thọ của những địa-thần. Có số được tái sinh thành địa-thần ở trái đất trong một tuần, có số trong hai tuần, có số trong cả một đại kiếp.

- “Trong loài người, có số *người tại gia* đã thành bậc Nhập-lưu và chứng thánh quả Nhất-lai, thánh quả Bất-lai, hay thậm chí A-la-hán (về sự việc một người tại gia chứng A-la-hán chỉ được thấy Đức Phật nói duy nhất 01 lần trong toàn bộ Kinh Tạng, đó là ở cuối kinh **SN 55:54**; nếu không tính một số người tại gia chứng A-la-hán ngay khi thụ giới thành Tỳ kheo như ngài Yasa). Trong số đó, những người là bậc Nhập-lưu ... có thể sống hết kiếp người, nhưng bậc A-la-hán thì có thể hoặc (i) chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (vào lúc chết) hoặc (ii) ngay lúc xuất gia [gia nhập Tăng đoàn] ngay trước khi chết. Tại sao? Vì thánh quả A-la-hán là trạng thái đức-hạnh nhất mà đời sống tại gia là thấp tục. Không thể nào phù hợp nếu nói những bậc A-la-hán còn có thể duy trì trạng thái đức-hạnh nhất trong một hoàn cảnh tại gia thấp tục, cho nên họ sẽ chứng luôn Niết-bàn cuối cùng [ngay lúc chết] hoặc nếu còn sống thì họ *phải* xuất gia thì mới chứng Niết-bàn.

- Nhưng khi những địa-thần chứng A-la-hán thì họ vẫn tiếp tục sống hết kiếp của họ trên trái đất; những bậc Nhập-lưu và bậc Nhất-lai thuộc số 06 loại thiên thần thuộc cõi dục-giới thì vẫn sống hết tuổi thọ của mình ở trong cảnh giới đó. Đối với bậc Bất-lai, điều phù hợp là họ sẽ tái sinh trong cõi trời sắc-giới, và những bậc A-la-hán thì chứng Niết-bàn cuối cùng. Tại sao? Bởi vì không còn cơ hội nào để họ thoát lui. Trong những cõi trời sắc giới và vô-sắc giới, tất cả đều hưởng trọn hết tuổi thọ ở đó. Những bậc Nhập-lưu và Nhất-lai

trong cõi sắc-giới thì không quay lại thế gian này mà họ sẽ chứng luôn Niết-bàn từ cõi đó. Những người đó được gọi là “*những bậc Bất-lai nhờ thiên-định*”.

- “Nhưng cái gì quyết định [tái sinh] đối với những người đã chứng đắc 08 tầng thiên định? Đó là, tầng thiên định nào họ thiện thạo trong đó, thì họ được tái sinh vào cảnh giới tương ứng với tầng thiên định đó. Nếu họ thành thạo tất cả 8 tầng thiên định, thì điều gì quyết định [sự tái sinh] của họ? Đó là, ai chứng đắc *phi tưởng phi phi tưởng xứ* [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức] thì họ chắc chắn được tái sinh trong cảnh giới *phi tưởng phi phi tưởng*. Đối với những thánh đệ tử được tái sinh trong 09 cõi trời Brahma (Phạm thiên), thì sau khi hết tuổi thọ ở đó họ có thể được tái sinh lại ngay trong cõi trời của mình hoặc trong cõi trời cao hơn, chứ không còn bị tái sinh trong những cõi trời thấp hơn đó. Những thánh đệ tử trong *05 cõi trời trong-sạch* (Tịnh cư thiên) và trong *04 cõi vô-sắc giới* thì có thể tái sinh lại ngay trong cõi của mình hoặc trong cõi cao hơn cõi đó. Một bậc Bất-lai được tái sinh trong cảnh giới của tầng thiên định thứ nhất (Nhất thiên) thì tu tiếp để thanh lọc trong 09 cõi trời Brahma và chứng Niết-bàn cuối cùng khi đang an trú ở đỉnh-cao (thanh lọc). Còn 03 cõi trời được gọi là “*những trạng thái hiện-hữu tốt nhất*” (thuộc 05 cõi Tịnh cư thiên) là: *cõi trời đại phước quả* (*vehapphala*, Quảng quả thiên), *cõi trời Akaniṭṭha* (Sắc cứu kính thiên), và *phi tưởng phi phi tưởng xứ* thì họ không còn tái sinh cao hơn hay thấp hơn, mà chứng luôn Niết-bàn cuối cùng từ cõi đang hiện-hữu.”] (581)

582 [*Hột súc sắc* (*apaṇṇako maṇi*). **Mp-ṭ** nói đó là một loại súc sắc đặc biệt có 06 mặt cắt, giống như hột xoàng 6 mặt vẩy, được dùng bởi những người chuyên chơi trò súc sắc (*evaṃ chahi talehi samannāgato pāsakakīlāpasutānaṃ maṇisadiso pāsakaviseso*). (Khi rớt xuống nó luôn nằm yên trên một mặt cạnh phẳng; đây là điều chắc chắn!)] (582)

583 [Định nghĩa về *sự trong-sạch* (*thanh tịnh*) về [của] tâm chỗ này là được sao chép từ chi phần “*quán niệm về năm chướng-ngại*” (thuộc phần *quán niệm những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp]* trong bài kinh nổi tiếng là *Kinh Các Nền-Tầng Chánh-Niệm* (*Satipaṭṭhāna Sutta*; tức: **DN 22**, mục 13 và **MN 10**, mục 36.)] (583)

584 [Một lần nữa, chỗ này tôi dựa theo đoạn *thi kệ tóm tắt* của **Ce** [bản điện tử] để đặt tên nhóm (thay vì tên nhóm là “*Kusinārā*” như các bản dịch khác).] (584)

585 [**Mp** chú giải rằng: “Trong 20 năm đầu sau khi Giác Ngộ, Như Lai thường trú trong những cộng đồng những thiên thần (*deva-kulesuyeva*): có lúc ở đền thờ Cāpāla, có lúc ở đền thờ Sārāndada, có lúc ở đền thờ Bahuputta, và có lúc ở đền thờ Gotamaka. Do lúc này đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī nên đức Thế Tôn đã an trú trong chỗ trú ẩn của thần Gotamaka.” **Mp** giải thích kinh này giống như một *phần nói-tiếp* của kinh trung *Mūlapariyāya Sutta* (**MN 1**). Bối cảnh câu chuyện, như đã được kể trong **Ps I** 56–59, và được dịch trong quyển **Bodhi 2006**: 82–86, là liên quan đến một nhóm bà-la-môn đã thụ giới Tỳ kheo dưới Đức Phật và họ đã nhanh chóng nắm bắt những giáo lý của Phật. Họ tự mãn với những gì đã nhanh chóng học được cho nên không còn muốn đi nghe ai thuyết giảng Giáo Pháp nữa. Đức Phật đã nói kinh *Mūlapariyāya Sutta* để cắt đứt sự tự-cao của họ. Họ đã trở nên khiêm tốn và hối lỗi với Đức Phật. Rồi lúc sau đó Phật mới nói tiếp kinh *Gotamaka Sutta* này để hướng dẫn họ tới thánh quả A-la-hán. (Mời đọc kinh **MN 1** để thấy sự nói-tiếp này).] (585)

586 [**Mp-t** chú giải như vậy: (i) “*Thông qua trí-biết trực tiếp* (*abhiññāya*), nghĩa là: Đức Phật chỉ dạy Giáo Pháp sau khi đã trực-tiếp biết, đúng theo hiện-thực, Giáo Pháp được chỉ dạy, được phân biệt theo cách diễn đạt bởi sự thiện-lành ... vân vân và theo cách cách diễn đạt bởi năm uẩn, sáu giới, sáu xứ ... vân vân; sau khi đã trực-tiếp biết phương-pháp chỉ dạy cho những người cần được chỉ dẫn cho đúng theo với những thiên-hướng, những khuynh-hướng, những đặc-tính, và những tính-khí (căn cơ) của họ. (ii) *Với/có cơ-sở* (*sanidānaṃ*), nghĩa là: với/có những điều-kiện (*sappaccayaṃ*), có/với những nền-tảng (*sakāraṇaṃ*), sau khi đã đưa ra một lý-do (*hetu*), nó có thể là khuynh-hướng hay căn-cơ của những người cần được chỉ dẫn, hay một nghi-vấn hay một sự-kiện đặc biệt. (iii) *Có tính chất giải độc* hay *mang tính giải độc* (*sappāṭihāriyaṃ*): chất giải độc là *cách giải-trị* (*paṭiharaṇa*) đối với tham, sân, si ... Giáo Pháp được đi kèm bởi những cách giải-trị như vậy thì được gọi là ‘*mang tính giải-độc*’. Bởi vì Vị Thầy chỉ dạy Giáo Pháp chỉ theo cách để loại bỏ (*paṭisedhanavasena*) tham, sân, si ...

- Cụm chữ “*sappātihāriya*” là nan giải và khó dịch. Trong những kinh khác, chữ *pātihārya* được dùng theo nghĩa là *sự kỳ diệu* hay *điều thần diệu*, ví dụ như trong kinh **3:60**, trước đoạn (1) và chú thích 423, nói về 03 sự kỳ diệu là: *sự kỳ diệu của thần-thông, sự kỳ diệu của sự đọc-tâm, và sự kỳ diệu của sự chỉ-giáo*. **PED**, mục chữ *pātihārya*, thì coi cụm chữ *sappātihāriya* là xuất phát từ cách dùng này, và đã đề nghị nghĩa, theo những ngữ cảnh liên quan đến Giáo Pháp, là “*kỳ diệu, siêu thường, siêu phàm*”. Tuy nhiên tôi thấy khó mà đồng ý với một nghĩa như vậy trong bối cảnh chỗ này. Động từ *paṭiharati* có nghĩa là “*đánh lại*” và động từ tác nhân *paṭihāreti* có nghĩa là “*đẩy lùi, tránh né*”. Tôi tin rằng nghĩa này thì liên quan cả cách dùng ở đây và liên quan tới những sự kỳ-diệu nói trên. Một sự kỳ-diệu “đánh lại” những tiền-đề khái-niệm cố định của cái tâm và mở cho nó thấy thực-tại của điều kỳ diệu đó. Nhưng Giáo Pháp thì đánh theo cách khác. Giáo Pháp “đánh lại” *những cách-nhìn bị sai lệch điên đảo và những ô-nhiễm* (lậu hoặc), và do vậy nó là *mang tính đối-trị* hay *giải-độc*. Sự diễn dịch này cũng được ủng hộ bởi kinh **8:70**, chỗ ngay trên chú thích số 1789, Đức Phật đã tuyên bố rằng những đệ tử Tỳ kheo của Phật “có thể bác bỏ một cách xuyên suốt (triệt để) những giáo thuyết của những người khác (tà giáo, ngoại giáo) và chỉ dạy *sappātihāriya Dhamma* [Giáo Pháp mang tính giải độc]” (*uppannam parappavādam sahadhammena suniggahitam niggahevā sappātihāriyam dhammam desessanti*). Ở đây là chỉ cái đặc tính ‘*sappātihāriya*’ (*mang tính giải độc*) của Giáo Pháp chứ không phải chỉ những sự kỳ-diệu, tức chỉ cái năng lực của nó để đối-trị những giáo thuyết đối nghịch. Do vậy, dịch theo nghĩa “*mang tính giải-độc*” hoặc “*mang tính đối-trị*” là dịch tốt được nghĩa ở đây.] (586)

- ► (Nhân tiện: trong kinh **SN 51:10** (Quyển 5) thì chữ *sappātihāriya* TKBD dịch là “*hiệu nghiệm* (hữu hiệu, có hiệu quả như mong đợi). Mời coi chú thích 252 trong kinh đó.)

587 [Người cùng tu [đồng đạo cùng sống đời sống tâm linh [phạm hạnh] là dịch chữ *purānasabrahmacārī*. **Mp** nói rằng trước kia Phật và ông ta đã từng sống tu với nhau ở chỗ vị thầy Ālāra Kālāma. Ālāra Kālāma là một trong 02 vị thầy về thiên-định mà Phật đã đến học tu vào thời sau khi xuất gia và trước khi giác-ngộ. Về chuyện này, mời coi thêm kinh **MN 26**, mục 15.] (587)

588 [Rõ ràng thiên thần này trước đây là gia chủ Hatthaka của xứ Ālavī [coi

thêm kinh **1:251**], nhưng **Mp** đã không nhận ra đây là vị gia chủ này (cho nên đã không chú giải gì).] (588)

589 [**Mp** giải nghĩa cụm chữ “*dhammā ... pavattino*” (giáo lý mà tiên đã nhớ trong quá khứ) chính là = “lời dạy của Phật mà tiên đã học” (*pubbe ug-gahitabuddhavacanam*).] (589)

590 [**Mp** giải thích: “Có những giáo lý bị quên mất bởi vì trong kiếp trước đã lơ tâm và không ôn tập chúng.”] (590)

591 [*Cõi trời Aviha* (Vô phiền thiên) là một trong 05 cõi trong-sạch hay Tịnh cư thiên (*suddhāvāsa*) mà những bậc Bất-lai tái sinh lên đó.] (591)

592 [Nguyên văn: *goyogapilakkhasmim*. **Mp** giải thích: “Gần nơi có cây đa đề đã mọc lên, người ta cột trâu bò ở đó để bán.” **PEĐ** giải thích chữ *pilakkha* là giống cây vả (có lá gợn sóng, giống như cây sung, khác cây đa hay cây bò-đề).] (592)

593 [Nguyên văn: *rittassādam bāhirassādam*. **Mp** diễn dịch rằng: “*Bất mãn*: là thiếu sự-sướng (lạc) của các tầng thiên định. [*Tìm kiếm*] *sự thỏa-thích ở bên ngoài*: là tìm kiếm sự thỏa-thích trong những khoái-lạc giác quan (dục lạc). Bản kinh này trong Hán tạng, **SĀ 1081** (ở **T II** 283a20– 283b26) thì ghi [chỗ 283a23] rằng: “vị đó đã nảy sinh ý-nghĩ bất thiện liên quan sự thèm-khát xấu ác (ác ái)” (起不善覺, 以依惡貪).] (593)

594 [Nguyên văn câu này: *Mā kho tvaṃ attānaṃ kaṭuvīyaṃ akāsi*. **Mp** giải nghĩa chữ *kaṭuvīyaṃ* đơn giản là: *ucchiṭṭhaṃ* (thức ăn thừa bỏ), mà không chú giải gì thêm. **DOP** định nghĩa chữ này là “[*thứ mà*] bị thừa bỏ; [*thứ*] bị ô-nhiễm, không sạch”.] (594)

595 [**Be** ghi là: *āmagandhena*; **Ce** và **Ee** ghi là: *āmagandhe*. Mời coi thêm *Kinh Āmagandha* (tức **Sn** 239–252). **Mp** giải nghĩa rằng: “*Mùi hôi-thối ở đây là hàm nghĩa có có sân.*”] (595)

596 [*Samvegamāpādi* (cảm-nhận về sự cấp-bách). **Mp** giải nghĩa: (tức là) “*Người đó vừa trở thành bậc Nhập-lưu*”. Nhiều kinh đã dùng những định nghĩa công thức (hay những yếu tố Nhập-lưu) để chỉ sự chứng quả Nhập-lưu,

nhưng chúng ta đâu thấy công-thức nào được nói như trong đoạn kinh này (cho nên đây chỉ là cách diễn dịch của **Mp** mà thôi. Bởi vì có được/ đạt được/ thu nạp được “*cảm-nhận về sự cấp-bách*” chưa có nghĩa là đã chứng đắc Nhập-lưu!).] (596)

597 [**Ce** đã ghi câu kệ *b* là: *aladdhā samamattano*; **Be**: *aladdhā samathamattano*; **Ee**: *sammamattano*. Tôi ưu tiên cách ghi của **Ce**. Tất cả 03 phiên bản đều ghi động từ ở câu kệ *c* là *pareti*, mà **Mp** giải nghĩa = *gacchati*.] (597)

598 [Nguyên văn câu này: *Nāsayitvāna makkhikā*. Tuyệt đối từ này là từ động từ *nāseti* (*tiêu diệt, hủy diệt*).] (598)

599 [Câu này được kết tập từ đâu tôi không rõ. Có lẽ nghĩa của nó là những người phụ nữ thời đó tốt nhất nên được giữ ở trong nhà hơn là được cho phép tự đi ra đường ở những nơi công cộng. Bản tương đương Hán tạng [**EĀ 22.4** (ở **T II 607b26–607c11**) ghi giống hệt bản Pāli, mặc dù nó lại có thêm phần thi kệ ở cuối kinh lặp lại nội dung bài kinh.] (599)

600 [Hai loại hội chúng đầu có nói trong kinh **2:47**. Còn loại thứ (3), “*hội chúng được huấn luyện theo những giới hạn*” [**Ce** ghi là: *yāvatāvavinītā parisā*; **Be**: *yāvatāviniṭā parisā*; **Ee**: *yāvatajjhāvinītā parisā*], thì **Mp** chú giải nó có nghĩa là: “*Được dạy theo cách tùy theo khả năng của hội chúng đó, nghĩa là được huấn luyện sau khi người ta đã biết được khả năng của nó*” (*pamāṇavasena vinītā, pamāṇaṃ ñatvā vinītaparisā ti attho*). Câu này có lẽ là lời kinh có một không hai trong toàn bộ Kinh Tạng! **Mp** cũng nhận ra một cách đọc chữ *yāvatajjhā*, giải thích nghĩa nó là “*một hội chúng được huấn luyện sau khi người ta biết được khuynh-hướng (căn cơ) của nó*” (*yāva ajjhāsayā ti attho, ajjhāsayam ñatvā vinītaparisā ti vuttaṃ hoti*). Nhà sư Vānarata ưu tiên cách ghi biến tấu trong phiên bản Miến Điện đã được đề cập trong một chú thích trong **Ee**, đó là *yāvatajjanīvinītā parisā*, thầy ấy hiểu câu này là “*một hội chúng chỉ chịu tu học khi bị áp dụng những nguy cơ đe dọa (yāva).(?)*” (600)

601 [Nguyên văn thuật ngữ này: *Ṭhitā sā dhātu dhammaṭṭhitatā dhammaniyāmatā*. **Mp** không giúp gì ngoài việc chỉ đưa ra một chữ giải nghĩa dựa trên sự nhận dạng một *dhamma* = *một thứ mang bản chất tự nhiên (sabhāva)*, nó ghi là: *Dhammaṭṭhitatā ti sabhāvaṭṭhitatā. Dhammaniyāmatā ti sabhāvani-*

yāmatā.] (601)

602 [M^p giải thích chữ *vô-thường* (*anicca*) ở đây nghĩa là = “không tồn tại ngay sau khi có mặt” (*hutvā abhāvaṭṭhena*; tức vừa khởi sinh, có mặt và biến đổi liền); và tiếp theo 02 đoạn sau: *khổ* (*dukkha*) ở đây nghĩa là = *sự áp bức, khổ cực* (*sampīḷanaṭṭhena dukkhā*); và *vô-ngã* (*anattā*) ở đây nghĩa là = *không thể điều-khiển nó được* (*avasavattanaṭṭhena*). - Mẫu kinh giống vậy cũng được dùng trong kinh SN 12:20 (Quyển 2) đối với “vòng 12 nhân-duyên”.] (602)

603 [Câu này **Ce** ghi là: *kesakambalo tesam pāvārānaṃ patikiṭṭho*; khác với **Be** và **Ee** ghi là *kesakambalo tesam paṭikiṭṭho*. **PED** định nghĩa chữ *pāvāra* là “áo choàng, áo khoát”.] (603)

604 [Coi kinh 1:319 về một sự phê bình khác về Makkhali Gosāla. Trong đó ví dụ cái bẫy cũng được lặp lại vào cuối kinh này.] (604)

605 [**Ee** coi kinh này là phần nối tiếp của kinh kể trên; tôi làm theo **Ce** và **Be**, tức coi 02 phần là 02 kinh riêng như vậy. Như vậy sự đánh số kinh của tôi lại tiếp tục vượt quá **Ee** là 3 số.] (605)

606 [**Ce** và **Ee** ghi câu này là: *tayo ca assasadasse ... tayo ca purisasadasse*. Nghĩa theo chữ là: “Ba loại ngựa tốt trong số loài ngựa và ba loại ngựa tốt trong số loài người.”] (606)

607 [**Ee** chỗ trang I 291–292 kết hợp kinh này và 02 kinh tiếp theo thành 01 kinh số 3:140 theo cách đánh số của nó. Còn **Ce** và **Be** thì chia thành 03 kinh khác nhau như vậy. Coi thêm kinh 11:10: kinh này chính là sự sát nhập tất cả thành 03 kinh này thành 01 kinh (tổng cộng có 3x3 = 9 yếu tố), rồi sau đó bổ sung thêm 02 yếu tố nữa cho thành tổng cộng 11 yếu tố. - Như vậy, từ kinh 3:146 này trở đi, sự đánh số kinh của tôi sẽ vượt quá **Ee** là 5 số.] (607)

608 [Bậc vô học nhân, bậc không còn tu học (*asekha*) là A-la-hán.] (608)

609 [**Ee** không đánh số *NHÓM* này là một nhóm có số riêng, mà chỉ đặt tên là nhóm “*Acelaka-vagga*” (Nhóm “*Những Tu Sĩ Lỏa Thê*”). **Ce** thì đánh số *NHÓM* này là nhóm thứ 6 của phần “*NĂM MƯỜI KINH THỨ BA*” này, và

đặt tên nhóm là “*Paṭipadā-vagga*” (Nhóm “*Những Cách Thức Tu-Tập*” hay “*Pháp Hành*”); bản dịch này làm theo **Ce** như vậy. Còn **Be** cũng đánh số là nhóm thứ 6 [tức là *NHÓM thứ 16* trong *tổng số NHÓM* của *Quyển “Ba”* này], và đặt tên nhóm là “*Acelaka-vagga*” (Nhóm “*Những Tu Sĩ Lỏa Thề*”).] (609)

610 [Tôi đặt tên kinh này dựa theo phần *thi kệ tóm tắt (uddāna)* ở cuối chương của **Be**. Còn **Ce** và **Be** đều không đặt tên cho những kinh trong *NHÓM* này (chỉ ghi số kinh mà thôi); **Ce** và **Ee** cũng không có phần *thi kệ uddāna*.] (610)

611 [*Cách tu* (tu tập, thực hành) *thô thiền (āgāḷhā paṭipadā)* là tương ứng với cực đoan chạy theo khoái-lạc giác-quan (dục lạc); *cách tu thiêu đốt (nijjhāmā paṭipadā)* là tương ứng với sự hành xác khổ hạnh. Đó là hai cách tu cực đoan mà Đức Phật đã bác bỏ ngay trong bài thuyết giảng đầu tiên, kinh *Chuyển Pháp Luân*; **SN 56:11**.] (611)

612 [Từ chỗ này liệt kê danh sách những kiểu tu khổ hạnh hành xác; chúng cũng được ghi trong các kinh dài **DN 8**, mục 14; và kinh vừa **MN 12**, mục 45, và kinh **AN 4:198**, đoạn (1).] (612)

613 [**Ee** dồn tất cả các kinh này thành 1 kinh, đặt là kinh số **152**. Tôi làm theo **Ce** và **Be**, tức coi mỗi phần lần lượt là một kinh riêng như vậy dưới đây.] (613)

614 [**Ee** nối mỗi cặp kinh “*dẫn xuống địa ngục*” và “*dẫn lên cõi trời*” thành 01 kinh chung, và do vậy tính thành *10 kinh* [tức kinh **153-162**, theo cách tính của nó]. Tôi làm theo **Ce** và **Be**, tức giữ các kinh “*dẫn xuống địa ngục*” và “*dẫn lên cõi trời*” thành từng kinh riêng, và do vậy tính thành *20 kinh* lần lượt như vậy bên dưới [tức kinh **163-182**].] (614)

615 [**Be** dồn hết các kinh thành 1 kinh [tức thành kinh số **184** theo cách tính của **Be**], và **Ee** thì dồn các kinh thành 1 kinh [tức thành kinh số **163** theo cách tính của **Ee**]. Tôi thì làm theo **Ce**, tức tính các kinh thành 170 kinh riêng [tức các kinh **183-352**].] (615)

616 [“*Ba điều*”: *ba thứ, ba sự, hay ba pháp*: chỗ này tôi đọc đơn giản theo **Be** và **Ee** là *tayo dhammā*, thay vì đọc theo **Ce** là *ime tayo dhammā*.] (616)

⁶¹⁷ [Nguyên văn 03 thuật ngữ này là: *suññato samādhī, animitto samādhī, appaṇihito samādhī*. **Mp** chỉ nói là: “Ba chữ đó là phương tiện dùng để giải thích sự minh-sát” (*tīhipi samādhīhi vipassanā va kathitā*). 03 thuật ngữ này cũng được đề cập nguyên cùm như vậy trong kinh dài **DN 33**, mục 1.10. (51), và cũng không được luận giải gì; nhưng trong chỗ **Sv III** 1003–4 thì có chú giải: “Sự giải thích gồm có ba cách: theo cách của *sự-đến* (*āgamanato*), theo cách của *phẩm-chất* (*saguṇato*), và theo cách của *đối-tượng* (*ārammaṇato*).

- (1) *Theo cách của sự-đến*: (i) khi một Tỷ kheo diễn dịch theo cách **vô-ngã**, nhìn thấy theo cách vô-ngã, và đắc thánh đạo nhờ [sự quán sát, quán niệm, thiền quán về sự] vô-ngã; thì đối với người đó, sự minh-sát (tuệ) được gọi là ‘*sự trống-không*’ (tính không). Vì sao? Bởi vì không-có [vắng-mặt] những ô-nhiễm chịu trách nhiệm cho cái [*ý tưởng*] *tự-ngã* hay *sự không phải tính-không*. Sự định-tâm của đạo (*maggasamādhī*), được đạt tới nhờ sự minh-sát, được gọi là *sự trống-không* (tính không); và sự định-tâm của quả (*phalasarādhī*), được đạt tới nhờ thánh đạo, thì cũng được gọi là *sự trống-không*. (ii) Tỷ kheo khác diễn dịch theo cách **vô-thường**, nhìn thấy theo cách vô-thường, và đắc thánh đạo [sự quán sát, quán niệm, thiền quán về sự] vô-thường; đối với người đó, sự minh-sát được gọi là ‘*vô dấu hiệu*’. Vì sao? Bởi vì sự không-có [vắng mặt] những ô-nhiễm chịu trách nhiệm cho *những dấu hiệu* (hình tướng). Sự định-tâm của đạo (*maggasamādhī*), được đạt tới nhờ sự minh-sát, được gọi là *vô dấu hiệu* (vô tướng); và sự định-tâm của quả (*phalasarādhī*), được đạt tới nhờ thánh đạo, thì cũng được gọi là *vô dấu hiệu*. (iii) Tỷ kheo khác diễn dịch theo cách sự **khổ**, nhìn thấy theo cách sự khổ, và đắc thánh đạo nhờ [sự quán sát, quán niệm, thiền quán về sự] khổ; thì đối với người đó, sự minh-sát được gọi là ‘*vô sở cầu*’ (vô nguyện). Vì sao? Bởi vì sự không-có [vắng mặt] những ô-nhiễm chịu trách nhiệm cho những mong-cầu (sở nguyện). Sự định-tâm của đạo (*maggasamādhī*), được đạt tới nhờ sự minh-sát, được gọi là *vô sở cầu* (vô nguyện); và sự định-tâm của quả (*phalasarādhī*), được đạt tới nhờ thánh đạo, thì cũng được gọi là *vô sở cầu*.

- (2) *Theo cách phẩm-chất*: Sự định-tâm của thánh đạo là *trống-không* bởi vì (phẩm chất của) nó không-có [trống vắng] *tham, sân, si*; nó là *vô dấu hiệu* bởi vì những dấu hiệu của *tham, sân, si* là không-có [trống vắng]; và

nó là *vô nguyện* bởi vì những mong-cầu do *tham, sân, si* là không-có [trống vắng].

- (3) *Theo cách đối-tượng*: Niết-bàn là *trống-không* bởi vì nó không-có [trống vắng] *tham, sân, si*; nó là *vô dấu hiệu* và *vô sở cầu* bởi vì nó không-có những dấu-hiệu của *tham, sân, si* và không-có những mong-cầu do *tham, sân, si*”.

- **Vism** 657,13–259,10 [**Ppn** 21.66–73] thì thảo luận “03 cửa ngõ đi tới sự giải-thoát” (*vimut-timukha*) cũng theo 03 tên gọi (= 03 loại sự định-tâm) này.] (617)

++++

Về bản dịch, quý độc giả có sự thắc mắc, góp ý, tra cứu, hoặc xin nhận bản in giấy ấn tống, liên hệ người dịch: email: lekimkha@gmail.com, hoặc nhắn tin/điện thoại: (+84)—0898909451; 0909503993, hoặc liên hệ Thư Viện Chùa Bửu Quang, Bình Triệu, Thủ Đức, điện thoại: 0908475521 (chú Bính)

Hoặc anh Huỳnh Văn Thịnh, điện thoại: 0363316764 hoặc email: huynhvanthinh@gmail.com